

Agatha Christie®

NHỮNG VỤ ÁN BI ẨN CỦA NỮ THAM TỬ MARPLE

ÁN MẠNG Ở NHÀ MỤC VỤ

TRẦN HỮU KHÁNH dịch

THE MURDER AT THE VICARAGE



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

1

Thật khó biết nên bắt đầu câu chuyện này từ đâu, nhưng tôi chọn khởi điểm là bữa ăn trưa ở nhà mục sư vào một ngày thứ tư. Tuy cuộc chuyện trò hôm ấy về cơ bản chẳng liên quan gì đến sự việc đang được nói đến, nhưng nó vẫn chứa đựng vài tình tiết có ảnh hưởng đến những diễn biến sau đó.

Tôi mới cắt xong miếng thịt bò nấu kỹ (tiện thể nói luôn là dai nhách), và vừa đặt mình xuống ghế tôi vừa bình luận theo cách không mấy phù hợp với bộ áo mình đang mặc, rằng người nào trừ khử được đại tá Protheroe xem như làm phúc cho thiên hạ.

Dennis, thằng cháu tôi, buột miệng: “Ngày nào người ta tìm thấy ông ấy nằm trên vũng máu thì điều bác nói sẽ bất lợi cho bác đó. Cô sẽ đứng ra làm chứng đúng không, cô Mary? Cô ấy sẽ khai bác đã vung con dao lạng thịt lên không chút khoan dung như thế nào.”

Mary, người phục vụ trong nhà mục vụ với đồng lương ngày càng cao và công việc ngày càng thoải mái hơn, nói gọn lỏn: “Rau nè,” rồi vung văng ăn chiếc đĩa nứt xuống trước mặt thằng bé.

Vợ tôi hỏi giọng thông cảm: “Ông ta vẫn khó chịu lắm hở mình?”

Tôi không đáp ngay, vì Mary sau khi dẫn đĩa rau xuống bàn, lại tiếp tục dí món bánh bao nhào nhoét và cực kỳ khó nuốt ngay trước mặt tôi. Tôi nói, “Cám ơn, tôi không dùng,” thế là cô ta đặt đĩa xuống bàn đánh xoảng rồi bước ra khỏi phòng.

“Em quản việc nhà chẳng ra làm sao mình nhỉ?” Giọng vợ tôi thoáng chút ân hận.

Về điều này thì tôi sẵn sàng đồng ý với nàng. Vợ tôi tên là Griselda — cái tên rất hợp với vợ một mục sư. Nhưng chỉ phù hợp có chừng ấy thôi. Còn ra, nàng tuyệt đối không phải là loại nhu mì dễ bảo.

Tôi luôn cho rằng là mục sư thì không nên lập gia đình. Nhưng vì sao tôi lại hối thúc Griselda kết hôn với tôi chỉ sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ quen nhau, đến bây giờ tôi cũng không hiểu nổi mình nữa. Với tôi, hôn nhân là hệ trọng, cần tìm hiểu lâu dài và dẫn đo cân nhắc rồi mới tiến tới chuyện trăm năm, và nhất là phải hợp nhau về sở thích cũng như tính tình.

Griselda trẻ hơn tôi gần hai mươi tuổi. Nàng yêu kiều đến mức làm thiên hạ diên đảo, nhưng lại hoàn toàn không có khả năng làm bất cứ việc gì cho ra hồn. Chuyện gì nàng cũng vụng về, và sống với nàng nhiều khi thật mệt mỏi. Nàng xem giáo khu như một thứ trò đùa lớn phục vụ thú tiêu khiển của mình. Tôi đã cố uốn nắn nàng nhưng thất bại. Hơn bao giờ hết tôi càng tin chắc tình trạng độc thân là điều giới tu hành ao ước. Tôi thường tìm cách bóng gió như thế với Griselda, nhưng nàng chỉ cười to.

“Mình ạ,” tôi bảo, “giả như mình chịu khó tập để tâm một chút...”

“Thì em vẫn lưu ý đấy chứ,” Griselda đáp. “Nhưng nói chung em thấy mình càng cố gắng thì mọi việc càng tệ hơn. Rõ ràng tính em không quản được việc nhà. Vì thế em nghĩ tốt hơn hết cứ giao khoán mọi việc cho Mary và chấp nhận sống làng nhàng cũng như ăn uống linh tinh cho xong mình ạ.”

“Còn chồng em đây thì sao hờ mình?” Tôi hỏi giọng trách móc, rồi nhớ lại một đoạn trích từ Kinh Thánh về ngày tàn của một con người khổ khổ bất hạnh, tôi nói thêm: “Bà ta đã chăm sóc người thân của mình như thế đó...”

“Nghĩ xem, mình không bị sư tử xé xác hoặc bị lên giàn hỏa thiêu là phúc bảy mươi đời rồi nhé,” Griselda vội ngắt lời tôi. “Ăn uống không vừa miệng, nhà cửa bụi bặm hay ruồi muỗi thì có gì ghê gớm mà phải làm ầm lên cơ chứ! Mình kể tiếp em nghe về đại tá Protheroe đi. Dù sao, Cơ Đốc giáo không có người trông giữ nhà thờ mà đâm ra lại hay.”

“Lão già cục súc vênh vang,” Dennis nói. “Chả trách bà vợ đầu của ông ta phải bỏ của chạy lấy người.”

“Bà ta còn biết làm gì khác hơn thế nữa,” vợ tôi nói.

“Griselda, tôi không cho phép mình ăn nói thế đâu nhé,” tôi xẵng giọng.

“Cưng à, kể em nghe về ông ta xem nào,” vợ tôi âu yếm. “Chuyện gì vậy hở mình? Có phải chuyện trợ tế Hawes suốt ngày gật gà gật gù làm dấu thánh không?”

Hawes là trợ tế mới của chúng tôi, vừa đến đây chỉ hơn ba tuần lễ. Cậu ấy theo quan điểm Thượng Giáo hội* và ăn chay vào thứ sáu hàng tuần, còn đại tá Protheroe lại chống đối mọi nghi lễ dưới bất kỳ hình thức nào.

“Quả ông ta đã có đề cập chuyện ấy, nhưng lần này thì không phải vậy. Mọi rắc rối là từ tờ tiền một bảng của bà Price Ridley mình ạ.”

Bà Price Ridley là một người sùng đạo trong giáo khu. Vào buổi lễ đúng ngày giỗ con trai mình, bà đã cúng tờ một đồng bảng vào hòm công đức; sau đó khi đọc thông báo tổng số tiền quyên góp, thấy tờ bạc lớn nhất được liệt kê chỉ là tờ mười shilling*,” bà rất phiền lòng.

Bà phàn nàn với tôi về điều này, và tôi vạch ra cho bà thấy hẳn bà đã nhầm lẫn.

‘Chúng ta chẳng ai còn trẻ như xưa, và đó là cái giá chúng ta phải trả cho thời gian,’ tôi cố gắng kết thúc câu chuyện một cách lịch sự, nhưng không ngờ lời nói của tôi chỉ càng chọc giận bà nhiều hơn. Bà bảo việc này rất kỳ quặc và hết sức ngạc nhiên vì sao tôi lại không nhận ra. Rồi bà quày quả bỏ đi và mang chuyện bực bội này kể cho đại tá Protheroe, tôi đoán vậy. Protheroe là người hễ có dịp là thích làm to chuyện. Đáng tiếc ông ta lại sinh sự ầm ĩ vào ngày thứ tư, mà các buổi sáng thứ tư tôi thường giảng ở Church Day School, nên việc này khiến tôi hết sức bực bội và đầu óc bị rối tung suốt ngày hôm đó.

“À, em nghĩ chắc hẳn ông ta thích thú lắm,” vợ tôi nói như thể cố gắng nêu quan điểm của mình một cách công bằng. “Chẳng có ai xun xoe quanh ông ta mà gọi ông ta là mục sư kính mến, chẳng ai thêu hài cho ông ta hay tặng ông ta quà Giáng sinh. Đến vợ con ông ta còn ngán ông ta tận cổ... Em cho rằng chuyện vừa rồi khiến lão ấy vui sướng vì cảm thấy ta đây cũng có lúc quan trọng.”

“Nhưng có nhất thiết phải gây sự như thế đâu!” Tôi vẫn còn đôi chút cáu giận. “Tôi nghĩ ông ta hoàn toàn không nhận ra điều ám chỉ trong lời nói của

mình, ông ta muốn kiểm tra toàn bộ sổ sách của nhà thờ — để xem liệu có tham ô hay không — ông ta nói đúng như vậy đó. Tham ô à? Ông ta nghi ngờ tôi biển thủ quỹ của nhà thờ hay sao?”

“Không ai có thể nghi ngờ mình về bất cứ điều gì, mình ạ,” Griselda nói. “Mình luôn đứng trên mọi ngờ vực một cách quá rõ ràng minh bạch đến mức đó cũng là cơ hội quý báu cho mình. Em ước gì mình biển thủ quỹ truyền giáo đi. Em ghét mấy người truyền giáo lắm — chẳng bao giờ ưa nổi họ.”

Lẽ ra tôi đã khiển trách nàng vì ý nghĩ trên, nhưng ngay lúc ấy Mary lại mang vào món bánh pudding gạo còn chưa kịp chín tới. Tôi nhẹ nhàng phản đối thì Griselda đã bảo người Nhật bao giờ cũng ăn cơm nửa sống nửa chín và kết quả là đầu óc họ thuộc hàng siêu việt.

“Em cam đoan nếu mình dùng món pudding gạo này mỗi ngày cho đến chủ nhật thì mình sẽ có bài giảng siêu phàm đấy,” nàng nói thêm.

“Lạy trời đừng như thế,” tôi rùng mình đáp. “Chiều tối mai Protheroe sẽ đến đây và sẽ cùng tôi kiểm tra sổ sách. Tôi còn phải chuẩn bị bài giảng hôm nay nữa. Nhắc đến mới nhớ, tôi quá mải mê chuông trình Reality của Canon Shirley nên chưa kịp làm xong. Còn mình, chiều nay mình làm gì hả Griselda?”

“Làm nghĩa vụ của em,” Griselda đáp. “Nghĩa vụ của vợ mục sư quản nhiệm. Tiệc trà và chuyện gẫu lúc bốn giờ rưỡi mình ạ.”

“Có những ai đến dự?”

Griselda đếm trên đầu ngón tay, mặt rạng ngời vẻ đức hạnh:

“Có bà Price Ridley và bà Wetherby này, rồi bà Hartnell và bà Marple hắc ám ấy nữa.”

“Tôi thì lại thích bà Marple,” tôi nói. “Ít ra bà ấy còn biết hài hước.”

“Bà ấy là bà cô không chồng quái chiêu nhất làng này,” Griselda đáp. “Bất cứ chuyện lớn chuyện nhỏ gì bà ta cũng biết — và toàn suy ra những điều tôi tặc lưỡi.”

Như đã nói, Griselda trẻ hơn tôi rất nhiều. Còn ở tuổi tôi bây giờ, tôi hiểu điều tôi tặc lưỡi thường lại là sự thật.

“Này, đừng có mong cháu đến dùng trà nhé, Griselda,” Dennis bảo.

“Quý sứ!” Griselda đập lại.

“Thì sao! Nhưng cho bác hay, hôm nay nhà Protheroe đã mời cháu chơi tennis rồi đấy.”

“Quý sứ!” Griselda lại nói.

Dennis khôn khéo rút lui, và Griselda cùng tôi vào phòng làm việc.

“Em tự hỏi không biết sẽ có ai đến dùng trà đây,” Griselda nói. “Tiến sĩ Stone và cô Cram, em nghĩ thế, và có thể có bà Lestrangle nữa. À, hôm qua em gọi điện nhưng bà ấy vắng nhà. Vâng, em chắc chắn bà Lestrangle sẽ đến dùng trà. Mà cái cách bà ấy dọn về đây ở và họa hoằn lắm mới bước ra khỏi nhà quả là bí ẩn phải không mình? Hệt như trong truyện trinh thám ấy. Mình xem này — ‘Bà ấy là ai, người phụ nữ bí ẩn với khuôn mặt xinh đẹp nhợt nhạt kia? Quá khứ bà ta ra sao? Chẳng ai biết được. Có chút gì nhuộm màu tai ương quanh bà ấy.’ Em nghĩ chắc bác sĩ Haydock quen biết bà ta mình ạ.”

“Mình đọc quá nhiều truyện trinh thám rồi, Griselda à,” tôi ôn tồn nhận xét.

“Còn mình thì sao chứ?” nàng vặc lại tôi. “Hôm nọ khi mình ngồi đây soạn bài Phúc âm thì em đi tìm khắp nơi không ra cuốn vết bẩn trên cầu thang; cuối cùng em phải vào hỏi xem mình có thấy nó ở đâu không, và em đã thấy gì mình nhỉ?”

Tôi đỏ mặt.

“Tôi chỉ cầm lên xem qua thôi. Tình cờ thoáng thấy một câu và...”

“Em biết ngay cái câu tình cờ ấy là gì rồi,” Griselda đáp rồi hùng hồn trích dẫn. “Thế rồi xảy ra một việc hết sức lạ lùng — Griselda đứng dậy băng qua phòng và âu yếm ôm hôn ông chồng luống tuổi của nàng.”

Rồi nàng làm đúng theo câu chữ vừa đọc.

“Chuyện này có gì lạ đâu hở mình?” tôi hỏi.

“Lạ chứ sao không!” Griselda đáp. “Mình có hiểu không Len, lẽ ra em đã có thể cưới một bộ trưởng, một tòng nam tước, một ông chủ công ty giàu có,

ba viên sĩ quan và một chàng lãng tử bánh bao, thế nhưng em lại chọn mình. Điều ấy chẳng làm mình ngạc nhiên sao?”

“Vào lúc ấy thì đúng là tôi hết sức ngạc nhiên và vẫn thường tự hỏi vì sao mình lại chọn tôi.”

Griselda cười.

“Vì việc ấy làm em cảm thấy mình có quyền lực vô song,” nàng thủ thi. “Những người khác chỉ đơn thuần thấy em tuyệt vời và dĩ nhiên cưới được em là họ vô cùng sung sướng. Còn mình thì không thích cũng không hài lòng em về bất cứ chuyện gì, và lúc ấy mình cứ như không chịu đựng nổi em vậy! Con người kiêu kỳ trong em làm sao có thể chấp nhận điều đó cơ chứ! Thà ngấm ngấm làm ai đó mất ăn mất ngủ em thấy còn thú vị hơn làm bình hoa di động trang trí trong nhà họ. Em khiến mình cực kỳ khó ăn khó ở, lúc nào cũng chọc ngoáy, vậy mà mình vẫn si em phát điên đó thôi. Mình mê em như điều đó, có đúng không mình nhỉ?”

“Đương nhiên tôi rất yêu mình, mình ạ.”

“Ôi Len, mình mê em ấy chứ. Mình có nhớ cái ngày em ở thành phố đánh điện về nhưng mình không nhận được vì hôm ấy em gái bà trưởng phòng bưu điện chuyển dạ sinh đôi nên bà ta quên băng chuyển điện đi không? Mình có nhớ mình đã lo lắng ra sao và gọi cho Scotland Yard làm âm ỉ thế nào không?”

Có những việc người ta ghét phải nhớ lại. Hồi ấy quả thật tôi cực kỳ điên rồ. Tôi nói:

“Cưng à, nếu mình không phiền thì tôi muốn tiếp tục soạn bài giảng.”

Griselda cúi kính thờ dài đánh sượt, nàng vò tóc tôi rồi bù lên rồi lại vuốt cho mượt và nói:

“Mình không xứng với em đâu. Thực sự mình chẳng xứng. Em sẽ hẹn hò với anh chàng họa sĩ, em sẽ làm cho mà xem — thật đấy. Rồi sẽ có xì-căng-đan trong giáo phận này, mình chờ nhé.”

“Đã có nhiều vụ như thế rồi,” tôi nhẹ nhàng đáp.

Griselda cười phá lên, hôn gió tôi rồi bước qua cửa hông ra khỏi văn phòng.

2

Griselda là người rất thích chọc tức kẻ khác. Hồi nãy lúc rời bàn ăn, tâm trạng tôi hoàn toàn thoải mái để chuẩn bị cho bài nói chuyện đầy sức thuyết phục ở Hiệp hội người Cơ Đốc, còn bây giờ thì lòng dạ tôi bồn chồn rối tung.

Ngay khi tôi vừa thực sự cảm thấy dễ chịu hơn một chút thì Lettice Protheroe từ ngoài dạt vào phòng.

Tôi dùng từ ‘dạt’ là có suy nghĩ chín chắn. Tôi đã đọc nhiều tiểu thuyết trong đó lớp trẻ được mô tả tràn trề năng lượng — *joie de vivre**, là nguồn sinh lực tuyệt vời của tuổi thanh niên... về phần mình, bất cứ người trẻ tuổi nào tôi tình cờ gặp đều có dáng dấp của những linh hồn đáng yêu. Buổi xế trưa hôm ấy trông Lettice cực kỳ giống hồn ma bóng quế. Cô xinh đẹp, trắng trẻo cao ráo và hoàn toàn lẳng đãng. Cô dạt vào phòng qua lối cửa hông lẳng lẳng lệt chiếc mũ bê-rê vàng trên đầu và lơ đãng thì thảo với vẻ ngạc nhiên xa xăm:

“Ồ! Mục sư đấy ư?”

Có một con đường mòn dẫn từ Old Hall xuyên qua rừng đến gần cổng khu vườn nhà mục vụ chúng tôi, vì thế người nào từ hướng ấy đến đều vào lối này và bước qua cửa hông văn phòng thay vì đánh một vòng xa hơn trên đường để vào cổng trước. Tôi không bất ngờ việc Lettice đi lối này, nhưng tôi hơi bực về thái độ của cô bé.

Nếu bạn đến nhà mục vụ, hẳn bạn phải sẵn sàng gặp mục sư chứ!

Lettice bước vào rồi buông mình xuống một chiếc ghế bành to. Cô bâng quơ giật giật tóc trên đầu, mắt đăm đăm nhìn lên trần nhà:

“Dennis có ở đây không ạ?”

“Từ lúc ăn trưa đến giờ ta không gặp nó. Ta nghe nói nó sang bên con chơi tennis mà.”

“Ồ!” Lettice đáp. “Mong là cậu ấy không đến. Cậu ấy sẽ không gặp ai ở nhà cả.”

“Nó bảo con có hẹn với nó.”

“Con nghĩ là mình có hẹn, nhưng đến thứ sáu kia. Hôm nay mới thứ ba.”

“Hôm nay là thứ tư,” tôi nói.

“Ôi! Tệ quá,” Lettice nói. “Thế có nghĩa đây là lần thứ ba con quên dùng bữa với bạn bè.” May thay việc này chẳng có vẻ làm cô lo lắng gì nhiều. “Còn Griselda có đây không ạ?”

“Ta nghĩ con có thể tìm cô ấy ở xưởng vẽ trong vườn — cô ấy đang ngồi mẫu cho Lawrence Redding.”

“Đã có chuyện hết sức ảm ỉ về anh ấy,” Lettice nói. “Với bố con, mục sư biết không. Bố con khủng khiếp lắm.”

“Làm ảm — mà chuyện gì xảy ra vậy?” tôi hỏi thăm.

“Bố con phát hiện việc anh ấy vẽ tranh cho con. Mà tại sao anh ấy lại không được vẽ con mặc áo tắm kia chứ? Nếu con mặc áo tắm ra bãi biển thì tại sao không thể mặc áo tắm trong tranh?”

Lettice ngưng một chút rồi tiếp tục:

“Thật vô lý — bố con cấm cửa mọi chàng trai. Dĩ nhiên Lawrence và con chỉ cười xòa vào cái chuyện ấy. Con sẽ đến đây và ngồi mẫu trong xưởng vẽ của mục sư.”

“Không, cô bé ạ,” tôi nói. “Nếu bố con ngăn cấm thì không được đâu.”

“Ôi, mục sư kính mến, sao mọi người đều khó khăn vậy,” Lettice thở dài. “Con mệt mỏi lắm mục sư ạ, mệt thật đó. Nếu có tiền thì con đã bỏ đi từ lâu, nhưng vì không có nên con đành chịu. Giá như bố chết đi giùm thì sẽ ổn cho con.”

“Con đừng nói thế, Lettice.”

“À, nếu bố không muốn con cầu ông ấy chết thì ông ấy đừng quá riết róng về chuyện tiền nong. Con không ngạc nhiên vì sao mẹ con lại rời bỏ ông ấy. Mục sư biết không, lâu nay con cứ nghĩ mẹ con đã chết rồi. Không biết người đàn ông trẻ mà mẹ con chạy theo thuộc loại người nào, ông ta có tử tế không nhỉ?”

“Hồi ấy bố con chưa về sống ở đây con ạ.”

“Con tự hỏi mẹ con giờ ra sao nhỉ. Con nghĩ sớm muộn gì Anne cũng sẽ theo người khác. Anne ghét con — bà ta lúc nào cũng tử tế với con nhưng lại ghét con. Bà ấy đang già đi và bà ấy không muốn thế. Cái già cứ sồng sộc đến, mục sư thấy đó.”

Chẳng biết Lettice có định nướng hết buổi chiều trong phòng làm việc của tôi không nhỉ!

“Mục sư có thấy mấy cái đĩa hát của con ở đâu không, thưa mục sư?” cô hỏi.

“Không con ạ.”

“Chán thật, không biết con để chúng ở đâu nữa. Chú cún nhà con vừa đi lạc, còn đồng hồ đeo tay thì không biết nằm ở nơi nào. Nhưng cũng chẳng sao vì nó đã chết máy rồi. Ôi sao buồn ngủ thế không biết, sáng nay đến tận mười một giờ con mới thức giấc kia mà. Đời toàn chuyện rắc rối mục sư nhỉ. Ôi trời, con phải đi thôi, tiến sĩ Stone mời con đến xem khai quật di chỉ khảo cổ vào lúc ba giờ.”

Tôi liếc nhìn đồng hồ và nhận ra còn năm phút hai mươi giây nữa là đến bốn giờ.

“Thật vậy ư? Khiếp quá! Không biết họ có chờ con không hay đã đi rồi. Con nghĩ dù sao mình cũng nên đến cho phải phép.”

Cô đứng lên và dạt ra khỏi phòng, vừa ngoái đầu lại thì thào:

“Mục sư nhớ nói với Dennis, mục sư nhé?”

Tôi máy móc ừ một tiếng, rồi khi nhớ ra không biết mình sẽ phải nói gì với Dennis thì đã quá muộn. Nhưng tôi nghĩ rất có thể chẳng có gì quan trọng. Tôi lại ngẫm nghĩ việc tiến sĩ Stone, một nhà khảo cổ lừng danh mới đến đây và ngụ tại Blue Boar trong thời gian ông ta giám sát việc khai quật một ngôi mộ nằm trên đất nhà đại tá Protheroe. Hai người đã nhiều lần lời qua tiếng lại với nhau, vì thế việc ông ta mời Lettice đến xem khai quật khiến tôi thấy buồn cười.

Tôi chợt nghĩ Lettice cũng thuộc loại đáo đẽ chứ chẳng phải vừa, làm sao cô có thể ăn ý với cô Cram, thư ký của nhà khảo cổ cho được. Cô Cram là

một cô gái hai mươi lăm tuổi mạnh khỏe, thích ồn ào, ăn mặc màu mè sặc sỡ, tính tình sôi nổi yêu đời và mồm thì lổn nhổn những răng là răng.

Dân trong làng người thì cho rằng cô chẳng tốt đẹp hay hóm gì, người thì bảo cô đang rắp tâm trở thành bà tiến sĩ Stone khi có cơ hội. Dù sao thì cô với Lettice cũng khác nhau một trời một vực.

Tôi có thể hình dung cảnh nhà Protheroe chẳng vui vẻ hòa thuận gì cho lắm. Khoảng năm năm trước, viên đại tá tái hôn. Bà hai Protheroe là một phụ nữ rất xinh đẹp mang phong thái hơi khác thường. Tôi đoán quan hệ giữa bà ta và con gái riêng của chồng không mấy tốt đẹp.

Công việc của tôi lại bị gián đoạn, lần này là do Hawes, trợ tế mới của tôi. Anh ta muốn biết rõ cuộc nói chuyện riêng giữa tôi và Protheroe. Tôi đáp rằng đại tá phàn nàn về ‘khuyh hướng thân Rome’ của Hawes, nhưng mục đích ông ta đến thăm tôi lại hoàn toàn khác. Đồng thời tôi cũng bày tỏ sự phản đối của mình và nói thẳng Hawes phải vâng lệnh tôi. Nói chung cậu ấy tiếp thu rất tốt mọi lời phê bình.

Hawes về rồi, tôi lại thấy hơi ân hận vì không thể quý mến cậu ta nhiều hơn. Việc thích hay không thích ai đó một cách vô cơ chắc chắn là điều hoàn toàn trái ngược với tinh thần Cơ Đốc.

Tôi thở dài nhận ra kim đồng hồ trên bàn làm việc đã chỉ năm giờ kém mười lăm (thật ra chỉ mới bốn giờ rưỡi), và tôi bước ra phòng khách. Bốn giáo dân trong giáo khu của tôi đã tụ họp ở đó với tách trà trên tay. Griselda ngồi sau bàn trà, cố gắng tỏ ra tự nhiên nhưng càng lộ vẻ lúng túng hơn mọi ngày.

Tôi đưa tay chào một vòng rồi ngồi xuống giữa bà Marple và bà Wetherby.

Bà Marple tóc bạc phơ, phong thái nhẹ nhàng và lôi cuốn, còn bà Wetherby thì vừa khó chịu lại vừa ồn ào, nhưng trong hai người thì bà Marple mới là người lợi hại hơn cả.

“Chúng em đang khá chuyện về tiến sĩ Stone và cô Cram,” giọng cô vợ tôi ngọt như mía lùi.

Lúc ấy một câu về hài hước do Dennis bịa ra thoáng qua óc tôi: ‘Cô Cram việc ấy chả thềm để tai.’

Tôi ước gì có thể đọc lớn lên câu về này xem phản ứng các bà ra sao, nhưng may thay tôi kịp giữ mồm.

“Con nhà tử tế thì chẳng ai làm thế,” bà Wetherby nói cộc lốc rồi mím đôi môi mỏng ra vẻ chê bai.

“Làm cái gì ạ?” tôi hỏi dò.

“Thì làm thư ký cho một người đàn ông độc thân ấy mà,” giọng bà Wetherby khó chịu.

“Ôi bà bạn thân mến, tôi thì nghĩ làm thư ký cho đàn ông có vợ mới là tệ nhất,” bà Marple nói. “Bà nhớ lại chuyện Mollie Carter khốn khổ xem.”

“Đàn ông mà sống xa vợ thì thế nào chẳng sinh chuyện,” bà Wetherby nói.

“Ngay cả một số người có vợ bên cạnh cũng thế thôi,” bà Marple thì thào. “Tôi còn nhớ...”

Tôi ngắt ngang dòng hồi tưởng đầy xúc phạm ấy: “Nhưng rõ ràng ngày nay phụ nữ cũng có thể đi làm như đàn ông mà.”

“Là bỏ nhà bỏ cửa về quê, là cùng vào khách sạn hay sao?” bà Price Ridley gay gắt.

Bà Wetherby rù rì với bà Marple:

“Hai phòng ngủ lại chung một tầng nữa chứ...”

Rồi họ đưa mắt nhìn nhau.

Bà Hartnell, dáng người dày dặn phong sương và là nỗi khiếp hãi của dân nghèo thì cao giọng vui vẻ:

“Cái ông tiến sĩ tội nghiệp kia thế nào cũng nhanh chóng sập bẫy. Ông ta ngây thơ như đứa trẻ còn chưa lọt lòng mẹ, rồi các bà xem.”

Thật kỳ lạ cho cách nói ấy. Trong số các bà cô ngồi đây, liệu bà nào có kinh nghiệm để biết một hài nhi còn trong bụng mẹ ra làm sao không nhỉ?!

“Thật kinh tởm, tôi nói thế đấy!” Bà Hartnell tiếp tục với vẻ bỗ bã. “Ông ta già hơn con bé kia ít nhất hai mươi lăm tuổi.”

Ba giọng phụ nữ đồng thời cất lên bàn tán những chuyện không đâu vào đâu, từ cuộc đi nghỉ mát của đội đồng ca nam đến sự cố đáng tiếc trong buổi họp các bà mẹ vừa qua, rồi chuyện nhà thờ có nhiều gió lùa... Bà Marple nháy mắt với Griselda.

“Bà có nghĩ đơn giản là cô Cram chỉ muốn tìm một công việc tốt hay không?” vợ tôi hỏi. “Và cô ấy chỉ xem tiến sĩ Stone như ông chủ thôi?”

Lặng thinh. Rõ là cả bốn bà không ai đồng ý. Bà Marple phá vỡ im lặng bằng cách vỗ nhẹ cánh tay Griselda.

“Phu nhân thân mến, cô còn trẻ lắm, mà tuổi trẻ thường có ý nghĩ ngây thơ như thế.”

Griselda phần nộ trả lời đầu óc nàng chẳng hề ngây ngô.

“Dĩ nhiên với ai cô cũng nghĩ tốt cho họ cả,” bà Marple nói mà không chú ý đến phản ứng vừa rồi.

“Có thật bà nghĩ rằng cô Cram muốn kết hôn với cái ông hói đầu chán ngắt ấy không?”

“Tôi nghe nói ông ta giàu sụ,” bà Marple đáp. “Phải tội tính tình hơi nóng nảy. Hôm nọ ông ta đã cãi nhau một trận kinh hồn với đại tá Protheroe.”

Ai nấy đều chồm người lên chăm chú nghe.

“Đại tá Protheroe bảo ông ta là đồ dốt nát.”

“Đúng là cái nhà ông Protheroe, mà cũng thật vô lý,” bà Price Ridley nói.

“Đại tá Protheroe như thế là đúng rồi, nhưng chuyện ấy thì không vô lý đâu,” bà Marple nói. “Các bà có nhớ người phụ nữ đến đây tự xưng là đại diện Quỹ phúc lợi xã hội không? Sau khi thu tiền xong thì chẳng thấy tăm hơi bà ta đâu nữa, mà bà ta cũng chẳng hề dính dáng gì đến Quỹ phúc lợi. Ta thường dễ tin người nên nghĩ ai cũng giống như mình cả.”

Tôi thì chẳng bao giờ xem bà Marple là người đáng tin cậy.

“Còn có chuyện âm ỉ với họa sĩ Redding nữa phải không?” bà Wetherby hỏi.

Bà Marple gật đầu.

“Đại tá Protheroe đuổi cậu ta ra khỏi nhà. Hình như cậu ta vẽ Lettice mặc áo tắm.”

Quả là tin giật gân đúng lúc!

“Tôi vẫn nghĩ giữa chúng phải có chuyện gì đó,” bà Price Ridley nói. “Anh chàng kia lúc nào cũng lảng vảng ở nhà ông ta. Tội nghiệp con bé không có mẹ, còn mẹ kế thì làm sao bằng mẹ ruột được.”

“Tôi dám chắc bà Protheroe đã hết sức cố gắng,” bà Hartnell nói.

“Bọn con gái tinh khôn lắm,” bà Price Ridley phàn nàn.

“Chuyện tình lãng mạn nhỉ,” bà Wetherby vốn đa cảm hơn, lên tiếng. “Mà trông cậu ta rất điển trai.”

“Nhưng lại phóng đảng!” bà Hartnell nói. “Nghệ sĩ này! Paris này! Đám người mẫu này! Nói chung là thế! Chắc chắn luôn!”

“Vẽ con bé mặc áo tắm thì chẳng hay ho chút nào,” bà Price Ridley tiếp.

“Ông ấy cũng vẽ cả tôi nữa,” Griselda lên tiếng.

“Nhưng cô có mặc đồ tắm đâu, cô mình,” bà Marple nói.

“Có khi còn tệ hơn ấy chứ,” Griselda nghiêm nghị nói.

“Cái cô bé hư này!” bà Hartnell rộng lượng pha trò, nhưng những người khác đều có vẻ hơi sững sốt.

“Lettice có kể chuyện rắc rối của nó không thưa mục sư?” bà Marple hỏi tôi.

“Nói với tôi ư?”

“Vâng. Tôi trông thấy nó băng qua vườn và đến cửa hông văn phòng mà.”

Bà Marple luôn nhìn thấy mọi chuyện. Công việc làm vườn hầu như chỉ là cái cớ, và thói quen quan sát lũ chim bằng ống nhòm cực đại lúc nào cũng có thể biến thành việc thu thập thông tin.

“Vâng, cô bé có đề cập đến chuyện ấy,” tôi thừa nhận.

“Trông trợ tế Hawes có vẻ rất lo lắng,” bà Marple nói. “Tôi hy vọng ông ấy không phải làm việc quá vất vả.”

“À, quên mất, tôi có tin này cần báo với mục sư!” bà Wetherby sôi nổi kêu lên. “Tôi trông thấy bác sĩ Haydock từ nhà bà Lestrangle đi ra.”

Mọi người đưa mắt nhìn nhau.

“Có thể bà ấy bệnh chẳng?” bà Price Ridley gợi ý.

“Nếu vậy chắc hẳn là bệnh rất đột ngột,” bà Hartnell nói. “Vì chiều nay lúc ba giờ tôi còn trông thấy bà ấy đi dạo quanh vườn nhà, trông bà ta hoàn toàn mạnh khỏe.”

“Bà ấy và bác sĩ Haydock chắc là người quen cũ,” bà Price Ridley nói. “Ông bác sĩ thì quá kín tiếng.”

“Ông ta chẳng bao giờ *đả động* việc này, lạ nhỉ,” bà Wetherby nói.

“Thật ra...” Griselda nói nhỏ ra vẻ bí mật, rồi ngưng bật.

Mọi người hăm hở chồm mình về phía trước.

“Tôi tình cờ được biết chồng bà ấy là một nhà truyền giáo,” Griselda hùng hồn kể. “Thật kinh khủng, ông ấy *bị ăn thịt*, các bà biết không? Bị ăn thịt thực sự nhé. Còn bà ta thì bị ép làm vợ tên đầu lĩnh. Bác sĩ Haydock ở trong đoàn thám hiểm và đã giải cứu bà ấy.”

Trong phút chốc cả phòng lao xao, sau đó bà Marple vừa mím cười vừa cất giọng mắng mỏ:

“Cái cô bé hư này!”

Rồi bà vỗ nhẹ vào cánh tay Griselda ra chiều quở trách: “Làm vậy chẳng khôn ngoan đâu, cô bạn thân mến. Nếu cô bịa đặt những chuyện như thế, thiên hạ có thể hoàn toàn tin thật, mà có khi từ đó lại nảy sinh rắc rối.”

Dễ nhận ra không khí nhạt nhẽo đang bao trùm gian phòng. Hai trong số các bà đứng lên cáo từ.

“Không biết cậu Lawrence Redding và Lettice Protheroe có gì với nhau không nhỉ?” bà Wetherby nói. “Chắc phải có chuyện gì đó. Bà nghĩ sao bà Marple?”

Bà Marple ra chiều tư lự:

“Lẽ ra tôi không nên nói thế này. Không phải *Lettice*. *Đúng ra* tôi muốn nói tới một người khác kia.”

“Nhưng chắc đại tá Protheroe nghĩ rằng...”

“Cái ông này hơi bị đần độn, đã suy nghĩ sai mà còn khăng khăng cố chấp nữa,” bà Marple nói. “Bà có nhớ Joe Bucknell trước đây quản lý Blue Boar không? Ông đại tá cũng làm ầm lên vụ cậu Bailey ve vãn con gái mình, nhưng hóa ra từ đầu đến cuối lại là cô vợ tinh ranh của ông ta.” Bà ta vừa nói vừa nhìn lom lom Griselda khiến tôi nổi cơn thịnh nộ:

“Bà Marple ạ, bà có nghĩ chúng ta quá ác mồm ác miệng không? Người nhân đức thì không nên nghĩ xấu cho kẻ khác. Cứ thỏa thích đưa chuyện tầm phào có khi sẽ gây tai hại khó lường, thưa bà.”

“Mục sư kính mến, ông quả rất đổi thanh cao,” bà Marple đáp. “Tôi e rằng nếu nhìn thế gian này như tôi thì thiên hạ sẽ chẳng nghĩ vậy đâu. Chuyện ngồi lê đôi mách rất sai lầm và xấu xa, nhưng nhiều khi lại chính xác, tôi dám nói vậy đó.”

Sau khi nã phát đạn cuối cùng ấy, bà ta cáo từ.

3

“Mụ già nanh ác,” Griselda kêu lên khi cánh cửa vừa khép lại. Nàng nhìn về hướng mấy bà khách bước ra rồi quay lại cười với tôi:

“Len à, thật ra mình có nghi ngờ em dan díu với Lawrence Redding không?”

“Tất nhiên là không, cưng à.”

“Nhưng mình nghĩ bà Marple muốn bóng gió điều đó nên mình đã lồng lên quyết liệt bảo vệ em. Hệt như — hết như con hổ dữ vậy.”

Nỗi bực bội thoáng qua trong tôi. Một giáo sĩ của Giáo hội Anh Quốc không bao giờ được phép rơi vào trạng thái được mô tả như một con hổ dữ. Tuy vậy, tôi tin rằng Griselda chỉ cường điệu mà thôi.

“Nếu tôi không phản đối thì làm sao đẹp chuyện ấy sang một bên được!” tôi nói. “Nhưng tôi mong mình thận trọng hơn chút nữa trong lời ăn tiếng nói, Griselda à.”

“Mình muốn nói câu chuyện ăn thịt người hả?” nàng hỏi. “Hay việc Lawrence vẽ em khóa thân? Giá như các bà ấy biết anh ta vẽ em trong chiếc áo choàng cổ lông kín cổng cao tường — không hở ra một mảnh da thịt nào — hoàn toàn có thể diện kiến Đức giáo hoàng! Tuyệt vời trong sạch mình ạ. Thậm chí Lawrence cũng không hề có ý tán tỉnh em — em chẳng hiểu vì sao nữa.”

“Dĩ nhiên, vì mình là gái đã có chồng...”

“Đừng có vờ vịt như vừa ở cung trăng rơi xuống Len nhé. Mình thừa biết một phụ nữ trẻ đẹp quyến rũ lại có chồng già là món quà trời ban cho bọn trai trẻ. Hẳn phải có lý do gì khác — chứ không phải vì em không hấp dẫn — em mà không hấp dẫn sao!”

“Chắc chắn mình không muốn anh ta tán tỉnh mình đấy chứ?”

“Kh-ô-ô-ô-ông,” Griselda đáp với vẻ ngập ngừng nhiều hơn tôi tưởng.

“Nếu anh ta đang yêu Lettice Protheroe...”

“Hình như bà Marple không nghĩ vậy.”

“Bà Marple có thể nhầm lẫn.”

“Bà ấy thì chẳng bao giờ nhầm. Bà khộm già ấy lúc nào cũng đúng.”
Nàng ngưng một lúc rồi liếc trộm tôi: “Mình tin em mà, đúng không mình?
Ý em là giữa Lawrence với em chẳng có chuyện gì ấy?”

“Dĩ nhiên rồi, Griselda thân yêu của tôi,” tôi ngạc nhiên đáp.

Nàng lao đến hôn tôi.

“Em mong mình đừng có dễ dàng bị lừa Len ạ. Mình nên tin mọi điều em nói.”

“Tôi cũng hy vọng thế. Nhưng mình ơi, tôi van mình, cố mà giữ mồm giữ miệng, nói năng phải ý tứ một chút. Mình nhớ cho là các bà ấy không biết đùa đâu, chuyện gì họ cũng quan trọng hóa cả.”

“Điều các bà ấy cần là cuộc đời các bà cũng có được tí chút phóng dăng trác nết, lúc ấy các bà sẽ không phải mất công dòm ngó người khác nữa,”
Griselda vừa nói vừa đi ra khỏi phòng. Còn tôi liếc nhìn đồng hồ đeo tay rồi vội vã đi thăm vài nơi mà lẽ ra hôm nay tôi phải đi sớm hơn.

Như thường lệ, buổi lễ chiều thứ tư lác đác người dự. Sau khi tôi thay xong trang phục trong phòng áo lễ và bước ra thì nhà thờ đã vắng ngắt, chỉ trừ một phụ nữ đang chăm chăm nhìn các ô cửa sổ. Nhà thờ có nhiều ô kính màu cổ xưa khá tinh xảo, quả thật rất đáng để ngắm nhìn. Nghe tiếng chân tôi bà ta quay lại, và tôi nhận ra đó là bà Lestrangle.

Cả hai đều ngần ngừ một lúc, rồi tôi nói:

“Tôi hy vọng bà thích ngôi nhà thờ nhỏ của chúng tôi.”

“Tôi đang chiêm ngưỡng bức bình phong này,” giọng bà vui vẻ, tuy nhỏ nhẹ nhưng rõ ràng. Rồi bà nói thêm: “Tôi rất tiếc vì hôm qua đã lỡ hẹn với bà nhà.”

Chúng tôi nói chuyện thêm vài phút nữa về nhà thờ. Bà quả là có người học thức và hiểu biết về lịch sử cũng như kiến trúc của nhà thờ. Chúng tôi

rời khỏi nhà thờ và cùng đi bộ, vì lối về nhà mục vụ đi ngang qua nhà bà. Khi chúng tôi đến cổng, bà thân mật nói:

“Mời mục sư ghé vào nhà tôi một chút, xem tôi bày biện nhà cửa có được không.”

Tôi chấp nhận lời mời. Little Gates trước đây thuộc về một đại tá người Anh lai Ấn. Và tôi không thể không cảm thấy nhẹ nhõm khi những tấm bảng bằng đồng thau và các pho tượng Burma đã biến mất. Giờ đây ngôi nhà được bài trí rất giản đơn nhưng cực kỳ tinh tế, thể hiện vẻ hài hòa và yên tĩnh.

Càng lúc tôi càng ngạc nhiên tự hỏi điều gì đã khiến một người như bà Lestrangle lại đến ở St. Mary Mead. Một phụ nữ lịch duyệt lại chôn vùi đời mình ở làng quê hẻo lánh này thì quả là chuyện lạ đời.

Trong ánh sáng rực rỡ của gian phòng khách, lần đầu tiên tôi có dịp quan sát kỹ bà ta. Đó là một phụ nữ dong dỏng cao, tóc vàng ánh màu hung đỏ. Chân mày và hàng mi đen nhánh, là tô vẽ hay do tự nhiên thì tôi không đoán được; nhưng nếu do trang điểm thì quả là rất khéo, tôi nghĩ. Gương mặt bà phẳng phất giống bức tượng nhân sư đang nghỉ ngơi, và mắt bà — đôi mắt lạ lùng tôi chưa từng thấy — thì hầu như lấp lánh ánh vàng.

Trang phục hoàn hảo, phong thái ung dung của người có học, tuy vậy ở bà có gì đó vô lý và khó hiểu. Có cảm giác bà ta là một bí ẩn. Tôi chợt nhớ đến cụm từ mang điềm gở mà Griselda từng dùng. Tất nhiên là vô lý, nhưng — có quá vô lý không? Một ý nghĩ vụt đến trong đầu tôi: người phụ nữ này đã làm gì là làm đến cùng.

Câu chuyện chúng tôi hướng vào những điều thông thường nhất — hội họa, sách vở, các nhà thờ cổ. Tuy vậy tôi vẫn cảm thấy hết sức rõ rệt là còn có chuyện gì đó — một chuyện hoàn toàn khác mà bà Lestrangle muốn nói với tôi. Vài lần tôi bắt gặp bà nhìn tôi với vẻ ngậ ngừng kỳ lạ, như thể bà không quyết định được. Tôi nhận thấy bà chỉ toàn nói chuyện băng quơ chứ không hề nhắc đến chồng con hay bạn bè thân thích gì cả. Nhưng đồng thời ánh mắt bà lại lộ rõ lời kêu gọi khẩn thiết: ‘Tôi có nên thưa chuyện với mục sư không? Tôi muốn nói lắm. Liệu mục sư có giúp tôi được không?’

Cuối cùng cái nhìn khẩn khoản ấy tắt lịm — hoặc có thể chỉ do tôi tưởng tượng mà ra. Cảm thấy mình đang bị đuổi khéo, tôi đứng lên cáo từ. Khi bước ra khỏi phòng, tôi liếc nhìn phía sau và trông thấy bà đăm đăm nhìn theo tôi, vẻ mặt bối rối và do dự. Tôi bất ngờ quay lại:

“Liệu tôi có thể giúp được gì...”

“Mục sư thật tốt bụng...” bà lưỡng lự.

Cả hai chúng tôi im lặng. Rồi bà nói:

“Ước gì tôi biết. Khó quá! Không, tôi nghĩ chẳng ai giúp được đâu, nhưng cảm ơn mục sư đã có ý tốt.”

Có vẻ đã dứt khoát, vì thế tôi ra về, nhưng vẫn lấy làm kinh ngạc. Từ trước giờ làng St. Mary Mead này chưa từng có chuyện gì bí ẩn.

Càng ngạc nhiên hơn, khi tôi vừa ló ra khỏi cổng thì lập tức đã bị người khác vồ lấy. Bà Hartnell rất giỏi chớp bắt thiên hạ theo lối thô bạo này.

“Tôi trông thấy mục sư rồi nhé!” bà ta kêu lên với giọng hài hước chán ngắt. “Sốt ruột quá đi thôi. Giờ mục sư có thể kể tôi nghe mọi việc được không?”

“Việc gì kia ạ?”

“Thì cái bà phu nhân bí ẩn ấy đấy! Là bà góa hay có chồng ở đâu đó hở mục sư?”

“Thật tình tôi không biết. Bà ấy không kể với tôi.”

“Lạ nhỉ! Tôi tưởng thế nào bà ta cũng ngẫu nhiên đề cập chuyện đó. Chắc có lý do gì bà ta mới không nói, phải không mục sư?”

“Thực sự tôi không nghĩ vậy.”

“À, nhưng mục sư kính mến, quả như lời bà Marple, ông quá đổi thanh cao. Nào mục sư nói tôi nghe, bà ta quen biết bác sĩ Haydock lâu chưa?”

“Bà ấy không nhắc đến ông bác sĩ nên tôi không biết.”

“Thật ư? Vậy hai người đã nói gì với nhau?”

“Về tranh ảnh, âm nhạc, sách vở,” tôi thành thật trả lời. Bà Hartnell vốn chỉ chú ý đến những chuyện đơn thuần riêng tư nên có vẻ ngờ vực không

tin. Thừa lúc bà ta ngáp ngừng tìm cách hỏi tiếp, tôi chúc bà ngủ ngon và nhanh chân bỏ đi.

Tôi đến một ngôi nhà xa hơn trong làng và trở về nhà mục vụ bằng cổng sau, băng qua một điểm ‘nóng’, là vườn nhà bà Marple. Tuy nhiên tôi nghĩ việc mình đến thăm nhà bà Lestrangle chưa thể đến tai bà ta, vì vậy tôi cảm thấy an toàn.

Vừa chốt xong cánh cổng, tôi chợt nảy ra ý đến nhà kho trong vườn, nơi cậu Lawrence Redding dùng làm xưởng vẽ, để tận mắt xem bức chân dung của Griselda thế nào.

Đến đây tôi thêm vào một tình tiết dữ dội giúp soi sáng cho các biến cố xảy ra sau đó, và chỉ phác những chi tiết cần thiết mà thôi.

Tôi không hề nghĩ có người trong xưởng vẽ. Không có bất cứ âm thanh nào vọng ra để cảnh báo tôi, và chân tôi bước trên thảm cỏ cũng không hề gây ra tiếng động.

Tôi mở cửa và rồi khựng lại ở bậc thềm. Là vì trong xưởng vẽ đang có hai người; người đàn ông ôm ghì người phụ nữ và hôn cô ta say đắm.

Hai người ấy chính là họa sĩ Lawrence Redding và bà Protheroe.

Tôi quày quả thối lui và vội lẩn vào phòng làm việc của mình. Ở đó, tôi ngồi xuống ghế, rút tẩu thuốc ra và nghĩ ngợi. Phát hiện này quả là cú sốc lớn đối với tôi. Đặc biệt sau khi trò chuyện với Lettice chiều nay, tôi hầu như tin chắc giữa cô bé và chàng trai kia có tình cảm đang nhen nhóm. Hơn thế, tôi bị thuyết phục rằng chính Lettice cũng nghĩ vậy. Rõ ràng cô bé không hề nghĩ anh họa sĩ lại có tình ý với mẹ kế của mình.

Phức tạp kinh khủng! Tôi bất đắc dĩ phải khâm phục bà Marple. Bà ta không hề nhầm lẫn, và rõ ràng điều ngờ vực của bà khá chính xác. Tôi đã hoàn toàn hiểu sai cái liếc mắt đầy ngụ ý của bà về phía Griselda.

Tôi không bao giờ nghĩ về bà Protheroe như vậy. Từ trước đến nay tôi thường ví bà với Caesar đại đế phu nhân — một phụ nữ trầm tĩnh, độc lập mà không ai có thể nghi ngờ về sự đoan chính.

Tôi đang mãi nghĩ điều ấy thì có tiếng gõ vào cửa hông phòng làm việc khiến tôi bừng tỉnh. Tôi bước ra và thấy bà Protheroe đứng bên ngoài. Tôi

vừa mở cửa là bà ta bước vào ngay không đợi mời. Bà ta thở hển hển băng qua phòng và buông mình xuống ghế sofa.

Tôi có cảm giác trước đây tôi chưa bao giờ gặp bà ta thực sự. Người phụ nữ trầm tĩnh và độc lập mà tôi từng biết đã biến đâu mất, thay vào đó là một sinh vật đang thở hào hển trong tuyệt vọng. Lần đầu tiên tôi nhận ra Anne Protheroe vô cùng xinh đẹp. Người phụ nữ tóc nâu, nước da tái xanh và đôi mắt màu lam chiều sâu thẳm giờ đây đỏ bừng mặt mũi, trống ngực phập phồng. Cứ như một bức tượng bất ngờ biến thành người khiến tôi nhìn không chớp mắt.

“Tôi nghĩ tốt nhất là đến đây,” bà ta nói. “Mục sư — ông nhìn thấy hết cả rồi phải không ạ?”

Tôi gật đầu.

“Chúng tôi yêu nhau,” bà ta khẽ nói.

Ngay cả giữa lúc bối rối lo âu và đau khổ ấy, bà ta vẫn không giấu được nụ cười hé nở trên môi. Nụ cười của một phụ nữ trước điều gì đó đẹp đẽ tuyệt vời.

Thấy tôi vẫn im lặng, bà ta tiếp tục:

“Có lẽ mục sư thấy việc này sai quấy lắm?”

“Bà có thể mong tôi nói điều gì khác hơn sao, bà Protheroe?”

“Không — không, tôi không nghĩ vậy đâu ạ.”

Tôi cố dụ giọng hết mức có thể:

“Bà là phụ nữ đã có gia đình...”

Bà ta ngắt lời tôi:

“Ôi, tôi biết — tôi biết chứ. Mục sư nghĩ chuyện này thường xuyên lặp đi lặp lại hay sao? Thực sự tôi không phải hạng trác nết — không phải vậy, mà mọi việc cũng không — không như mục sư nghĩ đâu.”

“Vậy thì tôi rất mừng,” tôi nghiêm trang nói.

“Nhưng mục sư có kể với ông nhà tôi chuyện này không?” bà ta rụt rè hỏi.

Tôi lạnh nhạt trả lời:

“Hình như ai cũng nghĩ rằng tu sĩ thì không biết cư xử như một quý ông lịch lãm hay sao nhỉ. Không đúng đâu.”

Anne liếc nhìn tôi với vẻ biết ơn.

“Tôi khổ quá. Ôi! Tôi vô cùng bất hạnh. Tôi không thể tiếp tục. Tôi hoàn toàn không thể chịu đựng được nữa, mà cũng chẳng biết phải làm sao.” Giọng bà ta vống lên với vẻ cuồng loạn. “Mục sư không biết cuộc sống của tôi thế nào đâu. Ngay từ đầu tôi đã khổ khổ với Lucius. Không người phụ nữ nào có thể hạnh phúc với ông ta. Ước gì ông ta chết đi cho xong... Thật khủng khiếp, nhưng tôi mong thế... Tôi đã tuyệt vọng rồi. Quá tuyệt vọng, thưa mục sư.”

Chợt bà ta giật nảy người và nhìn ra cửa hông.

“Gì vậy? Tôi vừa nghe tiếng ai đó, có thể là Lawrence chẳng?”

Tôi đến chỗ cửa hông mà lúc này tôi tưởng mình đã đóng lại rồi. Tôi bước ra ngoài và nhìn quanh vườn nhưng không thấy ai cả. Tuy vậy tôi hầu như chắc chắn mình cũng đã nghe thấy tiếng ai đó, hoặc có lẽ do Anne khẳng định khiến tôi tin như vậy.

Khi tôi trở vào phòng, bà ta đang ngồi đổ người về phía trước, đầu cúi gục. Một hình ảnh tuyệt vọng.

“Tôi phải làm gì bây giờ? Tôi phải làm gì bây giờ?”

Tôi đến ngồi cạnh Anne và nói những điều mà tôi nghĩ là nhiệm vụ mình phải nói, cố gắng thuyết phục bà ta, tuy nhiên lòng tôi vẫn thấy lẩn cấn vì sáng nay tôi đã buột miệng thốt lên rằng cuộc đời này sẽ tốt hơn nếu không có đại tá Protheroe. Quan trọng hơn cả, tôi cầu xin bà ta đừng làm chuyện dại dột. Bỏ nhà cửa chồng con là hết sức nghiêm trọng.

Tôi không cho rằng mình đã thuyết phục được Anne. Tôi sống đủ lâu trên đời để hiểu rằng tranh cãi với ai đó về tình yêu thì chỉ phí công, nhưng tôi nghĩ những lời mình nói có thể an ủi bà ta phần nào.

Khi Anne đứng dậy cáo từ, bà ta cảm ơn tôi và hứa sẽ suy nghĩ về những gì tôi nói. Tuy vậy, khi bà ta đi rồi thì tôi rất lo lắng, cảm thấy lâu nay mình đã đánh giá sai tính cách của Anne Protheroe. Giờ đây bà ta khiến tôi có ấn tượng bà là một phụ nữ vô cùng liêu lĩnh, sẵn sàng đánh đổi mọi thứ khi

cảm xúc được đánh thức. Và bà ta đang yêu Lawrence Redding, một tình yêu tuyệt vọng, điên cuồng mê đắm, với một chàng trai kém mình nhiều tuổi.

Tôi không thích điều đó.

4

Tôi quên bằng chuyện mời Lawrence Redding dùng bữa tối hôm đó, nên lúc Griselda xuất hiện và mắng mỏ tôi rằng chỉ còn ít phút nữa thôi là đến giờ ăn thì tôi hoàn toàn sững sốt.

“Em hy vọng mọi việc sẽ ổn mình ạ,” Griselda nói với sau lưng tôi. “Em đã suy nghĩ về chuyện mình nói lúc ăn trưa, và em đã tính đến một số món ngon.”

Tiện thể tôi nói luôn, bữa ăn tối của chúng tôi hoàn toàn xác nhận một điều là có vợ tôi tham gia thì tình hình lại càng tồi tệ hơn. Về ý tưởng thì thực đơn rất hoành tráng, nhưng dường như Mary lại tỏ ra khoái trá khi biểu diễn thành công việc nấu món này quá lửa xen kẽ với món kia sống nhăn. Món hào mà Griselda đặt hàng có vẻ đã vượt quá mức vụng về, rùi thay chúng tôi lại không thể đưa ra làm ví dụ, vì mãi đến lúc dùng mới phát hiện ra trong nhà không có dụng cụ để mở hào!

Tôi hơi ngờ vực không biết Lawrence có đến chiều lệ không. Rất có thể anh ta sẽ gửi lời cáo vãng.

Tuy nhiên anh ta lại đến khá đúng giờ, và cả bốn chúng tôi dùng bữa tối.

Không thể phủ nhận Lawrence Redding là người có tính cách hấp dẫn. Anh ta khoảng ba mươi tuổi, tôi độ chừng. Tóc đen nhưng lạ thay đôi mắt lại màu xanh sáng rực. Là loại thanh niên xuất sắc, chơi thể thao giỏi, một tay thiện xạ, một diễn viên nghiệp dư có hạng và là người rất có duyên ăn nói. Anh ta có khả năng khuấy động đám đông, và là người có dòng máu Ireland chảy trong huyết quản. Anh ta hoàn toàn không phải là một nghệ sĩ mẫu mực lý tưởng, tuy vậy tôi vẫn nghĩ anh ta là một thợ vẽ lành nghề theo phong cách hiện đại. Về hội họa thì bản thân tôi rất ít hiểu biết.

Vào buổi tối đặc biệt như thế này, nếu anh ta có tỏ ra đãng trí đôi chút thì cũng là chuyện thường tình. Nhìn chung, anh ta ứng xử rất tốt. Tôi nghĩ

Griselda hay Dennis không hề nhận ra điều gì khác lạ. Có thể bản thân tôi cũng không nhận ra điều gì nếu như trước đó tôi không biết chuyện.

Đặc biệt Griselda và Dennis vui như hội — họ liên tục bông đùa về một xì-căng-đan địa phương — chuyện tiến sĩ Stone và cô Cram! Đột nhiên tôi thấy nhói lòng khi nghĩ Griselda bằng vai phải lứa với Dennis hơn là với tôi. Thằng bé gọi tôi là bác Len, nhưng Griselda thì nó chỉ gọi trống bằng tên. Không hiểu sao điều này khiến tôi cảm thấy hơi lạc lõng.

Tôi nghĩ lẽ ra mình phải lo âu về chuyện bà Protheroe mới đúng, chứ tôi không thường để ý đến những lời bàn tán không đâu vào đâu như thế này. Griselda và Dennis lại tiếp tục buôn chuyện nhưng tôi chẳng còn lòng dạ nào mà quả trách họ. Tôi vẫn luôn nghĩ thật đáng tiếc khi sự có mặt của một giáo sĩ có thể khiến hai bác cháu nhà họ mất hứng.

Lawrence cũng vui vẻ góp chuyện, tuy nhiên tôi nhận ra đôi mắt anh ta không ngừng hướng sang chỗ tôi ngồi, và tôi không ngạc nhiên khi sau bữa ăn anh ta tìm cách đi theo tôi vào phòng làm việc.

Ngay khi chỉ còn lại hai chúng tôi, thái độ anh ta hoàn toàn thay đổi, nét mặt phờ phạc, đầy vẻ nghiêm trọng và lo lắng.

“Bí mật của chúng tôi làm ngài bất ngờ lắm phải không, thưa ngài?” anh ta nói. “Vậy ngài sẽ làm gì ạ?”

Với Redding tôi có thể trao đổi thẳng thắn hơn nhiều so với bà Protheroe. Anh ta chăm chú lắng nghe rồi trả lời:

“Chắc chắn ngài sẽ nói vậy, vì ngài là mục sư, tôi nói điều này không hề có ý xúc phạm ngài. Thật ra tôi nghĩ có thể ngài có lý, tuy nhiên chuyện giữa Anne và tôi thì không giống như vậy đâu.”

Tôi bảo Redding rằng cái câu này vẫn là câu cửa miệng của người đời ngay từ thưở khai thiên lập địa, thế là môi anh ta nở một nụ cười méo xệch:

“Ý ngài là ai cũng cho trường hợp của mình là duy nhất ư? Có thể là vậy. Nhưng có một điều ngài cần phải tin.” Anh ta cam đoan với tôi rằng cho đến nay ‘chưa có điều gì sai trái cả’. Anh ta bảo, Anne là một trong những phụ nữ đoan chính và trung hậu nhất trên đời. Còn sắp tới sẽ như thế nào thì anh ta không biết.

“Nếu chỉ là chuyện trong sách vở thì lão già kia phải chết,” anh ta rầu rĩ nói. “Đó là cách giải thoát tốt đẹp cho mọi người.”

Tôi quở trách Redding.

“Ồ! Tôi không có ý nói rằng tôi sẽ lụi cho lão ta một nhát từ sau lưng, nhưng tôi sẽ vô cùng cảm ơn bất cứ ai làm điều đó. Trên đời này chẳng ai có lấy một lời tốt đẹp về lão cả. Tôi hơi ngạc nhiên vì sao bà vợ đầu của lão không khử lão cho rồi. Nhiều năm trước có lần tôi gặp bà ta, trông bà ta hoàn toàn có khả năng làm việc đó. Một người đàn bà điềm tĩnh đến mức đáng sợ. Lão ta thì tính tình cáu bẳn hiểm thấy, lúc nào cũng quát tháo, gây sự ầm ĩ hết như con quỷ dữ. Ngài không biết Anne phải chịu đựng lão ta thế nào đâu. Giá như tôi có tiền thì tôi đã mang nàng đi ngay rồi.”

Sau đó, tôi nói chuyện với anh ta hết sức nghiêm túc. Tôi cầu xin anh ta rời khỏi làng St. Mary Mead, vì còn ở đây, anh ta chỉ làm cho Anne Protheroe đã bất hạnh lại càng đau khổ thêm mà thôi. Thiên hạ bàn ra tán vào, thế nào cũng đến tai đại tá Protheroe — và mọi việc sẽ cực kỳ tai hại cho bà ấy.

Lawrence phản đối:

“Ngoài ngài ra thì chẳng ai biết gì cả, thưa ngài.”

“Redding thân mến, cậu đánh giá thấp năng khiếu thám tử của dân làng rồi. Ở St. Mary Mead này ai cũng biết những chuyện riêng tư nhất của cậu. Không nhà thám tử nào ở Anh Quốc sánh bằng một bà cô độc thân khó đoán tuổi, mà thời gian rảnh rỗi thì quá dư thừa.”

Anh ta ung dung trả lời rằng chẳng sao cả, vì ai cũng tưởng đó là Lettice.

“Cậu có nghĩ có thể bản thân Lettice cũng tưởng vậy không?” tôi hỏi.

Lawrence hoàn toàn bất ngờ vì ý tưởng ấy, anh ta bảo Lettice chẳng hề ngó ngang đến anh ta, chắc chắn vậy.

“Cô ấy là một cô gái kỳ quặc,” anh ta nói. “Lúc nào cũng mơ mơ màng màng nhưng thật ra khá thực tế, tôi nghĩ vậy. Cái lối mơ màng ấy chỉ là điệu bộ giả tạo, chứ Lettice biết rất rõ mình đang làm gì. Cô ta đang nuôi lòng hận thù, và lạ lùng là cô ta ghét Anne. Cực kỳ ghét nàng. Tuy vậy Anne bao giờ cũng đối xử hết sức thánh thiện với cô nàng.”

Tất nhiên tôi không tin lời anh ta. Với những kẻ si tình thì người yêu của họ bao giờ cũng xử sự như thiên thần. Tuy vậy, theo nhận xét của riêng tôi, Anne luôn cư xử với cô con riêng của chồng một cách tốt bụng và thẳng thắn. Bản thân tôi chiều nay đã khá bất ngờ vì giọng điệu gay gắt của Lettice.

Chúng tôi buộc phải ngừng câu chuyện vì Griselda và Dennis thành linh xông vào làm gián đoạn và bảo rằng tôi không nên để Lawrence ngồi trò chuyện như một ông già.

“Ôi trời, sao mình mong có chuyện giật gân vậy không biết. Một vụ giết người — hay một vụ trộm cũng được,” Griselda vừa nói vừa ngồi phịch xuống ghế bành.

“Tôi không nghĩ ở đây có gì đáng giá để mà trộm, trừ phi chúng ta trộm hàm răng giả của bà cô Hartnell,” Lawrence cố gắng nhập cuộc pha trò.

“Cái hàm giả ấy mà va vào nhau thì nghe gớm khiếp,” Griselda nói. “Nhưng anh bảo ở làng này không có gì đáng giá là lắm to. Nhà ông Protheroe có một số đồ cổ bằng bạc đẹp tuyệt vời. Đĩa và lọ đựng muối và một chiếc tách thủy tinh Tazza từ thời Charles đệ nhị — toàn là vật quý thôi. Tôi nghĩ chúng đáng giá hàng ngàn bảng.”

“Coi chừng lão ta tặng cho mấy người một phát súng lục bây giờ,” Dennis nói. “Đúng nghề của chàng mà.”

“Ô! Vậy thì chúng ta sẽ ra tay cướp của,” Griselda nói. “Có ai có súng lục không nhỉ?”

“Tôi có một khẩu hiệu Mauser,” Lawrence đáp.

“Anh có hả? Ôi hồi hộp quá! Sao mà anh có được?”

“Kỷ vật thời chiến,” Lawrence đáp vắn tắt.

“Lão Protheroe hôm nay đã cho Stone xem đồ bạc,” Dennis xen vào. “Có vẻ già Stone mê mẩn mấy thứ ấy quá chừng.”

“Tưởng họ đã cãi nhau về vụ ngôi mộ,” Griselda nói.

“Ô, họ dàn hòa với nhau rồi,” Dennis nói. “Dù sao cháu cũng chẳng biết người ta đào xới mấy ngôi mộ để tìm cái gì nữa.”

“Cái nhà ông Stone này làm tôi thấy khó hiểu quá,” Lawrence góp chuyện. “Tôi nghĩ chắc ông ta phải đăng trí lắm nên nhiều khi chẳng biết tí gì về chuyên môn của mình cả.”

“Tình yêu là thế,” Dennis buột miệng. “Gladys Cram thân yêu, nàng không hề vờ vĩnh. Hàm răng nàng trắng bóng khiến lòng anh sung sướng ngất ngây. Nay cô dâu tương lai, hãy đến đây cùng anh bay vào cõi mộng. Và tại Blue Boar, trong gian phòng ngủ này...”

“Đủ rồi đấy Dennis,” tôi ngắt lời thẳng bẻ.

“À, giờ tôi xin kiếu,” Lawrence Redding nói. “Cám ơn bà rất nhiều về buổi tối rất vui vẻ hôm nay, bà Clement.”

Griselda và Dennis tiễn anh ta ra về, rồi Dennis một mình quay lại phòng làm việc. Có chuyện gì đó xảy ra làm thẳng bẻ bực bội. Nó rảo bước quanh phòng, cau có đá bàn đá ghế. Đồ nội thất nhà tôi đã quá cũ kỹ đến mức khó mà hư hỏng hơn nữa, nhưng tôi buộc phải nhẹ nhàng phản ứng. “Cháu xin lỗi,” Dennis nói.

Nó im lặng một lúc rồi buột miệng:

“Cái chuyện ngồi lê đôi mách thổi tha dơ bẩn gì đâu á!”

Tôi hơi ngạc nhiên. Dennis không thường tỏ thái độ kiếu đó.

“Có chuyện gì vậy?” tôi hỏi.

“Cháu không biết có nên nói với bác không nữa.”

Tôi càng ngạc nhiên hơn.

“Quá sức tôi tẻ bẩn thỉu,” Dennis lại nói. “Đi đâu cũng rêu rao đủ thứ chuyện. Thậm chí không chỉ kể lể mà còn nói bóng nói gió nữa. Thôi, quý tha ma bắt — cháu mà kể với bác thì — cháu xin lỗi! Chuyện tởm lắm bác ơi.”

Tôi tò mò nhìn thẳng cháu nhưng không ép nó nói thêm. Tuy vậy tôi vô cùng ngạc nhiên vì tính Dennis xưa nay không quen giữ kín chuyện gì trong lòng.

Ngay lúc ấy Griselda bước vào.

“Bà Wetherby mới vừa gọi điện thoại cho em. Bà Lestranger ra ngoài từ tám giờ mười lăm mà giờ vẫn chưa về nhà. Chẳng ai biết bà ấy đi đâu.”

“Họ cần biết để làm gì chứ?”

“Nhưng bà ấy không đến bác sĩ Haydock. Bà Wetherby biết rõ chuyện ấy vì bà ta đã gọi cho bà Hartnell ở gần nhà ông bác sĩ, nếu bà Lestrangle đến thì bà Hartnell đã nhìn thấy bà ta rồi.”

“Tôi chẳng hiểu làm sao người dân ở đây có thể ăn uống được,” tôi nói. “Hẳn là họ phải vừa đứng cạnh cửa sổ vừa dùng bữa mới chắc chắn không bỏ sót điều gì.”

“Chưa hết đâu mình ạ,” Griselda vẫn sôi sùng sục. “Họ đã phát hiện ở Blue Boar, tiến sĩ Stone và cô Cram thuê hai phòng kế cận, thế nhưng...” nàng ve vẩy ngón tay tỏ ý tin sốt dẻo “...lại không có cửa thông nhau!”

“VẬY chắc mọi người thất vọng lắm,” tôi nói.

Griselda phá lên cười.

Mới đầu ngày thứ năm đã có chuyện không hay. Hai bà trung niên trong giáo phận của tôi cãi nhau về việc trang hoàng nhà thờ. Tôi được mời đến phân xử, bà nào bà nấy đều giận điên người sôi bọt mép. Nếu giận dữ không làm tinh thần con người ta bị xáo trộn thì cũng khiến thân thể bị tác động nhiều.

Sau đó tôi phải khiển trách hai cậu bé trong đội đồng ca vì đã nhai kẹo trong suốt buổi lễ, và tôi bực bội cảm thấy mình đã không toàn tâm toàn ý làm lễ như lễ ra mình phải làm.

Tiếp đến là người chơi đàn ống, vốn rất ‘nhạy cảm’, lại có điều phật ý cần vỗ về xoa dịu.

Và rồi bốn giáo dân nghèo tuyên bố công khai chống đối bà Hartnell khiến bà ta nổi trận lôi đình chạy đi tìm tôi.

Tôi định quay về nhà thì gặp đại tá Protheroe. Ông ta đang rất hể hả vì vừa tóm được ba tên săn trộm với tư cách là quan chức địa phương.

“Phải giữ kỷ cương chứ,” ông ta oang oang giọng. Vì hơi nặng tai nên Protheroe thường nói to. “Cần phải nghiêm khắc — đó là điều cần thiết hiện nay! Phải trừng phạt để làm gương. Cái thằng Archer xỏ lá hôm qua vừa

mới lòi mặt chuột, tôi nghe nói nó thề sẽ trả thù tôi. Quân côn đồ vô lại láo xược! Tục ngữ có câu, càng bị trù ẻo thì càng sống dai. Lần sau tôi mà bắt gặp nó săn trộm chim trĩ của tôi thì nó sẽ hiểu ra thế nào là chuyện nó trả thù tôi. Quá lỏng lẻo! Bây giờ chúng ta buông lỏng quá! Tôi thì lo vạch mặt bọn chúng còn mục sư thì bao giờ cũng được yêu cầu phải chiếu cố đến vợ con chúng nó. Cực kỳ bậy bạ! Vớ vẩn, láo toét! Tại sao một thằng đàn ông có thể thoát tội chỉ vì chúng đem vợ con ra mà than vãn cơ chứ? Với tôi thì đứa nào cũng như nhau — bác sĩ, luật sư, thầy tu, săn trộm hay thằng nát rượu lười biếng vô tích sự — hễ bắt được thằng nào phạm luật thì phải để luật pháp xử chúng. Tôi chắc mục sư đồng ý với tôi.”

“Ông quên rằng chức phận của tôi buộc tôi phải tuân thủ một phẩm chất cao hơn mọi thứ — là lòng khoan dung,” tôi nói.

“À, tôi là người công tâm mà. Không ai có thể phản bác điều đó.”

Tôi không nói gì, thế là ông ta lên giọng gay gắt:

“Sao mục sư không trả lời tôi? Ông nghĩ gì mà mãi mê thế?”

Tôi lưỡng lự, rồi quyết định nói:

“Tôi đang suy nghĩ rằng đến phút lâm chung, tôi sẽ hối tiếc nếu lâu nay lời khẩn cầu của tôi chỉ là công lý. Bởi điều đó có nghĩa cuối cùng tôi đã bị công lý trừng phạt...”

“Hừ! Điều chúng ta cần là một chút tinh thần chiến đấu Cơ Đốc giáo. Tôi luôn luôn hoàn thành nghĩa vụ của mình, hy vọng thế. Có vậy thôi. Như đã nói, chiều tối nay tôi sẽ đến. Nếu mục sư không phiền thì chúng ta sẽ làm việc vào sáu giờ mười lăm thay vì sáu giờ. Tôi phải đi thăm một người trong làng.”

“Giờ ấy hoàn toàn phù hợp với tôi.”

Protheroe hươ gậy và sỏi bước, còn tôi vội vã đến chỗ Hawes. Sáng nay tôi thấy cậu ấy có vẻ nhưốm bệnh. Tôi định khiển trách nhẹ cậu ta về một số việc trong phần hành mà cậu ta làm dở dang hoặc lộn xộn, nhưng nhìn gương mặt trắng bệch căng thẳng của Hawes, tôi biết cậu ta bị bệnh.

Khi tôi nói vậy thì Hawes phủ nhận, nhưng không kịch liệt. Sau cùng cậu ta thú thật mình không được khỏe, và tỏ ra sẵn sàng nghe lời khuyên của tôi

là về nhà nằm nghỉ.

Tôi vội vàng ăn trưa rồi đi thăm một số người. Griselda thì đã đi London bằng chuyến tàu giá rẻ ngày thứ năm. Đến khoảng bốn giờ kém mười lăm tôi trở về, định bụng phác thảo bài Phúc âm ngày chủ nhật thì Mary nói ông Redding đang chờ tôi trong văn phòng.

Tôi trông thấy anh ta đang bồn chồn đi đi lại lại. Mặt anh ta trắng bệch và phờ phạc. Thấy tôi bước vào, anh ta đột ngột quay lại.

“Tôi đã nghĩ thấu đáo về chuyện ngài nói hôm qua. Đêm qua tôi thức trắng suy nghĩ. Ngài nói đúng. Tôi nên đoạn tuyệt và ra đi.”

“Anh bạn thân mến,” tôi nói.

“Điều ngài nói về Anne hoàn toàn đúng. Tôi còn ở lại đây thì chỉ thêm rắc rối cho nàng. Nàng — nàng quá tốt. Tôi biết mình cần phải ra đi. Tôi làm khổ nàng như vậy là đủ rồi, cầu Chúa phù hộ cho tôi.”

“Ta nghĩ anh đã có quyết định duy nhất hợp lý,” tôi nói. “Ta biết đó là một quyết định khó khăn, nhưng hãy tin ta đi, cuối cùng đó sẽ là điều tốt nhất.”

Tôi có thể thấy anh ta nghĩ rằng đó là điều dễ dàng nói ra bởi một người không biết mình đang nói gì!

“Ngài sẽ chăm sóc Anne chứ? Nàng cần có một người bạn.”

“Anh cứ yên chí, ta sẽ làm mọi việc hết sức mình.”

“Xin cảm ơn ngài.” Anh ta siết chặt tay tôi. “Ngài là người tử tế, thưa ngài. Tối nay tôi sẽ gặp nàng để chào tạm biệt, và có thể tôi sẽ thu xếp hành lý để sáng mai lên đường. Kéo dài nỗi thống khổ thì chẳng ích gì. Cảm ơn ngài đã cho tôi mượn nhà kho làm chỗ vẽ tranh. Tôi rất tiếc đã không kịp hoàn thành bức chân dung của phu nhân Clement.”

“Đừng bận tâm việc ấy, anh bạn thân mến. Tạm biệt, cầu Chúa phù hộ cho anh.”

Khi anh ta ra về, tôi cố gắng viết tiếp bài Phúc âm nhưng chẳng được. Đầu óc tôi cứ lẩn quẩn chuyện Lawrence và Anne Protheroe.

Lúc năm giờ rưỡi, tôi đang dùng một tách trà dở tẻ, nguội và đắng ngắt, thì chuông điện thoại reo. Có người báo tin ông Abott ở Lover Farm đang hấp hối và mời tôi đến ngay.

Tôi lập tức gọi đến Old Hall, vì Lover Farm cách nhà mục vụ đến gần hai dặm, có thể tôi sẽ không quay về kịp sáu giờ mười lăm, mà tôi lại không biết đi xe đạp. Tuy vậy, đầu dây kia báo là đại tá Protheroe vừa lên xe ra đi, vì thế tôi cũng lên đường sau khi nhắn với Mary rằng có người mời nên tôi phải đi, nhưng tôi sẽ cố gắng quay về khoảng sáu giờ rưỡi hoặc muộn hơn một chút.

5

Đến quá sáu giờ rưỡi gần bảy giờ tôi mới về đến nhà mục vụ. Khi tôi đến sát cổng thì cánh cổng bật mở và Lawrence Redding bước ra. Anh ta đứng chết sững khi nhận ra tôi, còn tôi nhìn bộ dạng anh ta mà kinh hãi. Trông anh ta như người sắp hóa điên, mắt trợn trừng, mặt mày trắng bệch như xác chết, tay chân co giật run rẩy.

Trong chốc lát tôi ngỡ anh ta đã nốc rượu say, nhưng lập tức bác bỏ ý nghĩ ấy.

“Này, anh lại đến tìm ta đấy hả?” Tôi hỏi. “Xin lỗi vì ta đi vắng. Giờ anh quay lại đi. Ta sắp gặp ông Protheroe về một số việc liên quan đến sổ sách — nhưng chắc chúng tôi không làm việc lâu đâu.”

“Protheroe,” anh ta nói rồi cười phá lên. “Protheroe à? Ngài sẽ gặp Protheroe sao? Ồ, thế nào ngài cũng gặp ông ta ngay. Ôi! Lạy Chúa tôi — vâng!”

Tôi trở mắt nhìn rồi máy móc đưa tay về phía Lawrence, nhưng anh ta đột ngột tránh sang một bên.

“Không,” anh ta gần như hét lên. “Tôi cần phải đi — để suy nghĩ. Tôi cần suy nghĩ. Tôi phải suy nghĩ.”

Anh ta bỏ chạy và nhanh chóng khuất dạng trên con đường dẫn về làng, để lại tôi đứng chăm chăm nhìn theo và trở về với ý nghĩ ban đầu là anh ta say rượu.

Sau cùng tôi lắc đầu và đi vào nhà. Cửa trước lúc nào cũng để ngỏ, tuy nhiên tôi vẫn nhấn chuông. Mary vừa chùi tay vào tạp dề vừa bước ra.

“Cuối cùng mục sư đã về,” cô lên tiếng.

“Đại tá Protheroe có đến không?” tôi hỏi.

“Trong phòng làm việc. Tới hồi sáu giờ mười lăm.”

“Còn ông Redding này giờ có vào đây không?”

“Mấy phút trước có tới đây hỏi thăm mục sư. Tui nói ông sắp về và đại tá Protheroe đang chờ trong phòng làm việc, ổng nói vậy ổng cũng chờ rồi bước vô. Giờ ổng đang ở trong.”

“Không, anh ta không có trong ấy,” tôi nói. “Tôi vừa gặp anh ta đi ra đường.”

“À, tui không biết ổng đi. Vậy ổng chỉ ở đây có một hai phút thôi. Bà chủ thì lên thành phố chưa về.”

Tôi lơ đãng gật đầu. Mary rút vào bếp còn tôi đi dọc theo hành lang và mở cửa phòng.

Ngoài hành lang trời nhập nhoạng, khi mở cửa thì ánh nắng chiều rọi vào phòng khiến tôi bị lóa mắt. Tôi bước một hai bước vào phòng và rồi dừng lại chết sững.

Trong khoảnh khắc tôi không thể nào tin nổi cảnh tượng xảy ra trước mắt mình. Đại tá Protheroe nằm sòng soài trên bàn viết của tôi trong tư thế khủng khiếp. Trên mặt bàn gần chỗ đầu ông ta, một vũng dịch đen ngòm từ từ nhỏ giọt xuống sàn nhà nghe tong tong thật rùng rợn.

Tôi trấn tĩnh lại và bước đến gần đại tá. Sờ vào thì da ông ta lạnh ngắt. Nhấc tay lên thì tay roi thông xuống, ông ta đã chết — một viên đạn găm vào sọ.

Tôi bước ra cửa gọi Mary. Khi cô ta vào, tôi ra lệnh cho cô ta chạy hết tốc lực đi mời bác sĩ Haydock nhà ở ngay góc đường. Tôi bảo cô ta là đã xảy ra tai nạn.

Rồi tôi quay lại khép cửa chờ bác sĩ đến.

May thay, Mary tìm thấy bác sĩ đang ở nhà. Haydock là một người tốt bụng, vóc cao to lực lưỡng, nét mặt thô kệch và chất phác. Ông ta nhướn mày khi tôi lảng lảng chỉ vào phòng, nhưng là một bác sĩ đích thực, ông không mảy may tỏ ra xúc động, ông cúi xuống gần xác chết và nhanh chóng khám nghiệm. Rồi ông ta đứng thẳng người và nhìn tôi từ đầu đến chân.

“Thế nào?” tôi hỏi.

“Ông ta chết thật rồi — phải nói là đã chết nửa tiếng đồng hồ.”

“Tự sát ư?”

“Không thể như thế được. Mục sư nhìn vị trí vết thương này. Hơn nữa nếu ông ta tự bắn mình thì khẩu súng ở đâu?”

“Đúng vậy, không có dấu hiệu của bất cứ vật gì như thế.”

“Tốt nhất chúng ta không được động đến hiện trường,” Haydock nói. “Để tôi gọi báo cảnh sát.”

Bác sĩ nhắc ống nghe và nói chuyện, ông trình bày vắn tắt sự việc rồi gác máy và đến chỗ tôi đang ngồi.

“Việc này tệ hại quá. Mục sư tìm thấy ông ta như thế nào?”

Tôi giải thích.

“Một việc tệ hại,” ông bác sĩ lặp lại.

“Có phải... có phải là giết người không?” tôi rụt rè hỏi.

“Có vẻ như vậy. Ý tôi là làm sao khác hơn chứ? Quái lạ, không biết ai đã ra tay với ông lão đáng thương này. Tất nhiên tôi hiểu chẳng ai ưa gì ông ta, nhưng thường người ta đâu bị giết vì lý do đó — rùi thay.”

“Còn một chuyện khá kỳ lạ nữa,” tôi nói. “Chiều nay có người điện thoại mời tôi đến nhà một giáo dân đang hấp hối, nhưng khi tôi đến nơi thì mọi người đều ngạc nhiên vì người bệnh đã khá hơn rất nhiều so với mấy hôm trước, và bà vợ ông ta dứt khoát phủ nhận là không hề gọi cho tôi.”

Haydock nhíu mày.

“Đây là việc có chủ ý — rất có chủ ý. Mục sư đã trúng kế điệu hổ ly sơn. Bà nhà đâu rồi?”

“Nhà tôi đi London suốt cả ngày.”

“Còn cô hầu?”

“Ở trong bếp — phía đầu hồi bên kia.”

“Ở bên ấy hình như cô ta không nghe thấy gì từ bên này vọng đến. Sự việc kinh khủng quá. Có ai biết chiều nay Protheroe đến đây không?”

“Sáng nay trên đường làng, ông ta đã nhắc tới việc ấy bằng cái giọng oang oang cố hữu.”

“Nghĩa là cả làng đều biết! Bất luận thế nào họ cũng biết! Vậy có biết kẻ nào có hiềm thù với ông ta không?” Gương mặt trắng bệch và ánh mắt nhìn trần trối của Lawrence vụt hiện ra trong óc tôi, nhưng tôi chưa kịp trả lời thì có tiếng chân bên ngoài hành lang.

“Cảnh sát đến,” ông bạn tôi nói rồi đứng dậy.

Cảnh sát trưởng Hurst đại diện cho lực lượng cảnh sát vùng này, ra vẻ rất quan trọng nhưng lại chẳng mấy lo lắng.

“Xin chào quý ông. Chút xíu nữa ông thanh tra sẽ đến. Trong khi chờ đợi tôi sẽ làm theo chỉ thị của ông ấy. Tôi được biết đại tá Protheroe đã bị bắn chết — ở phòng làm việc của mục sư.”

Ông ta dừng lại rồi ném cho tôi cái nhìn lạnh lùng đầy ngờ vực khiến tôi phải cố giữ thái độ bình thường của một người vô tội. Rồi ông ta đến bên bàn làm việc và thông báo:

“Không được động vào bất cứ thứ gì trước khi ông thanh tra đến.”

Để độc giả tiện theo dõi, tôi gắn vào đây sơ đồ căn phòng.*

Cảnh sát trưởng rút số tay ra, nhấm ướm đầu bút chì rồi nhìn hai chúng tôi.

Tôi kể lại chuyện mình phát hiện xác chết. Sau một hồi ghi chép toàn bộ, ông ta quay sang viên bác sĩ.

“Theo ông thì đâu là nguyên nhân gây ra cái chết, bác sĩ Haydock?”

“Bị bắn vào đầu ở cự ly rất gần.”

“Còn vũ khí?”

“Tôi không thể nói chính xác một khi chúng tôi chưa lấy được đầu đạn. Nhưng theo tôi có thể viên đạn được bắn ra từ một khẩu súng nòng nhỏ — ví dụ loại Mauser.25.”

Tôi lại nhớ đến cuộc nói chuyện tối hôm trước và lời thừa nhận của Lawrence Redding về khẩu súng. Viên cảnh sát giương cặp mắt ốc nhồi lạnh lùng nhìn tôi:

“Ông có nói gì không, thưa ông?”

Tôi lắc đầu. Cho dầu tôi có nghi ngờ đi nữa thì đó cũng chỉ là nghi ngờ không hơn không kém, mà điều ấy thì phải giữ trong lòng.

“Theo ý kiến của ông thì thảm kịch này xảy ra lúc nào?” Bác sĩ ngần ngừ giây lát rồi trả lời:

“Nạn nhân mới chết khoảng hơn nửa tiếng đồng hồ. Chắc chắn không lâu hơn.”

Hurst quay lại phía tôi:

“Cô người hầu có nghe thấy gì không?”

“Theo tôi biết thì cô ấy không nghe thấy gì cả,” tôi đáp. “Nhưng ông nên hỏi cô ta thì tốt hơn.”

Nhưng ngay lúc ấy Thanh tra Slack đến, ông ta đi ô tô từ Much Benham cách đây hai dặm đường.

Tất cả những gì tôi có thể nói về Thanh tra Slack* là chưa bao giờ có ai lại mang cái tên hoàn toàn trái ngược với mình như thế. Đó là một người da ngăm ngăm, dáng vẻ năng động và mạnh mẽ, đôi mắt đen linh hoạt, cung cách thô bạo và cực kỳ hống hách.

Thanh tra gật đầu chiếu lệ đáp lại lời chào của chúng tôi, chộp lấy sổ ghi chép của thuộc cấp đọc lướt qua rồi khẽ trao đổi với Hurst một vài từ cộc lốc, sau đó sải bước đến bên tử thi.

“Mọi thứ ở đây đã bị xê dịch và xáo tung lên rồi.”

“Tôi không hề động đến cái gì cả,” Haydock nói.

“Tôi cũng thế,” tôi nói.

Viên thanh tra loay hoay một lúc sẫm soi mọi thứ trên bàn cũng như vũng máu.

“Chà chà!” Giọng ông ta đặc thẳng. “Thứ chúng ta cần đây rồi. Cái đồng hồ đã ngừng chạy khi ông ta ngã xuống. Điều này sẽ cho chúng ta biết thời điểm xảy ra tội ác. Sáu giờ hai mươi hai phút, ông nói người này chết lúc mấy giờ hả bác sĩ?”

“Tôi nói khoảng nửa tiếng đồng hồ, nhưng...”

Viên thanh tra xem đồng hồ tay của mình.

“Bảy giờ năm phút. Tôi được tin khoảng mười phút trước, lúc bảy giờ kém năm. Xác chết được phát hiện khoảng bảy giờ kém mười lăm. Tôi được

biết ông đã được mời đến ngay lập tức, nghĩa là ông khám tử thi lúc bảy giờ kém mười — Thế đấy, vậy là hầu như chính xác từng giây!”

“Tôi không đảm bảo tuyệt đối chính xác về thời gian,” Haydock nói. “Chỉ là ước tính thôi.”

“Thế là tốt rồi ông ạ, tốt rồi.”

Tôi cố nói xen vào:

“Về chiếc đồng hồ ấy thì...”

“Xin lỗi thưa mục sư, cần biết điều gì thì tôi sẽ hỏi ông nhé. Không có nhiều thời gian đâu. Điều tôi muốn là mọi người phải im lặng.”

“Vâng, nhưng tôi muốn nói với ông rằng...”

“Tuyệt đối im lặng,” thanh tra trừng mắt hùng hổ nhìn tôi.

Tôi làm theo yêu cầu của Slack.

Ông ta vẫn sẫm soi cái bàn viết.

“Ông ấy ngồi vào đây làm gì nhỉ,” viên thanh tra làu bàu. “Hay ông ấy định viết thư — chà — cái gì thế này?”

Ông ta rút ra một mảnh giấy với vẻ đắc thắng, và quá hài lòng với phát hiện của mình đến mức cho phép chúng tôi đến cạnh cùng xem.

Đó là loại giấy viết thư của nhà mục vụ, ngay đầu trang có ghi sáu giờ hai mươi. Thư viết:

CLEMENT THÂN MẾN, xin lỗi mục sư vì tôi không thể chờ lâu hơn, nhưng tôi phải...

Đến đây thì nét chữ trở nên ngoằn ngoèo rồi kết thúc.

“Thế là đã rõ như ban ngày,” Thanh tra Slack đắc ý. “Ông ta ngồi đây để viết thư, kẻ thù rón rén bước vào qua cửa hông rồi bắn ông ta trong khi ông ta đang viết. Các ông còn cần gì thêm nữa không?”

“Tôi chỉ muốn nói...” tôi bắt đầu.

“Ông làm ơn tránh ra giùm. Tôi muốn nhìn xem có dấu chân không?”

Rồi thanh tra lồm cồm bò ra theo lối cửa hông đang mở.

“Tôi nghĩ ông cần phải biết...” tôi ngoan cố nói.

Viên thanh tra đứng thẳng người lên, không tỏ vẻ nóng nảy nhưng rất kiên quyết.

“Chúng ta sẽ bàn đến mọi việc sau. Tôi rất cảm ơn nếu quý ngài biến đi ngay cho. Vui lòng biến ngay lập tức.”

Chúng tôi đành để mình bị xuyt ra ngoài chẳng khác gì bọn nhãi con.

Cứ tưởng đã mấy giờ trời qua — vậy mà chỉ mới bảy giờ mười lăm.

“Chà, ra thế đấy!” Haydock nói. “Chừng nào con lừa tự cao tự đại này cần tôi thì mục sư bảo hãnh đến phòng khám nhé. Tạm biệt.”

“Bà chủ về rồi,” Mary từ bếp ló ra, tròn mắt nôn nóng tò mò. “Về được năm phút rồi.”

Tôi sang phòng khách gặp Griselda. Nàng tỏ vẻ sợ hãi nhưng đầy phấn khích, và chăm chú lắng nghe tôi kể lại sự tình.

“Thư ghi tiêu đề là sáu giờ hai mươi,” tôi kết thúc câu chuyện. “Còn đồng hồ rơi rồi ngưng chạy lúc sáu giờ hai mươi hai phút.”

“Vâng,” Griselda nói. “Nhưng mình có nói với ông ta rằng cái đồng hồ ấy luôn luôn chạy nhanh mười lăm phút không?”

“Không mình ạ. Ông ta có để cho tôi mở miệng đâu. Tôi đã cố mấy lần rồi.”

Griselda bối rối cau mày.

“Nhưng Len này, chính điều đó khiến cho toàn bộ sự việc trở nên cực kỳ lạ lùng,” nàng nói. “Bởi vì khi đồng hồ chỉ sáu giờ hai mươi thì thực sự chỉ mới sáu giờ năm phút, mà theo em thì lúc sáu giờ năm phút tá Protheroe vẫn chưa đến đây.”

6

Chúng tôi bối rối hồi lâu về chuyện chiếc đồng hồ nhưng chẳng biết làm sao. Griselda bảo tôi nên cố gắng nói cho Thanh tra Slack rõ chuyện, tuy nhiên vào lúc này tôi cảm thấy mình chỉ có thể miêu tả mỗi một điều là ‘ngang ngạnh’.

Thanh tra Slack đã tỏ ra cực kỳ khiếm nhã và thô lỗ hầu như quá mức cần thiết. Tôi sẽ chờ đến lúc có thể đưa ra chứng cứ đắt giá của mình và cho ông ta thấy đã sai lầm ra sao. Lúc ấy tôi sẽ nhẹ nhàng trách ông ta: “Giá như ông chịu lắng nghe tôi, Thanh tra Slack...”

Tôi nghĩ ít ra ông ta cũng phải nói chuyện với tôi trước khi rời khỏi nhà mục vụ, nhưng chúng tôi ngạc nhiên nghe Mary báo ông ta đã ra về sau khi khóa cửa văn phòng và hạ lệnh không ai được bước vào đó.

Griselda nảy ý định đến Old Hall.

“Thật là kinh khủng cho Anne Protheroe — với cảnh sát và đủ mọi thứ,” nàng nói. “Có thể em sẽ làm được chút gì đó cho bà ấy.”

Tôi chân thành ủng hộ ý kiến đó, và Griselda lên đường sau khi tôi dặn nàng phải gọi điện thoại cho tôi nếu thấy tôi có thể giúp đỡ hoặc an ủi những người phụ nữ ở đó.

Rồi tôi gọi cho giáo viên của lớp học ngày chủ nhật, họ sắp đến đây lúc bảy giờ bốn mươi lăm để chuẩn bị cho buổi học hàng tuần. Tôi nghĩ trong tình hình này nên báo họ hoãn lại thì tốt hơn.

Dennis là người thứ nhì đến hiện trường, nó vừa từ chỗ hội chơi tennis trở về. Việc có án mạng xảy ra tại nhà mục vụ xem ra khiến thằng bé hết sức toại nguyện. Cu cậu kêu lên:

“Được ở ngay hiện trường một vụ giết người thì thật là quá đã! Cháu luôn muốn ở ngay giữa trung tâm sự việc như vậy. Mà tại sao cảnh sát lại khóa trái cửa phòng làm việc chứ? Có chìa khóa nào khác mở được không?”

Vì tôi không cho phép làm bất cứ việc gì như thế nên Dennis phải miễn cưỡng nhượng bộ. Sau khi cố moi ở tôi mọi chi tiết có thể, nó ra vườn truy tìm các dấu chân, vừa vui vẻ nhận xét rằng may sao chỉ là lão Protheroe, người mà chẳng ai ưa.

Cái lối thích thú nhẩn tâm ấy khiến tôi hơi nổi cáu, nhưng nghĩ lại tôi thấy có thể mình đã hơi khắt khe với thằng bé. Ở tuổi Dennis, truyện trinh thám là một trong những thứ tuyệt nhất trên đời; và phát hiện một câu chuyện trinh thám có thật, có cả tử thi nằm chờ trên ngưỡng cửa nhà ai đó, có thể nói chắc chắn sẽ khiến một đứa trẻ đầu óc lạnh mạnh cảm thấy lâng lâng hứng thú. Với một thằng nhóc mười sáu tuổi thì cái chết chỉ là chuyện nhỏ.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau thì Griselda về tới. Nàng đến nhà Anne Protheroe ngay sau khi viên thanh tra báo tin cho bà ta. Khi nghe bà Protheroe nói bà nhìn thấy chồng mình lần cuối trong làng vào khoảng sáu giờ kém mười lăm, và bà cũng không có bất cứ manh mối nào để quy việc này cho ai, ông ta liền ra về và giải thích rằng có thể ngày mai ông sẽ quay lại để thẩm vấn đầy đủ hơn.

“Ông ta hoàn toàn lịch sự theo cách của ông,” Griselda miễn cưỡng nói.

“Bà Protheroe tiếp nhận tin ấy ra sao?” tôi hỏi.

“À — bà ấy rất bình tĩnh — nhưng bà ấy bao giờ cũng thế mà.”

“Phải,” tôi đáp. “Tôi chẳng thể hình dung Anne Protheroe lại trở nên điên loạn được.”

“Mình cũng thấy đó, dĩ nhiên đây là cú sốc lớn. Bà ấy cảm ơn em đã đến thăm và nói rằng rất biết ơn, nhưng em chẳng giúp được gì cho bà ấy đâu.”

“Còn Lettice thì sao?”

“Cô ấy đi chơi tennis ở đâu đó chưa về.”

Ngưng một lúc rồi Griselda nói tiếp:

“Mình biết không Len, trông bà ấy thực sự rất kỳ quặc — hết sức kỳ quặc, thật đó.”

“Là do bị sốc,” tôi gợi ý.

“Vâng — em cũng nghĩ vậy. Tuy nhiên...” Griselda bối rối nhíu mày. “Hình như không phải vậy. Có vẻ như bà ấy — à — bà ấy khiếp hãi nhiều

hơn là bàng hoàng sửng sốt mình ạ.”

“Khiếp hãi ư?”

“Phải — nhưng không bộc lộ ra ngoài, mình biết đấy. Chí ít là không muốn tỏ ra như thế. Nhưng trông bà ấy đầy cảnh giác và đáng ngờ lắm. Em tự hỏi có phải bà ấy đang nghĩ xem ai giết ông ta không. Bà ấy cứ hỏi đi hỏi lại là có ai bị tình nghi không.”

“VẬY sao?” tôi trầm ngâm.

“Vâng. Dĩ nhiên Anne là người cực kỳ tự chủ, nhưng có thể thấy bà ta bối rối kinh khủng. Bối rối nhiều hơn em tưởng, bởi lẽ nói cho cùng thì bà ta có tận tụy với chồng đến mức ấy đâu! Em đã từng nói bà ấy ghét ông đại tá lắm, có lẽ vậy.”

“Cái chết đôi khi làm người ta thay đổi cảm xúc,” tôi nói.

“Vâng, em cũng nghĩ vậy.”

Dennis bước vào và hết sức phấn khởi vì đã phát hiện dấu chân cạnh một luống hoa. Nó chắc chắn cảnh sát đã bỏ sót điều này, điều hóa ra lại trở thành điểm mấu chốt của bí ẩn.

Tôi trải qua một đêm trần trọc không yên. Dennis thức giấc và ra khỏi nhà rất sớm trước giờ’ điếm tâm để ‘nghiên cứu những diễn biến mới nhất’, như lời cu cậu. Tuy nhiên không phải nó mà lại là Mary mang đến một số tin giật gân vào buổi sáng.

Chúng tôi vừa ngồi xuống dùng điếm tâm thì cô ta đột nhiên xộc vào phòng. Má đỏ bừng bừng và mắt long lanh, cô ta báo tin với chúng tôi theo lối trông trông thường ngày:

“Biết gì chưa? Thằng bán bánh mì mới kể tui nghe là thằng cha Redding bị tóm rồi.”

“Bắt Lawrence à?” Griselda ngờ vực kêu lên. “Không thể như vậy được. Nhất định là do nhầm lẫn ngu xuẩn.”

“Làm gì mà làm hả mẹ!” Mary tỏ vẻ hể hả đắc chí. “Thằng cha Redding đó, tự chả đến nộp mạng mà. Hồi khuya hôm qua chứ đâu. Xông vô đồn,

liệng khẩu súng lục lên bàn rồi nói: ‘Là tui giết!’ Vậy đó!”

Cô ta gục gặc đầu nhìn hai chúng tôi rồi rút lui, hài lòng vì vừa gây được ấn tượng. Griselda và tôi cũng nhìn nhau.

“Ôi! Không đúng!” Griselda nói. “Không thể như thế được!”

Thấy tôi lặng thinh, nàng tiếp: “Mình cũng không nghĩ đó là sự thật, phải không Len?”

Tôi thấy khó mà trả lời nàng. Tôi ngồi thừ người im lặng mà đầu óc rối tung.

“Chắc anh ta điên rồi,” Griselda nói. “Điên nặng rồi. Hoặc mình có nghĩ rằng hai người họ đang cùng nhau xem khẩu súng thì bất ngờ nó bị cướp cò không?”

“Sự việc xảy ra có vẻ hoàn toàn không giống như thế.”

“Nhưng đây lẽ ra phải là một loại tai nạn, bởi vì không có dấu hiệu nào cho thấy động cơ gây án. Làm sao nghĩ ra lý do khiến Lawrence phải giết đại tá Protheroe kia chứ?” Lẽ ra tôi đã có thể trả lời câu hỏi này một cách rất rõ ràng dứt khoát, nhưng tôi muốn càng ít động chạm đến Anne Protheroe càng tốt. Có lẽ vẫn còn chút cơ may để giữ cho bà ta không liên lụy việc này.

“Mình nhớ là trước đây họ đã có lần cãi nhau đấy.”

“Về Lettice và chiếc áo tắm của cô ấy chứ gì? Vâng, nhưng thật vô lý mình ạ, và ngay cả khi anh ta và Lettice bí mật đính ước với nhau đi nữa — à, thì đó chẳng phải là lý do để giết bố cô ấy.”

“Thực chất vụ án ra sao, chúng ta đâu biết được hở Griselda!”

“Mình tin như vậy à? Ôi! Sao mình có thể nghĩ như vậy được! Em nói cho mình biết, em chắc chắn Lawrence không bao giờ động tới một sợi tóc của ông ta đâu.”

“Mình nhớ lại đi, tôi đã gặp anh ta ngay cổng nhà, lúc ấy trông anh ta như lên cơn điên.”

“Vâng, nhưng — ôi! Không thể được!”

“Còn chuyện chiếc đồng hồ nữa,” tôi nói. “Điều này giải thích về chiếc đồng hồ. Lawrence hẳn đã phải vụng lòi kim về sáu giờ hai mươi với ý nghĩ

tạo chứng cứ ngoại phạm cho anh ta. Nhìn xem Thanh tra Slack rơi vào bẫy ra sao.”

“Mình sai rồi Len. Lawrence biết chuyện cái đồng hồ ấy chạy nhanh mà. Anh ta thường bảo là, để mục sư luôn đúng giờ! Lawrence không bao giờ phạm sai lầm là chỉnh đồng hồ lùi lại sáu giờ hăm hai phút. Lẽ ra anh ta có thể vặn kim bất cứ giờ nào — bảy giờ kém mười lăm chẳng hạn.”

“Có thể anh ta không biết Protheroe đến đây lúc mấy giờ, hoặc đơn giản hơn anh ta quên mất đồng hồ chạy nhanh thì sao?”

Griselda không đồng ý.

“Không đâu, nếu anh phạm tội giết người thì anh sẽ hết sức lưu ý những việc như thế.”

“Mình ạ, mình không hiểu được đâu,” tôi ôn tồn nói, “vì mình chưa bao giờ làm những chuyện như thế.”

Griselda chưa kịp trả lời thì một cái bóng đổ xuống bàn ăn, rồi một giọng nói dịu dàng cất lên:

“Xin thứ lỗi, hy vọng tôi không quá đường đột. Nhưng trong tình cảnh đau thương này — tình cảnh quá đổi đau thương...”

Đó là hàng xóm của chúng tôi, bà Marple. Chấp nhận lời bỏ qua phép lịch sự của chúng tôi, bà ta bước qua cửa hông vào phòng, và tôi chìa ghế ra mời bà ngồi. Trông bà rất xúc động và phấn khích.

“Kinh khủng quá phải không ạ? Tội nghiệp đại tá Protheroe. Có thể ông ta không phải là người dễ chịu vui vẻ cho lắm và thực ra cũng không được mọi người yêu mến, nhưng dù sao thì cũng đáng buồn. Nghe nói bị bắn ngay trong phòng làm việc của mục sư phải không ạ?”

Tôi đáp rằng đúng như vậy.

“Nhưng lúc ấy mục sư không có nhà sao?” bà Marple cất vấn Griselda.

Tôi giải thích mình đã ở đâu.

“Sáng nay cậu Dennis không ở đây hay sao ạ?” bà Marple vừa hỏi vừa đảo mắt nhìn quanh.

“Dennis đang tự xem mình là thám tử nghiệp dư,” Griselda đáp. “Thằng bé rất phấn khởi khi tìm ra dấu chân người ở luống hoa trong vườn, và tôi

nghĩ nó đã đi báo cảnh sát việc này.”

“Ôi trời,” bà Marple nói. “Sao mà lộn xộn thế nhỉ! Cậu Dennis nghĩ cậu ấy biết ai là kẻ thủ ác ư? À, tôi cho rằng tất cả chúng ta đều nghĩ mình biết.”

“Ý bà chuyện đó là hiển nhiên sao?” Griselda hỏi.

“Ồ không, tôi không hề có ý đó. Tôi dám chắc rằng mỗi người đều nghĩ đến một người khác nhau. Do vậy, điều quan trọng là phải có chứng cứ. Chẳng hạn tôi đây này, tôi hoàn toàn tin chắc mình biết ai đã làm việc đó. Nhưng tôi phải thừa nhận mình không có chút chứng cứ nào. Ở thời điểm này, tôi biết mọi người phải hết sức thận trọng về những gì mình phát biểu — sự phỉ báng mang tính hình sự, người ta gọi thế đúng không? Tôi đã quyết định là với Thanh tra Slack thì càng phải cực kỳ thận trọng, ông ta đã gửi giấy báo có thể ông ta đến gặp tôi sáng nay, nhưng vừa rồi ông ta lại gọi điện thoại bảo rằng xét cho cùng thì chẳng cần thiết.”

“Tôi cho rằng sau vụ bắt giam thì việc ấy không còn cần thiết nữa,” tôi nói.

“Bắt giam à?” bà Marple nhào người về phía trước, hai má đỏ bừng vì phấn khích. “Tôi không biết đã có vụ bắt giam.”

Thật hiếm khi bà Marple lại nắm thông tin chậm hơn chúng tôi, nên tôi cho rằng chuyện bà ấy muốn biết diễn biến mới nhất là đương nhiên.

“Có vẻ chúng ta đang hiểu lầm nhau,” tôi nói. “Phải — đã có người bị bắt giam — là Lawrence Redding.”

“Lawrence Redding sao?” bà Marple tỏ ra rất bất ngờ. “Tôi chẳng bao giờ nghĩ là...”

Griselda hùng hổ ngắt lời:

“Thậm chí bây giờ tôi vẫn không tin. Không, ngay cả khi ông ấy đã thực sự thú tội.”

“Thú tội ư?” bà Marple nói. “Cô nói anh ta thú tội sao? Ôi trời! Tôi thấy mình quá hoang mang bối rối, vâng, hoang mang bối rối.”

“Tôi cảm thấy chắc chắn đây là một tai nạn,” Griselda nói. “Mình có nghĩ vậy không Len? Ý em là cái cách anh ta tự đi nạp mình trông giống như vậy lắm.”

Bà Marple hăm hở chồm tới trước:

“Cô nói sao, tự đi nạp mình à?”

“Đúng vậy.”

“Ô! Tôi rất sung sướng — vô cùng sung sướng.”

Tôi ngạc nhiên nhìn bà ta.

“Điều đó cho thấy anh ta ăn năn hối hận, tôi nghĩ thế,” tôi nói.

“Ăn năn hối hận ư?” Trông bà Marple hết sức ngạc nhiên. “Ôi, nhưng thưa mục sư kính mến, ông có nghĩ anh ta phạm tội không ạ?”

Đến lượt tôi nhìn bà ta chăm chăm.

“Nhưng vì anh ta đã thú nhận...”

“Vâng, nhưng điều đó có được chứng minh không ạ? Ý tôi là anh ta chẳng liên quan gì đến vụ này cả.”

“Không,” tôi nói. “Có thể là tôi ngu độn, nhưng tôi không nghĩ thế. Nếu anh ta không phạm tội sát nhân thì tôi không hiểu anh ta giả vờ nhận tội để làm gì!”

“Ồ, dĩ nhiên là phải có lý do,” bà Marple nói. “Lẽ thường tình mà. Bao giờ cũng phải có lý do, đúng không ạ? Những chàng trai trẻ thường nóng nảy bộp chộp và có khuynh hướng thiên về điều tồi tệ nhất.”

Bà ta quay sang Griselda.

“Đồng ý với tôi không, cô mình?”

“Tôi — tôi không biết nữa,” Griselda đáp. “Không biết phải nói là mình nghĩ gì. Tôi không thấy có bất cứ lý do nào khiến Lawrence lại hành động cực kỳ ngốc nghếch như vậy.”

“Nếu bà trông thấy vẻ mặt anh ta tối hôm qua...” tôi mở lời.

“Xin mục sư kể tôi nghe,” bà Marple nói.

Bà ta chăm chú lắng nghe tôi thuật lại việc mình trở về nhà hôm ấy. Khi tôi kết thúc, bà nói:

“Tôi biết mình ngốc nghếch, nhưng thực sự tôi không hiểu hết ý của mục sư. Theo tôi, nếu một thanh niên đã quyết tâm gây tội ác bằng việc tước bỏ mạng sống của đồng loại thì anh ta sẽ không vì thế mà tỏ ra quẫn trí sau đó.

Chắc chắn đó là một hành động nhẫn tâm có dự tính trước, và tuy kẻ sát nhân có thể đôi chút bị kích động và có khả năng gây ra một vài sai lầm nhỏ, nhưng tôi không tin anh ta lại rơi vào trạng thái bối rối lo âu như mục sư mô tả. Khó mà tự đặt mình vào tình huống tương tự, nhưng tôi không thể hình dung một trạng thái như vậy.”

“Chúng ta đâu biết chuyện xảy ra thế nào,” tôi bác. “Nếu họ đã cãi nhau thì viên đạn có thể bay khỏi nòng trong lúc Lawrence thiếu kiểm chế, sau đó anh ta mới hoảng kinh về việc mình đã làm. Quả thật tôi muốn tin rằng mọi việc đã thực sự diễn ra như thế.”

“Tôi hiểu, thưa mục sư Clement, có nhiều cách xem xét sự việc. Nhưng chúng ta phải nhìn nhận các dữ kiện đúng theo thực tế phải không ạ? Theo tôi, các dữ kiện không hề phù hợp với cách lý giải của mục sư. Cô hầu nhà ta đã nói rõ là ông Redding chỉ ở trong văn phòng có một vài phút, chắc chắn thời gian ấy không đủ cho một cuộc cãi vã như mục sư đã thuật lại. Ngoài ra tôi được biết ông đại tá bị bắn vào đầu từ phía sau trong khi ông ta đang viết thư mà — chí ít đó là điều con hầu nhà tôi kể lại.”

“Hoàn toàn đúng,” Griselda nói. “Hình như ông ta đang viết rằng mình không thể chờ thêm nữa. Thư đề sáu giờ hai mươi phút, mà chiếc đồng hồ để bàn bị rơi và ngừng chạy lúc sáu giờ hai mươi hai phút, đó chính là điều khiến Len và tôi cực kỳ hoang mang.”

Nàng giải thích thói quen chúng tôi vặn đồng hồ nhanh lên mười lăm phút.

“Thật kỳ lạ,” bà Marple nói. “Thực sự quá đỗi lạ lùng. Nhưng theo tôi lá thư thậm chí còn kỳ lạ hơn. Ý tôi là...”

Bà ta ngưng bật rồi nhìn quanh. Lettice Protheroe đang đứng bên ngoài cửa hông. Cô bước vào, gật đầu chào chúng tôi và khẽ lẩm bẩm “Xin chào.”

Cô ngồi phịch xuống ghế và nói với giọng linh hoạt hơn thường lệ:

“Họ đã bắt Lawrence rồi, em nghe nói thế.”

“Phải,” Griselda đáp. “Đó là cú sốc lớn với chúng tôi.”

“Thực sự em không bao giờ nghĩ ai lại đi giết bố em,” Lettice nói. Rõ ràng cô tỏ ra kiêu hãnh khi không để lộ bất cứ cảm xúc đau buồn nào. “Em

chắc chắn nhiều người muốn làm điều này. Nhiều lần em cũng muốn tự tay kết liễu ông ấy.”

“Cô ăn hoặc uống chút gì nhé Lettice?” Griselda hỏi.

“Không ạ, cảm ơn. Em chỉ tạt qua xem bà có thấy cái mũ bêrê của em ở đây không — cái mũ be bé màu vàng ấy mà. Em nghĩ hôm nọ em đã bỏ quên trong văn phòng.”

“Nếu cô để trong văn phòng thì nó vẫn còn đó,” Griselda nói. “Mary có bao giờ dọn dẹp gì đâu.”

“Em sẽ vào xem,” Lettice đứng lên nói. “Xin lỗi vì đã làm phiền, nhưng hình như em có cái mũ nào thì cũng đánh mất hết cả.”

“Ta e rằng con không vào văn phòng bây giờ được,” tôi nói. “Thanh tra Slack đã khóa cửa phòng rồi.”

“Ôi chà! Bực quá đi. Nhưng chúng ta có thể vào bằng cửa hông được không ạ?”

“Chắc là không, vì cửa đã chốt từ bên trong rồi. Lettice à, có chắc là mũ bêrê màu vàng thích hợp với con lúc này không?”

“Mục sư định nói đến tang phục phải không? Con chẳng băn khoăn gì về việc mặc đồ tang cả. Theo con chuyện này đã quá lỗi thời. Nhưng thật rầy rà cho Lawrence — vâng, thật rầy rà.”

Cô đứng dậy và lơ đãng cau mày.

“Con nghĩ tất cả là do con và chiếc áo tắm mà ra. Toàn bộ câu chuyện thật là ngớ ngẩn...”

Griselda mở miệng định nói nhưng không hiểu vì sao lại im bật.

Một nụ cười lạ lùng hé trên môi Lettice. Cô dịu dàng nói:

“Con nghĩ mình nên về nhà để báo cho Anne biết tin Lawrence bị giam.”

Cô lại bước ra qua lối cửa hông. Griselda quay sang bà Marple:

“Sao bà lại giẫm lên chân tôi?”

Bà già mỉm cười:

“Vì tôi nghĩ cô định nói điều gì đó, cô mình. Cứ để mọi việc tự diễn tiến theo cách của nó thì tốt hơn. Cô biết không, tôi không nghĩ rằng con bé này

lơ đãng như nó giả vờ đâu. Đầu óc nó suy nghĩ rất rõ ràng rành mạch và nó hành động theo suy nghĩ đó.”

Mary gõ cửa phòng ăn âm ỉ và gần như bước hẳn vào phòng.

“Chuyện gì?” Griselda hỏi. “Mary à, cô phải nhớ là không được gõ cửa phòng. Tôi đã dặn cô trước rồi cơ mà.”

“Thì tưởng mọi người đang bận rộn,” Mary đáp. “Đại tá Melchett vừa tới, muốn gặp ông chủ.”

Đại tá Melchett là chỉ huy cảnh sát hạt. Tôi đứng bật dậy.

“Tôi nghĩ chắc ông bà không muốn tôi để ông đứng ngoài hành lang, nên tôi đã dẫn ông vô phòng khách rồi,” Mary nói tiếp. “Tôi dọn bàn được chưa?”

“Chưa đâu,” Griselda đáp. “Tôi sẽ nhấn chuông gọi.” Nàng quay sang bà Marple, còn tôi rời khỏi phòng.

7

Đại tá Melchett là một người nhỏ thó lanh lợi, có thói quen thường xuyên khụt khịt mũi. Tóc ông hung hung đỏ và mắt xanh biếc tinh anh.

“Chào mục sư,” ông nói. “Này, sự việc kinh khủng quá phải không? Tội nghiệp lão Protheroe. Chẳng phải tôi ưa gì lão ta. Không hề. Mà cũng chả ai ưa lão ấy. Việc cũng ít nhiều liên can đến mục sư nữa. Hy vọng không làm bà xã của ông quá lo lắng chứ?”

Tôi đáp rằng Griselda tiếp nhận tin này một cách rất vững vàng.

“VẬY thì may quá. Chuyện như vậy xảy ra trong nhà thì quá tệ hại. Phải nói là tôi bất ngờ vì cậu Redding — về cách cậu ta phạm tội. Chẳng ai nghĩ ra được chuyện như vậy.”

Tôi chợt muốn phá lên cười sảng sặc. Nhưng rõ ràng việc Melchett quan tâm đến một tên sát nhân thì chẳng có gì là kỳ cục cả, vì vậy tôi giữ im lặng.

“Phải nói là tôi khá sững sốt khi nghe chuyện cậu ta bước vào đồn nạp mình,” đại tá Melchett vừa ngồi xuống ghế vừa nói tiếp.

“Chính xác chuyện xảy ra thế nào?”

“Hồi mười giờ tối hôm qua. Cậu ta xông vào, quăng khẩu súng lên bàn rồi nói: ‘Tôi đây. Chính tôi đã làm việc ấy.’ Vậy đó.”

“Anh ta khai thế nào?”

“Hết sức kiệm lời. Tất nhiên anh ta được hướng dẫn để làm bản cung khai, nhưng anh ta chỉ cười to. Anh ta bảo đến nhà tìm mục sư nhưng lại gặp Protheroe ở đó. Hai người cãi qua cãi lại rồi anh ta bắn ông ấy. Chẳng hề khai là cãi cọ việc gì. Clement này — mình nói riêng với nhau thôi, mục sư có biết chút gì về chuyện này không? Tôi nghe đồn anh ta bị ông Protheroe cấm cửa, đại loại thế. Là chuyện gì — có phải anh ta quyến rũ con gái ông ấy không, hay là chuyện gì? Vì lợi ích của mọi người, chúng tôi muốn tránh

cho cô gái liên can vào việc này, càng ít càng tốt. Có phải là chuyện rắc rối ấy không?”

“Không đâu,” tôi đáp, “ông có thể tin ở tôi rằng có một chuyện hoàn toàn khác, nhưng ngay lúc này đây thì tôi không thể nói gì hơn.”

Melchett gật đầu rồi đứng lên.

“Biết được chừng đó là tôi mừng rồi. Cái làng này nhiều bà tám quá, thiên hạ giờ đang xì xào bàn tán dữ lắm. Chà, tôi phải đi gặp Haydock đây. Ông ta vừa nãy được mời đi khám ở đâu đó, nhưng giờ chắc về đến nhà rồi. Xin nói với mục sư rằng tôi rất thông cảm với Redding. Anh ta luôn gây ấn tượng với tôi là một thằng cha tử tế. Có thể người ta sẽ nghĩ đến việc bào chữa cho cậu ấy. Hậu quả của chiến tranh, bệnh thần kinh, đại loại thế, đặc biệt là nếu không tìm ra động cơ thích đáng. Tôi phải đi đây. Mục sư có muốn đi với tôi không?”

Tôi đáp tôi rất muốn đi, và chúng tôi cùng ra khỏi nhà.

Nhà Haydock ở cạnh nhà tôi. Người hầu của bác sĩ báo ông vừa về đến nơi và đưa chúng tôi vào phòng ăn, Haydock đang ngồi trước đĩa thịt lợn muối xông khói và trứng còn nóng sốt.

Bác sĩ nhã nhặn gật đầu chào chúng tôi:

“Xin thứ lỗi vì tôi đi vắng. Có một ca chuyển dạ. Còn việc của ông thì suốt đêm qua tôi hầu như thức trắng và đã lấy ra đầu đạn rồi, cảnh sát trường ạ.”

Ông ta chuôi chiếc hộp nhỏ trên bàn. Melchett sẫm soi.

“Đầu đạn hai mươi lăm à?”

Haydock gật đầu.

“Tôi sẽ cung cấp các chi tiết kỹ thuật trong buổi thẩm tra,” ông nói. “Tất cả mọi điều ông cần biết là nạn nhân hầu như chết ngay lập tức. Cái tên trẻ tuổi điên rồ ngớ ngẩn ấy, hấn làm vậy để làm gì kia chứ? Mà lạ thật, sao không ai nghe tiếng súng nổ cả.”

“Phải, chuyện đó cũng làm tôi ngạc nhiên,” Melchett nói.

“Cửa sổ nhà bếp lại quay về một hướng khác,” tôi nói. “Cửa ra vào các phòng làm việc, phòng để thức ăn và cửa bếp đều đóng, nên tôi ngờ rằng

chẳng ai có thể nghe thấy gì, mà trong nhà chỉ có một mình cô người hầu.”

“Hừm! Thật kỳ quặc!” Melchett nói. “Tôi tự hỏi liệu bà già — bà gì ấy nhỉ — à, bà Marple có nghe thấy chẳng. Cửa sổ phòng làm việc lúc ấy đang mở.”

“Có thể bà ấy nghe,” Haydock nói.

“Tôi lại nghĩ rằng không,” tôi nói. “Mới lúc này bà ấy đến nhà mục vụ và không hề dả động bất cứ điều gì; tôi đoán chắc nếu có chuyện gì cần nói thì bà ta đã nói rồi.”

“Cũng có thể bà ta có nghe mà không để ý — vì tưởng đó là tiếng máy xe hơi nổ thì sao!”

Sáng nay tôi thấy Haydock tỏ ra vui tính dễ dãi hơn mọi ngày rất nhiều. Ông ta như một người lịch thiệp đang cố gắng kiềm nén những cảm xúc tốt đẹp của mình.

“Thế còn ống hãm thanh thì sao?” ông nói thêm. “Có thể lắm chứ. Như vậy thì sẽ không ai nghe thấy gì.” Melchett lắc đầu.

“Slack không tìm thấy; ông ta hỏi Redding; ban đầu Redding có vẻ không hiểu ông ấy nói gì nhưng sau đó phủ nhận hoàn toàn là không dùng loại đó. Tôi nghĩ có thể tin anh ta.”

“Phải, khổ thân cậu ta.”

“Cái thằng ngu xuẩn chết tiệt,” đại tá Melchett nói. “Xin lỗi mục sư Clement, nhưng hẳn ngu thiệt. Nói cách nào đó thì đâu ai nghĩ hẳn là kẻ sát nhân!”

“Anh ta có động cơ nào không?” Haydock vừa hóp ngum cà phê cuối cùng vừa đẩy ghế đứng lên.

“Hẳn bảo họ cãi nhau rồi hẳn mất bình tĩnh và bắn ông ta.”

“Hy vọng vào tội ngộ sát hử?” Viên bác sĩ lắc đầu. “Nói dối vậy là không ổn chút nào. Anh ta lén đến sau lưng ông đại tá trong khi ông này đang viết thư và bắn vào đầu ông ấy. Có rất ít thời gian để ‘cãi cọ’.”

“Dù sao thì cũng không đủ thời gian để mà cãi nhau,” tôi nói khi nhớ lại lời bà Marple. “Lén vào phòng, bắn người, chỉnh lùi kim đồng hồ về sáu giờ hai mươi phút rồi bước ra là đã hết thời gian của anh ta. Tôi sẽ không bao

giờ quên gương mặt anh ta khi tôi gặp anh ta ở cổng nhà, hoặc cái cách anh ta nói, ‘Mục sư muốn gặp Protheroe — ồ! Mục sư sẽ gặp ông ta ngay thôi!’ Chính điều ấy khiến tôi phải nghi ngờ về việc vừa xảy ra vài phút trước đó.”

Haydock nhìn tôi trân trối:

“Mục sư nói gì — cái gì vừa xảy ra trước đó? Mục sư nghĩ Redding bắn ông ta lúc nào?”

“Vài phút trước khi tôi về đến nhà.”

Bác sĩ lắc đầu:

“Không thể nào. Tuyệt đối không thể. Ông ta đã chết trước đó lâu rồi.”

“Nhưng ông bạn thân mến,” đại tá Melchett kêu lên, “chính ông đã nói rằng nửa tiếng đồng hồ chỉ là thời gian ước tính thôi mà.”

“Nửa tiếng đồng hồ, ba mươi lăm phút, hai mươi lăm phút, hai mươi phút thì có thể, nhưng sớm hơn thì không. Vì sao? Vì nếu vậy thì khi tôi đến thì thể nạn nhân phải còn ấm.”

Chúng tôi đăm đăm nhìn nhau. Gương mặt bác sĩ Haydock biến sắc, bỗng đứng trở nên nhợt nhạt và già sọm. Tôi ngạc nhiên vì sự thay đổi đó.

“Nhưng Haydock này,” đại tá Melchett lên tiếng, “nếu Redding thừa nhận đã bắn ông ta lúc bảy giờ kém mười lăm...”

Haydock đứng bật dậy.

“Tôi đã bảo với ông là không thể được,” ông ta gầm lên. “Nếu Redding nói anh ta giết Protheroe lúc bảy giờ kém mười lăm, ấy là y nói dối. Chết tiệt, tôi đã nói với ông tôi là bác sĩ, và tôi biết. Lúc ấy máu đã bắt đầu đông lại rồi.”

“Nếu như Redding nói dối thì,” Melchett buột miệng, nhưng rồi ông lắc đầu và im bật.

“Có lẽ chúng ta đến đồn cảnh sát gặp anh ta thì tốt hơn,” ông nói.

8

Trên đường đến đồn cảnh sát, chúng tôi hầu như im lặng. Haydock đi lùi ra sau một chút rồi thì thào với tôi:

“Mục sư biết là tôi không thích nhìn vấn đề kiểu ấy. Tôi không thích. Ở đây có gì đó mà chúng ta chưa hiểu được.” Trông ông ta hết sức bồn chồn lo lắng.

Thanh tra Slack đang ở đồn cảnh sát, và ngay sau đó chúng tôi được gặp trực tiếp Lawrence Redding.

Trông anh ta xanh xao và căng thẳng nhưng hoàn toàn điềm tĩnh — là điều quá phi thường so với tình cảnh, tôi nghĩ. Melchett thì rõ ràng là bực dọc, ông ta cứ ậm à ậm ừ rồi khịt mũi.

“Này Redding,” ông nói, “tôi được biết anh đã khai báo với Thanh tra Slack rằng anh đến nhà mục sư khoảng bảy giờ kém mười lăm, đã gặp Protheroe ở đó, cãi cọ với ông ta, bắn ông ta rồi bỏ đi. Tôi chưa đọc qua lời khai, nhưng ý chính là như vậy.”

“Vâng.”

“Tôi sẽ hỏi anh một vài câu. Anh đã được thông báo rằng anh không cần trả lời nếu anh không muốn. Luật sư của anh...”

Lawrence ngắt lời:

“Tôi chẳng có gì phải che giấu cả. Tôi đã giết Protheroe.”

“Ái chà chà! Vậy thì...” Melchett khịt khịt mũi. “Làm sao anh có khẩu súng lúc ấy?”

Lawrence ngập ngừng:

“Nó ở sẵn trong túi tôi.”

“Anh mang theo khi đến nhà mục vụ à?”

“Phải.”

“Tại sao?”

“Tôi luôn mang súng trong người.”

Anh ta lại lưỡng lự một hồi mới trả lời, khiến tôi tin chắc anh ta không nói đúng sự thật.

“Tại sao anh chỉnh đồng hồ chậm lại?”

“Đồng hồ à?” Anh ta có vẻ ngỡ ngác.

“Đúng vậy, kim đồng hồ lúc ấy chỉ sáu giờ hăm hai phút.”

Cái nhìn đầy sợ hãi hiện rõ trên gương mặt anh ta.

“Ôi! Là — đúng thế. Tôi... tôi đã chỉnh đồng hồ.”

Haydock vụt hỏi:

“Anh bắn đại tá Protheroe ở đâu?”

“Trong văn phòng của mục sư.”

“Ý tôi là bắn vào đâu trên người ông ấy kìa?”

“À — tôi... bắn vào đầu, tôi nghĩ thế. Vâng, vào đầu.”

“Anh có chắc không?”

“Ông biết rồi, còn hỏi tôi làm gì.”

Có tiếng xôn xao bên ngoài. Một viên cảnh sát không đội mũ mang vào một bức thư ngắn.

“Thư gửi mục sư, có ghi là tối khẩn.”

Tôi xé phong bì và đọc:

Xin mục sư đến gặp tôi ngay — tôi van ông. Giờ tôi không biết phải làm gì đây. Mọi việc quá khủng khiếp. Tôi muốn thưa với mục sư một số việc. Xin mục sư vui lòng đến ngay lập tức và mời người nào ông thích cùng đi với ông.

ANNE PROTHEROE.

Tôi đưa mắt nhìn Melchett đầy ngụ ý. Ông ta hiểu ngay. Hai chúng tôi cùng bước ra. Khẽ ngoái lại đằng sau, tôi thoáng nhìn thấy khuôn mặt của Lawrence Redding. Mắt anh ta dán chặt vào bức thư trên tay tôi, và chưa

bao giờ tôi trông thấy một cái nhìn đầy thống khổ và tuyệt vọng trên mặt người ta như vậy.

Tôi nhớ lại cảnh Anne Protheroe ngồi ở ghế sofa nhà tôi và nói, ‘Tôi là người đàn bà tuyệt vọng,’ mà lòng thấy nặng trĩu buồn đau. Giờ thì tôi hiểu lý do vì sao Lawrence Redding lại hiên ngang đứng ra nhận tội.

Melchett nói với Slack:

“Anh có thông tin gì về những hoạt động của Redding vào ngày hôm ấy trước lúc xảy ra sự việc không? Có vài lý do có thể nghĩ rằng y ta bắn Protheroe sớm hơn là y khai. Anh lo chuyện này được chứ?”

Ông ta quay sang tôi và tôi lẳng lặng chìa cho ông ta xem bức thư của Anne Protheroe. Melchett đọc thư rồi ngạc nhiên bặm môi, sau đó nhìn tôi vẻ dò hỏi:

“Có phải đây là điều mà sáng nay mục sư còn giấu tôi không?”

“Phải, lúc ấy tôi còn chưa chắc chắn là mình có bốn phạm nói ra hay không. Bây giờ thì đã rõ.”

Rồi tôi kể lại chuyện mình đã nhìn thấy tối hôm nọ trong xưởng vẽ.

Viên đại tá trao đổi vài câu với thanh tra, rồi chúng tôi lên đường đến Old Hall. Bác sĩ Haydock cũng đi với chúng tôi.

Một quản gia ăn vận rất chỉnh tề ra mở cửa, với thái độ buồn bã vừa phải. Melchett nói:

“Xin chào. Nhờ anh gọi cô hầu của bà Protheroe để báo rằng chúng tôi đã đến và muốn gặp bà, rồi anh quay lại đây và trả lời một số câu hỏi, được không?”

Anh quản gia quỳ quả bước và quay lại ngay báo anh ta đã nhận rồi.

“Nào, giờ thì ta cùng nghe thông tin về ngày hôm qua,” đại tá Melchett nói. “Vào giờ ăn trưa ông chủ anh có nhà không?”

“Thưa ngài có ạ.”

“Thái độ ông ấy vẫn bình thường như mọi ngày chứ?”

“Theo như tôi biết thì vẫn bình thường, thưa ngài.”

“Chuyện gì xảy ra sau đó?”

“Sau bữa ăn trưa, bà Protheroe đi nghỉ còn ông đại tá thì vào phòng làm việc. Cô Lettice đi chơi tennis trên chiếc ô tô hai chỗ ngồi. Ông bà đại tá dùng trà lúc bốn giờ rưỡi trong phòng khách. Lúc năm giờ rưỡi ô tô đưa ông bà vào làng. Ngay sau khi ông bà đi thì mục sư Clement gọi đến.” — anh ta cúi đầu chào tôi — “Tôi thưa rằng họ đã lên đường.”

“Hừm,” đại tá Melchett nói. “Ông Redding đến đây lần cuối vào lúc nào?”

“Vào chiều thứ ba thưa ngài.”

“Tôi nghe nói đã có chuyện bất đồng giữa họ phải không?”

“Tôi nghĩ thế thưa ngài. Ông đại tá ra lệnh từ nay về sau ông họa sĩ không được đến đây nữa.”

“Cậu có tình cờ nghe lỏm được họ cãi nhau không?” đại tá Melchett hỏi huych toẹt.

“Thưa ngài, ông đại tá Protheroe nói rất to, nhất là khi ông ấy nổi giận, nên tôi có nghe lỏm bõm vài tiếng.”

“Có đủ để cậu hiểu nguyên nhân cuộc tranh cãi không?”

“Theo tôi biết thì việc ấy liên quan đến bức chân dung mà ông Redding đã vẽ — chân dung cô Lettice.”

Melchett làu bàu:

“Cậu có nhìn thấy ông Redding khi ông ta rời khỏi nhà không?”

“Dạ có thưa ngài, tôi đã tiễn ông ta về.”

“Trông ông ta có giận dữ không?”

“Không thưa ngài, ông ấy có vẻ thích thú thì đúng hơn, tôi có thể nói như vậy.”

“À! Hôm qua ông ta không đến đây sao?”

“Không, thưa ngài.”

“Có ai khác đến không?”

“Hôm qua thì không, thưa ngài.”

“Thế còn ngày hôm kia?”

“Vào buổi chiều ông Dennis Clement có đến, rồi đến tiến sĩ Stone ghé qua một lúc. Đến chiều tối thì có một phu nhân.”

“Một phu nhân à?” Melchett ngạc nhiên. “Bà ta là ai?”

Anh quản gia không thể nhớ tên bà ta. Trước giờ anh ta chưa hề gặp người phụ nữ này. Phải, bà ta có xưng tên, và khi anh ta thưa rằng gia đình đang dùng bữa tối, bà ta bảo bà có thể chờ, vì vậy anh đưa bà ấy vào phòng khách nhỏ. Bà ta tìm ông Protheroe chứ không tìm phu nhân. Anh ta thưa với ông đại tá, và khi vừa ăn xong ông vào ngay phòng khách.

Quý bà ấy ở lại bao lâu? Anh ta nghĩ khoảng nửa tiếng đồng hồ. Ông đại tá đích thân tiễn bà ra về. À, giờ thì anh ta đã nhớ ra tên bà ấy. Là bà Lestrangle.

Quả là bất ngờ.

“Lạ thật,” Melchett nói. “Đúng là rất kỳ cục.”

Nhưng chúng tôi không nói tiếp chuyện này nữa vì lúc ấy có tin báo bà Protheroe muốn gặp chúng tôi.

Anne nằm trên giường. Mặt bà ta nhợt nhạt nhưng đôi mắt sáng rực, cái nhìn khiến tôi bối rối — vì nó bộc lộ một quyết tâm không lay chuyển.

Anne nói với tôi:

“Tạ ơn mục sư đã đến ngay lập tức. Tôi nghĩ mục sư đã hiểu tôi định nói gì khi mời người cùng đi với ông.”

Bà ngáp ngừng.

“Tốt nhất là nên kết thúc sớm chuyện này phải không?”

Bà ta khẽ nhếch mép cười vừa kỳ quặc vừa thảm hại. “Tôi cho rằng chính ông mới là người tôi cần nói chuyện này, đại tá Melchett ạ. Ông thấy đó, chính tôi là người đã giết chồng tôi.”

Đại tá Melchett ôn tồn nói:

“Bà Protheroe thân mến...”

“Ôi! Hoàn toàn là sự thật. Tôi nghĩ rằng tôi đã nói khá thẳng thừng, nhưng tôi không bao giờ bị bất cứ điều gì kích động cả. Từ lâu rồi tôi căm ghét ông ta, và hôm qua tôi đã bắn ông ấy.”

Bà ta nằm bẹp xuống gối và nhắm nghiền mắt:

“Có vậy thôi. Tôi nghĩ các ông sẽ bắt tôi và giải tôi đi. Tôi sẽ ngồi dậy thay quần áo ngay khi có thể. Giờ thì tôi đang rất mệt.”

“Bà Protheroe, bà có biết ông Lawrence Redding đã đầu thú và nhận tội hay chưa?”

Anne mở mắt gật đầu:

“Tôi biết. Cậu bé ngốc nghếch ấy yêu tôi lắm. Anh ấy hết sức cao thượng — nhưng cũng rất ngốc nghếch.”

“Anh ta biết chính bà đã gây án đúng không?”

“Đúng vậy.”

“Làm sao anh ta biết được?”

Bà ta ngậm ngừng.

“Bà có nói với anh ta không?”

Bà ta vẫn ngậm ngừng. Cuối cùng có vẻ như bà đã quyết định.

“Vâng — tôi đã nói với anh ấy...”

Bà ta rúm ró đôi vai với vẻ căm kính:

“Giờ các ông có thể ra về được không? Tôi đã nói hết và không muốn nói thêm gì về chuyện này nữa.”

“Bà lấy súng ở đâu, bà Protheroe?”

“Súng à! Ô, nó là của ông nhà tôi. Tôi lấy trong ngăn kéo bàn trang điểm trong phòng ông ấy.”

“Tôi hiểu. Rồi bà mang súng đến nhà mục vụ à?”

“Vâng. Tôi biết ông ta sẽ đến đó...”

“Lúc ấy là mấy giờ?”

“Phải sau sáu giờ — sáu giờ mười lăm hay hai mươi gì đó.”

“Bà có ý định mang súng đi bắn chồng mình à?”

“Không — tôi... tôi định tự sát.”

“Tôi hiểu. Nhưng bà lại đến văn phòng của mục sư?”

“Vâng. Tôi tiến đến gần cửa hông. Không nghe tiếng nói nào. Tôi nhìn vào trong và thấy chồng tôi. Đột nhiên tôi nổi giận — thế là tôi nổ súng.”

“Rồi sau đó?”

“Sau đó à? Ôi, rồi tôi bỏ đi.”

“Và kể với ông Redding việc mình đã làm?”

Một lần nữa tôi nhận ra sự lưỡng lự trong giọng nói của bà ta trước khi nói ‘vâng’.

“Có ai trông thấy bà vào ra nhà mục vụ không?”

“Không — nhưng ít ra là có. Là bà già Marple. Tôi nói chuyện với bà ta vài phút khi bà ta đang trong vườn nhà mình.”

Anne liên tục ngo nguậy đầu trên gối.

“Thế đã đủ chưa? Tôi đã nói với ông rồi. Sao ông vẫn tiếp tục quấy rầy tôi thế?”

Bác sĩ Haydock đến bên bà ta và bắt mạch. Ông ra hiệu cho Melchett đến gần.

“Tôi sẽ ở lại với bà ấy trong khi ông lo giải quyết những việc cần thiết khác,” ông thì thào. “Không được để bà ấy lại một mình. Bà ấy có thể quản trí làm điều dại dột.”

Melchett gật đầu. Chúng tôi ra khỏi phòng và xuống lầu. Tôi trông thấy một người gầy gò tái nhợt vừa bước ra từ phòng kế bên, và trong cơn bối rối tôi lại chạy lên lầu: “Cậu có phải là người hầu của đại tá Protheroe không?” Anh ta tỏ vẻ ngạc nhiên:

“Vâng, thưa mục sư.”

“Cậu có biết ông chủ quá cố của mình cất giữ một khẩu súng ở đâu đó không?”

“Tôi không biết chuyện đó, thưa ngài.”

“Không có trong ngăn kéo bàn trang điểm của ông ấy sao? Cậu suy nghĩ xem nào.”

Anh hầu lắc đầu nguầy nguậy:

“Tôi cam đoan là không có, thưa mục sư. Nếu có thì tôi đã thấy rồi. Tôi chắc chắn mà.”

Tôi vội vã xuống lầu theo sau những người khác.

Bà Protheroe đã nói dối về khẩu súng lục.

Vì sao?

Sau khi để lại thông báo ở đồn, ông cảnh sát trưởng tỏ ý định đến thăm bà Marple.

“Mục sư nên đi với tôi thì tốt hơn,” ông nói. “Tôi không muốn làm cho giáo dân của ông phải lên cơn điên, vì thế phải nhờ tới ảnh hưởng của ông để cuộc gặp gỡ được nhẹ nhàng.”

Tôi mỉm cười. Nhìn bề ngoài mong manh thế thôi, nhưng năng lực của bà Marple có thể sánh ngang với bất cứ nhân viên cảnh sát hoặc cảnh sát trưởng nào trên đời.

“Bà ấy ra sao nhỉ?” viên đại tá hỏi khi chúng tôi đang nhấn chuông cửa. “Có thể tin mọi điều bà ta nói không?”

Tôi cân nhắc vấn đề này.

“Tôi nghĩ có thể hoàn toàn tin cậy bà ta,” tôi thận trọng đáp. “Nghĩa là, khi bà ta nói về những gì mình thực sự chứng kiến, còn với những điều bà ấy nghĩ thì — à, dĩ nhiên lại là chuyện khác. Trí tưởng tượng bà ấy rất phong phú và bất cứ chuyện gì bà ấy cũng nghĩ đến khía cạnh tồi tệ nhất.”

“Một bà cô già tiêu biểu,” Melchett cười to. “Chà, giờ tôi buộc phải làm quen với cái thể loại này đây. Ôi trời, chuẩn bị vào cuộc nhé!”

Chúng tôi được một cô hầu gái bé loắt choắt đón tiếp và đưa vào một phòng khách nhỏ.

“Hơi chật chội, nhưng toàn đồ tốt cả,” đại tá Melchett nhìn quanh nói. “Phòng của quý bà, mục sư Clement nhỉ?”

Tôi tán thành, và ngay lúc ấy cửa phòng mở ra và bà Marple xuất hiện.

“Rất xin lỗi vì đã quấy rầy bà, thưa bà Marple.” Sau lời giới thiệu của tôi, viên đại tá nói tiếp, ra vẻ tác phong nhà binh chất phác mà theo ông ta sẽ lôi cuốn các bà lớn tuổi. “Bà biết đó, tôi đang làm nhiệm vụ.”

“Dĩ nhiên, dĩ nhiên,” bà Marple nói, “tôi hiểu chứ. Mời quý ông ngồi. Tôi có thể mời quý ông một cốc nhỏ rượu cherry được chứ? Tự tay tôi làm theo công thức của bà nội tôi đấy.”

“Bà tốt bụng quá, thưa bà Marple. Cám ơn bà rất nhiều, nhưng tôi không thể. Không uống bất cứ thứ gì trước bữa ăn trưa, đó là phương châm của tôi. Bây giờ tôi muốn nói chuyện với bà về sự việc đau buồn kia — thực sự rất đau buồn. Làm cho mọi người đều rối tung cả lên, tôi chắc chắn thế. Nào, hình như với vị trí ngôi nhà và khu vườn của mình, bà có thể cho chúng tôi biết đôi điều về buổi chiều hôm qua chứ?”*

“Thật ra, hôm qua tôi đã ở ngoài vườn từ năm giờ chiều trở đi, và tất nhiên là — à, vào giờ ấy thì đơn giản là người ta không thể không nhìn thấy những chuyện xảy ra ở nhà kế bên.”

“Bà Marple, tôi nghe nói chiều hôm qua bà Protheroe có đi ngang qua đây phải không?”

“Có, bà ta có đi qua đây. Tôi gọi bà ấy, và bà ấy ngắm hoa hồng tôi trồng.”

“Bà có thể cho chúng tôi biết lúc ấy là mấy giờ không?”

“Tôi có thể nói rằng chỉ sau sáu giờ mười lăm khoảng một hai phút thôi. Vâng, đúng như vậy. Đồng hồ nhà thờ vừa đổ xong hồi chuông sáu giờ mười lăm.”

“Tốt lắm. Rồi việc gì xảy ra kế tiếp?”

“À, bà Protheroe bảo bà ấy đến nhà mục vụ tìm chồng rồi hai người cùng về. Bà ta đi theo đường làng rồi vào nhà mục vụ bằng cổng sau và băng qua khu vườn, ông hiểu không?”

“Bà ấy đi từ đường làng đến sao?”

“Phải, tôi sẽ chỉ ông xem.”

Rất hăm hở, bà Marple đưa chúng tôi ra vườn và chỉ con đường làng chạy men theo phía cuối khu vườn nhà bà.

“Còn lối mòn ở trước mặt có bụi tre thì dẫn về Old Hall,” bà giải thích. “Đó là con đường họ sẽ cùng nhau trở về nhà. Bà Protheroe từ làng đến mà.”

“Tốt lắm, tốt lắm,” đại tá Melchett nói. “Bà nói phu nhân Protheroe đi vào nhà mục vụ phải không?”

“Phải, tôi trông thấy bà ta rẽ vào nhà mục vụ. Tôi nghĩ ông đại tá vẫn chưa đến đó, vì bà ấy trở ra hầu như ngay lập tức rồi băng qua bãi cỏ đến xưởng vẽ — cái nhà đằng kia kia. Là chỗ mục sư cho Redding mượn để đặt giá vẽ.”

“Tôi hiểu rồi. Mà này — bà có tình cờ nghe thấy tiếng súng nổ không, bà Marple?”

“Lúc ấy thì tôi không hề nghe tiếng súng,” bà Marple nói.

“Nhưng có lúc nào bà nghe tiếng nổ không?”

“Có, theo tôi có tiếng nổ ở đâu đó trong rừng. Nhưng phải đến năm mười phút sau — và như tôi nói, là ở trong rừng. Ít ra là tôi nghĩ vậy. Không thể là — chắc chắn không phải là...”

Bà ngừng lại, mặt tái nhợt vì bị kích động.

“Vâng vâng, chút xíu nữa chúng ta sẽ đến đó,” đại tá Melchett nói. “Xin bà kể tiếp đi. Bà Protheroe đi xuống xưởng vẽ à?”

“Phải, bà ta bước vào trong xưởng. Chẳng bao lâu sau ông Redding theo con đường làng đi tới. Ông ta đến trước cổng nhà mục vụ rồi nhìn quanh quất...”

“Và trông thấy bà, bà Marple.”

“Thật ra thì ông ta không nhìn thấy tôi,” bà Marple hơi đỏ mặt. “Bởi vì, ông thấy đấy, ngay lúc ấy tôi đang khom người xuống — ráng sức nhổ bụi bồ công anh chết tiệt. Khó nhỡ lắm. Sau đó ông ta bước qua cổng và đi xuống xưởng vẽ.”

“Anh ta không lại gần nhà mục vụ à?”

“Ồ không, ông ta đi thẳng tới xưởng vẽ. Bà Protheroe ra cửa đón ông ta, sau đó hai người vào trong.”

Tới đây bà Marple lại dừng.

“Có thể bà ấy ngồi mẫu cho anh ta chẳng?” tôi gợi ý.

“Có thể,” bà Marple đáp.

“Rồi họ trở ra — lúc nào?”

“Khoảng mười phút sau.”

“Bà ước chừng thôi hả?”

“Chuông đồng hồ nhà thờ vừa gõ báo nửa giờ. Họ tản bộ từ khu vườn ra cổng và đi xuôi đường làng, và ngay phút ấy tiến sĩ Stone từ phía lối mòn dẫn về Old Hall đi đến, ông ta bước qua bụi treo và gặp họ. Họ cùng nhau đi bộ về phía làng. Đến cuối đường làng thì họ gặp cô Cram, ấy là tôi nghĩ thế nhưng không dám chắc. Có lẽ là cô Cram vì người ấy mặc váy ngắn lắm.”

“Bà ắt phải có thị lực rất tốt mới có thể quan sát xa đến thế, bà Marple.”

“Tôi đang quan sát một con chim,” bà Marple nói. “Một chú chim hồng tước có mào vàng, tôi đoán vậy. Một chú chim nhỏ dễ thương. Tôi mang ống nhòm, vì vậy nên tôi mới thấy cô Cram đến gặp họ - nếu đúng là cô Cram, tôi nghĩ thế.”

“À, có thể là như thế,” đại tá Melchett nói. “Này, vì bà có vẻ quan sát rất tốt, bà có tình cờ để ý thái độ của bà Protheroe và ông Redding khi họ đi trên đường không?”

“Họ mỉm cười và trò chuyện,” bà Marple đáp. “Trông họ vô cùng vui vẻ khi ở bên nhau, nếu ông hiểu tôi định nói gì.”

“Họ không tỏ ra bối rối hoặc lo lắng gì sao?”

“Ô không! Ngược lại là đằng khác.”

“Kỳ cục thật,” viên đại tá nói. “Có điều gì đó cực kỳ quái lạ trong toàn bộ sự việc này.”

Bà Marple bất thần làm chúng tôi kinh ngạc bằng lời nhận xét bình thản:

“Bà Protheroe giờ đã nhận tội chưa?”

“Ừa, làm sao bà đoán ra điều đó, bà Marple?” đại tá hỏi.

“À, tôi nghĩ chuyện ấy có thể xảy ra,” bà Marple đáp. “Tôi cho rằng Lettice cũng nghĩ như vậy. Thực sự là một con bé rất sắc sảo, nhưng không phải lúc nào cũng trung thực đâu. Vậy là Anne Protheroe khai mình đã giết chồng. Chà chà. Tôi không tin đó là sự thật. Không, tôi hầu như chắc chắn điều đó không đúng. Với một phụ nữ như Anne Protheroe thì không thể, mặc dù ta không bao giờ hoàn toàn chắc chắn về chuyện của người khác,

đúng không? Chí ít theo những gì tôi đã tìm thấy. Vậy bà ta khai đã bắn ông chồng lúc nào?”

“Vào lúc sáu giờ hai mươi. Ngay sau khi nói chuyện với bà xong.”

Bà Marple chậm chậm lắc đầu ra vẻ thương hại. Kiểu thương hại cho hai thằng già đầu mà còn ngốc nghếch đến mức tin vào một chuyện như thế, tôi nghĩ. Chí ít là chúng tôi cảm thấy thế.

“Bà ta bắn bằng cái gì?”

“Súng lục.”

“Bà ta lấy nó ở đâu?”

“Bà ta mang theo trong người.”

“À, không đúng đâu,” bà Marple nói với vẻ quả quyết bất ngờ. “Tôi thề là như vậy. Bà ta không hề mang theo vật ấy bên mình.”

“Có thể bà không nhìn thấy thì sao!”

“Tất nhiên là tôi phải nhìn thấy chứ.”

“Nếu bà ta để khẩu súng trong xách tay.”

“Nhưng bà ta đâu có mang theo xách tay.”

“À, cũng có thể bà ta giấu nó trong — ơ — trong người!”

Bà Marple liếc nhìn ông cảnh sát trưởng một cách thất vọng và coi thường:

“Đại tá Melchett kính mến, ông thừa biết các thiếu phụ ngày nay ra sao chứ. Họ chẳng hề biết xấu hổ khi khoe da khoe thịt. Ngay cả khăn quàng cổ bà ta còn không mang theo, huống hồ!”

Melchett vẫn ngoan cố:

“Bà phải thừa nhận là mọi việc đều trùng khớp, về thời gian thì đồng hồ để bàn ngừng chạy lúc sáu giờ hăm hai phút...”

Bà Marple quay sang phía tôi:

“Mục sư không định nói là mục sư vẫn chưa kể ông cảnh sát nghe về chiếc đồng hồ chứ?”

“Cái đồng hồ làm sao hả mục sư Clement?”

Nghe tôi kể xong, ông ta tỏ ra rất bức mình:

“Trời đất, tại sao tối hôm qua ông không nói với Slack?”

“Vì ông ta có cho tôi mở miệng đâu,” tôi đáp.

“Vô lý, ông phải nài nỉ chứ.”

“Có thể Thanh tra Slack xử sự với ông hoàn toàn khác hẳn xử sự với tôi. Tôi không hề có chút cơ hội nào để nài nỉ ông ta.”

“Nói chung đây là một việc kỳ lạ,” Melchett nói. “Nếu có người thứ ba đến và nhận tội giết người này thì tôi phải vào nhà thương điên mất thôi.”

“Nếu tôi được phép đề xuất...” bà Marple lẩm bẩm.

“Gì kia?”

“Nếu ông kể cho ông Redding nghe việc bà Protheroe nhận tội rồi giải thích với anh ta rằng ông thực sự không tin bà ấy giết người. Rồi sau đó nếu ông đến gặp bà Protheroe và bảo rằng Lawrence đã đầu thú — lúc ấy có thể mỗi người họ sẽ nói ra sự thật với ông. Và sự thật thì có ích, mặc dù tôi dám chắc là họ không hiểu biết nhiều về bản thân đâu, tội nghiệp.”

“Rất có lý, nhưng chỉ có hai người đó mới có động cơ giết Protheroe mà thôi.”

“Ô, tôi không định nói vậy đâu, đại tá Melchett,” bà Marple nói.

“Sao, bà nghĩ có thể còn có ai khác nữa à?”

“Ồ vâng, đúng vậy đó,” bà đưa ngón tay ra đếm, “một, hai, ba, bốn, năm, sáu — phải, có thể là bảy người. Tôi nghĩ ít nhất bảy người có thể rất mừng rỡ nếu đại tá Protheroe bị trừ khử.”

Viên đại tá nghệt mặt nhìn bà già.

“Bảy người à? Ở làng St. Mary Mead này sao?”

Bà Marple đĩnh đạc gật đầu.

“Ông nhớ cho là tôi không nêu tên ai cả,” bà nói. “Vậy không hay. Nhưng tôi e rằng cuộc đời này có quá nhiều cái ác. Một quân nhân tử tế chính trực và danh giá như ông không thể biết đến những chuyện này đâu, ông đại tá ạ.”

Tôi nghĩ ông cảnh sát trưởng sắp bị đột quy đến nơi.

10

Lời bình phẩm của Melchett về bà Marple sau khi chúng tôi ra về hoàn toàn chẳng có chút nào khen ngợi: “Cái bà cô già héo quắt ấy suốt đời hầu như không bước chân ra khỏi làng mà cứ tưởng cái gì mình cũng biết! Thật ngớ ngẩn lỗ bịch! Bà ta thì hiểu gì về cuộc đời kia chứ?” Tôi ôn tồn bảo, cho dầu không chút nghi ngờ rằng bà Marple chẳng hiểu biết chút gì về Cuộc Đời viết hoa, thì trên thực tế bà ấy vẫn nắm được mọi chuyện xảy ra ở làng St. Mary Mead này.

Melchett bất đắc dĩ phải thừa nhận điều đó, vì dù sao bà ta cũng là một nhân chứng quan trọng — đặc biệt quan trọng với ý kiến về bà Protheroe.

“Này, có thể tin vào điều bà ta nói chứ?”

“Nếu bà Marple nói bà Protheroe không mang súng theo thì ông cứ tin đúng là như thế,” tôi đáp. “Nếu có một chút xíu khả năng xảy ra việc đó, bà ấy cũng sẽ tinh ý nhận ra ngay.”

“Đúng thế. Giờ chúng ta nên đến xưởng vẽ thì tốt hơn.”

Cái nơi gọi là xưởng vẽ chỉ là một nhà kho đơn sơ không cửa sổ mà chỉ có một ô lấy ánh sáng từ trên mái nhà. Lối ra vào duy nhất một cửa cái. Xem xét chán chê rồi, Melchett ngờ ý sẽ cùng với thanh tra đến thăm nhà mục vụ.

“Giờ thì tôi về đồn đây.”

Khi tôi bước vào nhà qua cửa chính, tiếng trò chuyện rì rầm vẳng đến tai tôi. Tôi mở cửa phòng khách. Cô Gladys Cram đang trò chuyện sôi nổi với Griselda trên ghế sofa. Cô ngồi bắt chéo chân, cặp đùi mang vớ dài màu hồng bóng nhoáng, và tôi có cơ hội để quan sát thấy cô mặc quần chần bằng lụa sọc màu hồng.

“Mình đấy à, Len,” Griselda nói.

“Chào buổi sáng, thưa mục sư Clement,” cô Cram nói. “Tin về ông đại tá thật quá khủng khiếp mục sư nhỉ? Đáng thương cho ông lão.”

“Cô Cram có nhã ý đến giúp chúng ta cùng với các nữ Hưởng đạo sinh*. Chủ nhật tuần trước chúng ta có kêu gọi người giúp đỡ, mình nhớ không?”

Tôi nhớ chứ, và nghe giọng Griselda, tôi đoán chắc cô Cram sẽ không bao giờ tự nguyện tham gia nếu không có sự cố giết gân vừa xảy ra ở nhà mục vụ.

“Em vừa nói với bà Clement là em nghe tin này chẳng khác nào sét đánh ngang tai,” cô Cram nói tiếp. “Trong ngôi làng hẻo lánh nhỏ xíu này — về khoản hẻo lánh thì mục sư phải công nhận — không có đến cái rạp phim câm cũng không có phim lồng tiếng — vậy mà lại có án mạng? Nghe nạn nhân là đại tá Protheroe em lại càng không tin nổi. Dù sao loại người như ông ta thì đâu có đáng bị giết!”

Tôi không biết theo cô Cram thì đâu là tiêu chuẩn cần thiết cho việc bị mưu sát. Tôi không bao giờ chú ý đến việc người bị giết hại phải thuộc về một tầng lớp đặc biệt nào, nhưng chắc chắn trong cái đầu tóc vàng ngắn cũn cỡn như con trai kia đang có ý nghĩ nào đó.

“Vậy nên cô Cram mới tạt qua đây tìm hiểu sự tình,” Griselda nói.

Tôi sợ cách nói thẳng ấy sẽ làm phật ý cô nàng, nhưng cô ta chỉ hất đầu ra sau rồi hoác miệng cười to, khoe cả răng cả lợi:

“Bà tinh ý quá đi, bà Clement. Nhưng chuyện như vậy ai mà chẳng muốn biết hết mọi góc ngách, đúng không bà? Em cam đoan bà muốn em giúp các nữ hưởng đạo sinh kiểu nào thì em cũng sẵn sàng giúp. Việc đó rất thú vị, mà tính em thì ham vui. Không phải vì công việc của em không tốt hay lương không cao hay tiến sĩ Stone không tử tế với em đâu. Nhưng một đứa con gái muốn có chỗ giao du sau giờ làm việc thì ngoài bà ra, còn ai ở làng này để mà tán chuyện ngoài mấy bà già ác ôn kia, hả bà Clement?”

“Có Lettice Protheroe đấy,” tôi nói.

Gladys Cram hất hàm:

“Cô ta quá cao sang kiêu ngạo đối với hạng tiện dân như em. Tự cho mình là nhất xứ nên chẳng thèm hạ mắt ngó tới một đứa con gái phải làm việc để

kiếm sống. Vậy chứ chính em đã nghe cô ta nói đến việc tự mình đi làm nuôi thân đó. Nhưng thử hỏi ai thềm thuê cô ta chứ? Rồi xem, chỉ ba bữa là bị đuổi cổ liền. Cô ta có mà làm ma-nơ-canh, trông quần áo vô rồi lượn tới lượn lui, chỉ vậy thôi.”

“Lettice làm người mẫu thì rất tốt,” Griselda chẳng hề có ý nanh ác. “Mặt cô ấy xinh xắn như vậy mà. Nhưng cô ấy nói đến việc đi làm hồi nào vậy?”

Cô Cram lúng túng một chút nhưng rồi lấy lại vẻ láu lỉnh thường lệ:

“Tin ăn tượng phải không bà? Nhưng đúng là cô ta đã nói vậy. Theo em nghĩ chuyện nhà cô ta chẳng vui về gì đâu. Bắt em sống chung với dì ghẻ thì em cũng chẳng ở lấy được một phút.”

“Ô, nhưng cô là người rất can đảm và tự lập,” Griselda nghiêm trang nói, và tôi nhìn nàng ngờ vực.

Cô Cram hài lòng thấy rõ:

“Chính xác luôn, em là vậy đó. Tử tế thì em nghe lời, chứ đừng có mà điều khiển em nha. Trước đây không lâu có người xem chỉ tay em đã phán như vậy. Không, em không phải loại người chịu ngồi yên để cam chịu bị bắt nạt đâu. Mà em cũng đã nói rõ với tiến sĩ Stone là em phải có ngày nghỉ thường niên. Mấy ông làm khoa học thì cứ coi con gái bọn em chẳng khác gì cỗ máy — hầu như chẳng để ý hoặc nhớ ra có nó ở đó.”

“Làm việc với tiến sĩ Stone, cô có thấy vui không? Nếu cô thích môn khảo cổ học thì công việc này sẽ rất thú vị.”

“Tất nhiên là em không hiểu biết nhiều về bộ môn này,” cô gái thú nhận. “Cái chuyện đào mồ cuốc mả người chết hàng trăm năm rồi — à — có vẻ quá tò mò tọc mạch đúng không bà? Vậy mà tiến sĩ Stone lại mãi mê công việc ấy đến độ em mà không nhắc thì ông ta cũng quên luôn ăn uống.”

“Sáng nay ông ấy có ở chỗ khai quật không?” Griselda hỏi.

Cô Cram lắc đầu.

“Sáng nay ông ấy hơi khó ở,” cô giải thích. “Không dậy làm việc nổi. Có nghĩa là hôm nay con bé Gladys này được nghỉ.”

“Ta xin lỗi,” tôi nói.

“Ô, đâu có gì. Chưa có cái chết thứ hai đâu. Nhưng thưa mục sư Clement, em nghe nói suốt sáng nay mục sư ở đồn cảnh sát. Mục sư nói em nghe họ nghĩ gì vậy?”

“À,” tôi chậm rãi nói, “vẫn còn một số việc chưa xác minh.”

“Ái chà! Rốt cuộc thì họ không tin đó là Lawrence Redding. Anh ấy bảnh trai quá, đúng không? Hệt như tài tử xinê. Khi chào hỏi ai thì anh ấy mỉm cười mới dễ thương làm sao. Em thực sự không tin vào tai mình khi nghe cảnh sát bắt ảnh. Thậm chí người ta còn nói bọn họ rất đần độn — bọn cảnh sát đó.”

“Trong trường hợp này thì cô khó mà lên án họ,” tôi nói. “Ông Redding tự đầu thú mà.”

“Cái gì?” cô gái lặng người đi thấy rõ. “Chà — anh chàng khốn khổ! Nếu em giết người thì em không dại gì mà đi nộp mình. Cứ tưởng Lawrence Redding phải khôn ngoan hơn, ai lại đầu hàng như vậy chứ! Mà vì sao anh ta giết Protheroe? Anh ta khai gì vậy? Chỉ là do cãi nhau thôi à?”

“Chuyện anh ta giết ông ấy thì không hoàn toàn chắc chắn,” tôi đáp.

“Nhưng đúng là vậy rồi — nếu anh ấy nhận mình giết người thì thực sự anh ấy phải biết chứ thưa mục sư?”

“Tất nhiên anh ta phải biết,” tôi đồng ý. “Nhưng lời khai của anh ta không thuyết phục cảnh sát.”

“Nhưng tại sao anh ấy lại nhận tội nếu không có làm?”

Về điểm này tôi không có ý định thông tin thêm cho cô Cram, vì thế tôi nói lấp lửng:

“Ta nghĩ trong tất cả những vụ án quan trọng thì cảnh sát thường nhận được nhiều lá thư thú tội như thế.”

“Bọn ngu xuẩn!” Cô Cram đón nhận tin này bằng giọng điệu vừa ngờ vực vừa khinh bỉ.

Rồi cô nói thêm: “Em thì em chẳng bao giờ làm vậy.”

“Ta tin em không bao giờ như thế,” tôi nói.

“À, giờ em phải biến đây,” cô thở dài rồi đứng lên. “Phải báo tin ông Redding tự thú giết người cho tiến sĩ Stone mới được.”

“Ông ấy có quan tâm chuyện này không?” Griselda hỏi.

Cô Cram lúng túng cau mày. “Ông ấy thật kỳ lạ, bà chẳng bao giờ nói chuyện với ông ta được đâu. Lúc nào cũng chỉ nghĩ đến chuyện quá khứ. Giả sử ông ta có cơ hội ngắm con dao Crippen* từng cắt cổ vợ hắn ta thì ông cũng không thích bằng ngắm nhĩa lưỡii dao đồng cũ han rỉ đào được ở mấy gò mả đó.”

“À, ta phải thú nhận là ta đồng ý với ông ấy,” tôi lên tiếng.

Cô Cram tỏ vẻ không hiểu và hơi khinh khi, sau đó cô lặp lại lời chào và ra về. Khi cánh cửa khép lại sau lưng cô ta, Griselda lên tiếng:

“Cô ấy không đến nổi tệ lắm đâu, thật đó mình ạ. Tất nhiên cũng tầm thường dung tục, nhưng là loại phụ nữ to khỏe và vui tính mà ta không thể ghét được. Em tự hỏi thật ra điều gì khiến cô ấy tìm đến đây mình nhỉ?”

“Do tò mò thôi.”

“Vâng, em cũng nghĩ vậy. Nào, mình kể em nghe đi Len, em nôn nóng quá.”

Tôi ngồi xuống và kể tường tận mọi việc xảy ra sáng nay, Griselda thỉnh thoảng xen vào vài thán từ bày tỏ vẻ ngạc nhiên và quan tâm.

“Rốt cuộc người Lawrence theo đuổi là Anne chứ không phải Lettice! Chúng ta có mắt mà như mù! Chắc hẳn đó là điều hôm qua bà Marple nói bóng nói gió, mình có nghĩ vậy không?”

“Có mình ạ,” tôi vừa nói vừa ngoảnh đi.

Mary bước vào.

“Có hai người mới tới — ở tòa báo, họ nói vậy. Ông có tiếp họ không?”

“Không, dứt khoát là không,” tôi đáp. “Bảo họ đến gặp Thanh tra Slack ở đồn cảnh sát đi.”

Mary gật đầu và quay ra. Tôi nói với theo:

“Chừng nào cô tổng khứ được họ thì quay lại đây nhé. Tôi muốn hỏi cô vài điều.”

Mary lại gật đầu. Vài phút sau cô trở vào.

“Mệt người mới đuổi được họ đi,” cô ta nói. “Mục sư chưa từng thấy ai lì lợm vậy đâu. Không biết làm sao mà từ chối nữa!”

“Tôi nghĩ chúng ta sẽ còn gặp rắc rối với họ nữa đây,” tôi bảo. “Mary này, điều tôi muốn hỏi cô là: Cô có hoàn toàn chắc chắn chiều tối hôm qua cô không nghe thấy tiếng súng nổ không?”

“Tiếng súng bắn ông đại tá hả? Không, tất nhiên là tui không nghe, chứ nếu nghe thì tui đã chạy vô coi chuyện gì xảy ra rồi.”

“Phải, nhưng...” Nhớ lại bà Marple đã nói mình nghe có tiếng súng ‘trong rừng’, tôi chuyển sang hỏi cách khác. “Cô có nghe thấy tiếng súng nào khác — từ phía rừng chẳng hạn?”

“Chà! Để tui nhớ lại coi.” Cô ngáp ngừng. “Tui nghĩ là có. Chỉ có một phát thôi chứ không nhiều, mà tiếng nổ lạ lắm.”

“Chính xác lúc mấy giờ?” Tôi hỏi.

“Giờ hả?”

“Phải, mấy giờ?”

“Tui không nói chính xác được, chỉ biết chắc là ngay sau lúc uống trà buổi chiều.”

“Cô có thể nói chính xác hơn một chút được không?”

“Không, không được. Tui còn nhiều việc phải làm mà, đúng không? Đâu phải lúc nào cũng rảnh mà đi dòm đồng hồ — chuyện đó chẳng ích gì — đồng hồ báo thức thì mỗi ngày chậm tới bốn mươi lăm phút, mà hết chuyện nọ tới chuyện kia, làm sao tui biết chính xác là mấy giờ được.” Điều này có thể giải thích vì sao bữa ăn nào của chúng tôi cũng không bao giờ đúng giờ, lúc thì quá muộn còn lúc thì quá sớm.

“Trước khi ông Redding đến có lâu không?”

“Không, không lâu. Chừng mười — mười lăm phút thôi — không hơn.”

Tôi gật gù tỏ vẻ hài lòng.

“Xong chưa?” Mary hỏi. “Tại vì tui muốn nói là tui đang để nguyên tảng thịt trong lò và bánh pudding thì quá lửa rồi.”

“Được, cô có thể đi.”

Cô ta ra khỏi phòng, còn tôi quay sang Griselda:

“Mình không bảo ban cho cô ta biết lễ phép một chút sao?”

“Em nói rồi nhưng cô ta có nhớ đâu. Mình phải nhớ là cô ta mới vào nghề.”

“Tôi biết rõ điều đó,” tôi nói. “Nhưng không thể giữ mãi cái lối thiếu kinh nghiệm mới vào nghề như thế. Tôi nghĩ mình cũng cần dạy Mary chút ít về nấu nướng nữa.”

“À, em không đồng ý với mình đâu nhé,” Griselda đáp. “Mình thừa biết chúng ta không có nhiều tiền để thuê người hầu. Hễ lúc nào họ làm tốt hơn là chắc chắn họ sẽ bỏ chúng ta mà đi. Họ kiếm chỗ khác lương cao hơn là chuyện bình thường. Nhưng chừng nào Mary còn nấu ăn dở và cư xử kém như thế — à, thì chúng ta còn an tâm là không ai muốn thuê cô ta mình ạ.”

Tôi nhận ra cách quản lý người hầu của vợ tôi không hoàn toàn bừa bãi như tôi tưởng, mà có cơ sở lập luận hẳn hoi. Thuê một cô hầu với cái giá phải chấp nhận việc cô ta không biết nấu nướng, lại thường xuyên xán thúng đựng nia và bình phẩm về người khác thô lỗ đến sừng sốt, thế có đáng không, thì còn là việc phải bàn cãi.

“Dù sao đi nữa, lúc này mà cô ta cư xử tệ hơn trước thì mình cũng phải chấp nhận thôi,” Griselda nói tiếp. “Mình không thể mong cô ta thương cảm về cái chết của đại tá Protheroe khi chính ông ta giam bạn trai của cô ấy.”

“Protheroe bắt giam bạn trai cô ấy à?”

“Vâng, vì tội săn trộm. Là Archer, mình biết anh ta mà. Mary đã đi lại với anh ta hai năm nay rồi.”

“Anh không biết chuyện ấy.”

“Len yêu dấu, mình thì có bao giờ để ý chuyện gì đâu!”

“Thật kỳ quặc là người nào cũng bảo tiếng súng nổ vọng từ khu rừng cả.”

“Em nghĩ chuyện ấy không có gì là kỳ quặc,” Griselda nói. “Mình thấy đó, người ta thường xuyên nghe súng nổ trong rừng. Vì thế đương nhiên khi nghe tiếng súng nổ, người ta sẽ nghĩ ngay rằng nó ở trong rừng. Có thể tiếng nổ ấy hơi to hơn bình thường một chút. Dĩ nhiên nếu người ta ở phòng kế

bên, họ sẽ nhận ra là súng nổ ngay trong nhà, nhưng cửa sổ nhà bếp lại trông ra hướng khác, nên em cho là Mary không thể nghĩ khác hơn.”

Cửa lại mở.

“Đại tá Melchett quay lại,” Mary nói. “Có ông thanh tra nữa, họ nói muốn gặp mục sư. Đang ở trong phòng làm việc.”

Thoáng nhìn tôi đã thấy đại tá Melchett và Thanh tra Slack không nhất trí với nhau về vụ án này. Melchett tỏ ra bức bối cái kính còn viên thanh tra thì mặt sưng mày sía.

“Phải nói là tôi rất tiếc vì Thanh tra Slack không đồng ý với tôi rằng cậu Redding vô tội.”

“Nếu không giết người thì anh ta đi đâu thú làm gì cơ chứ?” Slack ngờ vực hỏi.

“Ông nhớ giùm là bà Protheroe cũng hành động hết như thế thôi, Slack à.”

“Chuyện đó khác. Bà ta là phụ nữ, mà phụ nữ thì hành động theo kiểu ngốc nghếch. Tạm thời tôi không nói là bà ta giết người. Bà ta nghe Redding bị kết tội, thế là bà ta bịa ra câu chuyện của mình. Mấy chiêu này tôi rành lắm. Đàn bà mà làm chuyện điên khùng thì có nói ông cũng chẳng tin đâu. Nhưng Redding thì khác. Đầu óc anh ta chặt chẽ đâu ra đó. Và nếu anh ta thú nhận mình phạm tội, à, thì tôi nói rằng anh ta có làm. Khẩu súng đó là của anh ta — ông đừng quên điều đó. Và nhờ câu chuyện của bà Protheroe mà chúng ta biết được động cơ của anh ta. Trước đây đó không phải là điểm chính, nhưng giờ thì chúng ta biết rồi — sao, mọi việc giờ đã rõ rành rành.”

“Theo ông thì anh ta có thể bắn Protheroe sớm hơn không? Vào sáu giờ rưỡi chẳng hạn?”

“Anh ta không thể làm điều đó.”

“Ông có kiểm tra các hoạt động của anh ta không?”

Viên thanh tra gật đầu.

“Vào lúc sáu giờ mười phút, anh ta ở trong làng, gần Blue Boar. Từ đó anh ta đi theo con đường làng phía sau nơi bà già nhà ở gần đó trông thấy anh ta, như bà ấy đã báo với ông — phải nói là bà ấy không bỏ qua điều gì

— và có cuộc hẹn với bà Protheroe ở xưởng vẽ trong vườn. Họ cùng rời xưởng vẽ ngay sau sáu giờ rưỡi và đi theo con đường làng vào làng rồi gặp tiến sĩ Stone. Ông Stone làm chứng về việc này — tôi đã gặp ông ấy. Họ đứng trò chuyện vài phút cạnh bưu điện, rồi bà Protheroe vào nhà bà Hartnell mượn cuốn tạp chí về làm vườn. Tôi đã gặp bà Hartnell rồi — đúng như vậy. Bà Protheroe ở lại đó trò chuyện với bà Hartnell cho đến bảy giờ đúng, rồi bà ta bảo là đã muộn và phải về nhà.”

“Thái độ bà ta lúc ấy ra sao?”

“Rất vui vẻ thoải mái, bà Hartnell nói vậy. Tinh thần ổn định — bà Hartnell quả quyết rằng đầu óc bà ta không có vấn đề gì.”

“Nói tiếp xem nào.”

“Còn Redding anh ta đi với tiến sĩ Stone đến Blue Boar và cùng nhau uống rượu. Anh ta rời quán lúc bảy giờ kém hai mươi, đi nhanh theo đường làng rồi xuống con đường dẫn về nhà mục vụ. Nhiều người trông thấy anh ta.”

“Lần này anh ta không đi con đường phía sau làng à?” đại tá bình luận.

“Không — anh ta đi theo con đường phía trước, hỏi tìm mục sư, nghe nói đại tá Protheroe đang ở đó — anh ta vào nhà mục vụ rồi bắn ông ấy — đúng như lời anh ta tự thú! Sự thật đúng là như thế và chúng ta không cần phải tìm kiếm gì thêm.”

Melchett lắc đầu:

“Còn có chứng cứ do bác sĩ cung cấp nữa. Ông đừng bỏ ngoài tai điều đó. Protheroe không thể bị bắn sau sáu giờ rưỡi được.”

“Ồi dào, bác sĩ!” Thanh tra Slack khinh khỉnh. “Ông cứ đi mà tin lời bác sĩ. Để họ bẻ trụ hàm răng của ông xong rồi mới xin lỗi xin phải, trong khi đó thì ông đang đau ruột thừa. Bác sĩ thời nay toàn một giuộc như vậy!”

“Đây không phải việc chẩn đoán bệnh, về điểm này thì bác sĩ Haydock khẳng định chắc chắn tuyệt đối. Ông không thể chống lại chứng cứ pháp y Slack ạ.”

“Dù gì đi nữa cũng còn lời chứng của tôi,” đột nhiên tôi nhớ lại tình tiết bị bỏ quên. “Lúc tôi chạm vào thì tử thi đã lạnh ngắt. Tôi thề như vậy.”

“Ông thấy chưa, Slack?” Melchett nói.

Thanh tra Slack vui vẻ chịu thua.

“À, tất nhiên, nếu là như thế. Nhưng vụ án này hay đấy. Có thể nói là ông Redding cứ quá nôn nóng muốn bị treo cổ thôi.”

“Bản thân sự việc này theo tôi có gì đó không bình thường,” đại tá Melchett nhận xét.

“À, không giải thích được tính khí đâu,” viên thanh tra nói. “Có nhiều quý ông trở nên khá gàn dở sau chiến tranh. Tôi cho rằng giờ ta phải bắt đầu lại từ đầu.” Ông ta quay sang tôi. “Vì sao mục sư lại khiến tôi hiểu sai lạc về chuyện cái đồng hồ, tôi thật không hiểu nổi thừa mục sư. Ông đã cản trở tư pháp công chính.”

Tôi cảm thấy bị xúc phạm:

“Tôi đã ba lần cố gắng nói, nhưng lần nào cũng vậy, ông đều bắt tôi câm miệng và không thèm nghe.”

“Đó chỉ là cách nói thôi, thưa ngài. Lẽ ra mục sư hoàn toàn có thể nói với tôi nếu muốn nói. Đồng hồ và tờ thư có vẻ hoàn toàn ăn khớp với nhau. Bây giờ theo mục sư thì cái đồng hồ chạy sai giờ. Tôi chưa bao giờ gặp trường hợp này. Dù sao thì vặn đồng hồ nhanh hơn mười lăm phút là để làm gì chứ?”

“Là để cho đúng giờ.”

Viên thanh tra khịt mũi.

“Tôi nghĩ ông không cần phải nói tiếp chuyện này, thanh tra ạ,” đại tá Melchett nói khéo. “Điều chúng ta cần bây giờ là bà Protheroe và anh chàng Redding phải khai thật. Tôi đã gọi điện cho Haydock và yêu cầu ông ấy đưa bà Protheroe đến. Khoảng mười lăm phút nữa họ phải có mặt ở đây. Tôi nghĩ trước hết nên gọi cả Redding đến đây nữa.”

“Tôi sẽ liên hệ với đồn,” Thanh tra Slack nói và nhấc điện thoại.

“Và bây giờ chúng ta sẽ làm việc tại phòng này,” ông ta vừa đặt ống nghe xuống vừa nói.

Ông ta nhìn tôi đầy ngụ ý.

“Có lẽ ông muốn tôi ra ngoài phải không,” tôi nói.

Thanh tra lập tức mở cửa cho tôi. Melchett gọi với theo:

“Khi nào cậu Redding đến thì mục sư quay lại nhé? Ông là bạn cậu ta, có thể ông sẽ đủ uy lực để thuyết phục cậu ta nói ra sự thật.”

Tôi nhận ra vợ tôi và bà Marple đang chụm đầu vào nhau.

“Chúng em đang bàn bạc mọi khả năng có thể xảy ra,” Griselda nói. “Tôi ước chi bà có thể giải quyết vụ này, bà Marple ạ, giống như bà đã làm trong vụ nhà bà Wetherby bị mất trộm xâu tằm lột đó. Mọi chuyện là do nó gợi cho bà nhớ lại một chuyện hoàn toàn khác về bao than đá.”

“Cô cười nhạo tôi à, cô em thân mến,” bà Marple nói, “nhưng xét cho cùng đó là cách rất đúng đắn để tìm ra sự thật. Chính là cái người ta gọi là trực giác và tranh cãi về nó. Trực giác cũng giống như việc đọc đúng một từ mà không cần phải đánh vần. Một đứa trẻ không thể làm việc này vì nó có quá ít kinh nghiệm, nhưng người lớn thì biết rõ vì họ đã thường xuyên nhìn thấy trước đó rồi. Mục sư hiểu tôi muốn nói gì không, thưa mục sư?”

“Có, tôi nghĩ là tôi hiểu,” tôi chậm rãi trả lời. “Ý bà là nếu một sự việc nhắc ta nhớ đến một sự việc khác — à, thì có thể đó là sự việc tương tự.”

“Chính xác.”

“Vậy chính xác là vụ mưu sát đại tá Protheroe gợi bà nhớ đến điều gì?”

Bà Marple thờ dài.

“Chỗ này đúng là khó. Tôi đã nghĩ đến rất nhiều chuyện tương tự, chẳng hạn thiếu tá Hargraves, người quản lý tài sản của nhà thờ và là người rất được kính trọng, hóa ra ông ta lại có vợ lẽ con riêng — một bà từng là hầu phòng, nghĩ mà xem! Lại có năm đứa con — chính xác là năm đứa — khiến vợ và con gái ông ta bị sốc khủng khiếp.”

Tôi cố hết sức nhưng không sao hình dung được đại tá Protheroe trong vai người phạm tội vụng trộm.

“Rồi còn có chuyện giặt ủi nữa,” bà Marple nói tiếp. “Bà Hartnell sơ ý bỏ quên chiếc trâm cài đính ngọc mắt mèo của mình trong chiếc áo choàng có diềm xếp nếp và đưa tới hiệu giặt. Người đàn bà nhận đồ giặt không hề tham chiếc trâm ấy và hoàn toàn không phải là kẻ cắp, nhưng bà ta lại mang nó đi giấu trong nhà một người đàn bà khác rồi báo cảnh sát là bà ta thấy người

đàn bà này lấy nó. Là ác ý, các vị biết không, hoàn toàn là ác ý, mà động cơ lạ lùng thay là do thù tình. Dĩ nhiên là vì một người đàn ông. Bao giờ cũng vậy.”

Lần này dù có nghĩ xa hơn nữa tôi cũng không liên hệ được việc tương đương. Bà Marple vẫn tiếp tục với giọng mơ màng:

“Rồi chuyện cô con gái của Elwell khốn khổ — một cô gái xinh đẹp thanh cảnh — lại tìm cách trấn áp cậu em trai mình. Rồi vụ người chơi đàn ống biển thủ tiền chi cho chuyến du lịch của đội đồng ca nam (trước khi ông về nhậm chức ở đây) vì vợ anh ta nợ nần ngập đầu. Phải, từ vụ này người ta nghĩ đến nhiều — rất nhiều việc khác nữa, nhưng rất khó tiếp cận sự thật.”

“Mong bà nói cho tôi biết, bảy người bị tình nghi là những ai?” tôi hỏi.

“Bảy nghi can ấy ạ?”

“Bà đã nói theo bà có đến bảy người có thể — à, vui mừng trước cái chết của đại tá Protheroe mà.”

“Tôi nói thế ư? À, tôi nhớ ra mình có nói.”

“Chuyện ấy có thật không?”

“Ô, chắc chắn là có thật ạ. Nhưng tôi không nên nhắc tên họ ở đây. Mục sư có thể hoàn toàn tự mình nghĩ ra họ, tôi chắc chắn thế.”

“Thực sự tôi không thể. Theo tôi là Lettice Protheroe, bởi lẽ con bé có khả năng được hưởng gia tài sau khi bố nó qua đời. Nhưng việc này mà quy cho cô ấy thì vô lý quá, và ngoài cô ấy ra thì tôi không nghi ngờ ai khác.”

“Còn cô thì sao, cô em?” bà Marple quay sang hỏi Griselda.

Mặt Griselda đỏ bừng khiến tôi khá bất ngờ. Mắt nàng dường như rơm rớm. Nàng vịn vẹo đôi tay nhỏ nhắn rồi kêu lên phẫn nộ:

“Ôi, thiên hạ đáng ghét — đáng ghét quá đi. Họ nói gì vậy chứ! Chỉ toàn những chuyện độc địa xấu xa...”

Tôi ngạc nhiên nhìn nàng. Hình như Griselda không bối rối lo âu đến mức ấy. Nhận ra ánh mắt của tôi, nàng cười gượng:

“Đừng nhìn em như thể mẫu vật lạ khiến mình tò mò, cũng đừng nóng vội mà đi chệch hướng Len à. Em không nghĩ là Lawrence hay Anne, mà Lettice cũng vô can. Thế nào chúng ta cũng tìm ra vài manh mối khác.”

“Tất nhiên có bức thư đó,” bà Marple nói. “Cô nhớ lại xem, sáng nay tôi đã nói bức thư ấy hết sức kỳ lạ.”

“Thư có vẻ xác định thời điểm ông ta chết,” tôi nói. “Nhưng điều đó có xảy ra như vậy không? Bà Protheroe vừa mới rời văn phòng, chỉ đủ thời gian đi đến xưởng vẽ. Cách duy nhất tôi có thể giải thích việc này là Protheroe xem đồng hồ tay của mình, và đồng hồ ông ta chạy chậm. Theo tôi có vẻ đó là giải pháp khả thi.”

“Em lại có ý khác,” Griselda nói. “Len ạ, giá sử đồng hồ đã bị chỉnh lùi giờ — à mà không, việc cũng sẽ xảy ra giống như thế thôi — em thật ngốc!”

“Khi anh rời khỏi nhà thì đồng hồ không hề bị chỉnh,” tôi nói. “Anh nhớ anh còn so giờ với đồng hồ đeo tay mà. Tuy nhiên như mình nói thì điều này chẳng liên quan gì đến vấn đề hiện thời.”

“Bà nghĩ sao, bà Marple?” Griselda hỏi.

Bà già lắc đầu.

“Cô em ơi, tôi thú nhận tôi hoàn toàn không suy nghĩ theo hướng ấy. Điều khiến tôi thấy kỳ lạ ngay từ đầu, chính là tiêu đề bức thư.”

“Tôi lại không thấy thế,” tôi nói. “Đại tá Protheroe chỉ viết rằng ông ấy không thể chờ lâu hơn nữa...”

“Vào lúc sáu giờ hai mươi phút à?” bà Marple nói. “Cô hầu Mary của mục sư đã thưa với ông ấy ít nhất phải sáu giờ rưỡi mục sư mới về, và hình như ông ta đã sẵn sàng ngồi chờ đến lúc ấy, thế mà vào sáu giờ hai mươi ông ta lại ngồi xuống viết rằng ‘không thể chờ lâu hơn nữa’.”

Tôi trở mắt nhìn bà già, cảm thấy càng kính trọng hơn năng lực trí tuệ của bà. Với trí thông minh sắc sảo, bà đã nhìn thấy điều mà chúng tôi không nhận ra. Đó là một chuyện kỳ lạ — hết sức kỳ lạ.

“Giá như bức thư không ghi giờ...” tôi nói.

Bà Marple gật đầu.

“Đúng thế ạ, giá như nó đã không ghi giờ!”

Tôi cố moi óc nhớ lại mẫu giấy viết thư với nét chữ nguệch ngoạc không rõ ấy, ở đầu trang ghi 6.20. Con số này rõ ràng không cùng nét chữ với phần còn lại của bức thư.

Tôi há hốc mồm kinh ngạc.

“Giả sử thư không ghi giờ,” tôi nói. “Giả sử khoảng 6 giờ 30 đại tá Protheroe sốt ruột và ngồi vào viết rằng ông ta không thể chờ lâu hơn. Và trong khi ông ta đang viết thì có kẻ nào đó bước vào qua cửa hông...”

“Hoặc là qua cửa chính,” Griselda gợi ý.

“Vậy thì ông ta sẽ nghe tiếng mở cửa và ngẩng lên nhìn.”

“Mục sư nhớ cho là đại tá Protheroe hơi lãng tai,” bà Marple nói.

“Vâng, đúng thế. Ông ta có thể không nghe thấy. Dù vào bằng ngả nào đi nữa, tên sát nhân cũng lên đến sau lưng đại tá và bắn ông ta. Rồi hắn ta nhìn thấy bức thư cùng chiếc đồng hồ và nảy ra một ý. Hắn ghi con số 6.20 lên đầu thư và chỉnh kim đồng hồ về 6 giờ 22 phút. Đó là một ý đồ khôn ngoan nhằm giúp hắn ta có chứng cứ ngoại phạm hoàn hảo, hoặc là hắn ta nghĩ như thế.”

“Và điều chúng ta muốn tìm ra là một ai đó có chứng cứ ngoại phạm rõ rệt vào lúc 6 giờ 20, nhưng lại không hoàn toàn ngoại phạm, à — thật chẳng dễ gì,” Griselda nói. “Ta không thể xác định thời gian.”

“Chúng ta có thể xác định thời gian trong phạm vi giới hạn rất hẹp,” tôi nói.

“Theo Haydock, thời điểm xảy ra vụ án chậm nhất là 6 giờ 30, nhưng tôi nghĩ có thể chuyển đến 6 giờ 35 với lập luận là rõ ràng Protheroe không thể sốt ruột khi chưa đến 6 giờ 30. Theo tôi có thể nói hầu như chúng ta biết rõ điều đó.”

“Còn tiếng súng ấy, tôi có nghe — phải, cứ cho là hoàn toàn có thể như vậy. Và tôi chẳng suy nghĩ gì — hoàn toàn không. Thật bực mình. Tuy nhiên giờ đây khi cố nhớ lại thì tôi thấy hình như tiếng súng ấy khác với tiếng súng mà tôi đã từng nghe. Vâng, đúng là khác hẳn.”

“Lớn hơn hay sao?” tôi gợi ý.

Không, bà Marple không cho rằng tiếng nổ ấy to hơn. Thực sự bà thấy khó nói rằng khác nhau ra sao, nhưng bà vẫn khẳng khẳng là có khác. Tôi nghĩ có khả năng bà tự thuyết phục mình tin như vậy hơn là thực sự nhớ lại,

nhưng bà vừa góp cho chúng tôi một cách nhìn mới rất có giá trị về sự việc này khiến tôi cảm thấy vô cùng kính trọng bà.

Bà đứng lên, lẩm bẩm rằng mình chỉ định tạt qua bàn luận một chút với Griselda thân mến về vụ án — giờ thì xin kiếu. Tôi đưa bà ra tận tường bao và cổng sau rồi trở vào nhà, thấy Griselda đang trầm ngâm suy nghĩ.

“Mình vẫn đang nghĩ ngợi về bức thư ấy à?” tôi hỏi.

“Không Len ạ.” Nàng chột rùng mình rồi nhún vai với vẻ sốt ruột. “Em đang suy nghĩ, kẻ nào đó hẳn phải thù oán Anne Protheroe ghê lắm.”

“Thù oán bà ấy ư?”

“Phải. Mình không thấy sao? Không có bằng chứng thực sự chống lại Lawrence — mọi bằng chứng chống lại anh ta đều là cái ta gọi là ngẫu nhiên. Anh ta chỉ tình cờ nảy ra ý định đến đây. Nếu anh ta không đến — à, thì không ai có thể nghĩ anh ta có liên quan đến tội ác được. Nhưng Anne thì khác. Cho là có ai đó biết bà ấy đến đây đúng vào 6 giờ 20 — theo đồng hồ và giờ ghi trên lá thư — thì mọi việc đều nhắm vào bà ấy. Em không nghĩ chỉ vì muốn tạo chứng cứ ngoại phạm mà ai đó đã chỉnh kim đồng hồ — theo em còn hơn thế — họ đã cố gán tội cho bà ấy. Nếu bà Marple không nói rằng Anne không mang súng trong người và cho biết bà ấy chỉ lưu lại một chút trước khi xuống xưởng vẽ — phải, nếu không có những lời ấy thì...” Nàng lại rùng mình. “Len ạ — em cảm thấy có kẻ nào đó rất thù ghét Anne Protheroe. Em... em không thích điều đó.”

12

Tôi được gọi vào văn phòng khi Lawrence Redding đến.

Trông anh ta phờ phạc và có vẻ gì đó ám muội, tôi nghĩ thế. Đại tá Melchett thân mật chào anh ta.

“Chúng tôi muốn hỏi anh đôi điều — ở đây, ngay tại hiện trường,” ông nói.

Lawrence khẽ nhếch mép cười:

“Làm theo kiểu Pháp à? Diễn lại tội ác đúng không?”

“Đừng nói với chúng tôi bằng cái giọng ấy, anh bạn thân mến,” đại tá Melchett nói. “Anh có biết vừa có người khác cũng đến nhận tội giết người mà anh đã thú nhận gây ra không?”

Những lời ấy lập tức khiến Lawrence bối rối.

“M — một người khác à?” Anh ta lắp bắp. “Là... là ai?”

“Bà Protheroe,” Melchett nhìn anh ta đáp.

“Vô lý. Bà ấy không hề làm chuyện này. Bà ấy không thể làm. Không thể.”

Melchett ngắt lời anh ta:

“Lạ thật, chúng tôi cũng không tin vào câu chuyện của bà ấy. Và có thể nói chúng tôi cũng không tin cả câu chuyện của anh. Bác sĩ Haydock quả quyết án mạng không thể xảy ra vào thời điểm mà anh khai mình đã ra tay.”

“Bác sĩ Haydock nói vậy sao?”

“Đúng thế, và anh thấy đó, dù anh có muốn hay không thì anh cũng đã được minh oan. Và bây giờ chúng tôi muốn anh giúp đỡ, kể cho chúng tôi nghe đích xác chuyện gì đã xảy ra.”

Lawrence vẫn do dự.

“Ông không lừa tôi về... về chuyện bà Protheroe đó chứ? Thực sự ông không nghi ngờ bà ấy sao?”

“Tôi xin lấy danh dự mà nói,” đại tá Melchett đáp.

Lawrence thở dài.

“Tôi là thằng điên,” anh ta nói. “Quá điên khùng! Sao tôi lại có lúc nghĩ rằng bà ấy đã làm điều đó nhỉ...”

“Anh kể cho chúng tôi nghe tất cả về chuyện ấy đi,” viên cảnh sát trưởng gợi ý.

“Cũng chẳng có gì nhiều mà kể. Tôi — tôi gặp bà Protheroe chiều hôm ấy...”

Anh ta ngập ngừng.

“Về việc này thì chúng tôi đã biết cả rồi,” Melchett nói. “Anh có thể nghĩ tình cảm giữa anh và bà ấy là tuyệt đối bí mật, nhưng thực tế mọi người đều biết và bàn tán. Bất luận thế nào thì giờ đây chuyện đã bại lộ.”

“Thế thì rất tốt. Tôi nghĩ ông nói đúng. Tôi đã hứa với mục sư đây...” anh ta đưa mắt nhìn tôi, “sẽ... sẽ ra đi ngay lập tức. Chiều tôi hôm ấy tôi gặp bà Protheroe tại xưởng vẽ lúc 6 giờ 15. Tôi nói với bà ấy về quyết định của mình. Bà ấy cũng đồng ý với tôi rằng chỉ còn có cách đó mà thôi. Chúng tôi — chúng tôi tạm biệt nhau.

“Rồi chúng tôi rời xưởng vẽ, và hầu như gặp tiến sĩ Stone ngay lập tức. Anne cố làm ra vẻ hoàn toàn tự nhiên, còn tôi thì không thể. Tôi cùng Stone đến Blue Boar uống rượu. Sau đó tôi nghĩ mình nên về nhà, nhưng khi đến góc đường này thì tôi đổi ý và quyết định đến gặp mục sư. Tôi muốn có người để kể về chuyện đã xảy ra.

“Cô hầu cho tôi biết mục sư đi vắng nhưng sắp về, và đại tá Protheroe đang ngồi chờ trong phòng làm việc. À, tôi nghĩ việc gì mình lại bỏ đi — như thế có vẻ như mình đang lẩn tránh ông ta. Vì thế tôi bảo mình cũng sẽ đợi, rồi tôi vào phòng làm việc.”

Anh ta dừng lại.

“Rồi sao nữa?” đại tá Melchett hỏi.

“Protheroe đang ngồi trước bàn giấy — đúng như mục sư đã phát hiện. Tôi đến gần — chạm vào người ông ta. Ông ta đã chết. Rồi tôi nhìn xuống và trông thấy khẩu súng lục nằm trên sàn nhà cạnh ông ấy. Tôi nhặt nó lên — và ngay lập tức nhận ra đó là khẩu súng của mình.

“Tôi điếng người. Khẩu súng lục của tôi! Và thế là tôi đi ngay đến kết luận, chắc hẳn Anne đã lấy cắp khẩu súng của tôi vào lúc nào đó — để tự kết liễu đời mình nếu bà ấy không thể chịu đựng được nữa. Có thể bà ấy đã hành động ngay hôm ấy. Sau khi chúng tôi vào làng, chắc bà ấy đã quay lại và — và — ôi! Tôi phát điên khi nghĩ đến điều đó. Nhưng đúng là tôi nghĩ thế. Tôi nhét súng vào túi và bỏ đi. Vừa ra tới cổng nhà mục vụ thì tôi gặp mục sư đây. Mục sư nói gì đó một cách tự nhiên về việc có hẹn với Protheroe — còn tôi đột nhiên muốn phá lên cười. Thái độ của mục sư vẫn bình thường như mọi ngày còn tôi thì sắp bị treo cổ. Tôi nhớ mình đã hét to một câu gì đó ngớ ngẩn và thấy mặt mục sư biến sắc. Tôi gần như mất trí. Tôi bước đi — bước đi — sau cùng tôi không thể chịu đựng nổi nữa. Nếu Anne đã làm cái việc rùng rợn ấy thì tôi phải chịu trách nhiệm, chí ít là về mặt đạo đức. Thế là tôi đi nạp mình.”

Khi anh ta nói xong, mọi người im lặng. Rồi viên đại tá cất tiếng rành rọt:

“Tôi muốn hỏi anh một vài câu. Thứ nhất, anh có chạm vào hay xô dịch tử thi không?”

“Không, tôi không hề chạm vào xác. Không cần chạm vào thì cũng có thể thấy là ông ta đã chết.”

“Anh có để ý thấy bức thư nằm trên bàn thăm bị tử thi che khuất một phần không?”

“Không ạ.”

“Anh có động gì vào chiếc đồng hồ không?”

“Tôi không hề động vào đồng hồ. Tôi nhớ hình như có chiếc đồng hồ nằm trên mặt bàn, nhưng tôi không động tới nó.”

“Còn khẩu súng của anh, lần cuối anh thấy nó là vào lúc nào?”

Lawrence Redding ngẫm nghĩ.

“Tôi không nhớ chính xác.”

“Anh để súng ở đâu?”

“Ôi, trong đồng hồ linh tinh ở phòng khách nhà tôi, trên kệ sách.”

“Anh vứt nó lung tung thế à?”

“Vâng, thực sự tôi không hề nghĩ đến nó. Chỉ là để ở đó thôi.”

“Vậy bất cứ ai bước vào nhà anh cũng có thể thấy khẩu súng ấy sao?”

“Phải.”

“Và anh không nhớ ra mình nhìn thấy nó lần cuối lúc nào à?”

Lawrence cau mày cố nhớ lại:

“Ngày hôm kia thì tôi hầu như chắc chắn nó còn nằm ở đó. Tôi nhớ mình đã để nó sang một bên khi lấy cái tẩu thuốc cũ. Tôi nghĩ đó là ngày hôm kia — nhưng cũng có thể là một hôm trước đó nữa.”

“Thời gian gần đây có ai đến nhà anh không?”

“Ô, nhiều lắm! Khách vào ra liên tục. Vào ngày hôm kia nhà tôi có tiệc trà, Lettice Protheroe, Dennis và cả đám bạn của họ. Rồi còn mấy bà lão thỉnh thoảng lui tới nữa.”

“Anh có khóa cửa nhà khi đi vắng không?”

“Không, việc gì phải khóa cơ chứ? Nhà tôi chẳng có gì để mất trộm, mà ở đây cũng chẳng ai khóa cửa.”

“Ai coi sóc việc nhà cho anh?”

“Sáng nào bà lão Archer cũng đến, gọi là ‘làm theo giờ’.”

“Anh nghĩ xem bà ta có thể nhớ khẩu súng ở đó lần cuối là lúc nào không?”

“Tôi không biết nữa. Có thể bà ấy nhớ. Nhưng tôi không nghĩ bà ấy chăm lau chùi bụi bặm.”

“Thế nghĩa là — hầu như người nào cũng có thể lấy khẩu súng ấy à?”

“Có vẻ như thế — vâng.”

Cửa mở và bác sĩ Haydock cùng Anne Protheroe bước vào. Trông thấy Lawrence, bà giật bắn người, còn anh ta thì dợm bước về phía bà.

“Tha lỗi cho tôi, Anne ạ,” anh ta nói. “Nghĩ đến những gì đã làm tôi thấy mình đáng kinh tởm.”

“Tôi...” Anne ngập ngừng, rồi nhìn đại tá Melchett vẻ van lơn. “Điều bác sĩ Haydock nói với tôi có đúng không?”

“Rằng ông Redding không phải là nghi can ư? Đúng thế. Còn bây giờ thì câu chuyện của bà như thế nào, bà Protheroe? Nào, chuyện ra sao?”

Anne mỉm cười ngược ngừng:

“Các ông nghĩ tôi thật đáng sợ phải không?”

“Chà, phải nói là quá đại dột. Nhưng việc đã xảy ra rồi. Bà Protheroe ạ, điều giờ đây tôi muốn biết là sự thật — toàn bộ sự thật.”

Anne nghiêm nghị gật đầu.

“Tôi sẽ nói. Tôi nghĩ ông đã biết — mọi chuyện.”

“Phải.”

“Chiều tối hôm ấy tôi có hẹn với Lawrence — ông Redding — ở xưởng vẽ vào lúc sáu giờ mười lăm. Ông nhà tôi và tôi cùng đi xe hơi vào làng. Tôi có việc phải đi mua sắm. Khi chúng tôi chia tay, tình cờ ông ấy sẽ gặp mục sư. Tôi hơi lo lắng vì không thể nhắn cho Lawrence hay. Tôi — à, thật bất tiện khi gặp gỡ anh ấy trong vườn nhà mục sư mà chồng tôi lại đang ở phòng làm việc của mục sư.”

Nói đến đó bà ta đỏ bừng mặt. Một khoảnh khắc không dễ chịu chút nào với bà.

“Tôi ngẫm nghĩ và thấy có thể chồng tôi sẽ không ở lại lâu. Để tìm hiểu, tôi đi theo đường làng phía sau vào vườn nhà mục sư. Tôi hy vọng không ai trông thấy mình, nhưng tất nhiên bà Marple thì phải ở trong vườn bà ấy! Bà lão gọi tôi lại và chúng tôi trao đổi vài câu, và tôi giải thích rằng tôi đến tìm ông nhà tôi. Tôi thấy mình phải nói gì đó, nhưng tôi không biết bà ấy có tin tôi hay không. Trông bà ấy hơi — là lạ.

“Sau khi chào bà ấy, tôi đi ngay vào nhà mục vụ và vòng theo góc nhà đến chỗ cửa sổ phòng làm việc. Tôi rón rén bước, rất khẽ, mong nghe được tiếng nói từ bên trong, nhưng tôi ngạc nhiên vì không nghe thấy gì cả. Tôi liếc nhìn vào, thấy trong phòng không có người, thế là tôi vội vã băng qua bãi cỏ xuống xưởng vẽ, Lawrence hầu như cũng đến ngay lập tức.”

“Bà nói trong phòng không có ai sao, bà Protheroe?”

“Vâng, ông nhà tôi không có ở đó.”

“Lạ lùng chưa!”

“Thưa bà, bà định nói là mình không thấy ông ấy phải không?” viên thanh tra hỏi.

“Phải, tôi không thấy ông ấy.”

Thanh tra Slack thì thào vào tai cảnh sát trưởng, ông này gật đầu.

“Bà Protheroe, nếu không phiền, xin bà vui lòng cho chúng tôi xem chính xác bà đã làm gì không?”

“Được chứ ạ.”

Anne đứng lên, Thanh tra Slack mở cửa hông và bà ta bước ra sân hiên rồi đánh một vòng đến cánh phải ngôi nhà. Thanh tra Slack lên giọng ra lệnh cho tôi đến ngồi vào bàn viết.

Không hiểu sao tôi không thích làm việc này cho lắm, vì nó mang lại cho tôi cảm giác khó chịu. Tuy vậy, dĩ nhiên là tôi vẫn tuân theo.

Ngay sau đó tôi nghe tiếng chân từ bên ngoài. Tiếng chân dừng lại trong phút chốc rồi bước lui. Thanh tra Slack ra dấu bảo tôi trở về phía bên kia gian phòng. Bà Protheroe lại bước vào qua ngả cửa hông.

“Có chính xác là như vậy không?” đại tá Melchett hỏi.

“Tôi nghĩ là chính xác.”

“Vậy bà có thể cho chúng tôi biết, khi bà nhìn vào phòng thì chính xác ông mục sư đang ngồi ở đâu?”

“Mục sư à? Tôi — không, tôi e rằng mình không biết. Tôi không nhìn thấy ông ấy.”

Thanh tra Slack gật gù.

“Đó là vì sao bà không nhìn thấy ông nhà. Ông ấy ngồi trước bàn viết ở góc phòng.”

“Ôi!” Anne ngật ngưỡng rồi bất ngờ tròn mắt kinh hãi. “Không phải ở chỗ ấy — chỗ ấy...”

“Phải, bà Protheroe ạ. Lúc ấy ông nhà đang ngồi ở chỗ kia kia.”

“Ôi!” bà ta run rẩy.

Viên thanh tra hỏi tiếp:

“Bà có biết ông Redding có một khẩu súng không, bà Protheroe?”

“Có ạ. Có lần anh ấy đã nói với tôi.”

“Có bao giờ bà giữ khẩu súng ấy không?”

Anne lắc đầu.

“Vậy bà có biết ông Lawrence cất súng ở đâu không?”

“Tôi không dám chắc. Tôi nghĩ — vâng, tôi nghĩ mình đã trông thấy nó trên kệ sách nhà anh ấy. Anh để súng ở đó phải không Lawrence?”

“Lần cuối cùng bà đến nhà ông ấy là khi nào, bà Protheroe?”

“Ô, khoảng ba tuần trước. Vợ chồng tôi đến dùng trà với anh ấy.”

“Và từ đó đến nay bà không tới đó nữa sao?”

“Không, tôi không đến nữa. Có thể do trong làng có quá nhiều lời đàm tiếu, ông thấy đó.”

“Chắc chắn rồi,” đại tá Melchett lạnh nhạt trả lời. “Bà có thể cho tôi biết, bà thường gặp ông Redding ở đâu?”

Anne đỏ mặt.

“Anh ấy thường đến nhà tôi. Anh đang vẽ chân dung Lettice. Sau đó chúng tôi — chúng tôi thường gặp nhau trong rừng.”

Đại tá Melchett gật đầu.

“Như thế đã đủ chưa?” Giọng bà ta bỗng dừng nghẹn ngào. “Thật khủng khiếp — khi phải kể với ông mọi chuyện. Mà — mà không có điều gì sai trái ở đây cả. Không có gì cả — thật đấy, không có gì đâu. Chúng tôi chỉ là bạn bè thôi mà. Chúng tôi không thể không quan tâm đến nhau.” Bà ta nhìn bác sĩ Haydock với vẻ khẩn khoản, và con người dễ mềm lòng kia liền bước tới.

“Tôi nghĩ với bà Protheroe thế đã đủ rồi, Melchett ạ,” ông nói. “Bà ấy bị sốc nặng — mà sốc nhiều chuyện.”

Ông cảnh sát trưởng gật đầu.

“Thực sự là tôi không còn gì để hỏi bà nữa, thưa bà Protheroe. Cám ơn bà đã rất thẳng thắn trả lời các câu hỏi của tôi.”

“VẬY — vậy tôi có thể đi được chứ?”

“Bà mục sư có nhà không?” Haydock hỏi. “Tôi nghĩ bà Protheroe muốn gặp bà ấy.”

“Có, Griselda có nhà đấy,” tôi đáp. “Ông có thể tìm cô ấy ở phòng khách.”

Anne và Haydock rời phòng, và Lawrence Redding đi cùng với họ.

Đại tá Melchett bặm môi và nghịch con dao rọc giấy, còn Slack thì sẫm soi lá thư. Lúc ấy tôi đề cập ý kiến của bà Marple.

Slack xem xét cẩn thận lá thư.

“Lấy danh dự mà thề,” ông ta nói, “tôi tin bà lão ấy có lý. Nhìn này thưa mục sư, ông không thấy sao? — những chữ số này được viết bằng thứ mực khác. Ngày giờ được viết bằng bút máy, nếu sai cứ gọi là tôi đi đầu xuống đất luôn!”

Tất cả chúng tôi đều khá phấn khích.

“Dĩ nhiên ông đã lấy dấu vân tay trên lá thư rồi,” cảnh sát trưởng nói.

“Ông nghĩ gì thế, đại tá? Trên lá thư hoàn toàn không có dấu vân tay, còn trên khẩu súng là dấu vân tay của Lawrence Redding. Có thể đã có dấu tay của người khác trước khi Redding làm cái chuyện ngu dại mà bỏ nó vào túi mình, nhưng bây giờ thì không có gì rõ ràng để hiểu đúng sự việc cả.”

“Thoạt đầu vụ án tỏ ra rất bất lợi cho bà Protheroe,” đại tá trầm ngâm nói. “Với anh chàng Redding thì càng bất lợi hơn nữa. Đã có chứng cứ bà Marple cung cấp là bà Protheroe không mang súng theo mình, nhưng các bà cao tuổi thường hay nhầm lẫn lẫn.”

Tôi lặng thinh, nhưng không đồng tình với ông ta. Tôi hoàn toàn chắc chắn Anne Protheroe không hề mang súng trong người vì bà Marple đã nói thế. Bà Marple không phải là loại bà già dễ sai lầm. Bà có sở trường đặc biệt là bao giờ cũng chính xác.

“Điều làm tôi bối rối là không có ai nghe thấy tiếng súng cả. Nếu lúc ấy súng nổ thì phải có ai đó nghe thấy — bất kể họ nghĩ nó phát ra từ hướng nào. Ông nên nói chuyện với cô hầu thì tốt hơn Slack ạ.”

Thanh tra Slack nhanh nhẩu bước ra cửa.

“Đừng hỏi cô ấy có nghe tiếng súng trong nhà không,” tôi nói. “Bởi nếu ông làm thế thì cô ta sẽ phủ nhận ngay. Hãy gọi đó là phát súng trong rừng. Đó là loại tiếng súng duy nhất cô ta sẽ thừa nhận đã nghe thấy.”

“Tôi biết cách xoay xử mà,” Thanh tra Slack đáp rồi đi khuất.

“Bà Marple bảo bà ta nghe tiếng súng muộn hơn,” đại tá Melchett trầm ngâm. “Chúng ta phải xem bà ấy xác định thời gian có chính xác không. Tất nhiên có thể có tiếng súng ở đâu đó nhưng không liên quan đến vụ này.”

“Có thể là thế, dĩ nhiên rồi,” tôi tán thành.

Viên đại tá đi tới đi lui trong phòng, rồi đột nhiên nói:

“Mục sư biết không, tôi thấy vụ này hóa ra còn phức tạp và khó khăn hơn chúng ta nghĩ rất nhiều. Mẹ kiếp, phải có chuyện gì đó đằng sau vụ này.” Ông khịt mũi. “Có điều gì đó mà chúng ta không biết được. Chúng ta chỉ mới bắt đầu, Clement ạ. Lưu ý lời tôi nói, chúng ta chỉ mới bắt đầu. Đồng hồ, bức thư, khẩu súng — tất cả những thứ ấy chẳng có ý nghĩa gì.”

Tôi lắc đầu. Đúng là chúng chẳng có nghĩa lý gì.

“Nhưng tôi sẽ tìm hiểu ngọn nguồn. Không cần phải nhờ đến Scotland Yard. Slack là người khôn ngoan. Rất khôn ngoan. Tinh như chồn ấy. Ông ta sẽ đánh hơi theo cách của mình để tìm ra sự thật. Ông ấy đã từng rất thành công trong một số vụ, và vụ này sẽ là kiệt tác của ông ta. Một số người có thể mời Scotland Yard, nhưng tôi sẽ không làm thế. Chúng ta sẽ phá án ngay tại Downshire này.”

“Tôi cũng mong thế, chắc chắn rồi,” tôi nói.

Tôi cố gắng tỏ ra nhiệt tình, nhưng tôi đã sẵn không ưa Thanh tra Slack nên viễn cảnh thành công của ông ta chẳng hề khiến tôi phấn khởi. Một Slack thành công thậm chí còn đáng ghét hơn một Slack thất bại, tôi nghĩ.

“Nhà bên cạnh là của ai vậy?” ông đại tá bỗng hỏi tôi.

“Ý ông là ở cuối đường phải không? Là nhà bà Price Ridley.”

“Sau khi Slack làm việc xong với cô hầu của mục sư thì chúng ta sẽ cùng đến bà Ridley. Có thể bà ta nghe thấy gì đó. Bà ta không bị điếc chứ?”

“Phải nói là bà ấy thính tai lắm. Tôi đang căn cứ vào thằng Dennis này thật. Nó phải hiểu rằng cảnh sát thường đâu có biết đùa!

“Đừng có ngốc thế, Dennis,” tôi cúi kính nói.

Thằng bé ngây thơ tròn mắt ngạc nhiên.

“Cháu đã bảo đây chỉ là lời nói đùa,” nó nói. “Bác Len chỉ nói ai mà giết đại tá Protheroe xem như giúp ích cho đời mà thôi.”

“À, điều này giải thích một số chuyện cô hầu nói,” Slack nói.

Người giúp việc cũng rất hiếm khi biết bông đùa. Tôi thầm rửa thằng Dennis đã lôi chuyện này ra. Vụ này và vụ cái đồng hồ sẽ khiến thanh tra nghi ngờ tôi suốt đời cho mà xem.

“Đi nào Clement,” đại tá Melchett nói.

“Các bác đi đâu vậy, cho cháu theo với được không?” Dennis hỏi.

“Không, không được,” tôi nạt.

Chúng tôi bỏ đi để lại thằng nhỏ tự ái đứng nhìn theo. Đến trước cánh cổng trang nhã của nhà bà Price Ridley, viên thanh tra gõ cửa rồi nhấn chuông theo cái kiểu tôi chỉ có thể mô tả là đang thi hành công vụ.

Một cô hầu xinh đẹp bước ra.

“Bà Price Ridley có nhà không cô?” Melchett hỏi.

“Thưa ngài không ạ.” Cô hầu ngần ngừ rồi nói thêm: “Bà cháu vừa mới lên đồn cảnh sát ạ.”

Một diễn biến hoàn toàn không mong đợi. Trên đường quay về, Melchett bầu lấy cánh tay tôi nói nhỏ:

“Nếu bà ta cũng đến đầu thú nữa thì tôi sẽ phát điên thực sự đấy.”

Melchett bảo ông sẽ sang thăm bà Price Ridley, và Slack tán thành.

“Tôi đi cùng ông được chứ?” tôi hỏi. “Tôi cũng muốn đi.”

Melchett đồng ý, và chúng tôi lên đường. Chúng tôi vừa bước ra cổng nhà mục vụ thì có tiếng chào thật to, rồi Dennis, cháu trai tôi, từ phía làng chạy đến chỗ chúng tôi.

“Này ông thanh tra, về dấu chân cháu nói với ông thì thế nào?” nó nói.

“Là của người làm vườn,” Thanh tra Slack trả lời vắn tắt.

“Ông có nghĩ có thể ai đó mang ủng của người làm vườn không?”

“Không, ta không nghĩ thế!” Thanh tra Slack đáp theo kiểu làm người khác nản lòng. Tuy nhiên chỉ chừng ấy thì đâu đủ làm Dennis bỏ cuộc. Cuộc chĩa ra hai que diêm cháy dở:

“Cháu tìm thấy cái này ở gần cổng nhà mục vụ.”

“Cám ơn cháu,” Slack nói rồi dứt chúng và tụi.

Câu chuyện đến đây có vẻ như bế tắc.

“Ông không bắt bác Len của cháu chứ?” Dennis hỏi giọng khô khan.

“Vì sao ta phải làm thế?” Slack hỏi lại.

“Có nhiều chứng cứ chống lại bác ấy,” Dennis trình bày. “Ông hỏi Mary xem. Một ngày trước khi xảy ra án mạng, bác ấy đã bảo ước gì đại tá Protheroe biến khỏi đời này. Đúng vậy không bác Len?”

“Ờ...” tôi đáp.

Thanh tra Slack quay sang nhìn tôi chăm chăm với vẻ hơi ngờ vực khiến tôi thấy nóng ran cả người. Chán cái câu chuyện ngồi lê đôi mách mà bà ấy bắt đầu bằng việc ‘chỉ tình cờ nghe lỏm’.

“Đó là loại phụ nữ mà chúng ta cần. Ồ! Slack đây rồi.” Viên thanh tra như vừa thoát thân từ một đám ẩu đả. Trông ông ta nóng phùng phùng.

“Phù! Cô hầu nhà ông thô bạo quá, thưa mục sư.”

“Về cơ bản, Mary là cô gái có cá tính mạnh mẽ,” tôi đáp.

“Cô ta không thích cảnh sát,” Slack nói. “Tôi đã cảnh cáo cô ta rằng tôi có thể dùng luật để trị cô ta — nhưng chẳng ăn thua gì. Cô ta vẫn cứng đầu cứng cổ với tôi.”

“Đầy khí thế,” tôi nói mà thấy mình có thiện cảm nhiều hơn với Mary.

“Nhưng tôi cũng đã buộc cô ta quy hàng rồi. Cô ta có nghe tiếng súng — và chỉ một tiếng mà thôi. Tiếng nổ ấy xảy ra sau khi đại tá Protheroe đến khá lâu. Cô ta không thể nhớ đúng thời điểm, nhưng chí ít chúng ta cũng xác định được thông qua việc giao cá. Người giao cá đến muộn, khi anh ta đến thì cô ta mắng mỏ, và anh ta bảo dù sao chỉ mới sáu giờ rưỡi, và ngay sau đó cô ta nghe tiếng nổ. Tất nhiên điều đó không chính xác, có thể nói thế, nhưng nó cũng cho chúng ta một ý niệm.”

“Hừm,” Melchett nói.

“Dù sao thì tôi cũng không nghĩ bà Protheroe làm việc này,” giọng Slack có chút hối tiếc. “Trước hết vì bà ta không thể có đủ thời gian, sau nữa là phụ nữ chẳng bao giờ lại thích nghịch súng. Họ thường dùng thạch tín hơn. Không, tôi không nghĩ bà ta làm việc này. Thật đáng tiếc!”

Ông ta thở dài.

Tôi hầu như không nghĩ bà Price Ridley có khả năng gây chuyện gì kinh khủng, nhưng tôi vẫn tự hỏi điều gì đã khiến bà ta phải đến đồn cảnh sát. Liệu bà ta có tìm ra chứng cứ nào quan trọng, hoặc bà ta nghĩ là quan trọng để cung cấp không? Dầu sao đi nữa chúng tôi cũng phải tìm hiểu ngay.

Chúng tôi trông thấy bà Price Ridley đang ra rả từng hồi với viên cảnh sát, anh này có vẻ bối rối. Nhìn chòm nơ bướm trên mũ bà rung rung, tôi biết bà rất phẫn nộ. Bà Price Ridley đội loại mũ được xem là ‘mũ của các mệnh phụ’ — sản phẩm đặc biệt của thành phố Much Benham lân cận. Dải ruy băng được kết thành chòm nơ gắn vào phần chóp mũ trông khá nặng nề. Vậy mà Griselda cứ hăm he sẽ sắm một chiếc mũ mệnh phụ kiểu ấy.

Bà Price Ridley ngừng lời khi chúng tôi bước vào.

“Bà Price Ridley phải không ạ?” đại tá Melchett nhắc mũ chào.

“Cho phép tôi giới thiệu đại tá Melchett, thưa bà Price Ridley,” tôi nói. “Đại tá Melchett là cảnh sát trưởng của chúng ta.”

Bà Ridley lãnh đạm nhìn tôi, nhưng lại mỉm cười lịch thiệp với ông đại tá.

“Chúng tôi vừa mới đến thăm nhà bà, thưa bà Price Ridley,” đại tá giải thích, “và được biết bà đã đến đây.”

Bà Price Ridley đã hoàn toàn ‘tan băng’.

“À!” bà nói, “tôi rất vui vì đã nói được vài điều về sự việc xảy ra. Thật nhục nhã, phải nói thế. Hết sức nhục nhã.”

Giết người thì hẳn là ô nhục rồi, nhưng đó không phải là từ ngữ bản thân tôi phải dùng để mô tả việc ấy. Mà tôi thấy điều đó cũng làm Melchett ngạc nhiên.

“Bà có manh mối nào để làm sáng tỏ sự việc không?” ông ta hỏi.

“Đó là việc của các ông. Là việc của cảnh sát mà! Vậy chứ chúng tôi đóng thuế để làm gì, ông nói tôi nghe?”

Không biết câu hỏi này được dân chúng đặt ra bao nhiêu lần trong một năm nhỉ!

“Chúng tôi đang làm hết sức mình, thưa bà Price Ridley,” cảnh sát trưởng đáp.

“Nhưng nhân viên ở đây thậm chí chẳng hề biết chuyện ấy cho đến khi tôi nói với anh ta!” quý bà kêu lên.

Chúng tôi nhìn viên cảnh sát. Anh ta nói:

“Có người gọi điện thoại cho quý bà đây làm bà bức mình. Những lời bản thủ, theo tôi hiểu thì như vậy.”

“À! Tôi hiểu rồi.” Đại tá tươi tỉnh lên. “Chúng ta đang hiểu lầm nhau đó thôi. Bà đến đây để khiếu nại, đúng không nào?” Melchett là người khôn ngoan. Ông ta hiểu rằng khi một quý bà luống tuổi đang nổi giận thì việc duy nhất phải làm là nghe bà ta nói. Khi bà ta tuôn ra hết mọi điều thì họa may bà ta mới chịu lắng nghe mình.

“Cần phải ngăn chặn những việc ô nhục như thế. Chúng không được xảy ra. Gọi điện thoại đến nhà và lắng mạ người khác — phải, lắng mạ. Tôi không quen với những việc như thế. Từ sau chiến tranh tới nay tình hình đạo đức ngày càng băng hoại. Thiên hạ chẳng còn quan tâm đến lời ăn tiếng nói cũng như trang phục...”

“Đúng thế,” đại tá Melchett vội đáp. “Chính xác là đã xảy ra chuyện gì thưa bà?”

Bà Price Ridley nghỉ lấy hơi rồi tiếp tục:

“Có người gọi điện thoại đến...”

“Lúc nào ạ?”

“Chiều hôm qua — chính xác là tối hôm qua, khoảng sáu giờ rưỡi. Tôi nhắc ống nghe mà không nghi ngờ gì cả. Ngay lập tức tôi bị tấn công và đe dọa thật độc ác...”

“Thực sự người ta nói gì?”

Bà Price Ridley hơi đỏ mặt.

“Tôi từ chối phát biểu chuyện này.”

“Lời lẽ tục tũu lắm,” viên cảnh sát hạ giọng thì thào.

“Có phải họ ăn nói thô tục lắm không?” đại tá Melchett hỏi.

“Điều đó còn tùy thuộc vào ông gọi cái gì là lời lẽ thô tục.”

“Bà có hiểu những lời ấy không ạ?” tôi hỏi.

“Tất nhiên là tôi hiểu chứ.”

“Thế thì đó không thể là lời lẽ thô tục,” tôi nói.

Bà Price Ridley nhìn tôi ngờ vực.

Tôi giải thích: “Một phu nhân tao nhã đương nhiên không quen với thứ ngôn ngữ thô tục.”

“Không phải thế đâu. Tôi phải thừa nhận là thoát tiên tôi cũng vội nhắm mắt mà tin. Tôi cứ nghĩ đó là lời nhảm thành thật. Thế rồi người — à — người đó chửi rủa.”

“Chửi rủa ư?”

“Họ lăng mạ tôi khiến tôi vô cùng hoảng sợ.”

“Họ dùng lời lẽ hăm dọa bà sao?”

“Đúng vậy. Tôi không quen với lối hăm dọa như thế.”

“Vậy họ hăm dọa bà ra sao? Hành hung à?”

“Không hẳn là như thế.”

“Tôi e rằng bà cần nói rõ ràng hơn, bà Price Ridley ạ. Họ đe dọa bà theo kiểu nào chứ?”

Bà Price Ridley này trả lời miễn cưỡng một cách khác thường:

“Tôi không nhớ đích xác, vì lúc ấy tôi đang sợ hãi. Nhưng cuối cùng — khi tôi thực sự bấn loạn thì — thì — tên xấu xa đó phá lên cười.”

“Là giọng đàn ông hay đàn bà?”

“Giọng của kẻ biến thái,” bà Price Ridley đĩnh đạc nói. “Tôi chỉ có thể mô tả là một loại giọng tồi tệ, khi thì thô lỗ lúc thì the thé. Thật đồi bại hết sức.”

“Có thể là một trò đùa ác ý,” đại tá khẽ nói.

“Nếu đúng là trò đùa thì lại quá xấu xa. Tôi muốn lên cơn đau tim luôn đó.”

“Chúng ta sẽ xem xét việc này chứ ông thanh tra?” đại tá nói. “Cho truy tìm số điện thoại gọi đến. Còn bà, bà có thể cho chúng tôi biết đích xác họ nói gì không, thưa bà Price Ridley?”

Tâm trạng bà Price Ridley đang giằng co giữa việc nên im lặng hay nói ra để trả thù. Và ý nghĩ trả thù đã thắng thế. Bà bắt đầu:

“Tất nhiên chuyện phải đến nước này.”

“Chắc chắn vậy rồi.”

“Kẻ ấy nói rằng — thật khó khăn cho tôi khi phải lặp lại...”

“Đúng vậy,” Melchett ra chiều khích lệ.

“‘Mụ già xấu xa chuyên tung tin đồn nhảm kia!’ Đại tá Melchett ạ, tôi mà là mụ già chuyên tung tin đồn nhảm cơ đấy. ‘Nhưng lần này mụ đi quá trớn rồi. Giờ Scotland Yard đang truy nã mụ về tội vu khống đó.’”

“Bà hoảng sợ là phải rồi,” Melchett cố nín cười, nhay nhay hàng ria mép.

“‘Sắp tới nếu mụ không giữ mồm giữ miệng thì liệu hồn — coi chừng đi đờ nhà ma đó.’ Tôi không thể mô tả cái lối nói đe dọa ấy ra sao. Tôi hỗn hển nói, ‘Ai vậy?’, giọng tôi yếu xìu, và đầu dây kia trả lời, ‘Người báo thù đây.’ Tôi suýt hét lên vì quá kinh hoàng, và rồi kẻ đó cười to. Rõ ràng là cười sảng sặc. Và chuyện chỉ có thế. Tôi nghe tiếng gác máy. Tất nhiên tôi có hỏi tổng đài số điện thoại gọi đến, nhưng họ trả lời rằng không rõ. Tổng đài thì ông biết thế nào rồi — hết sức thô lỗ và khó ưa.”

“Đúng thế,” tôi nói.

“Tôi thấy mệt lả,” bà Price Ridley nói tiếp. “Quá đổi bực mình và hoảng sợ đến mức khi nghe tiếng nổ trong rừng, phải nói là tôi giật bắn cả người lên.”

“Tiếng nổ ở trong rừng ư?” Thanh tra Slack hỏi ngay. “Tôi đang trong trạng thái bị kích động nên tiếng nổ ấy dội vào tôi chẳng khác gì phát đạn đại bác. Tôi ối lên một tiếng rồi kiệt sức ngã vật xuống ghế sofa. Clara phải cho tôi uống một ly Damson Gin.”

“Hết sức tồi tệ,” Melchett nói. “Thật phiền phức cho bà quá. Như bà nói thì tiếng súng to lắm, hết như nổ rất gần phải không?”

“Đó chỉ là do tinh thần tôi đang bị kích động.”

“Tất nhiên, tất nhiên rồi. Mà những việc ấy xảy ra lúc mấy giờ? Bà biết đấy, là để giúp chúng tôi truy tìm cú điện thoại.”

“Khoảng sáu giờ rưỡi.”

“Bà có thể nói chính xác hơn không?”

“À, chiếc đồng hồ nhỏ đặt trên bệ lò sưởi nhà tôi gõ nửa tiếng, và tôi nói, ‘Nhất định nó chạy nhanh.’ (Cái đồng hồ ấy chạy nhanh thật). Tôi so với đồng hồ đeo tay của mình và thấy kim dài mới chỉ mười phút, nhưng khi tôi đưa lên tai nghe thì nhận ra đồng hồ bị đứng. Thế là tôi nghĩ, à, nếu đồng hồ kia chạy nhanh thì chút xíu nữa mình sẽ nghe tiếng chuông nhà thờ gõ. Rồi chuông điện thoại reo, thế là tôi quên luôn chuyện ấy.”

Bà dừng lại thở hổn hển.

“À, vậy là đã khá đầy đủ,” đại tá Melchett nói. “Chúng tôi sẽ điều tra việc này, thưa bà Price Ridley.”

“Bà cứ xem đó là một trò đùa ngốc nghếch và đừng lo lắng, bà Price Ridley ạ,” tôi nói.

Bà ta lạnh lùng nhìn tôi. Rõ ràng vụ tờ giấy một bảng vẫn còn làm bà bức xúc.

“Gần đây có nhiều việc hết sức kỳ lạ xảy ra trong làng,” bà ta quay sang nói với Melchett. “Thực sự rất kỳ lạ. Đại tá Protheroe đang tìm hiểu những việc này thì lại có chuyện xảy ra với ông ta. Biết đâu người tiếp theo lại chẳng là tôi?” Nói xong bà buồn bã lắc đầu bỏ ra về.

Melchett thở dài lẩm bẫm: “Rõ là xúi quẩy!” Rồi nghiêm nghị nhìn Thanh tra Slack như dò hỏi. Nhân vật quan trọng kia nhăn nha gục gặc đầu.

“Giải quyết thế này thưa ông. Có ba người đã nghe thấy tiếng súng, và giờ chúng ta phải tìm xem ai bắn. Chuyện ông Redding đầu thú đã làm cản trở việc này. Có một vài manh mối, nhưng vì nghĩ rằng người gây án là Redding nên tôi không xem xét chúng. Nhưng giờ thì mọi việc đã đổi khác, và một trong những việc đầu tiên cần làm là tìm cho ra cú điện thoại ấy.”

“Cú điện thoại gọi cho bà Price Ridley ấy hả?”

Viên thanh tra toét miệng cười:

“Không phải — mặc dù tôi nghĩ tốt hơn hết chúng ta nên lưu ý chuyện ấy, nếu không bà già đó sẽ còn đến đây làm phiền chúng ta. Không, ý tôi muốn nói cú điện thoại mạo danh lừa mục sư ra khỏi nhà ấy.”

“Phải, chuyện đó rất quan trọng,” Melchett nói. “Chuyện kế tiếp là tìm cho ra xem tất cả bọn họ đã làm gì trong khoảng thời gian từ sáu đến bảy giờ tối hôm ấy. Ý tôi là mọi người ở Old Hall cũng như mọi người trong làng.”

Tôi thờ dãi.

“Ông tích cực quá, thanh tra Slack à.”

“Tôi tin vào làm việc cật lực. Chúng ta sẽ bắt đầu bằng việc ghi nhận các hoạt động của chính ông, thừa mục sư Clement.”

“Rất sẵn lòng. Chuông điện thoại reo lúc năm giờ rưỡi.”

“Giọng đàn ông hay đàn bà?”

“Là giọng phụ nữ, hay chí ít là giống như phụ nữ. Tất nhiên tôi ngỡ đó là bà Abbott đang nói.”

“Mục sư không nhận ra giọng bà Abbott sao?”

“Không, tôi không thể nói là mình nhận ra, vì tôi không để ý giọng của ai là ai, hoặc suy nghĩ về việc ấy.”

“Rồi mục sư đi ngay à? Đi bộ sao? Ông không có xe đạp ư?”

“Không.”

“Tôi hiểu. Vậy — mục sư đi bao xa?”

“Khoảng hơn ba cây số — đi ngả nào cũng thế.”

“Đi bằng qua khu rừng gần Old Hall là con đường ngắn nhất phải không?”

“Trên thực tế là vậy, nhưng đường ấy khó đi lắm. Tôi đi và về qua lối mòn băng qua đồng.”

“Là con đường đối diện cổng nhà mục vụ phải không?”

“Phải.”

“Còn bà Clement?”

“Nhà tôi đi London và trở về trên chuyến tàu 6 giờ 50 phút”

“Tốt. Cô hầu thì tôi đã gặp rồi, như vậy là xong với nhà mục vụ. Sau đây tôi sẽ đến Old Hall, kế tiếp tôi muốn gặp riêng bà Lestrangle. Kỳ lạ thật, bà này lại đến nhà Protheroe tối hôm trước khi ông ta bị giết. Vụ án này có quá nhiều điều kỳ quặc.”

Tôi đồng ý với ông ta.

Liếc nhìn đồng hồ thấy đã gần đến giờ ăn trưa, tôi mời Melchett về nhà mục vụ rồi có gì ăn nấy, nhưng đại tá cáo lỗi, viện cớ phải đến Blue Boar. Quán Blue Boar cung cấp cho bạn bữa ăn cực chất với thịt và các loại rau. Tôi nghĩ Melchett đã chọn lựa khôn ngoan. Sau khi bị cảnh sát thẩm vấn thì Mary có khi còn chập cheng hơn mọi ngày.

Trên đường về nhà, tôi tạt ngang bà Hartnell và bị cầm chân ít nhất mười phút để nghe bà oang oang chửi bới tính hoang phí và thói vô ơn bạc bẽo của đám dân nghèo trong làng. Điểm mấu chốt của vấn đề hình như là do những người nghèo không thích bà Hartnell đặt chân đến nhà họ, mà tôi thì hoàn toàn đồng cảm với họ. Tuy vậy do chức phận của mình mà tôi phải làm ra vẻ thành kiến với cách xử sự đúng đắn ấy của họ.

Tôi cố gắng xoa dịu bà ta rồi tìm đường thoát thân. Vừa đến góc đường dẫn vào nhà mục vụ thì Haydock lái xe hơi bắt kịp tôi.

“Tôi mới đưa bà Protheroe về nhà,” ông gọi.

Ông ta chờ tôi trên bậc cửa.

“Mục sư vào chơi chút đã,” ông nói.

Tôi nhận lời.

“Vụ này thật là kỳ quặc,” ông vừa nói vừa ném mũ xuống ghế rồi mở cửa bước vào phòng khám. Ông gieo mình xuống chiếc ghế da cũ mòn và nhìn đăm đăm gian phòng. Trông ông có vẻ bối rối và khó xử. Khi tôi cho biết cảnh sát đã xác định được thời điểm súng nổ, Haydock nghe với vẻ khá lơ đãng.

“Như vậy có thể xác định Anne Protheroe ngoại phạm,” ông nói. “Tốt, tốt lắm, tôi rất vui vì không phải là hai người ấy. Tôi mến cả hai.”

Tôi tin ông ta, tuy vậy tôi vẫn ngạc nhiên, như Haydock nói, ông quý cả hai người, vậy tại sao tình trạng ngoại phạm của họ lại khiến ông rầu rĩ như vậy? Sáng nay trông ông bác sĩ như vừa trút được gánh nặng, còn bây giờ thì lại cực kỳ bối rối lo âu. Tuy vậy tôi đoán chắc Haydock đã nói đúng điều cần nói. Ông quý mến cả Anne Protheroe và Lawrence Redding. Vậy tại sao trông ông như đưa đám thế kia?

Haydock cố gắng trấn tĩnh lại:

“Tôi định nói với mục sư về Hawes. Toàn bộ vụ này đã làm tôi quên mất cậu ấy.”

“Cậu ấy bị bệnh thật ư?”

“Về cơ bản thì Hawes chẳng có chuyện gì cả. Tất nhiên, mục sư biết cậu ấy bị chứng bệnh buồn ngủ mà người ta thường gọi là Encephalitis Lethargica chứ?”

“Không, tôi chẳng biết gì cả,” tôi vô cùng ngạc nhiên. “Hawes có bao giờ kể với tôi đâu. Cậu ấy bị từ lúc nào?”

“Khoảng một năm trước, nhưng cậu ấy nhanh chóng phục hồi so với những người khác. Bệnh này rất kỳ lạ — nó ảnh hưởng đến tâm thần bệnh nhân: sau khi khỏi bệnh họ có thể thay đổi hoàn toàn tính cách.”

Haydock im lặng một lúc rồi tiếp:

“Bây giờ, nghĩ đến thời xưa người ta thiêu sống phù thủy mà thấy rùng mình. Tôi nghĩ sẽ có ngày chúng ta sẽ kinh hãi khi nghĩ đến việc chúng ta đã từng treo cổ các phạm nhân.”

“Ông không tin vào án tử hình sao?”

“Không phải thế.” Haydock ngập ngừng, rồi chậm rãi nói. “Mục sư biết đấy, tôi thà làm công việc của tôi hơn là công việc của ông.”

“Vì sao?”

“Vì công việc của mục sư là giải quyết ở tầm vĩ mô điều chúng ta gọi là thiện và ác — mà tôi thì không dám chắc điều ấy có thật. Theo tôi tất cả chỉ là vấn đề của tuyến nội tiết — tùy theo tuyến này tiết nhiều, tuyến kia tiết ít mà sinh ra kẻ sát nhân, tên trộm cắp hay tội phạm chuyên nghiệp. Clement ạ, tôi tin rồi một ngày không xa nhân loại sẽ hãi hùng nghĩ về thời xa xưa khi con người cứ mãi mê bài xích kịch liệt con người về mặt đạo đức, mãi đày đọa linh hồn họ xuống địa ngục; chúng ta trừng phạt họ chỉ vì họ mắc những căn bệnh mà họ không thể tránh — thật khổ thân cho họ. Không nên treo cổ một người vì họ mắc bệnh lao.”

“Nhưng người mắc bệnh lao đâu có gây nguy hiểm cho cộng đồng.”

“Về một ý nghĩa nào đó thì có, vì anh ta lây bệnh cho người khác. Hoặc lấy ví dụ một Hoàng đế Trung Hoa — bá chủ thiên hạ. Ta không nói việc

ông ta tàn bạo ra sao mà chỉ bàn khía cạnh mục sư vừa nói, là cộng đồng. Ông ta cần bảo vệ cộng đồng, vì vậy ông ta bắt giam những người bệnh vào một nơi để họ không gây nguy hiểm — thậm chí lảng lạng tước đi mạng sống của họ — phải, tôi nghĩ đến cả mức đó nữa. Nhưng đừng xem là họ đáng bị trừng phạt. Đừng mang nỗi ô nhục đến cho họ và những người thân vô tội của họ.”

Tôi tò mò nhìn Haydock.

“Tôi chưa từng nghe ông nói thế bao giờ.”

“Hôm nay vui chuyện tôi mới thổ lộ, chứ tôi thường không thích bộc lộ ý kiến của mình. Mục sư Clement à, ông là người thông tuệ hơn một số mục sư khác. Tôi dám chắc ông sẽ không thừa nhận rằng có cái theo chuyên môn gọi là ‘tội ác’, nhưng mục sư lại có tư tưởng khoáng đạt đủ để xem xét một vấn đề như thế.”

“Nhưng vấn đề đó lại triệt hạ đến tận gốc rễ mọi quan niệm đã được thừa nhận bấy nay,” tôi nói.

“Phải, con người luôn thiên cận, luôn phán xét quá mức gay gắt những điều mà mình chẳng hiểu biết chút nào. Thực tình, tôi tin tội ác là một ca bệnh của bác sĩ, không phải vấn đề của cảnh sát cũng chẳng phải của mục sư. Có thể trong tương lai sẽ không còn những chuyện như vậy nữa.”

“Ông sẽ chữa lành những ca ấy chứ?”

“Chúng ta sẽ chữa lành. Ý nghĩ ấy thật tuyệt. Đã bao giờ mục sư nghiên cứu con số thống kê về tội ác chưa? Không — rất ít người làm việc này. Thế mà tôi đã nghiên cứu đấy. Mục sư phải kinh ngạc trước số lượng trẻ vị thành niên phạm tội — là vấn đề tuyến nội tiết đấy mục sư ạ. Cậu Neil — sát thủ ở hạt Oxford đã lần lượt giết năm cô bé rồi mới bị phát hiện. Một thằng bé ngoan — chưa từng gây ra bất cứ chuyện rắc rối nào. Còn cô bé Lily Rose ở Corn — giết chú nó vì ông ta không cho nó ăn của ngọt. Con bé dùng búa nện ông chú khi ông ta đang ngủ. Nó được cho tại ngoại và chỉ hai tuần sau đã giết luôn chị nó chỉ vì bức mình chuyện vật vãnh với con bé kia. Tất nhiên không đứa nào bị treo cổ mà đều được trả về nhà. Sau đó chúng có thể sẽ ổn — mà cũng có thể không, về con bé kia thì tôi ngờ lắm, vì chuyện duy

nhất nó quan tâm hiện giờ là xem người ta chọn tiết heo. Mục sư có biết việc tự sát phổ biến nhất vào lúc nào không? Là khoảng tuổi mười lăm đến mười sáu. Mà tự sát với giết người thì chẳng cách nhau bao xa. Tuy nhiên đó không phải là sự suy đồi đạo đức mà là vấn đề bệnh lý.”

“Ông nói nghe kinh khủng quá!”

“Không — chuyện này chỉ mới mẻ đối với mục sư thôi. Phải đối mặt với những thực tế ấy thì suy nghĩ của ta mới được điều chỉnh. Tuy nhiên đôi khi điều ấy lại khiến ta khó sống.”

Haydock ngồi đó cau mày, vẻ mệt mỏi lạ lùng. “Haydock ạ,” tôi nói, “nếu ông nghi ngờ — hoặc biết ai là kẻ sát nhân, ông sẽ đưa người đó ra pháp luật hay sẽ bao che cho họ?”

Tôi hoàn toàn không chuẩn bị về tác động của câu hỏi của mình. Ông bác sĩ giận dữ quay sang nhìn tôi nghi ngờ: “Sao ông lại nói vậy, mục sư Clement? Ông nghĩ gì kia chứ? Nói ra đi!”

“À, chẳng có gì đặc biệt,” tôi hơi sững sốt trả lời. “Chỉ là — à, này giờ chúng ta đang bàn về chuyện giết người. Tôi tự hỏi nếu tình cờ ông phát hiện ra sự thật thì ông sẽ cảm thấy thế nào, có vậy thôi.”

Cơn giận của Haydock lắng xuống. Ông lại đăm đăm nhìn ra phía trước như cố tìm kiếm lời giải cho điều bí ẩn đang làm mình rối trí, nhưng lời giải ấy thì chỉ có trong đầu ông mà thôi.

“Nếu tôi nghi ngờ — hoặc nếu tôi biết — thì tôi sẽ thực hiện nghĩa vụ của mình, mục sư Clement ạ. Ít ra tôi hy vọng thế.”

“Vấn đề là — ông sẽ thực hiện nghĩa vụ ấy bằng cách nào?”

Ông bác sĩ nhìn tôi với cái nhìn bí hiểm:

“Câu hỏi ấy, trong đời mỗi người đều có lúc đặt ra cho mình. Và mỗi người quyết định nó theo cách riêng của mình, Clement ạ.”

“Ông không biết phải làm sao ư?”

“Phải, tôi không biết...”

Tôi thấy tốt nhất là nên chuyển sang đề tài khác.

“Thằng cháu tôi vô cùng hứng thú với vụ án này. Nó bỏ hết thời gian đi tìm dấu chân và tàn thuốc lá đấy.”

Haydock mỉm cười.

“Cậu ấy bao nhiêu tuổi rồi?”

“Mới mười sáu. Ở tuổi ấy thì bị kịch cũng chẳng có gì là trầm trọng. Chúng cứ ngỡ mình là Sherlock Holmes hay Arsene Lupin thôi.”

Haydock tư lự nói:

“Thằng bé thật bảnh trai. Mục sư định thế nào với cậu ấy?”

“Tôi e là mình không đủ khả năng cho cháu vào đại học. Thằng bé muốn theo ngành thương mại. Nó trượt hải quân rồi.”

“À — vậy là vất vả đấy — nhưng có thể còn tệ hơn. Phải, có thể còn tệ hơn nữa.”

“Tôi phải đi thôi,” tôi liếc nhìn đồng hồ rồi kêu lên. “Tôi muộn bữa ăn trưa gần nửa tiếng đồng hồ rồi.”

Khi tôi về đến thì cả nhà đã ngồi vào bàn. Mọi người đòi tôi thuật lại đầy đủ mọi việc sáng nay; tôi vừa kể vừa nghĩ bụng, hầu như việc nào mình cũng phải giảm nhẹ đi. Tuy vậy Dennis tỏ ra vô cùng thích thú với chuyện cú điện thoại của bà Price Ridley; cu cậu cười ngặt nghẽo khi nghe bà ta bị sốc đến ngất xỉu và phải dùng rượu mạnh thì mới lai tỉnh.

“Cho đáng đời cái bà già ác ôn,” nó kêu lên. “Ở làng này bà ta là kẻ miệng lưỡi độc địa nhất. Giá cháu nghĩ ra việc gọi điện mà dọa cho bà ta một mẻ. Bác Len à, cháu cho bà ta một trận nữa nhé?”

Tôi vội van nài thằng cháu đừng làm những chuyện đó. Không gì nguy hiểm hơn khi bọn trẻ chứng tỏ nỗ lực đầy thiện chí của chúng để hỗ trợ bạn.

Dennis lập tức thay đổi thái độ. Nó cau mày ra vẻ người lớn:

“Hầu như cả sáng nay cháu ở bên Lettice. Bác biết không, Griselda, cô ấy thực sự vô cùng lo lắng dù cô ấy không muốn bộc lộ, nhưng quả thật cô ấy lo nghĩ ghê lắm.”

“Bác hy vọng thế,” Griselda vừa nói vừa hất đầu lên.

Griselda thì chẳng mấy ưa Lettice Protheroe.

“Cháu nghĩ bác chẳng công bằng với Lettice.”

“Vậ ư?” Griselda hỏi.

“Nhiều người đâu có mặc đồ tang!”

Griselda lặng thinh và tôi cũng thế. Dennis nói tiếp:

“Cô ấy hầu như không nói với ai, nhưng cô ấy lại thổ lộ với cháu. Cô ấy hết sức lo âu về mọi việc và nghĩ mình cần phải làm gì đó.”

“Cô ấy sẽ thấy Thanh tra Slack chia sẻ ý kiến với mình. Chiều nay ông ta sẽ đến tận Old Hall và có thể làm mọi người ở đó hết chịu nổi khi ông ta cố hết sức tìm ra sự thật.”

“Theo mình thì sự thật là thế nào hả Len?” bà vợ tôi đột nhiên hỏi.

“Thật khó nói mình ạ. Anh không thể nói vào lúc mà anh chẳng có ý kiến gì.”

“Mình nói Thanh tra Slack đang truy tìm cú điện thoại gọi mình đến nhà Abbots đúng không?”

“Đúng vậy.”

“Nhưng liệu ông ta có làm được không? Việc ấy khó lắm phải không mình?”

“Anh không nghĩ thế mình ạ. Bưu điện sẽ có hồ sơ các cuộc gọi mà.”

“Ôi!” Vợ tôi lại chìm vào suy nghĩ.

“Bác Len à,” thằng cháu tôi nói, “vì sao sáng nay bác lại cáu kỉnh với cháu khi cháu nói đùa rằng bác mong đại tá Protheroe chết đi cho rảnh?”

“Bởi vì cháu đùa không phải lối. Thanh tra Slack chẳng hề biết hài hước là gì. Ông ta tưởng cháu nói nghiêm túc nên có khả năng sẽ cho Mary đối chất và chìa ra lệnh tổng giam ta đây.”

“Vậ ông ta không biết khi nào người ta đùa sao?”

“Không, ông ta không biết đâu,” tôi đáp. “Ông ta đạt được địa vị hiện nay là do nỗ lực và nhiệt tình làm việc. Điều đó khiến ông ta chẳng hề biết giải trí tiêu khiển là gì.”

“Bác có thích ông ta không, bác Len?”

“Không, bác không thích. Ngay từ lần gặp đầu tiên bác đã ghét cay ghét đắng ông ta. Nhưng bác không phủ nhận ông ta là người thành đạt cao trong sự nghiệp.”

“Bác nghĩ ông ta sẽ tìm ra kẻ bắn lão Protheroe sao?”

“Nếu không tìm ra thì không phải do ông ta không cố gắng.”

Mary xuất hiện và bảo:

“Ông Hawes muốn gặp mục sư. Tui đã đưa ông vô phòng khách, còn đây là thư chờ mục sư trả lời nè. Trả lời miệng cũng được.”

Tôi bóc thư và đọc.

Kính gửi mục sư Clement,

Tôi rất biết ơn nếu chiều nay mục sư có thể đến nhà tôi càng sớm càng tốt. Tôi đang có chuyện hết sức lo nghĩ và muốn xin mục sư giúp ý kiến.

Kính thư,

Estelle Lestrangle

“Bảo rằng khoảng nửa tiếng nữa tôi sẽ đến,” tôi nói với Mary.

Sau đó tôi sang phòng khách gặp Hawes.

Trông bộ dạng Hawes, tôi thấy xót xa quá. Tay chân cậu ta run lẩy bẩy còn mặt thì rúm ró lo âu. Lẽ ra Hawes phải nằm nghỉ, tôi bảo, nhưng cậu ấy cứ khăng khăng là mình rất khỏe.

“Thưa mục sư, em cam đoan trong đời em chưa bao giờ em khỏe như thế này. Chưa bao giờ.”

Rõ ràng điều ấy quá xa sự thật đến nỗi tôi chẳng biết trả lời sao. Tôi thán phục những người không đầu hàng bệnh tật, nhưng Hawes thì lại hơi quá đà.

“Em ghé qua để thưa với mục sư — em rất lấy làm buồn khi có việc xảy ra trong nhà mục vụ thế này.”

“Phải,” tôi đáp, “việc chẳng vui vẻ gì.”

“Thật kinh khủng — kinh khủng quá. Có vẻ rốt cuộc họ không bắt ông Redding chứ ạ?”

“Không. Một chuyện sai lầm. Anh ta đã — à — đã điên khùng đi đầu thú.”

“Và giờ thì cảnh sát hoàn toàn tin ông ta vô tội sao?”

“Hoàn toàn là thế.”

“Em có thể hỏi là vì sao không? Ý em là — họ có nghi ngờ ai khác không?”

Tôi không bao giờ ngờ Hawes lại quan tâm dữ dội đến chi tiết vụ giết người này. Có thể bởi nó xảy ra trong nhà mục vụ. Trông anh ta hăm hở hết như một phóng viên.

“Ta chẳng biết có nên tin tưởng hoàn toàn vào Thanh tra Slack không. Theo ta biết, cho đến nay ông ấy không đặc biệt nghi ngờ ai. Hiện ông ta đang lo điều tra.”

“Vâng, vâng — tất nhiên là thế. Nhưng ai là kẻ có thể gây ra việc tày đình như thế thưa mục sư?”

Tôi lắc đầu.

“Em biết chẳng ai ưa đại tá Protheroe, nhưng để giết người thì — phải cần có động cơ thật mạnh mẽ.”

“Ta cũng nghĩ thế,” tôi nói.

“Ai là người có thể có động cơ ấy? Cảnh sát có ý kiến gì không ạ?”

“Ta không rõ.”

“Ông ta có thể gây thù chuốc oán với nhiều người, thưa mục sư. Càng nghĩ em càng tin chắc ông ta là loại người có nhiều kẻ thù. Ở tòa án ông ta nổi tiếng là cực kỳ khắc nghiệt.”

“Ta cho rằng trước đây thì thế.”

“Ngài không nhớ sao, mục sư? Sáng hôm qua ông ta còn nói với mục sư về việc bị thằng Archer hăm dọa mà?”

“Giờ ta mới sực nghĩ đến việc ấy, ông ta có nói thế thật,” tôi đáp. “Tất nhiên là ta nhớ chứ. Lúc ấy ta đang ở gần đó mà.”

“Vâng, em tình cờ nghe được ông ta đang nói gì. Với đại tá Protheroe thì chuyện đó là khó tránh, vì giọng ông ta oang oang như lệnh võ. Và em nhớ đến câu nói vô cùng ấn tượng của mục sư. Rằng đến phút lâm chung, có thể công lý sẽ được ban phát đến cho ông ta thay vì lòng khoan dung.”

“Ta có nói thế sao?” Tôi cau mày hỏi, nhớ lại lời lẽ của mình có hơi khác đôi chút.

“Mục sư nói điều đó một cách hùng hồn khiến em rất ấn tượng. Công lý là điều khủng khiếp. Nghĩ mà xem, ông già đáng thương ấy lại bị sát hại ngay sau đó! Cứ như mục sư đã có linh cảm vậy.”

“Ta chẳng linh cảm gì cả,” tôi trả lời cụt lùn. Tôi ghét cái xu hướng thần bí hão huyền ở Hawes.

“Mục sư đã trình cảnh sát về tên Archer ấy chưa, thưa ngài?”

“Ta chẳng biết gì về anh ta cả.”

“Ý em là mục sư có báo với họ chuyện đại tá Protheroe đã nói với ngài — rằng ông ta bị Archer hăm dọa không ạ?”

“Không,” tôi thủng thẳng đáp, “ta không báo.”

“Nhưng mục sư sẽ báo chứ?”

Tôi im lặng. Tôi ghét việc tố giác một người đã gánh chịu sự trừng phạt của pháp luật. Tôi không biện hộ cho Archer. Hắn ta là tên săn trộm chuyên nghiệp — một trong những kẻ vô tích sự nhan nhản ở bất cứ giáo khu nào. Dầu trong cơn nóng giận vì bị kết án hắn có nói gì đi nữa thì tôi cũng không tin hắn sẽ làm như vậy khi ra tù. Sau cùng tôi nói: “Cậu đã nghe cuộc nói chuyện ấy. Nếu cậu cảm thấy cần trình báo cảnh sát thì cứ việc mà làm.”

“Nhưng thưa mục sư, nếu ngài nói thì sẽ tốt hơn ạ.”

“Có thể là vậy — nhưng thật tình mà nói — à, ta không thích làm việc đó, bởi có thể ta sẽ tạo cơ hội trông thông lọng vào cổ một người vô tội.”

“Nhưng nếu như hắn đã bắn đại tá Protheroe...”

“Ôi, lại nữa! Chẳng có bất cứ bằng chứng nào là anh ta làm điều ấy cả.”

“Thì hắn đã hăm dọa mà.”

“Nói cho đúng thì không phải hắn dọa đại tá Protheroe mà ông ta dọa hắn. Chính ông đại tá đã đe sẽ trả thù Archer ra sao nếu lần sau ông ấy bắt được hắn.”

“Em không hiểu thái độ của mục sư, thưa ngài.”

“Cậu không hiểu à?” Tôi mệt mỏi nói. “Cậu còn trẻ nên hãy hái rạch rồi đúng sai. Khi nào bằng tuổi ta, cậu sẽ hiểu rằng một khi còn ngờ hoặc thì không nên buộc tội người khác.”

“Không phải vậy — ý em là...”

Hawes ngập ngừng, còn tôi thì ngạc nhiên nhìn cậu. “Ý em là về nhân thân của tên sát thủ, mục sư có ý kiến gì không — ý kiến của riêng mục sư ấy?”

“Lạy Chúa, không.”

“Hoặc là về — về động cơ ấy?” Hawes vẫn khẳng khẳng.

“Cũng không. Còn cậu thì sao?”

“Em thì thực sự là không. Em chỉ ngạc nhiên thôi. Nếu đại tá Protheroe đã — đã tin tưởng mà giải bày tâm sự với mục sư — hay đề cập chuyện gì đó...”

“Những lời tâm tình của ông ấy thì cả làng đều đã nghe sáng hôm qua,” tôi lạnh nhạt đáp.

“Vâng — vâng, tất nhiên là thế. Và mục sư không nghĩ — tới Archer sao?”

“Cảnh sát sẽ sớm biết mọi điều về Archer,” tôi nói. “Nếu chỉ mình ta nghe chuyện anh ta hăm dọa đại tá Protheroe thì khác; đằng này cậu có thể tin chắc rằng nếu thực sự hăm dọa ông ấy thì một nửa dân trong làng cũng đã nghe thấy, và chuyện đó sẽ đến tai cảnh sát ngay. Tất nhiên về việc này cậu cứ việc hành động theo ý mình.”

Tuy nhiên Hawes vẫn tỏ ra miễn cưỡng một cách lạ lùng khi phải tự mình làm bất cứ điều gì. Trông cậu ta đầy vẻ lo lắng và kỳ quặc. Tôi sức nhớ lời Haydock nói về bệnh tình của cậu ta và nghĩ thầm lời giải thích là ở đó.

Hawes miễn cưỡng cáo từ như thể còn điều gì đó muốn nói nhưng không biết nên nói thế nào.

Trước khi Hawes ra về, tôi với cậu ta sắp xếp hành lễ cho Hội ái hữu các bà mẹ, sau đó là gặp gỡ các du khách của hạt, vì chiều nay tôi có vài kế hoạch riêng. Gạt bỏ suy nghĩ về Hawes và những chuyện rắc rối của cậu ta, tôi đến nhà bà Lestrangle.

Trên bàn ở tiền sảnh là tờ *Guardian* và *Church Times* còn chưa ai đọc. Vừa đi, tôi vừa nhớ ra buổi tối trước khi đại tá Protheroe bị giết thì bà Lestrangle đã có cuộc nói chuyện với ông ta. Có thể điều gì đó trong cuộc nói chuyện ấy giúp làm sáng tỏ cái chết của đại tá chăng.

Tôi được đưa ngay vào phòng khách nhỏ, và bà Lestrangle đứng lên chào tôi. Một lần nữa tôi rất ấn tượng với không khí tuyệt diệu mà người phụ nữ này tạo ra. Bà mặc áo váy đen mờ tôn làn da trắng nuột. Khuôn mặt bà đượm vẻ tang tóc khác thường, duy chỉ đôi mắt là rực lửa sống động và cái nhìn đầy cảnh giác, ngoài ra bà không để lộ chút sinh khí nào.

“Mục sư đến thăm tôi, thật quý hóa thừa mục sư Clement,” bà nói và bắt tay tôi. “Hôm nọ tôi có chuyện muốn thưa với mục sư, nhưng sau đó tôi quyết định không nói. Tôi đã sai rồi.”

“Như tôi đã nói lúc ấy, tôi rất vui làm mọi việc để giúp bà.”

“Vâng, mục sư đã nói thế, và nói như thế mục sư sẽ làm thế. Từ trước đến nay chẳng mấy ai thật lòng muốn giúp đỡ tôi, thừa mục sư Clement.”

“Tôi khó mà tin điều ấy, bà Lestrangle.”

“Sự thật là thế. Mấy ai lo cho người khác!” Giọng bà đượm vẻ cay đắng. Thấy tôi không trả lời, bà nói tiếp:

“Xin mời mục sư ngồi.”

Tôi vâng theo, và bà kéo ghế ngồi đối diện với tôi. Sau một phút ngần ngừ, bà bắt đầu nói rất chậm rãi và thận trọng, như cân nhắc từng lời thốt ra:

“Thưa mục sư Clement, tôi đang ở trong tình thế rất đặc biệt, và tôi muốn xin mục sư một lời khuyên, sắp tới tôi phải làm gì đây thừa mục sư? Điều gì thuộc về quá khứ thì đã qua rồi, không thể thay đổi, mục sư có hiểu tôi không?”

Tôi chưa kịp trả lời thì cô hầu lúc nãy đón tôi bỗng mở cửa, vẻ mặt hoảng sợ:

“Ôi, thưa bà, có ông thanh tra cảnh sát đến; ông ấy bảo phải nói chuyện với bà!”

Một chút ngập ngừng, sắc mặt bà Lestrangle không đổi, duy chỉ đôi mắt từ từ khép rồi lại mở ra. Dường như bà nuốt nước bọt đôi lần rồi cất giọng bình thản và rành rọt:

“Mời ông ta vào đi, Hilda.”

Tôi dợm đứng lên, nhưng bà đã đưa tay ra hiệu cho tôi ngồi yên.

“Nếu mục sư không phiền thì tôi rất mong ông ở lại.”

“Tất nhiên là được, nếu bà muốn,” tôi nói nhỏ rồi ngồi xuống trong khi Slack nhanh nhẹn bước vào.

“Xin chào phu nhân,” ông ta mở lời.

“Chào ông thanh tra.”

Cùng lúc ấy, Slack cau mày khi nhìn thấy tôi. Chẳng nghi ngờ gì nữa, rõ là ông ta không ưa tôi.

“Tôi hy vọng ông không phản đối sự hiện diện của mục sư đây chứ?”

Tôi nghĩ Slack nhất định không thể nói có.

“Khô...ông,” ông ta miễn cưỡng đáp. “Tuy vậy, có lẽ, tốt hơn thì...”

Bà LeStrange chẳng thèm đếm xỉa đến lối bóng gió của ông ta, bà hỏi:

“Tôi có thể giúp gì cho ông đây, ông thanh tra?”

“Là vụ mưu sát đại tá Protheroe đó, thưa bà. Tôi chịu trách nhiệm vụ này và đang tiến hành điều tra.”

Bà LeStrange gật đầu.

“Chỉ là theo thủ tục, tôi đang hỏi mọi người về việc họ ở đâu vào khoảng từ sáu giờ đến bảy giờ tối hôm qua. Chỉ là vấn đề thủ tục, mong bà hiểu cho.”

Bà LeStrange không hề tỏ ra bối rối:

“Ông muốn biết tối hôm qua tôi ở đâu từ sáu đến bảy giờ phải không?”

“Mong bà vui lòng, thưa phu nhân.”

“Xem nào,” bà ngẫm nghĩ một lúc. “Tôi ở đây. Ngay trong nhà này.”

“Ồ!” Tôi trông thấy mắt viên thanh tra lóe sáng. “Còn cô hầu — bà chỉ có một người hầu — cô ấy có thể xác nhận điều này được không?”

“Không, chiều hôm qua Hilda đi vắng.”

“Tôi hiểu.”

“Rất tiếc, vì thế ông phải tin lời tôi,” bà LeStrange vui vẻ nói.

“Bà nghiêm túc tuyên bố rằng bà ở nhà suốt chiều tối hôm qua phải không?”

“Ông bảo từ sáu đến bảy giờ kia mà, ông thanh tra. Trước đó tôi ra ngoài bách bộ và trở về khoảng trước năm giờ chiều một chút.”

“Vậy nếu có một quý bà — bà Hartnell chẳng hạn — khai rằng vào khoảng sáu giờ bà ta đã đến đây gọi chuông cửa nhưng không ai nghe nên đành phải ra về — bà có cho rằng bà ấy nhầm lẫn không nhi?”

“Ô không!” bà LeStrange lắc đầu.

“Nhưng...”

“Nếu người hầu của ông có nhà thì cô ta có thể báo ông đi vắng. Nhưng nếu chủ nhà chỉ có một mình và không muốn tiếp khách — à, thì cách tốt nhất là cứ để mặc chuông reo.”

Trông Thanh tra Slack khá bối rối.

“Các bà già làm phiền tôi quá mức,” bà Lestrangle nói, “nhất là bà Hartnell. Bà ấy nhấn chuông phải cả chục lần rồi mới chịu bỏ đi.”

Bà mỉm cười duyên dáng với Thanh tra Slack. Ông ta bèn chuyển hướng:

“Vậy nếu có người nói vào khoảng thời gian ấy họ trông thấy bà đi ra ngoài...”

“À! Nhưng họ không hề thấy, đúng không nào?” Bà nhanh chóng nhận ra điểm yếu của ông ta. “Không ai trông thấy tôi ra ngoài, bởi vì tôi ở trong nhà, ông hiểu cho.”

“Đúng thế thưa bà.”

Viên thanh tra dịch ghế lại gần hơn.

“Bà Lestrangle ạ, tôi nghe nói đêm hôm trước khi đại tá Protheroe bị giết, bà có đến thăm ông ta phải không?” Bà Lestrangle điềm tĩnh đáp:

“Đúng vậy.”

“Bà có thể cho biết bà gặp ông ấy làm gì không?”

“Là việc riêng tư, thưa ông thanh tra.”

“Tôi e rằng tôi phải yêu cầu bà cho tôi biết việc riêng tư ấy là gì.”

“Tôi sẽ không nói bất cứ lời nào về việc này cả. Tôi chỉ cam đoan với ông rằng cuộc nói chuyện ấy không hề liên quan đến vụ án mạng,”

“Tôi không nghĩ là bà đã phán đoán đúng.”

“Dù sao đi nữa ông cũng phải tin lời tôi, ông thanh tra.”

“Thật ra tôi phải tin mọi điều bà nói mà.”

“Có vẻ là như thế,” bà tán thành, vẫn với nụ cười điềm tĩnh.

Thanh tra Slack đỏ bừng mặt.

“Đây là chuyện nghiêm túc, thưa bà Lestrangle. Tôi muốn biết sự thật...” ông ta đấm tay xuống bàn đánh rầm. “Và tôi sẽ tìm ra sự thật.”

Bà LeStrange chẳng nói chẳng rằng.

“Bà có biết bà đang tự đặt mình vào tình thế hết sức ám muội không, thưa phu nhân?”

Bà LeStrange vẫn lặng thinh.

“Bà sẽ bị yêu cầu đưa ra chứng cứ trong cuộc thẩm vấn tại tòa.”

“Vâng.”

Vén vén một tờ. Thờ ơ lãnh đạm và không nhấn mạnh. Viên thanh tra liền thay đổi chiến thuật:

“Bà quen biết ông Protheroe à?”

“Phải, tôi quen ông ta.”

“Quen thân chứ?”

Bà ngáp ngừng một lúc rồi trả lời:

“Đã mấy năm rồi tôi không gặp ông ta.”

“Bà có quen bà Protheroe không?”

“Không.”

“Xin bà thứ lỗi, nhưng thăm viếng vào giờ ấy thì rất khác thường đấy.”

“Tôi không nghĩ vậy.”

“Bà nói thế là có ý gì?”

Bà LeStrange trả lời rõ ràng rành mạch:

“Tôi muốn gặp riêng đại tá Protheroe, chứ không muốn gặp bà Protheroe hoặc cô Protheroe. Với tôi đó là cách tốt nhất để đạt được mục đích của mình.”

“Vì sao bà không muốn gặp bà Protheroe hoặc cô Protheroe?”

“Đó là việc của tôi, thưa ông thanh tra.”

“Vậy bà từ chối nói thêm à?”

“Đúng vậy.”

Thanh tra Slack đứng lên.

“Bà cẩn thận đấy, đừng tự đẩy mình vào tình huống tồi tệ, thưa bà. Mọi việc giờ xấu — xấu lắm rồi.”

Bà Lestrangle cười phá lên. Lẽ ra tôi phải nói trước với Thanh tra Slack rằng đó không phải là loại phụ nữ dễ dàng bị người khác hù dọa.

“Này, đừng bảo là tôi không cảnh báo bà nhé, có thể thôi.” Ông ta cô lấy vẻ đĩnh đạc. “Xin chào phu nhân, bà nhớ cho, chúng tôi nhất định sẽ tìm ra sự thật.”

Ông ta ra về. Bà Lestrangle cũng đứng dậy chìa tay ra: “Tôi cũng phải tiễn mục sư thôi — vâng, như thế thì tốt hơn. Mục sư thấy đó, giờ đã muộn để xin lời khuyên. Tôi đã chọn theo cách của mình.”

Bà lặp lại với giọng hầu như tuyệt vọng:

“Tôi đã chọn theo cách của mình.”

Vừa bước ra thì tôi chạm mặt Haydock ở ngưỡng cửa.

Ông liếc nhìn theo Slack lúc ấy vừa ra khỏi cổng rồi hỏi:

“Thanh tra đã chất vấn bà ấy chưa?”

“Rồi.”

“Hy vọng ông ta tỏ ra lịch sự chứ?”

Trong suy nghĩ của tôi, phép lịch sự là thứ Thanh tra Slack chưa từng được học, nhưng tôi cho rằng trong chừng mực hiểu biết của bản thân, ông ta thế là đã lịch sự rồi, và dù sao đi nữa tôi cũng không muốn làm Haydock thêm lo lắng, vì trông ông ấy có vẻ bối rối lo âu. Thế nên tôi đáp rằng Thanh tra Slack vô cùng lịch sự.

Haydock gật đầu rồi bước vào nhà, còn tôi thì đi xuống phố và chẳng mấy chốc đuổi kịp viên thanh tra. Tôi hiểu ông ta cố tình đi chậm. Tuy ghét tôi nhưng ông ta không phải hạng người để cho sự yêu ghét cản trở việc moi được thông tin hữu ích.

“Mục sư biết gì về bà phu nhân ấy không?” ông ta hỏi thẳng thừng.

Tôi đáp rằng mình chẳng biết gì cả.

“Bà ấy không bao giờ kể vì sao bà ấy về sống ở đây à?”

“Không.”

“Thế nhưng mục sư vẫn đến thăm bà ta sao?”

“Đi thăm giáo dân là phận sự của tôi,” tôi đáp để tránh phải nói rằng mình được bà Lestrangle mời đến.

“Hừm, cứ cho là thế.” Slack lặng thinh một lúc, rồi không cưỡng lại được bàn luận về thất bại vừa qua của mình, ông ta nói tiếp: “Tôi thấy sự việc có gì đó mờ ám.”

“Ông nghĩ vậy sao?”

“Nếu mục sư hỏi thì tôi sẽ nói đây là ‘vụ tổng tiền’. Buồn cười thật, lâu nay chúng ta cứ nghĩ về đại tá Protheroe như thế, nhưng giờ mới hiểu ra là không phải thế. Mà ông ta đâu phải là người quản lý tài sản của nhà thờ đầu tiên sống cuộc sống hai mặt chứ.”

Tôi lờ mờ nhớ ra có lần bà Marple đã đề cập chuyện này.

“Ông thực sự nghĩ có khả năng ấy sao?”

“À, các sự việc khớp nhau thừa mục sư. Tại sao một quý bà sang trọng và thanh lịch lại về cái xứ khi ho cò gáy này? Vì sao bà ta lại đến tìm ông đại tá vào giờ ấy? Vì sao bà ta tránh mặt bà Protheroe và cô Protheroe? Đúng vậy, mọi việc hoàn toàn ăn khớp với nhau. Bà ta không dám thừa nhận, vì tổng tiền là tội đáng bị trừng phạt. Nhưng chúng tôi sẽ buộc bà ấy nói ra sự thật, vì chúng tôi đều biết việc này có liên quan đặc biệt đến vụ án. Nếu đại tá Protheroe có bí mật tội lỗi nào đó trong đời — hoặc chuyện ô nhục nào đó — à, thì mục sư sẽ thấy việc ấy sẽ tạo điều kiện thế nào.”

Tôi cũng cho là như thế.

“Tôi đang cố gắng khai thác viên quản gia, anh ta có thể đã nghe lỏm cuộc trao đổi giữa đại tá Protheroe và bà Lestrangle, vì bọn người ăn kẻ ở thường làm thế. Tuy nhiên, anh ta thề thốt là không biết tí gì về cuộc nói chuyện ấy. À, mà anh ta bị sa thải rồi. Ông đại tá công kích anh ta, nổi nóng vì anh ta tự ý dẫn bà Lestrangle vào nhà. Viên quản gia bèn vặc lại, anh ta bảo mình chẳng thiết tha gì cái chốn này và đã nghĩ đến chuyện lúc nào đó sẽ ra đi.”

“Vậy sao?”

“Như thế lại thêm một người nữa có hiềm khích với ông đại tá.”

“Ông có đặc biệt nghi ngờ người quản gia ấy không — à, mà tên anh ta là gì?”

“Anh ta tên Reeves, và tôi không hề nói là tôi nghi ngờ anh ta. Tôi chỉ muốn nói là chẳng làm sao biết được. Tôi không ưa cái lối xun xoe thớ nợ của anh ta.”

Tôi tự hỏi không biết Reeves sẽ nói sao về cung cách của Thanh tra Slack.

“Bây giờ tôi sẽ thăm vấn anh tài xế đây.”

“Vậy phiền ông cho tôi đi nhờ xe, tôi muốn trao đổi chút việc với bà Protheroe.”

“Về việc gì?”

“Việc chuẩn bị ma chay.”

“Ôi chà!” Thanh tra Slack hơi ngạc nhiên. “Ngày mai thứ bảy, sẽ có buổi thẩm tra chính thức.”

“Thế à? Vậy tang lễ có thể tổ chức vào thứ ba tới.” Thanh tra Slack có vẻ hơi ngượng ngùng vì sự thô lỗ của mình. Ông ta dàn hòa bằng lời mời tôi cùng dự thẩm vấn Manning, người tài xế.

Manning là một chàng trai tử tế trạc hai lăm hai sáu tuổi. Anh ta có vẻ khiếp sợ viên thanh tra.

“Nào chàng trai, tôi muốn cậu cung cấp một vài thông tin,” Slack nói.

“Vâng thưa ngài,” anh tài xế lắp ba lắp bắp. “Dĩ nhiên, thưa ngài.”

Nếu bản thân anh ta phạm tội giết người thì anh ta cũng không thể hoảng sợ hơn thế.

“Hôm qua cậu chở ông chủ vào làng phải không?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Vào lúc mấy giờ?”

“Năm giờ rưỡi ạ.”

“Bà Protheroe cùng đi chứ?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Cậu đi thẳng vào làng à?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Trên đường đi cậu có dừng lại đâu đó không?”

“Thưa không.”

“Khi đến nơi thì cậu làm gì?”

“Ông đại tá xuống xe và bảo ông ấy không cần dùng xe nữa, ông ấy sẽ đi bộ về nhà. Bà Protheroe thì đi mua sắm. Hàng họ được chất lên xe, sau đó bà ấy bảo là xong việc rồi, thế là tôi đánh xe về nhà.”

“Cậu để bà Protheroe ở lại làng sao?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Lúc ấy là mấy giờ?”

“Sáu giờ mười lăm phút, thưa ngài. Chính xác là sáu giờ mười lăm.”

“Cậu thả bà ấy ở đâu?”

“Ở gần nhà thờ, thưa ngài.”

“Ông đại tá có nói là mình đi đâu không?”

“Ông chủ bảo đi gặp bác sĩ thú y, có việc phải lo cho một con trong bầy ngựa của ông.”

“Tôi hiểu. Rồi cậu lái xe về ngay à?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Có hai lối vào Old Hall, từ Cửa Nam và từ Cửa Bắc. Theo tôi để đi vào làng thì cậu phải đi qua Cửa Nam phải không?”

“Vâng thưa ngài, bao giờ cũng thế ạ.”

“Và khi trở về cậu cũng đi qua lối đó chứ?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Hừm, tôi nghĩ thế là đủ. À, cô Protheroe kia kìa.” Lettice vọt vờ trôi lơ lửng về phía chúng tôi.

“Manning, tôi muốn dùng chiếc Fiat,” cô nói. “Anh đánh xe ra cho tôi.”

“Vâng, thưa cô.”

Anh ta bước đến chiếc ô tô hai chỗ ngồi và mở nắp capô lên.

“Gượng đã, cô Protheroe,” Slack nói. “Tôi cần lập hồ sơ về hoạt động của mọi người vào chiều tối hôm qua, chứ không có ý làm phiền cô.”

Lettice nhìn ông ta chăm chăm.

“Tôi chẳng bao giờ để ý đến giờ với giắc.”

“Tôi nghe nói hôm qua cô ra ngoài ngay sau giờ ăn trưa?”

Cô gái gật đầu.

“Vui lòng cho biết cô đi đâu?”

“Tôi đi chơi tennis.”

“Với ai?”

“Với nhà Hartley Napier.”

“Ở Much Benham phải không?”

“Phải.”

“Rồi cô trở về lúc nào?”

“Tôi không biết. Tôi đã nói với ông tôi chả bao giờ để ý việc ấy.”

“Con trở về vào khoảng bảy giờ rưỡi,” tôi chen vào.

“Đúng rồi,” Lettice nói, “giữa lúc ấy đang có chuyện rối ren. Anne ngất xỉu và Griselda đang chăm sóc bà ấy.”

“Cám ơn tiểu thư, tôi chỉ muốn biết có vậy thôi,” Slack nói.

“Thật kỳ quặc,” Lettice nói. “Chẳng có gì hay ho cả.” Cô bước về phía chiếc xe Fiat, còn viên thanh tra thì len lén vỗ trán:

“Còn thiếu gì không nhỉ?”

“Chẳng còn gì đâu,” tôi đáp. “Nhưng cô ấy thích thế.”

“À, giờ đi tôi thăm vấn các cô hầu đây.”

Người ta có thể không thích Slack nhưng vẫn phải ngưỡng mộ cách làm việc tích cực của ông ta. Chúng tôi chia tay, và tôi hỏi thăm Reeves xem tôi có thể gặp bà Protheroe được không.

“Giờ này bà chủ đang nghỉ, thưa mục sư.”

“Vậy tốt hơn tôi không nên làm phiền bà ấy.”

“Mục sư có thể chờ một lúc được không ạ? Tôi biết bà Protheroe đang nóng lòng được gặp ông. Lúc ăn trưa tôi nghe bà chủ nói vậy.”

Anh ta đưa tôi vào phòng khách và bật đèn vì phòng đang buông rèm.

“Mọi chuyện thật đáng buồn,” tôi nói.

“Vâng, thưa mục sư.” Giọng anh ta vừa lễ phép vừa lạnh nhạt.

Tôi nhìn anh ta. Người tài xế kia đang nghĩ gì đằng sau thái độ bình thản dửng dưng? Có khi anh ta biết chuyện gì đó và có thể kể chúng tôi nghe cũng nên! Một người hầu trung thành mà che giấu sự thật thì không còn gì tệ hại hơn. “Còn gì nữa không, thưa mục sư?”

Phải chẳng có chút lo âu nấp sau vẻ mặt bình thản ấy nhỉ? “Không còn gì nữa đâu,” tôi đáp.

Tôi chỉ chờ một lúc là Anne Protheroe ra tới. Chúng tôi bàn bạc và sắp xếp một số việc. Rồi Anne thốt lên:

“Bác sĩ Haydock thật quá tốt bụng!”

“Haydock là người tử tế nhất mà tôi biết.”

“Ông ấy cực kỳ tử tế với tôi. Nhưng trông ông ấy rất buồn, đúng không mục sư?”

Trước đây tôi không hề nghĩ Haydock là người hay buồn. Đầu óc tôi cứ lật đi lật lại chuyện ấy.

“Tôi chưa từng để ý điều đó,” cuối cùng tôi nói.

“Tôi cũng thế, cho đến hôm nay...”

“Đôi khi vì gặp chuyện đau buồn khó khăn mà người ta trở nên tinh nhạy hơn,” tôi nói.

“Mục sư dạy chí phải.”

Anne ngần ngừ rồi nói tiếp:

“Thưa mục sư Clement, có một điều tôi không sao hiểu được, là nếu ông nhà tôi bị bắn ngay sau khi tôi chia tay ông ấy thì tại sao tôi lại không nghe tiếng súng nhỉ?”

“Cảnh sát đã có cơ sở để xác định sau đó súng mới nổ.”

“Nhưng còn con số 6.20 ghi trong thư thì sao ạ?”

“Có thể là do một người khác thêm vào — là kẻ giết người.”

“Kinh khủng quá!” bà ta tái mặt.

“Bà không để ý thấy tiêu đề ngày tháng không phải nét chữ ông nhà sao?”

“Cả bức thư không có chỗ nào giống nét chữ ông ấy cả.” Nhận xét ấy có phần nào đúng. Thư nguệch ngoạc khó đọc chứ không rõ ràng như trước giờ Protheroe thường viết. “Mục sư có chắc là họ không nghi ngờ Lawrence không ạ?”

“Tôi nghĩ cậu ấy rõ ràng đã được minh oan.”

“Nhưng vậy thì là ai, thưa mục sư? Tôi biết Lucius vốn không được nhiều người quý mến, nhưng tôi không nghĩ ông ấy lại có kẻ thù thực sự. Không — không có kẻ thù kiểu ấy.”

Tôi lắc đầu.

“Thật là bí ẩn.”

Tôi ngạc nhiên nghĩ đến bảy nghi can của bà Marple. Có thể là những ai?

Sau khi tạm biệt Anne, tôi lập tức hành động theo kế hoạch đã định. Từ Old Hall trở về, tôi men theo một lối mòn nhỏ. Khi đến chỗ bụi treo, tôi lại thối lui, rồi nhắm hướng các bụi cây tầm thấp có dấu chân người đi qua, tôi cố len lỏi vào tìm đường đi. Khu rừng rậm rạp, dày đặc các bụi cây nhỏ mọc lộn xộn. Tôi đi khá chậm và bất ngờ nhận ra ở cách mình không xa cũng có một người đang len lỏi qua các bụi rậm. Tôi còn đang ngần ngừ phân vân thì Lawrence Redding xuất hiện, hai tay vác một tảng đá to.

Có lẽ thấy tôi ngạc nhiên nên Redding cười phá lên:

“Ồ không, không phải là manh mối đâu, mà là tặng phẩm của hòa bình.”

“Quà tặng hòa bình ư?”

“À, cũng có thể nói là cơ sở để thương thuyết. Tôi muốn tìm một cái cơ để đến thăm bà Marple, hàng xóm của mục sư, và tôi nghe nói bà ấy không thích gì hơn là một tảng đá đẹp để xây dựng khu vườn Nhật Bản.”

“Hoàn toàn chính xác,” tôi nói. “Nhưng anh muốn gì ở lão bà ấy?”

“Là thế này. Nếu hôm qua có việc gì xảy ra thì thế nào bà Marple cũng nhìn thấy. Ý tôi là những việc không nhất thiết liên quan đến vụ án — nhưng có thể bà ấy nghĩ có liên quan. Tôi muốn nói đến những sự việc là lạ hay kỳ quặc, hoặc những chi tiết nhỏ có thể giúp chúng ta thêm cơ sở tìm ra sự thật. Những việc mà bà ấy nghĩ không đáng để báo cảnh sát.”

“Theo ta việc ấy hợp lý đấy.”

“Dù sao cũng nên làm thử xem sao. Tôi sẽ tìm hiểu đến tận cùng sự việc, mục sư Clement ạ. Vì lợi ích của Anne chứ không vì cái gì khác. Mà tôi chẳng mấy tin tưởng Slack — ông ta là người nhiệt tình, nhưng có nhiệt tình mấy đi nữa thì cũng không thông minh hơn được.”

“Ta thấy anh giống nhân vật yêu thích của tiểu thuyết, một nhà thám tử nghiệp dư,” tôi nói. “Ta không biết ngoài đời liệu Slack có thực sự chuyên nghiệp không nữa.”

Anh ta nhìn xoáy vào tôi rồi bất thần cười to. “Này ông mục sư, ông làm gì trong rừng vậy?”

Tôi đỏ bừng mặt.

“Chắc cũng giống như việc tôi đang làm thôi, tôi dám thề với mục sư đấy. Chúng ta cùng chung ý tưởng đúng không? Tên sát nhân đến văn phòng bằng cách nào? Lối thứ nhất là đi dọc theo đường làng rồi vào cổng sau nhà mục vụ, lối thứ hai là vào cổng trước, còn lối thứ ba — có lối thứ ba không nhỉ? Tôi có ý xem xét liệu có dấu hiệu nào cho thấy các bụi cây quanh bờ tường của vườn nhà mục vụ bị giẫm đạp không.”

“Đó cũng chính là suy nghĩ của ta,” tôi thừa nhận. “Tuy nhiên tôi chưa thực sự bắt tay vào việc, vì tôi chợt nảy ra ý muốn gặp bà Marple trước để chắc chắn rằng chiều hôm qua không có ai đi trên con đường làng trong khi hai chúng tôi đang ở trong xưởng vẽ,” Lawrence nói tiếp.

Tôi lắc đầu.

“Bà ấy hoàn toàn chắc chắn là không có ai cả.”

“Phải, không có ai là theo cách nói của bà ta — nghe thì có vẻ điên khùng, nhưng mục sư hiểu tôi định nói gì chứ. Bởi có thể có ai đó chẳng hạn người đưa thư, cô hàng sữa, anh hàng thịt — ai đó mà sự có mặt của họ là tự nhiên đến mức ta không nghĩ phải nhắc đến.”

“Anh thường đọc G. K. Chesterton nhỉ,” tôi nói, và Lawrence không phủ nhận.

“Nhưng theo mục sư, ý này có hợp lý không?”

“À, theo ta là có thể,” tôi thừa nhận.

Không chần chừ thêm nữa, chúng tôi lên đường đến nhà bà Marple. Bà đang làm vườn và cất tiếng gọi khi thấy chúng tôi bước qua chỗ bụi tre. Lawrence liền thì thào: “Mục sư thấy không, ai bà ta cũng nhìn thấy cả.”

Bà Marple đón tiếp chúng tôi hết sức hòa nhã, và tỏ ra rất hài lòng với tảng đá to mà Lawrence trang trọng đưa biếu.

“Ông thật chu đáo, ông Redding. Thực sự hết sức chu đáo.”

Được lời như cởi tắc lòng, Lawrence đặt ngay các câu hỏi, và bà Marple chăm chú lắng nghe.

“Vâng, tôi hiểu ý ông và tôi hoàn toàn đồng ý, điều này chẳng ai nhắc đến hoặc ngại nhắc đến. Nhưng tôi cam đoan với ông rằng không hề có chuyện như thế. Hoàn toàn không.”

“Bà có chắc không, thưa bà Marple?”

“Chắc như đinh đóng cột.”

“Chiều hôm ấy bà có trông thấy bất cứ ai đi trên lối mòn này vào rừng không?” Tôi hỏi. “Hoặc là từ trong rừng đi ra?”

“Ồ, có chứ, cả mớ người ấy. Tiến sĩ Stone và cô Cram đi đường này, vì đây là con đường gần nhất dẫn đến chỗ khai quật, lúc ấy khoảng sau hai giờ một chút. Rồi ông Stone trở lại đường này — ông biết rồi đó ông Redding, vì ông ta gặp ông với bà Protheroe mà.”

“Tiện thể, về tiếng nổ — tiếng súng mà bà đã nghe, thì lẽ ra ông Redding và bà Protheroe cũng phải nghe thấy, bà Marple ạ,” tôi nói.

Tôi nhìn Lawrence thăm dò.

“Vâng,” anh ta cau mày. “Tôi nghĩ mình có nghe tiếng súng. Mà có một hay hai tiếng nổ nhỉ?”

“Tôi chỉ nghe có một,” bà Marple đáp.

“Còn tôi thì chỉ nhớ mang máng,” Lawrence nói. “Quý quái thật, ước gì tôi có thể nhớ ra. Giá mà tôi biết. Các vị thấy đó, lúc ấy tôi còn đang mãi — với — với...”

Anh ta ngập ngừng, lúng túng, còn tôi khẽ húng hắng ho cho phải phép. Bà Marple làm điệu bộ rồi chuyển sang đề tài khác:

“Thanh tra Slack cứ bảo tôi cho ông ta biết tôi nghe tiếng súng sau khi ông Redding và bà Protheroe rời khỏi xưởng vẽ hay là trước đó. Tôi phải thú nhận rằng thực sự mình không thể nói đích xác, nhưng tôi có cảm tưởng là nó xảy ra sau đó — càng nghĩ thì tôi càng thấy điều này là đúng.”

“Như thế dù sao tiến sĩ Stone cũng ngoại phạm,” Lawrence thở dài. “Không phải vì không hề có bất cứ lý do nhỏ nhặt nào để ông ta bị tình nghi là bắn ông lão Protheroe đáng thương.”

“À, nhưng tôi thấy nếu thận trọng thì cứ nên đặt nghi vấn với mọi người, dù chỉ một chút xíu thôi. Vì có khi ta chẳng lường được hết chữ ngờ, đúng

không nào?”

Bà Marple là thế đó. Tôi hỏi Lawrence xem liệu anh ta có đồng ý với bà về tiếng súng không.

“Thực sự tôi không thể nói được, vì âm thanh ấy hết sức bình thường, mục sư thấy đó. Tôi thiên theo hướng nghĩ rằng phát súng vang lên khi chúng tôi đang ở trong xưởng vẽ. Âm thanh có thể đã bị giảm nhẹ và — và ở đó người ta khó nhận ra hơn.”

Còn nhiều lý do khác khiến họ không để ý đến âm thanh ấy, tôi thầm nghĩ.

“Tôi phải hỏi Anne,” Lawrence nói. “Có thể bà ấy sẽ nhớ. À, theo tôi có một việc kỳ lạ cần làm rõ. Bà Lestrangle, mệnh phụ bí ẩn của làng St. Mary Mead này đã đến thăm lão Protheroe hôm thứ tư sau bữa ăn tối. Vậy mà dường như chẳng có ai để ý họ gặp nhau có việc gì. Lão Protheroe cũng không hề nói gì với vợ mình hoặc Lettice.”

“Có thể mục sư biết chuyện,” bà Marple nói.

Làm sao người phụ nữ này biết chiều nay tôi đến thăm bà Lestrangle? Thật kỳ lạ, chuyện gì bà ta cũng nắm được.

Tôi lắc đầu bảo mình không có manh mối gì.

“Thế Thanh tra Slack nghĩ sao ạ?” bà Marple hỏi.

“Ông ta đã cố sức ép buộc viên quản gia — nhưng rõ ràng anh này không tọc mạch đến mức đi nghe lén. Vì thế mà — chẳng ai biết gì.”

“Tuy vậy tôi vẫn mong có ai đó nghe lỏm được tí chuyện, phải không thưa mục sư?” bà Marple nói. “Ý tôi là người nào thường hay làm điều ấy. Tôi nghĩ ông Redding có thể phát hiện đôi điều từ người đó.”

“Nhưng bà Protheroe cũng không biết gì cả.”

“Tôi không có ý nói bà Protheroe, mà là bọn hầu gái ấy,” bà Marple đáp. “Nhất định bọn chúng rất ghét việc khai báo với cảnh sát, nhưng với một chàng trai bảnh bao thì chúng có thể xiêu lòng — xin ông bỏ lỗi, ông Redding nhé — ồ! Tôi chắc chắn chúng sẽ kể hết với ông ấy cho mà xem.”

“Tối nay tôi sẽ đến và thử xem sao,” Lawrence hăng hái nói. “Xin cảm ơn gợi ý của bà, thưa bà Marple. Tôi sẽ đến sau khi — à, sau khi tôi và mục sư

đây làm một việc nho nhỏ.”

Tôi chợt nghĩ chúng tôi nên tiến hành công việc thì tốt hơn. Tôi chào tạm biệt bà Marple rồi hai chúng tôi lại trở vào rừng.

Ban đầu chúng tôi men theo lối mòn cho đến một chỗ có dấu chân người từ đó rẽ sang bên phải. Lawrence giải thích anh ta đã đi theo cái dấu vết đặc biệt này và thấy nó chẳng dẫn đến đâu cả, nhưng anh ta nói thêm rằng cả hai có thể thử lần nữa xem sao, vì có thể anh ta nhầm lẫn.

Tuy vậy, sự thế đúng như anh ta đã nói. Đi được khoảng hơn chục thước thì các dấu vết cành lá bị xéo gãy mất dần. Chính là từ chỗ này Lawrence đã quay lại lối mòn và gặp tôi hồi chiều.

Chúng tôi lại quay trở về lối mòn và đi xa hơn một chút. Lại một lần nữa chúng tôi đến chỗ có các bụi cây bị giẫm đạp. Những dấu hiệu rất mờ nhạt nhưng theo tôi là không thể nào nhầm lẫn. Lần này thì dấu vết ấy nhiều hứa hẹn hơn. Sau một đoạn vòng vèo, nó dẫn đến gần nhà mục vụ. Chẳng mấy chốc chúng tôi đến chỗ các bụi cây vươn lên đan kín bờ tường. Bức tường này rất cao và phía trên có gán mảnh chai vỡ. Nếu ai đó bắc thang trèo lên ở đây thì nhất định chúng tôi sẽ tìm ra dấu vết.

Chúng tôi đang chậm rãi tìm kiếm dọc theo bờ tường thì bỗng có tiếng cành cây gãy vọng đến. Tôi vội vàng gắng sức len qua các bụi cây rậm rạp mà bước tới — và đối mặt với Thanh tra Slack.

“Là mục sư đó sao?” ông ta nói. “Cả ông Redding nữa. Quý ông nghĩ mình đang làm gì ở đây vậy?”

Hai chúng tôi ù xù giải thích.

“Ra là thế,” thanh tra nói. “Chúng ta không phải đồ ngốc đâu, bản thân tôi cũng nghĩ giống hệt. Tôi đã ở đây hơn một tiếng đồng hồ. Các ông có muốn biết điều gì không?”

“Có chứ,” tôi ngoan ngoãn đáp.

“Bất kể là kẻ nào giết đại tá Protheroe đi nữa thì hẳn cũng không đi bằng đường này! Không có dấu vết nào trên bờ tường bên này cũng như bên kia. Dẫu là ai thì hẳn cũng đã vào bằng cổng chính chứ không vào đường nào khác.”

“Không thể được,” tôi kêu lên.

“Sao lại không chứ? Cổng nhà mục vụ luôn để ngỏ, hễ chỉ cần bước vào là xong. Từ nhà bếp không thể nhìn thấy hễ. Hễ biết mục sư đã ra ngoài, hễ biết bà Clement đang ở London, hễ biết cậu Dennis đi chơi tennis. Dễ như trở bàn tay. Và hễ chẳng cần đi qua làng. Đối diện cổng nhà mục vụ là đường mòn, và từ con đường ấy anh có thể trở lại khu rừng rồi tẩu thoát qua ngã nào cũng được. Nếu bà Price Ridley không bước ra cổng trước nhà mình đúng lúc đặc biệt ấy thì mọi việc sẽ thuận buồm xuôi gió. Rất nhiều khả năng như thế hơn là trèo qua tường. Từ trên lầu nhà bà Price Ridley nhìn xuống qua cửa sổ bên hông, có thể thấy hầu như cả bức tường. Không, cứ tin tôi đi, tên giết người vào bằng con đường ấy.”

Thực sự có vẻ như ông ta nói đúng.

Sáng hôm sau Thanh tra Slack đến tìm tôi. Ông ta không còn tỏ ra dè dặt lạnh lùng, tôi nghĩ. Cuối cùng có thể ông ta đã quên sự cố về chiếc đồng hồ.

“Này mục sư,” ông ta chào tôi. “Tôi đã tìm ra cuộc gọi đến máy của ông.”

“Thật sao?” tôi háo hức hỏi.

“Khá là kỳ quặc. Nó được gọi từ tòa nhà nằm ở Cửa Bắc gần Old Hall. Hiện giờ nhà ấy bỏ trống, nhân viên bảo vệ cũ đã nghỉ hưu còn người mới thì chưa đến. Địa điểm này vắng vẻ và rất thuận lợi — có một cửa sổ mở ra phía sau nhà. Trên máy điện thoại không có dấu vân tay — nó đã được xóa sạch. Là có chủ ý đó.”

“Ý ông là sao?”

“Điều đó cho thấy cuộc gọi nhằm mục đích kéo mục sư ra khỏi nhà, vì thế đây là vụ giết người có tính toán trước. Nếu chỉ là một trò đùa vô hại thì người gọi đã không cần thận xóa dấu vân tay như thế.”

“Tôi hiểu.”

“Điều đó cũng chứng tỏ tên giết người rất thông thuộc Old Hall và các ngôi nhà lân cận. Không phải bà Protheroe gọi điện, tôi đã ghi chép cẩn thận mọi hoạt động chiều hôm ấy của bà ta. Có đến nửa tá người hầu thề thốt rằng cho đến năm giờ rưỡi bà ấy vẫn còn ở nhà. Sau đó xe đưa đại tá Protheroe và bà ta vào làng. Ông đại tá đi gặp Quinton, bác sĩ thú y về chuyện chữa bệnh cho con ngựa của mình. Bà Protheroe vào đặt hàng ở cửa hàng tạp phẩm và hàng cá, sau đó bà ấy đi thẳng đến con đường phía sau làng, nơi bà Marple gặp bà ta. Các cửa hàng đều xác nhận bà ta không mang túi xách bên mình. Bà Marple già ấy nói đúng.”

“Bà ấy bao giờ cũng đúng,” tôi ôn tồn nói.

“Cô Protheroe thì ở Much Benham đến năm giờ rưỡi.”

“Đúng thế,” tôi nói. “Cháu trai tôi cũng ở đó.”

“Cô ấy ngoại phạm. Các cô hầu cũng vậy — dù họ có đôi chút hoảng loạn và lo âu, nhưng mình mong đợi gì ở họ cơ chứ? Tất nhiên là tôi chú ý đến viên quản gia — với mọi việc đã được ghi nhận. Nhưng tôi nghĩ anh ta chẳng biết gì về chuyện này.”

“Việc điều tra của ông xem ra chưa có kết quả tích cực, ông thanh tra nhỉ.”

“Có chỗ tốt có chỗ không, thưa mục sư. Có một việc rất kỳ quặc vừa xảy ra — có thể nói là hoàn toàn bất ngờ.”

“Thật sao?”

“Mục sư có nhớ bà Price Ridley hàng xóm của ông sáng hôm qua gây náo loạn về việc bà ấy bị khủng bố bằng điện thoại không?”

“Có chứ.”

“À, chúng tôi truy tìm cuộc gọi cốt chỉ để trấn an bà ấy — thế mà mục sư có nghĩ ra nó xuất phát từ đâu không hở trời?”

“Từ trạm điện thoại công cộng à?” tôi đánh bạo hỏi lại. “Không phải, mục sư Clement. Từ nhà Lawrence Redding.”

“Cái gì?” tôi kinh ngạc kêu lên.

“Phải. Khá kỳ quặc đúng không? Redding không liên quan gì đến chuyện đó. Vào lúc ấy, sáu giờ rưỡi, anh ta đang trên đường đến quán Blue Boar với tiến sĩ Stone trước mắt bàn dân thiên hạ. Vậy mà có cuộc gọi. Đáng suy nghĩ phải không? Có người bước vào nhà anh ta để gọi điện thoại, vậy đó là ai? Hai cú điện thoại kỳ lạ trong cùng một ngày khiến ta nghĩ chúng có liên quan với nhau. Nếu không phải cùng một người gọi thì tôi đi đầu xuống đất thôi.”

“Nhưng vì mục đích gì mới được?”

“À, đó là điều chúng ta phải tìm cho ra. Có vẻ như không có gì đặc biệt trong cú điện thoại thứ hai, nhưng nhất định phải có ý nghĩa nào đó. Mục sư có hiểu dụng ý của việc này không? Cú điện thoại từ nhà Redding. Khẩu súng cũng của Redding. Như vậy mọi nghi vấn đều dồn vào Redding cả.”

“Nếu cú điện thoại thứ nhất được gọi từ nhà anh ta thì mới nhiều nghi vấn hơn chứ.”

“Ô, nhưng tôi suy nghĩ về việc này rồi. Redding đã làm gì trong hầu hết các buổi chiều? Anh ta đến Old Hall về cô Protheroe. Từ nhà mình anh ta đi xe máy về hướng Cửa Bắc. Giờ thì mục sư đã thấy mục đích của cú điện thoại xuất phát từ hướng ấy chưa? Kẻ sát nhân là người không biết về cuộc cãi cọ, rằng Redding không còn đến Old Hall nữa.”

Tôi suy nghĩ hồi lâu để tiếp thu những nhận xét của viên thanh tra. Chúng có vẻ hợp lý và tất yếu.

“Trên máy điện thoại nhà ông Redding có dấu vân tay không?” tôi hỏi.

“Không có,” Slack chưa chát trả lời. “Mụ già chết tiệt làm việc nhà cho anh ta đã xóa mất hồi sáng hôm qua rồi.” Ông ta nõi câu hồi lâu. “Con mụ điên ngu xuẩn. Cũng chẳng nhớ mình thấy khẩu súng lần cuối cùng vào lúc nào. Buổi sáng xảy ra án mạng, nó còn nằm ở đó mà cũng có thể không. Mụ ta không thể nói là mình đoán chắc điều gì cả. Bọn đàn bà giống hệt nhau!

“Tôi đến thăm tiến sĩ Stone cho đúng thủ tục mà thôi, và phải nói là ông ta rất hài lòng về việc ấy,” Slack tiếp tục. “Ông ta và cô Cram đến gò đất — chỗ khai quật ấy — vào khoảng hai giờ rưỡi chiều hôm qua và ở lại đó suốt buổi chiều. Tiến sĩ Stone về trước một mình, còn cô kia về sau. Ông ta nói mình không nghe thấy tiếng súng, nhưng cũng thừa nhận là mình đang trí. Tuy nhiên điều đó cũng xác nhận những gì chúng ta nghĩ.”

“Hiềm một nỗi là ông vẫn chưa tóm được tên sát nhân.”

“Hừm, cú điện thoại gọi cho mục sư là giọng phụ nữ,” thanh tra nói. “Rất có thể điện thoại gọi cho bà Price Ridley cũng là giọng phụ nữ. Giá như phát súng ấy đừng nổ gần thời điểm có cuộc gọi — à, thì tôi biết phải tìm ở đâu rồi.”

“Ở đâu?”

“Ô! Tốt nhất không nên nói ra, thưa mục sư.”

Tôi đánh bạo mời ông ta một cốc rượu vang port*. Tôi có ít rượu vang lâu năm tuyệt ngon. Mười một giờ trưa không phải là giờ uống rượu vang, nhưng tôi nghĩ Thanh tra Slack chẳng nề hà việc ấy. Tất nhiên lạm dụng rượu là chẳng hay ho gì, nhưng cũng không nên quá câu nệ về những việc như thế.

Sau khi Thanh tra Slack làm xong cốc thứ hai, ông ta bắt đầu bớt căng thẳng và trở nên vui vẻ, đó là do tác dụng của loại vang đặc biệt.

“Tôi nghĩ chuyện này không liên quan đến ông, thưa mục sư,” ông ta nói. “Mục sư sẽ giữ kín chứ? Đừng để giáo dân ở đây biết nhé.”

Tôi cam đoan với ông ta lần nữa.

“Do toàn bộ sự việc xảy ra trong nhà của ông, tôi nghĩ mục sư có quyền được biết.”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” tôi nói.

“Tốt. Nào thưa mục sư, ông biết gì về bà phu nhân đã đến thăm đại tá Protheroe vào buổi tối trước ngày xảy ra án mạng?”

“Bà Lestrangle à,” tôi ngạc nhiên kêu lên.

Ông thanh tra ném cho tôi cái nhìn trách móc.

“Đừng kêu to như thế, ông mục sư. Bà Lestrangle là người tôi đang theo dõi. Mục sư có nhớ tôi đã nói gì với ông không — tổng tiền.”

“Khó có thể là lý do mưu sát, bởi như thế khác nào giết một con gà đang đẻ trứng vàng? Cứ cho giả thuyết của ông đúng đi nữa thì tôi cũng không chấp nhận.”

Thanh tra Slack nháy mắt nhìn tôi theo cung cách rất thông thường.

“Chà! Bà ta là người mà bậc quý tộc luôn đứng ra che chở. Nhìn xem thưa ngài. Giả sử trước đây bà ta đã từng tổng tiền ông đại tá. Nhiều năm sau, bà ta lại đánh hơi ra chỗ ông ta và tìm đến lập lại chiêu cũ. Thế nhưng, mọi việc giờ đã khác xưa. Luật lệ cũng có quy định mới, người ta dễ dàng khởi kiện việc bị hăm dọa tổng tiền mà tên tuổi không bị đưa lên mặt báo. Giả dụ đại tá Protheroe đã phản ứng và nói sẽ nhờ pháp luật can thiệp. Bà ta rơi vào tình thế hiểm nghèo, vì bản án dành cho tội tổng tiền rất nặng nề. Tình thế đã đảo ngược, vì vậy việc duy nhất bà ta có thể làm là nhanh chóng ra tay trừ khử ông ấy.”

Tôi lặng thinh. Phải thừa nhận tình huống mà thanh tra đưa ra là hợp lý. Duy chỉ một điều mà thâm tâm tôi không chấp nhận — là nhân cách bà Lestrangle.

“Tôi không đồng ý với ông, thanh tra ạ,” tôi nói. “Theo tôi, bà Lestrangle không phải là kẻ chuyên hăm dọa tổng tiền. Bà ấy — à, từ này đã lỗi thời, nhưng bà ấy quả là một — mệnh phụ.”

Ông ta ném cho tôi cái nhìn thương hại.

“Ái chà chà! Thưa ngài, ngài là nhà truyền giáo. Chuyện xảy ra thì ngài chỉ biết nửa vời. Mệnh phụ phu nhân à! Nhưng ngài sẽ bất ngờ nếu biết những gì tôi nắm được.”

“Tôi không mấy may đề cập đến vị thế xã hội. Dù sao đi nữa tôi cũng cho rằng bà Lestrangle thuộc loại quý tộc sa cơ. Điều tôi muốn nói là — phong cách cao quý của bà ấy.”

“Tôi không nhìn bà ta theo cách nhìn của ông, thưa mục sư. Tôi cũng là đàn ông, nhưng tôi còn là cảnh sát. Các bà ấy không thể lừa phỉnh tôi bằng cái vẻ thanh lịch tao nhã đâu. Sao chứ, bà ta là loại người có thể đâm người khác một dao lút cán mà không chút ghê tay.”

Rất kỳ lạ là tôi lại thấy có thể tin bà Lestrangle phạm tội giết người dễ dàng hơn tin bà ta có khả năng hăm dọa tổng tiền.

“Nhưng lẽ dĩ nhiên bà ta không thể cùng lúc vừa gọi điện cho bà Price Ridley vừa sát hại đại tá Protheroe được,” thanh tra nói tiếp.

Vừa thốt mấy lời ấy ra khỏi cửa miệng thì ông ta bỗng vỗ đùi đánh đét.

“Rõ rồi,” Slack kêu lên. “Đó chính là mục đích của cú điện thoại. Một loại chứng cứ ngoại phạm, vì biết thế nào chúng ta cũng liên kết hai sự việc với nhau. Tôi sẽ nghiên cứu việc này. Có thể bà ta đã mua chuộc một thằng nhóc nào đó gọi điện thoại giùm mình. Nó sẽ không bao giờ nghĩ việc này có liên hệ đến vụ giết người.”

Viên thanh tra hấp tấp ra về.

“Bà Marple muốn gặp mình đây,” Griselda thò đầu vào gọi. “Bà ấy gửi một bức thư hết sức thiếu mạch lạc — chữ viết ngoằn ngoèo và gạch dưới toàn bộ. Em hầu như không đọc được thư. Rõ ràng bà ta không thể ra khỏi nhà một mình. Mình hãy mau đến nhà bà ấy xem có việc gì. Em sắp đón các bà bạn, chứ không thì em đã đích thân đi rồi. Em ghét các bà già ấy — họ lại than phiền với mình về chuyện đau chân nhức gối, có khi còn chìa cả chân

ra nài nỉ mình xem nữa. May sao cuộc thăm vấn diễn ra chiều nay! Mình sẽ không phải dự trận đấu cricket của câu lạc bộ nam.”

Tôi vội vã lên đường, lòng rất băn khoăn về lý do của lời mời gọi này.

Tôi trông thấy bà Marple trong tình trạng bối rối. Mặt bà đỏ ửng, nói năng rời rạc không đâu vào đâu.

“Cháu trai của tôi,” bà nói, “Raymond West cháu của tôi là nhà văn. Hôm nay nó về đây thừa mục sư. Tôi rối quá. Một mình tôi phải lo mọi việc. Không thể trông cậy vào người hầu phời phóng giường chiếu cho ra hồn, lại còn phải chuẩn bị cho bữa ăn tối nay nữa. Người quyền quý bao giờ cũng dùng nhiều thịt đúng không ạ? Còn thức uống nữa — nhất định phải có ít rượu trong nhà — rồi ống hút nữa.”

“Tôi có thể giúp gì...” tôi mở lời.

“Ôi, mục sư tốt bụng quá. Nhưng ý tôi không phải vậy, vì thực sự còn nhiều thời gian mà. Nó tự mang ống vớ và thuốc lá về, tôi mừng quá thừa mục sư, vì khỏi mất công tìm hiểu xem cần phải mua loại thuốc lá nào. Nhưng cũng hơi buồn vì khói thuốc lá sẽ bám vào màn cửa lâu lắm mới hết mùi. Tất nhiên sáng sáng tôi sẽ mở cửa và giữ rèm cẩn thận. Raymond dậy rất muộn — các nhà văn đều thế mà. Sách nó viết rất tuyệt, tôi nghĩ thế, mặc dù nhân vật nó xây dựng đều khó chịu khó ưa. Lớp trẻ tài ba còn quá ít hiểu biết về cuộc đời, mục sư có nghĩ vậy không?”

“Bà có muốn đưa cậu ấy đến dùng bữa tối ở nhà mục vụ không?” tôi hỏi mà vẫn chưa hiểu ra vì sao mình lại được mời đến.

“Ồ không, cảm ơn mục sư,” bà Marple đáp. “Thật quý hóa quá!”

“Tôi nghĩ bà có việc gì — à, cần gấp tôi chứ,” tôi đánh liều gợi ý.

“Ôi, tất nhiên rồi, nhưng mãi chộn rộn với việc này tôi lại quên băng đi.” Bà đột nhiên dừng lại và gọi cô hầu. “Emily — Emily. Không phải tấm trải giường này. Lấy tấm có chân bèo với hàng chữ thêu lồng vào nhau ấy, mà nhớ đừng đưa vào gần lò sưởi nhé.”

Bà khép cửa và nhón gót đi về phía tôi.

“Có một việc khá kỳ quặc xảy ra vào tối hôm qua,” bà giải thích. “Tôi nghĩ mục sư nên biết, mặc dù ngay lúc này thì có vẻ như nó chẳng có ý

nghĩa gì cả. Đêm qua tôi không tài nào chợp mắt — cứ mãi nghĩ về sự việc đau lòng kia. Rồi tôi trở dậy và nhìn ra cửa sổ. Mục sư biết tôi trông thấy gì không?”

Tôi nhìn bà dò hỏi.

“Là Gladys Cram!” bà Marple dẫn từng tiếng. “Rõ ràng là cô ta đang xách một chiếc vali đi vào rừng.”

“Vali à?”

“Lạ lùng quá phải không? Nửa đêm mà mang vali vào rừng làm gì?”

Hai chúng tôi nhìn nhau trân trối.

“Mục sư thấy đó,” bà Marple nói, “tôi dám chắc chuyện này không liên quan đến vụ giết người, nhưng dù sao vẫn hết sức kỳ quặc. Mà cho đến lúc này thì chúng ta phải ghi nhận tất cả mọi chuyện kỳ quặc.”

“Quả là kỳ quặc,” tôi nói. “Có khi nào cô ta vào chỗ khai quật để — à — để ngủ lại không?”

“Hoàn toàn không,” bà Marple đáp. “Bởi vì chỉ một lúc sau cô ta đã trở ra, lần này thì không xách vali.”

Chúng tôi lại nhìn nhau chằm chằm.

Chiều hôm ấy thẩm tra chính thức của tòa án được tổ chức tại Blue Boar. Phải nói là cả làng đều xôn xao chấn động. Ít nhất mười lăm năm rồi ở St. Mary Mead không hề có vụ án mạng nào. Và một người như đại tá Protheroe bị ám sát ngay trong văn phòng mục sư thì quả là tin giật gân hiếm có đối với dân làng.

Tôi không chủ ý nghe lỏm nhưng những lời bàn tán lao xao cứ lọt vào tai tôi.

“Mục sư kia. Trông mặt mũi ông ta tái nhợt đúng không? Không biết ông ta có dính líu gì không nhỉ! Dù sao thì cũng xảy ra trong nhà mục vụ mà.”

“Sao cô lại nói vậy, Mary Adams? Lúc ấy mục sư đang đi thăm Henry Abbott mà.”

“Chà! Nhưng thiên hạ bảo ông ta đã cự cãi với đại tá đấy.

Nhìn Mary Hill kia, nó vênh vác ra vẻ ta đây được việc lắm ấy. Suyt, điều tra viên đến rồi kia.”

Đó là bác sĩ Roberts ở thành phố Much Benham kế bên. Ông ta hăng giọng rồi chỉnh lại đôi mục kính ra chiều long trọng.

Thật mệt mỗi khi phải tóm tắt toàn bộ các lời chứng. Lawrence Redding khai đã phát hiện tử thi và xác nhận khẩu súng là của mình. Theo sự hiểu biết chắc chắn của anh ta thì hai ngày trước đó, tức thứ ba, anh ta còn trông thấy nó. Khẩu súng để trên kệ tủ trong nhà anh ta, mà cửa ra vào thì thường xuyên không khóa.

Bà Protheroe cho lời khai rằng lần cuối cùng bà trông thấy chồng là sáu giờ kém mười lăm khi hai người chia tay trên đường làng. Bà hẹn sau đó sẽ đến đón ông ở nhà mục vụ. Vào sáu giờ mười lăm, bà đến nhà mục vụ bằng con đường làng và qua cổng sau vào vườn. Vì không nghe tiếng người bên trong phòng làm việc nên bà tưởng trong phòng không có ai, nhưng có thể

chồng bà đang ngồi trước bàn viết, và trong trường hợp ấy thì bà không thể trông thấy ông. Theo bà biết, ông hoàn toàn khỏe mạnh và tỉnh táo. Bà không hề biết có kẻ nào có hiềm thù với ông.

Đến phiên mình, tôi trình bày về cuộc hẹn với Protheroe và cú điện thoại gọi tôi đến nhà ông Abbott. Tôi mô tả việc đã phát hiện tử thi và gọi bác sĩ Haydock đến ra sao.

“Mục sư Clement, có bao nhiêu người biết rõ chiều hôm ấy đại tá Protheroe đến nhà ông?”

“Tôi nghĩ là rất nhiều. Bà nhà tôi và cháu trai tôi biết, và sáng hôm ấy khi gặp nhau trong làng thì đại tá Protheroe cũng đã nhắc đến việc này. Ông ấy hơi lẳng tai nên nói rõ to, tôi nghĩ một số người có thể tình cờ nghe được.”

“Thế thì bất cứ ai cũng có thể biết việc ấy đúng không?”

Tôi đồng ý.

Tiếp theo là Haydock. Ông là một nhân chứng quan trọng. Ông mô tả kỹ lưỡng và bài bản tình trạng của tử thi và vết thương. Theo ý kiến của ông thì nạn nhân bị bắn trong lúc đang viết thư. Ông ước tính thời điểm chết là vào khoảng sáu giờ hai mươi đến sáu giờ rưỡi — và chắc chắn không thể trễ hơn sáu giờ ba mươi lăm. Đó là giới hạn tối đa, ông nhấn mạnh điều này một cách quả quyết. Không có vấn đề tự sát vì vết thương không phải do tự ý gây ra.

Lời chứng của viên thanh tra rất thận trọng và ngắn gọn. Ông kể lại việc mình được gọi đến và trông thấy xác chết trong tình trạng thế nào. Bức thư viết dở được tìm thấy với thời điểm sáu giờ hai mươi phút ghi đầu thư. Rồi cả chuyện chiếc đồng hồ để bàn, xem như xác nhận thời điểm nạn nhân bị giết là sáu giờ hăm hai phút. Cảnh sát không phát hiện gì thêm. Sau đó Anne Protheroe nói với ông rằng bà nghĩ thời điểm mình đến nhà mục vụ là sớm hơn sáu giờ hai mươi một chút.

Mary, cô hầu của gia đình tôi là nhân chứng tiếp theo. Cô ta tỏ ra hung hăng ngỗ ngược khi nói rằng mình chẳng nghe thấy gì mà cũng không muốn nghe bất cứ điều gì. Đâu phải quý ông nào đến thăm mục sư cũng hờ cái là bị bắn kia chứ! Không có chuyện đó. Cô ta còn bao việc phải làm. Đại tá

Protheroe đến đúng sáu giờ mười lăm. Không, cô không xem đồng hồ mà nghe chuông nhà thờ điểm khi vừa đưa ông đại tá vào văn phòng. Cô không nghe bất cứ tiếng súng nào. Nếu có tiếng súng thì cô phải nghe thấy chứ. À, tất nhiên cô biết là phải có súng nổ vì quý ông ấy đã bị bắn — nhưng cô không nghe. Có vậy thôi.

Nhân viên điều tra không hỏi gì thêm. Tôi nhận ra ông ta và đại tá Melchett đã thống nhất ý kiến với nhau.

Bà Lestrangle được triệu đến làm nhân chứng, nhưng có giấy của bác sĩ Haydock chứng nhận bà ta bệnh nặng không tham dự được.

Chỉ còn một nhân chứng nữa, một bà lão run lập cà lập cập, người mà theo cách nói của Slack là ‘làm việc nhà’ cho Lawrence Redding.

Bà Archer được đưa cho xem khẩu súng và thừa nhận mình đã nhìn thấy nó trong phòng khách nhà ông Redding. “Ông ấy để nó ở trên kệ sách.” Bà ta nhìn thấy nó lần cuối cùng vào ngày xảy ra án mạng. Phải — khi được hỏi lần nữa, bà hoàn toàn chắc chắn là vào giờ ăn trưa ngày thứ năm — một giờ kém mười lăm, khi bà ra về thì khẩu súng vẫn còn ở đó.

Tôi nhớ lại những gì viên thanh tra nói và hơi ngạc nhiên. Dù cho bà lão có mơ hồ đến đâu khi bị ông ta thẩm vấn thì lúc này đây bà ta lại hoàn toàn quả quyết.

Nhân viên điều tra tóm tắt nội dung vụ án với thái độ khá chắc chắn. Lời phán quyết hầu như lập tức được đưa ra: *Vụ mưu sát do một hay nhiều người giấu mặt thực hiện.*

Khi rời phòng, tôi nhận ra một nhóm thanh niên mặt mày sáng sủa khôn lanh, nhìn bề ngoài giống nhau, trong đó một số đã thường xuyên lảng vảng trước nhà mục vụ mấy hôm nay. Tôi tìm đường lánh bằng cách quay vào Blue Boar, may sao gặp ngay tiến sĩ Stone, nhà khảo cổ. Tôi túm lấy ông ta chẳng cần giữ ý tứ.

“Là đám nhà báo!” tôi nói ngắn gọn. “Ông giúp tôi thoát khỏi nanh vuốt bọn họ được không?”

“Sao, nhất định rời mục sư Clement. Mời ông lên lầu với tôi.”

Ông ta đưa tôi theo lối cầu thang chật hẹp lên phòng khách của mình, cô Cram đang ngồi lóc cóc gõ máy chữ một cách chuyên nghiệp. Cô toét miệng cười chào tôi và chộp thời cơ để nghỉ tay.

“Khủng khiếp quá nhỉ?” cô nói. “Tìm không ra thủ phạm, ý em là vậy. Nhưng không phải vì em thất vọng về kết quả thẩm tra của tòa mà là vì nó nhạt nhẽo quá đi, phải nói như vậy. Từ đầu đến cuối chẳng có tình tiết nào gây hứng thú cả.”

“Lúc này cô cũng có mặt à, cô Cram?”

“Phải, em đã có mặt. Quái lạ sao mục sư không nhìn thấy em nhỉ. Mục sư không thấy em thiệt sao? Em hơi bị tổn thương đó nha. Đàn ông thì phải tinh mắt chứ, có là mục sư cũng phải vậy.”

“Ông cũng có mặt à?” Tôi quay sang tiến sĩ Stone nhằm thoát khỏi lối đùa bỡn thiếu nghiêm túc ấy. Các cô gái trẻ như cô Cram luôn làm cho tôi ngỡ ngàng nghịu lúng túng.

“Không, tôi e là mình rất ít quan tâm đến những việc như thế. Tôi là người chỉ thiết tha với sở thích riêng của mình.”

“Hẳn phải là một sở thích hết sức thú vị,” tôi nói.

“Có thể mục sư cũng biết đôi chút về công việc này chứ?”

Tôi buộc phải thú nhận mình hầu như mù tịt, nhưng tiến sĩ Stone không phải người dễ nản lòng vì lời thú nhận ấy. Kết quả cứ như là tôi đã tuyên bố việc khai quật các ngôi mộ là thú tiêu khiển duy nhất của tôi vậy. Ông ta ào ào tuôn ra hàng tràng nào là loại lăng mộ dài với lăng mộ tròn, nào thời kỳ đồ đá với thời kỳ đồ đồng, rồi thời kỳ đồ đá cũ, thời kỳ đồ đá mới, nào là *kistvaens* với đá vòng *cromeic*. Tôi chẳng biết làm gì ngoài việc gật gù ra vẻ hiểu biết khiến tiến sĩ Stone càng được thể oang oang. Ông ta vóc người thấp bé, đầu tròn hói sọc, mặt tròn trĩnh hồng hào, rạng rỡ tươi cười sau cặp kính dày cộp. Tôi chưa từng thấy người nào ít được hưởng ứng mà lại nhiệt tình nhiều đến thế. Ông ta sẵn sàng tranh luận với mọi ý kiến ủng hộ hoặc phản bác mình — mà tiện thể tôi nói luôn là tôi chẳng hiểu gì sất!

Ông ta kể lể dông dài việc mình và đại tá Protheroe khác nhau về quan điểm ra sao.

“Một con người thô lỗ và ngoan cố,” Stone hăm hờ. “Vâng, vâng, tôi biết với người quá cố thì không nên lôi cái xấu của họ ra. Nhưng ông ta có chết thì sự thật vẫn là sự thật. Cộc cằn và ngoan cố, đó là mô tả chính xác về ông ta. Mới đọc được vài ba cuốn sách mà ông ta dám cho mình cái quyền — chống lại một người suốt đời nghiên cứu về đề tài này sao! Trọn đời tôi đã cống hiến cho công trình này, mục sư Clement ạ. Trọn đời tôi...”

Vì quá xúc động nên tiến sĩ Stone lú cả lưỡi. Cô Cram kéo ông ta trở về thực tại bằng một câu ngắn gọn:

“Ông coi chừng bị trễ tàu đó!”

“Ôi!” Người đàn ông nhỏ thó dừng lại giữa câu rồi rút đồng hồ trong túi ra xem. “Ôi trời, còn mười lăm phút nữa thôi à? Không thể như thế được.”

“Mỗi lần nói chuyện là ông chẳng bao giờ nhớ đến giờ giấc. Không có em coi sóc thì ông làm sao hả?”

“Hoàn toàn chính xác, cô bé ạ, hoàn toàn chính xác.” Ông ta thân mật vỗ vai cô. “Cô gái này tuyệt lắm, mục sư Clement ạ. Không bao giờ quên việc gì. Tôi thấy mình cực kỳ may mắn khi có cô ấy.”

“Ôi, tiến sĩ Stone, nhanh lên,” cô gái nói. “Ông nói vậy là làm hư em đó nha.”

Tôi không thể không cảm thấy mình cần ủng hộ luồng dư luận thứ hai — về một cuộc hôn nhân hợp pháp giữa tiến sĩ Stone và cô Cram trong tương lai. Tôi nghĩ bản thân cô Cram là một cô gái khá khôn ngoan.

“Ông nên đi thôi,” cô Cram nói.

“Phải, phải, tôi phải đi.”

Ông ta biến qua phòng bên rồi trở lại với vali trên tay.

“Ông đi à?” tôi ngạc nhiên hỏi.

“Tôi chỉ lên thành phố vài hôm,” ông ta giải thích. “Ngày mai thăm mẹ tôi và giải quyết vài việc với luật sư của tôi vào ngày thứ hai. Thứ ba tôi về. Mà này, tôi nghĩ cái chết của đại tá Protheroe không làm thay đổi mọi việc chúng tôi đã sắp xếp, ý tôi là cuộc khai quật ấy. Bà Protheroe sẽ không cản trở chúng tôi tiếp tục công việc chứ?”

“Tôi nghĩ là không.”

Khi ông ta nói vậy, tôi tự hỏi ai sẽ là người thực sự có quyền ở Old Hall đây. Có thể Protheroe chỉ sẽ trao quyền ấy cho Lettice. Giả như biết được nội dung bản di chúc của Protheroe thì hay biết mấy, tôi nghĩ.

“Cái chết của một người thường gây biết bao rắc rối cho người thân của họ,” cô Cram buồn bã nhận xét. “Mục sư không thể tin được chuyện đó nhiều lúc tệ hại ra sao.”

“Chà, giờ tôi phải đi đây.” Tiến sĩ Stone loay hoay kiểm tra vali với tấm chắn du lịch và chiếc ô công kênh. Tôi bước đến giúp nhưng ông ta phản đối.

“Không dám phiền — không dám phiền, tôi tự xoay xử được mà. Chắc chắn ở tầng dưới phải có người.”

Nhưng ở dưới nhà chẳng có ai cả. Tôi ngờ rằng bọn họ đang mãi chạy theo hóng hớt với đám nhà báo. Đã gần đến giờ nên chúng tôi cùng nhau ra ga, tiến sĩ Stone mang vali còn tôi giữ tấm chắn và chiếc ô.

Trong lúc chúng tôi hấp tấp đi, tiến sĩ Stone vừa thở hển hển vừa nhận xét:

“Mục sư thật tốt bụng — tôi không định — làm phiền mục sư... Mong sao không — trễ tàu. Gladys là cô gái tốt — thực sự tuyệt vời — rất tốt tính — nhưng cảnh nhà không êm ấm, tôi e là thế — tuyệt đối — tâm hồn trẻ thơ — tâm hồn trẻ thơ — mặc dù chúng tôi chênh lệch tuổi tác — nhưng hợp với nhau lắm...”

Tôi nghĩ bà Marple mà có mặt ở đây, có lẽ bà ấy sẽ có vài so sánh đắt giá!

Ngay khi rẽ vào nhà ga, chúng tôi nhìn thấy nhà của Lawrence Redding. Ngôi nhà đứng biệt lập, xung quanh không có nhà ai khác. Tôi quan sát hai thanh niên vẽ bảnh bao đang đứng ở ngưỡng cửa và một đôi khác đang sầm soi nhìn qua cửa sổ. Quả là một ngày bận rộn cho báo giới.

“Cậu Redding là chàng trai tử tế,” tôi nhận xét để thử xem bạn đồng hành của mình nói gì.

Lúc ấy tiến sĩ Stone đang thở dốc đến nỗi khó mở miệng nói, thế nhưng ông ta vẫn hển hển thốt ra một từ mà thoạt đầu tôi không sao nghe rõ.

“Nguy hiểm,” ông ta thở dốc khi tôi bảo ông ta lặp lại nhận xét của mình.

“Nguy hiểm à?”

“Cực kỳ nguy hiểm. Bọn con gái ngây thơ nhẹ dạ — chẳng biết gì — mà rơi vào tay một gã như thế — lúc nào cũng lượn lờ quanh đàn bà... Không tốt.”

Từ đó tôi luận ra rằng cô nàng Gladys không phải không để mắt tới chàng thanh niên duy nhất trong làng này.

“Ờn Chúa, tàu kia rồi!” tiến sĩ Stone kêu lên.

Lúc ấy chúng tôi đã vào đến ga và phải chạy nước rút. Tàu từ London về đang đỗ trong sân ga còn tàu đi London thì vừa mới đến.

Ở cửa phòng vé chúng tôi va phải một thanh niên khá lịch sự, và tôi nhận ra là cháu của bà Marple vừa mới xuống tàu. Tôi nghĩ anh ta là người không thích bị người khác va chạm. Anh ta tỏ ra kiêu hãnh với điệu bộ đĩnh đạc và phớt lờ xung quanh, và rõ ràng cứ va chạm đã làm xấu cái hình ảnh đĩnh đạc ấy. Anh ta loạng choạng lùi bước, còn tôi vội vàng xin lỗi rồi đi tiếp. Tiến sĩ Stone lên tàu; tôi chuyển hành lý lên cho ông ta vừa đúng lúc đoàn tàu rùng mình chuyển bánh.

Tôi vẫy tay chào Stone rồi quay về. Raymond West đã đi rồi, nhưng viên dược sĩ ở làng tôi, người luôn tự hào với cái tên Cherubim, thì chuẩn bị đi vào làng. Tôi bước sóng đôi với anh ta.

“Suýt nữa thì trễ tàu,” anh ta nhận xét. “À, buổi lấy lời khai diễn ra thế nào, mục sư Clement?”

Tôi đưa anh ta xem bản phán quyết.

“Ô, hóa ra là vậy! Bản phán quyết mà như vậy sao? Tiến sĩ Stone đi đâu vậy mục sư?”

Tôi lặp lại điều nhà kháo cổ nói với tôi lúc nãy.

“May là không trễ tàu. Tuyến đường này chẳng biết đâu mà lẫn. Tôi phải nói với mục sư, đây là nỗi ô nhục. Ô nhục, tôi gọi như vậy. Tôi đáp chuyến tàu về, bị trễ mười phút, lại vào ngày thứ bảy... Rồi thứ tư — không có chuyến, thứ năm thì có — phải, tôi nhớ đó là ngày xảy ra án mạng vì tôi định viết đơn kiện công ty — nhưng vụ án xảy ra khiến tôi quên bằng — phải, là thứ năm tuần trước. Tôi đi họp ở Hội Dược học. Mục sư có biết

chuyến tàu sáu giờ năm mươi phút khởi hành chậm bao nhiêu không? Nửa tiếng đồng hồ! Chính xác là trễ nửa tiếng đồng hồ! Mục sư nghĩ sao về việc này? Mười phút thì tôi không kể. Nhưng nếu tàu không đến kịp lúc bảy giờ hai mươi, à, thì anh không thể về đến nhà trước bảy giờ rưỡi được! Bởi vậy tôi muốn nói vì sao lại gọi chuyến tàu ấy là chuyến sáu giờ năm mươi phút được chứ?”

“Hoàn toàn đúng,” tôi nói, rồi tìm cách thoát khỏi cuộc độc thoại của ông ta, cáo lỗi vì có việc cần gặp Lawrence Redding mà tôi thấy đang tiến đến gần chúng tôi từ phía bên kia đường.

“Rất vui được gặp mục sư,” Lawrence nói. “Mời mục sư vào nhà chơi.”

Chúng tôi rẽ vào cánh cổng nhỏ đơn sơ, đi theo lối mòn, rồi anh ta rút chìa khóa trong túi tra vào ổ khóa.

“Giờ thì anh khóa cửa rồi nhỉ,” tôi nhận xét.

“Vâng,” anh ta bật cười khá chưa chắc. “Mất bò mới lo làm chuồng, đúng không?” Anh ta mở cửa để tôi bước vào trong. “Có đôi điều trong vụ này mà tôi không thích, mục sư biết đấy. Nói thế nào nhỉ — đây... là chuyện nội gián. Đã có ai đó biết chuyện tôi có khẩu súng. Có nghĩa là kẻ giết người — dù là ai đi nữa — nhất định đã có lần vào nhà tôi — có khi còn uống rượu với tôi cũng nên.”

“Không nhất thiết,” tôi phản đối. “Cả làng St. Mary Mead này có thể biết chính xác anh để bàn chải răng ở đâu và anh dùng loại kem đánh răng nào nữa kìa.”

“Nhưng tại sao họ lại quan tâm chuyện ấy?”

“Ta không rõ,” tôi đáp, “nhưng đúng là thế. Nếu anh thay loại kem cạo râu thì nó cũng trở thành đề tài cho họ bàn luận.”

“Họ hẳn phải rất chịu khó mới moi được tin tức.”

“Thế mà họ vẫn tìm được đấy. Từ trước giờ làng này có chuyện gì lý thú đâu.”

“Chà, bây giờ thì có rồi — tha hồ mà lý thú nhé.”

Tôi đồng ý.

“Mà ai nói cho họ biết tất cả những việc ấy mới được? Chuyện kem cạo râu ấy, hay đại loại thế?”

“Có thể là bà lão Archer.”

“Bà già ấy sao? Theo tôi biết thì bà ấy gần như là người đàn độn.”

“Đó chỉ là cách ngụy trang của người nghèo,” tôi giải thích. “Họ thường tự giấu mình sau vẻ ngu độn. Anh có thể nhận ra bà già ấy hoàn toàn sáng suốt. Mà này, giờ đây bà ta lại đoán chắc là cho đến trưa thứ năm thì khẩu súng vẫn còn nằm ở chỗ của nó. Điều gì đã làm bà ta đột nhiên khẳng định chắc chắn như vậy nhỉ?”

“Tôi chẳng biết nữa.”

“Anh có nghĩ là bà ta nói đúng không?”

“Một lần nữa tôi không có ý kiến gì. Tôi đâu có kiểm kê tài sản của mình mỗi ngày.”

Tôi nhìn khắp một lượt gian phòng khách nhỏ. Tất cả các kệ và bàn đều bừa bộn đồ đạc linh tinh. Lối bừa bãi luộm thuộm nghệ sĩ của Lawrence làm tôi phát bực. Thấy tôi liếc nhìn, anh ta lên tiếng:

“Đôi lúc cũng hơi mất thì giờ tìm đồ đạc, nhưng mặt khác thì mọi thứ đều bày sẵn ra đó chứ không cất giấu đâu cả.”

“Không có vật nào giấu kín cả, đúng thế,” tôi tán thành, “nhưng lẽ ra nên cất khẩu súng đi thì tốt hơn.”

“Mục sư có biết là tôi mong đợi nhân viên điều tra nói điều gì đại loại thế không! Đám ấy toàn là đần độn. Tôi chỉ mong bị bọn họ khiển trách mà thôi.”

“Mà này, súng có nạp đạn không?” tôi hỏi.

Lawrence lắc đầu.

“Tôi không đến nỗi bất cẩn như vậy. Súng không nạp đạn, nhưng có một băng đạn để ngoài.”

“Hình như súng được nạp đủ sáu viên, và có một viên được bắn ra.”

Lawrence gật đầu.

“Nhưng ai đã bắn vậy? Nếu không tìm ra kẻ sát nhân thực sự thì tôi sẽ bị nghi ngờ cho đến lúc chết.”

“Đừng nói thế, anh bạn ạ.”

“Nhưng tôi nói thế đấy.”

Anh ta cau mày lặng thinh một lúc rồi chột bưng tỉnh: “Để tôi kể mục sự nghe hôm qua tôi làm được chuyện gì. Ngài biết đó, bà Marple có nắm một số việc.”

“Tôi nghĩ về khoản ấy thì bà ta không được mọi người yêu thích cho lắm.”

Lawrence bèn thuật lại chi tiết câu chuyện của anh ta. Nghe theo lời khuyên của bà Marple, anh ta đã đến Old Hall. Ở đó, với sự hỗ trợ của Anne, anh đã phỏng vấn một CÔ hầu gái.

Anne chỉ nói:

“Ông Redding muốn hỏi em một vài câu, Rose ạ.”

Rồi bà ra khỏi phòng.

Lawrence cảm thấy có phần e ngại. Rose, một cô gái hai mươi lăm tuổi xinh đẹp cứ nhìn anh chăm chú với cái nhìn trong trẻo khiến anh lúng túng.

“Là — là về chuyện đại tá Protheroe bị giết đó mà.”

“Vậy sao, thưa ngài?”

“Cô biết đó, tôi đang cố gắng đi tìm sự thật.”

“Vâng, thưa ngài.”

“Tôi nghĩ có thể — có thể ai đó — à — có thể có tình tiết nào đó...”

Đến đây Lawrence cảm thấy mình cũng chẳng vẻ vang gì, anh thầm rửa bà Marple đã gợi ý anh làm việc này.

“Tôi muốn biết cô có thể giúp tôi không?”

“Sao, thưa ngài?”

Thái độ của Rose vẫn đúng mực một cô hầu hoàn hảo — lễ độ, sẵn sàng giúp đỡ, và hoàn toàn không quan tâm đến sự việc.

“Quý tha ma bắt, các cô chẳng khéo chuyện này trong phòng của người hầu sao?”

Đòn tấn công của Lawrence khiến Rose khá bối rối và đánh rơi vẻ tự chủ.

“Trong phòng người hầu à, thưa ngài?”

“Hoặc trong phòng quản gia, hoặc phòng tài xế, hoặc bất cứ ở đâu mà cô có nói? Nhất định phải có chỗ nào đó.”

Rose khẽ cười, và Lawrence cảm thấy được khích lệ.

“Xem này Rose, cô là một cô gái ngoan. Tôi chắc cô phải hiểu tôi đang muốn gì. Tôi không muốn bị treo cổ. Tôi không giết ông chủ cô, nhưng nhiều người cứ nghĩ thủ phạm là tôi. Cô có thể giúp tôi được không?”

Tôi có thể hình dung đến đây hẳn Lawrence phải thương tâm lắm. Anh ngả mái đầu điển trai ra sau, đôi mắt Ireland xanh thắm đầy van lơn. Rose mỉm lòng và đầu hàng.

“Ôi thưa ngài! Em xin thề — phải chỉ tụi em có thể giúp ích được gì. Không ai trong tụi em nghĩ ngài làm việc đó hết. Tụi em không nghĩ vậy đâu, thiệt đó.”

“Tôi biết, nhưng điều đó không giúp tôi thoát khỏi tay cảnh sát.”

“Cảnh sát à!” Rose hất đầu. “Tụi em nghĩ ông thanh tra đó chẳng tài giỏi gì đâu. Ông ta tự phong mình vậy thôi. Cảnh sát mà!”

“Dù sao đi nữa thì cảnh sát cũng rất có quyền lực. Nào Rose, cô nói sẽ cố hết sức giúp tôi. Tôi không thể không nghĩ rằng có nhiều việc chúng ta vẫn chưa nắm được. Chẳng hạn việc bà phu nhân đến thăm đại tá Protheroe vào đêm trước khi ông ấy bị giết.”

“Bà Lestrangle phải không ạ?”

“Phải, bà Lestrangle. Tôi không thể không cảm thấy cuộc viếng thăm của bà ta có gì đó kỳ quặc.”

“Dạ, tụi em cũng nói với nhau như vậy thưa ngài.”

“Các cô nói vậy ư?”

“Bà ta đến đây, hỏi thăm ông đại tá. Và tất nhiên là họ nói chuyện với nhau rất lâu — nhưng không ai biết bà ta tới làm gì. Còn bà Simmons, bà ấy là quản gia thưa ngài, bà ấy báo bà khách kia là hạng chẳng ra gì. Nhưng sau khi nghe Gladdie kể thì em không biết phải nghĩ sao nữa.”

“Vậy Gladdie đã nói gì?”

“Ô, không có gì thưa ngài. Chỉ là — tụi em nói chuyện với nhau thôi mà.”

Lawrence nhìn cô ta, cảm thấy cô đang giấu giếm điều gì. “Tôi rất muốn biết bà ta và ông đại tá nói gì với nhau.”

“Dạ, thưa ngài.”

“Tôi nghĩ là cô biết mà, Rose?”

“Em à? Ồ không thưa ngài. Thiết sự là em không biết. Làm sao mà em biết được!”

“Nhìn đây Rose, cô vừa nói là cô sẽ giúp tôi. Nếu cô không nghe thấy — hoàn toàn không nghe thấy bất cứ điều gì — thì cũng không quan trọng, nhưng... Tôi sẽ vô cùng biết ơn cô. Dù sao thì, ai cũng có thể — có thể tình cờ — chỉ là tình cờ mà nghe lỏm được.”

“Nhưng em không nghe thấy gì hết thưa ngài, thiết tình là em không nghe.”

“Vậy có ai khác nghe chứ,” Lawrence thâm trầm nói.

“Dạ, thưa ngài...”

“Nói tôi nghe đi Rose.”

“Em không biết Gladdie sẽ nói gì, em thề đó.”

“Cô ấy nhất định muốn cô kể tôi nghe. Mà Gladdie là ai vậy?”

“Thưa ngài, chị ấy là phụ bếp. Ngài biết không, chị ấy chỉ vừa mới ra khỏi nhà chút xíu để gặp một người bạn; chị ấy đi ngang cửa sổ — phòng làm việc — mà ông chủ với bà khách đang ngồi trong đó. Lẽ dĩ nhiên ông ấy nói rất to, ông chủ lúc nào cũng nói to. Và đương nhiên là chị ấy hơi tò mò — ý em là...”

“Hoàn toàn là tự nhiên,” Lawrence nói. “Ý tôi đơn giản là người ta phải nghe thôi.”

“Nhưng tất nhiên chị ấy không kể với bất cứ ai — trừ em ra. Và hai đứa em đều nghĩ việc này rất kỳ cục. Nhưng Gladdie không dám hở môi cho ai hay thưa ngài, vì nếu bà Pratt biết chị ấy ra ngoài gặp bạn thì — à, bà ấy sẽ bực mình lắm. Bà Pratt là bếp trưởng mà. Nhưng em chắc chắn chị ấy sẽ sẵn sàng nói với ngài đó.”

“Tốt. Vậy tôi có thể vào nhà bếp gặp chị ta được không?”

Rose chết khiếp khi nghe lời đề nghị ấy.

“Ô không thưa ngài, chuyện đó không thể được. Gladdie hay hoảng sợ lắm.”

Sau khi bàn bạc về những khó khăn, cuối cùng vấn đề đã được giải quyết. Một cuộc gặp bí mật sẽ được sắp xếp ở chỗ có nhiều bụi rậm. Ở đó, Lawrence đã gặp cô Gladdie hay lo âu, mà anh mô tả hết như chú thỏ sa bẫy hơn là giống con người. Phải mất mười phút trấn an thì cô gái run như cầy sấy kia mới lên tiếng rằng cô ấy không thể — không nên, rằng cô ấy không nghĩ Rose lại bán đứng mình như thế, rằng dù sao cô ấy cũng không muốn làm hại ai cả, và cô ấy sẽ bị bà Pratt la mắng nếu chẳng may bà ấy nghe được chuyện này.

Lawrence hết cam đoan thuyết phục rồi lại tán tỉnh phỉnh phờ — cuối cùng Gladys mới đồng ý nói.

“Xin ngài bảo đảm là sẽ không có ai khác biết chuyện này, thưa ngài.”

“Tất nhiên, sẽ không ai biết đâu.”

“Và em cũng sẽ không bị đưa ra tòa.”

“Không bao giờ.”

“Ngài cũng không nói lại với bà chủ chứ?”

“Tuyệt đối không.”

“Nhưng nếu chuyện này đến tai bà Pratt thì...”

“Nhất định không. Nào, nói tôi nghe đi Gladys.”

“Ngài bảo đảm không có chuyện gì xảy ra đúng không?”

“Chắc chắn là không. Một ngày nào đó cô sẽ vui sướng vì đã cứu tôi thoát khỏi giá treo cổ.”

Gladys khẽ rùng mình.

“Ôi, thực sự là em không muốn vậy đâu thưa ngài. Thiệt ra em chỉ nghe được có chút xíu — hoàn toàn là do tình cờ thôi...”

“Tôi hiểu.”

“Nhưng mà ông chủ của em, rõ ràng ông ấy giận dữ lắm. ‘Chừng đó năm rồi mà bà còn dám đến đây hả’ — ông nói vậy. ‘Đừng xúc phạm tôi...’ Em không nghe được bà kia nói gì — nhưng một lúc sau ông chủ nói, ‘Tôi dứt

khoát không đồng ý — dứt khoát là không...’ Em không nhớ hết — nhưng hình như hai bên đều rất cương quyết, bà ta muốn ông chủ làm việc gì đó mà ông từ chối. ‘Thật nhục nhã khi bà lại mò về đây,’ ông chủ nói. Và ‘Bà không được gặp nó — tôi cấm...’ Tới đây thì em vánh tai lên nghe. Có vẻ như bà đó muốn nói gì với bà chủ nên ông chủ lo sợ thì phải. Em nghĩ thầm, ‘Chà, ông chủ thiệt quái lạ, chẳng giống ai. Mà có thể nếu lộ ra mọi chuyện thì ông ấy cũng chẳng hay ho gì. Lạ lùng thiệt!’ Em nghĩ. ‘Đàn ông đều một giuộc như nhau’, sau đó em nói với bạn trai em. Anh ấy không đồng ý mà tranh cãi với em. Nhưng anh ấy thừa nhận rất bất ngờ về đại tá Protheroe — người quản lý tài sản của nhà thờ, ông ấy lo việc quyên góp và chủ nhật nào cũng đi nhà thờ đọc kinh đều đặn hết. Nhưng đời mà, mấy ai học được chữ ngờ. Em đã nhiều lần nghe mẹ em nói vậy.”

Gladdie dừng lại thở, còn Lawrence khéo léo đưa câu chuyện trở về khởi điểm.

“Cô có nghe thấy gì khác nữa không?”

“Dạ, thiệt là khó nhớ chính xác thưa ngài, nhưng chung chung là vậy. Ông chủ nói đi nói lại, ‘Tôi không tin. Dù Haydock có nói gì đi nữa thì tôi cũng không tin.’ Vậy đó.”

“Ông ta nói vậy thật sao? ‘Dù Haydock có nói gì đi nữa?’”

“Dạ phải. Ông chủ nói đó chỉ là một âm mưu.”

“Cô không nghe bà phu nhân kia nói gì sao?”

“Chỉ đến lúc cuối, khi bà ấy đứng lên đi về và ra đến gần cửa sổ thì em mới nghe rõ bà ấy nói gì. Em muốn chết sững luôn, thiệt đó, em không bao giờ quên được. Bà ấy bảo: ‘Tối mai khoảng vào giờ này, có thể ông sẽ chết,’ cách nói của bà ta thật độc ác. Ngay khi nghe vậy, em liền kể lại với Rose.”

Lawrence lấy làm kinh ngạc, chủ yếu anh tự hỏi không biết câu chuyện của Gladys có thể tin được mấy phần, về cơ bản thì có thật, nhưng anh ngờ rằng chị ta đã thêm mắm dặm muối vì có vụ giết người kia, đặc biệt anh nghi ngờ tính chính xác của chi tiết sau cùng. Anh nghĩ rất có khả năng đó là do có vụ giết người.

Lawrence cảm ơn Gladys, khen ngợi cô ta và bảo đảm mọi việc sẽ không đến tai bà Pratt, sau đó rời Old Hall, lòng đầy dăm chiêu nghĩ ngợi.

Có một chuyện rõ ràng, là cuộc trao đổi giữa bà Lestrangle và đại tá Protheroe hoàn toàn không êm đẹp, và cũng là điều ông ta lo lắng không muốn để vợ mình biết.

Tôi nghĩ đến câu chuyện bà Marple kể về viên quán lý nhà thờ với một gánh vợ lẽ con riêng. Trường hợp này có tương tự không? Và hơn bao giờ hết tôi tự hỏi Haydock dính dáng gì đến việc này? Ông đã cứu bà Lestrangle không phải ra làm nhân chứng trước tòa. Ông cũng làm mọi cách để che chở bà ta trước cảnh sát.

Haydock sẽ còn bảo vệ bà ấy đến bao giờ?

Giả sử ông nghi ngờ bà ấy phạm tội — liệu ông có cố bao che không?

Một người phụ nữ lạ lùng — một người đàn bà đầy sức quyến rũ hết như thói nam châm. Dù sao chính tôi cũng không thích ý nghĩ liên hệ bà ta với vụ án. Trong thâm tâm tôi tự nhủ, “Không thể là bà ấy!”

Vì sao?

Thế là con tinh trong tôi trả lời: “Vì bà ấy là một phụ nữ cực kỳ xinh đẹp và lôi cuốn. Vậy chứ sao!”

Nói như bà Marple, trong mỗi con người chúng ta đều có quá nhiều điều trần tục.

20

Về đến nhà mục vụ, tôi mới biết nhà mình đang có vấn đề người ăn kẻ ở.

Gặp tôi ở sảnh, Griselda kéo tôi vào phòng khách, nước mắt ngăn nước mắt dài:

“Cô ấy sắp bỏ đi rồi.”

“Ai bỏ đi hờ mình?”

“Thì Mary chứ ai. Cô ấy vừa báo với em.”

Thực sự với tôi tin này chẳng có gì là bi thảm cả.

“Tốt thôi, chúng ta sẽ tìm người giúp việc khác.”

Tôi nghĩ trả lời vậy là hoàn toàn hợp lý. Người hầu bỏ đi thì mình tìm người mới thôi. Nhưng khi hiểu cái nhìn trách móc của Griselda thì tôi thấy lúng túng.

“Mình thật vô tâm, Len ạ. Chẳng biết lo toan gì cả.”

Đúng là tôi chẳng hề lo. Thực sự tôi còn thấy nhẹ nhõm vì từ nay không phải ăn bánh pudding nướng cháy khét và rau củ nấu nửa sống nửa chín nữa.

“Em phải tìm một cô khác và huấn luyện cô ta nữa,” Griselda tiếp tục ca thán.

“Vậy mình có huấn luyện Mary không?” tôi hỏi.

“Tất nhiên là có chứ.”

“Tôi nghĩ chắc có ai đó thấy cô ta đã biết lễ phép thưa ông thưa bà, nên họ cố giành giật vì tưởng cô ta hoàn hảo. Rồi mình xem, họ sẽ thất vọng ngay ấy mà.”

“Không phải thế,” Griselda đáp. “Em chẳng thấy có ai muốn giành cô ấy cả. Chỉ là do cô ta tự ái vì Lettice bảo cô ta không lau chùi bàn ghế cẩn thận.”

Griselda thường xuyên có những phát biểu gây kinh ngạc, nhưng lần này nàng lại làm tôi kinh ngạc đến mức tôi phải đặt câu hỏi. Cô Lettice tính tình lãng đãng lại can thiệp vào chuyện quán xuyến nhà cửa và quở trách người hầu của chúng tôi ăn ở nhếch nhác, là điều khó tin nhất trên đời. Hoàn toàn không giống Lettice một chút nào.

“Tôi không hiểu chuyện nhà chúng ta bụi bặm thì liên quan gì đến Lettice Protheroe nhỉ?”

“Chẳng liên quan gì cả,” vợ tôi đáp. “Bởi thế mới là quá đáng mình ạ. Em muốn mình nói chuyện với Mary, cô ấy đang ở trong bếp.”

Tôi chẳng muốn gặp Mary về việc này, nhưng tôi chưa kịp phản đối thì Griselda đã nhanh chóng đẩy tôi qua cánh cửa bọc vải len tuyết dày cộm xuống tới nhà bếp.

Mary đang gọt khoai bên bồn rửa.

“E hèm — chào cô,” tôi lúng túng.

Mary ngược nhìn rồi khịt mũi, chẳng nói chẳng rằng.

“Bà Clement bảo cô định nghỉ việc,” tôi tiếp.

Giờ thì Mary mới hạ cố trả lời băng quơ:

“Có những chuyện mà không phải ai cũng chịu đựng hoài được.”

“Cô vui lòng nói rõ hơn có được không?”

“Gì chứ?”

“Xin cô cho biết chính xác chuyện gì đã làm cô buồn bực?”

“Tui chỉ cần nói vài câu thôi.” (Quả là cô ta đánh giá tôi thấp tệ!) “Ở đây thiên hạ cứ rình mò sau lưng tui. Chĩa mỏ vô công chuyện của tui. Văn phòng có bụi thì mắc mớ gì tới cô ta chứ? Nếu ông bà chủ không phàn nàn thì không ai được quyền nói. Tui chỉ làm hài lòng ông bà thôi là đủ, tui nói vậy đó.”

Mary chưa hề làm tôi hài lòng chút nào. Thú thật tối luôn ao ước phòng ốc được hoàn toàn sạch sẽ ngăn nắp mỗi sáng. Cái lối phui bụi qua loa ấy quả là không ổn. Tuy nhiên tôi hiểu đây không phải lúc nói chuyện ấy ra.

“Rồi tui còn phải ra tòa nữa, đúng không? Một người đàn ông hoàng đứng đắn như tui phải đứng hầu mười hai cha đàn ông! Muốn vắn vẹo gì tui thì vắn hả? Tui nói cho ông biết đó, hồi nào tới giờ tui chưa từng ở chỗ nào mà có giết người ngay trong nhà, mà tui không muốn gặp chuyện như vậy nữa.”

“Ta hy vọng như vậy. Theo quy luật thì chuyện này rất khó có thể xảy ra lần nữa.”

“Tui hồng tin luật pháp chút nào. Ông ta là người có chức có quyền. Nhiều người nghèo bị tống vô tù chỉ vì bán một con thỏ — còn ông ta thì nuôi cả bầy chim trĩ cũng chả sao. Bây giờ ông ta còn chưa được chôn cất tử tế thì con gái ông đã tới đây chê bai tui thế này thế nọ.”

“Ý cô là cô Protheroe đến đây sao?”

“Tui từ Blue Boar trở về thì gặp cô ta. Trong phòng làm việc đó. ‘Ồ, tôi đang tìm chiếc mũ màu vàng của tôi — cái mũ be bé ấy, hôm nọ tôi bỏ quên ở đây,’ cô ta nói. ‘À, tui không thấy cái mũ nào cả,’ tui trả lời. ‘Hôm sáng thứ năm tui dọn phòng thì không thấy nó.’ ‘Nhưng tôi dám chắc chị không nhìn thấy nó,’ cô ta nói. ‘Chị đâu có dọn phòng kỹ, đúng không?’ Vừa nói cô ta vừa lấy ngón tay quệt vào bệ lò sưởi rồi đưa lên dòm. Tối hôm qua cảnh sát mới mở khóa phòng, làm sao sáng nay tui có đủ thời gian dọn hết đồ trưng bày trên bệ xuống mà lau chùi cho được! Tui nói với cô ta, miễn mực sư với vợ ông hài lòng là được rồi cô à, vậy mà cô ta cười to rồi vừa đi ra vừa nói, ‘À, nhưng chị có chắc họ hài lòng không chứ?’”

“Ta hiểu,” tôi nói.

“Vậy đó! Ai mà chẳng có tự ái! Tui thề tui đã làm việc cật lực vì ông bà chủ. Hễ bà chủ muốn tui nấu một món mới thì tui làm liền à.”

“Ta chắc chắn cô là người tận tụy,” tôi nhẹ nhàng nói. “Nhưng đáng lẽ cô ta phải biết chuyện gì đã xảy ra ở đây hoặc là không được nói như vậy với tui. Nếu ở đây mà không được lòng thì tui đi liền. Không phải vì tui thêm dẽm xỉa tới lời cô Protheroe đâu. Ở nhà cô ta có ai mà ưa cổ, tui cho ông biết vậy đó. Chẳng bao giờ biết nói ‘xin vui lòng’ hay ‘cám ơn’, đồ đạc thì lúc nào cũng liệng lung tung. Bản thân tui chẳng thấy cô ta có cái gì tốt đẹp như

cậu Dennis tưởng hết. Nhưng cô ta là loại người có thể quay mấy cậu trai trẻ như chơi dễ mà.”

Mãi hăm hờ nói, Mary rời mắt khỏi đồng khoai làm vỏ khoai đang gọt bay tứ tung, rồi một mảnh vỏ bắn vào mắt tôi khiến câu chuyện phải tạm dừng. Tôi vừa lấy khăn tay chạm mắt vừa nói:

“Cô có nghĩ mình đang phật ý vì những chuyện không đâu hay không Mary? Nếu cô nghĩ việc thì bà chủ sẽ buồn lắm.”

“Về chuyện này thì tui không có gì phiền lòng bà chủ — và cả ông nữa, thưa mục sư.”

“À, vậy thì cô có nghĩ là mình hơi ngốc nghếch không chứ?”

Mary khịt khịt mũi.

“Tui hơi lo lắng về cuộc điều tra và mọi thứ khác. Con người ta phải có lòng tự trọng chứ. Nhưng tui không muốn làm phiền bà chủ.”

“Vậy thì ổn rồi nhé.”

Tôi rời nhà bếp thì thấy Griselda và Dennis đang đợi tôi ngoài sảnh.

“Thế nào mình?” Griselda hỏi.

“Cô ấy sẽ ở lại,” tôi thờ dãi.

“Mình tài lắm, Len ạ.”

Tôi cảm thấy không đồng tình với Griselda. Tôi nghĩ mình chẳng tài ba gì trong chuyện này, bởi theo quan điểm của tôi thì không người hầu nào tệ như Mary, và lẽ ra cần phải thay người mới tốt hơn. Nhưng tôi chỉ muốn làm vui lòng Griselda. Tôi kể chi tiết phần đầu lời phàn nàn của Mary.

“Chẳng ai như cái nàng Lettice này,” Dennis nói. “Cô ấy không thể để quên mũ ở đây vào thứ tư được, vì hôm thứ năm cô ấy còn đội mũ đến chỗ chơi tennis mà.”

“Ta cũng nghĩ rất có thể như vậy,” tôi nói.

“Cô ấy chẳng bao giờ nhớ mình để cái gì ở đâu,” Dennis nói với vẻ tự hào và triu mến đầy tình ý mà theo tôi là hoàn toàn không cần thiết. “Ngày nào

cô ấy cũng bỏ quên cái này cái nọ.

“Một nét hấp dẫn khác thường,” tôi nhận xét.

Dennis không hiểu ra lời châm chọc ấy.

“Cô ấy rất quyến rũ,” thằng nhóc thở dài. “Người ta cầu hôn cô ấy nhiều lắm, cô ấy bảo với cháu như vậy.”

“Nếu những người cầu hôn cô ấy là dân ở làng này thì toàn là bất hợp pháp, vì ở đây chẳng có ai độc thân cả,” tôi nhận xét.

“Có tiến sĩ Stone đấy,” Griselda nháy mắt.

“Hôm nọ ông tiến sĩ có mời cô ấy đến xem chỗ khai quật,” tôi thừa nhận.

“Tất nhiên ông ta có mời,” Griselda tiếp. “Cô ấy thật quyến rũ Len ạ. Ngay cả nhà khảo cổ hói đầu mà còn thấy thế.”

“Gợi tình lắm,” Dennis khôn khéo nói.

Thế mà Lawrence Redding lại không mảy may rung động trước nhan sắc của Lettice! Tuy nhiên Griselda ra vẻ biết chuyện khi lý giải thích điều này:

“Lawrence cũng thuộc loại gợi tình mà. Loại này luôn luôn thích tấp phụ nữ lạnh lùng, nói sao nhỉ — giống như tén đồ phái Quaker vậy. Em nghĩ Anne là người duy nhất có thể nắm giữ được Lawrence. Hai người họ sẽ không bao giờ chán nhau. Dù sao em cũng thấy anh ta khá ngu dại. Lẽ ra anh ta có thể lợi dụng Lettice, mình thấy đó. Theo em, anh ta không ngờ Lettice để ý đến mình — về mặt nào đó anh ta rất khiêm tốn — nhưng em thì cảm thấy cô ta có tình ý thật.”

“Có ấy không chịu nổi anh ta đâu,” Dennis quả quyết. “Cô ấy nói với cháu thế.”

Tôi chưa bao giờ thấy Griselda im lặng một cách thương xót như thế khi nghe nhận xét của thằng cháu.

Tôi vào phòng làm việc. Trong tưởng tượng của tôi, gian phòng như vẫn còn lảng vảng điều gì đó ma mị chết chóc. Tôi biết mình phải vượt lên cảm giác này, nếu không tôi sẽ không bao giờ có thể làm việc ở đây nữa. Tôi thận trọng bước tới chỗ bàn viết. Nơi đây Protheroe đã từng ngồi, khuôn mặt hồng hào tráng kiện và đầy vẻ tự tin, và cũng nơi đây ông ta đã bị bắn gục. Kẻ thù của ông đã đứng đây, ngay chỗ tôi đang đứng lúc này...

Và thế là — không còn Protheroe nữa...

Này đây là cây bút từng nằm trong tay ông ta.

Trên sàn nhà còn lờ mờ một vết sẫm màu — thảm trải sàn đã được mang đi giặt, nhưng máu đã thấm vào thảm không phai.

Tôi rùng mình.

“Ta không thể dùng căn phòng này,” tôi nói to. “Không thể nào làm việc ở đây.”

Thế rồi mắt tôi chạm phải vật gì đó — một đốm xanh sáng lóng lánh. Tôi cúi xuống và trông thấy một vật nho nhỏ nằm trên sàn gần cạnh bàn. Tôi nhặt nó lên.

Tôi đang đứng nhìn chăm chăm món đồ trong tay mình thì Griselda bước vào.

“Em quên nói với mình là bà Marple mời chúng ta hôm nay ăn tối xong thì đến nhà bà ấy chơi. Để cháu bà ấy được vui Len ạ. Bà ấy sợ anh ta buồn chán. Em đã trả lời chúng mình sẽ đến.”

“Được thôi, mình ạ.”

“Thế mình đang nhìn cái gì đó?”

“Có gì đâu.”

Tôi nắm bàn tay lại và nhìn vợ mình:

“Nếu mình không thể làm cậu Raymond West vui lên thì hẳn cậu ta là người khó mà làm hài lòng đấy mình ạ.”

“Mình đừng có lỗ bịch thế nhé,” vợ tôi đỏ mặt. Nàng bỏ ra ngoài, và tôi xòe tay ra.

Trong lòng bàn tay tôi là chiếc hoa tai bằng đá *lazuli* màu xanh da trời nạm hạt trai nhỏ xíu. Đây là một vật trang sức khác thường, và tôi nhớ rõ mình đã từng nhìn thấy nó lần cuối cùng ở đâu.

21

Tôi không thể nói lúc nào mình cũng hết lòng ngưỡng mộ Raymond West. Tôi biết anh ta là một tiểu thuyết gia nổi tiếng đồng thời là nhà thơ tên tuổi. Thơ anh ta theo phong cách hiện đại, không có lấy một chữ viết hoa nào. Truyện anh ta thì toàn những nhân vật khó ưa và sống cuộc đời tối tăm âm đạm.

Với ‘dì Jane’, tình thương mến của nhà văn tỏ ra có đôi chút ban phát, anh ta thường bóng gió đây là người họ hàng cuối cùng còn sót lại của mình. Còn bà Marple thì lắng nghe cháu trai mình nói chuyện với vẻ tâng bốc, và nếu thỉnh thoảng bà nháy mắt vì thấy buồn cười thì tôi chắc chắn anh ta cũng chẳng nhận ra.

Anh chàng lập tức xán lại bên Griselda xun xoe. Họ trao đổi về kịch hiện đại, rồi từ đó bàn tiếp về phong cách trang trí hiện đại. Griselda giả vờ cười nhạo Raymond West, nhưng tôi nghĩ nàng đã thực sự bị cuốn vào cuộc trò chuyện với anh ta.

Trong suốt câu chuyện (chán ngắt) giữa tôi và bà Marple, chốc chốc tôi lại loáng thoáng nghe anh ta lặp đi lặp lại rằng “bà ở đây chẳng khác nào chôn vùi cuộc đời.” Điều ấy cuối cùng làm tới phát cáu. Tôi buột miệng hỏi:

“Anh nghĩ chúng tôi sống ở đây là thiếu thốn trăm bề sao?”

“Tôi xem cái làng St. Mary Mead này chẳng hơn gì chốn bùn lầy nước đọng,” Raymond West ve vẩy điếu thuốc lá và lên giọng hách dịch. Anh ta nhìn chúng tôi chờ đợi sự phản ứng, nhưng tôi nghĩ anh ta có phần thất vọng vì chẳng ai tỏ ra bực mình!

“Vĩ von thế chẳng hay ho chút nào đâu Raymond,” bà Marple nhấn mạnh. “Một giọt nước ao tù khi soi lên kính hiển vi là cả một thế giới sống động đấy cháu ạ.”

“Sống như thế chỉ là — cho có sống mà thôi,” tiểu thuyết gia đáp.

“Cuộc sống ở đâu cũng như thế cả, đúng không nào?” bà Marple nói.

“Dì cũng tự ví mình như một sinh vật ở chốn bùn lầy nước đọng này sao, dì Jane?”

“Cháu ạ, dì nhớ trong cuốn sách mới xuất bản của cháu, cháu có viết một ý tương tự như thế mà.”

Không anh chàng khôn ngoan nào lại muốn người khác trích dẫn tác phẩm của mình để chống lại mình. Raymond West cũng không ngoại lệ.

“Điều đó thì hoàn toàn khác,” anh ta ngắt lời.

“Xét cho cùng, cuộc sống ở bất cứ nơi đâu cũng đều giống nhau cả,” bà Marple điềm tĩnh nói. “Cháu biết đó, con người ta sinh ra rồi lớn lên — gặp gỡ nhau — bon chen tranh đoạt — cưới nhau rồi sinh con đẻ cái...”

“Và cuối cùng thì chết,” Raymond West tiếp. “Nhưng không phải bao giờ cũng lìa đời kèm theo giấy chứng tử. Có khi chết từ lúc đang còn sống.”

“Nhân thể nói về cái chết,” Griselda xen vào, “ông có biết ở đây vừa xảy ra vụ án mạng không?”

Raymond West vung vẩy điệu thuốc lá như để xua đi chuyện chết chóc:

“Giết người là việc thô bạo, tôi chẳng quan tâm.”

Câu này nghe không lọt tai tôi. Người ta nói cả thế giới này ai cũng quan tâm đến chuyện yêu đương — áp dụng câu tục ngữ ấy vào cái chết thì cũng không ai không quan tâm đến án mạng. Người bình thường như Griselda và tôi có thể chấp nhận sự việc, nhưng một nhà văn như Raymond West thì không thể nghe tin này mà làm ra vẻ thờ ơ được. Tuy nhiên, bà Marple đã vô tình tố cáo thẳng cháu mình: “Suốt bữa ăn tối Raymond và tôi không bàn bạc gì khác ngoài chuyện này.”

“Cháu rất quan tâm đến mọi tin tức địa phương,” Raymond vội nói rồi mỉm cười vẻ ban ơn và khoan dung với bà Marple.

“Ông có ý kiến gì không, ông West?” Griselda hỏi.

“Về mặt logic, chỉ duy nhất một người có thể giết Protheroe,” Raymond West lại ve vẩy điệu thuốc lá.

“Ai cơ?” Griselda hỏi.

Chúng tôi chăm chú bám lấy từng lời của anh ta với vẻ căng bốt.

“Mục sư chứ ai,” Raymond chìa ngón tay về phía tôi ra chiều kết tội.

Tôi kinh ngạc há hốc mồm.

“Tất nhiên tôi biết mục sư không giết người,” anh ta nói. “Cuộc đời không bao giờ như ta mong muốn. Nhưng cứ nghĩ về tấn thảm kịch mà xem — người quản lý tài sản nhà thờ bị mục sư sát hại ngay trong nhà mục vụ. Quá thích hợp và tuyệt vời!”

“Nhưng động cơ là gì mới được?” tôi gặng hỏi.

“À! Điều này thật thú vị.” Anh ta ngồi thẳng lên, để rơi điều thuốc. “Là do mặc cảm tự ti, tôi nghĩ thế. Tôi muốn viết truyện về vụ này. Có thể đã quá nhiều ức chế. Mặc cảm dồn nén ngày này sang tháng nọ, năm nọ đến năm kia. Ông ta trông thấy người đàn ông ấy nắm giữ công quỹ nhà thờ — mang nó lên ban thờ — trong các buổi họp mặt của tín hữu — các cuộc dã ngoại của đội đồng ca nam. Ông ta luôn luôn ghét người ấy — nhưng luôn phải kiềm chế ác cảm của mình, vì điều đó trái với tinh thần Cơ Đốc. Rồi ác cảm ấy cứ ngấm ngấm âm ỉ, cho đến một ngày...”

Anh ta huơ tay, còn Griselda quay sang tôi:

“Mình có bao giờ cảm thấy giống như thế không Len?”

“Không bao giờ,” tôi thật thà đáp.

“Thế mà tôi nghe nói cách đây không lâu mục sư đã rửa Protheroe chết quách đi cho xong,” bà Marple bình phẩm.

(Cái thằng quỷ Dennis! Nhưng lẽ tất nhiên tôi nói thế là sai quá rồi!)

“Quả là tôi có nói thế. Tôi biết đó là lời ngu xuẩn, nhưng sáng hôm ấy thực sự tôi quá mệt mỏi với ông ta.”

“VẬY là thất vọng rồi,” Raymond West nói. “Vì nếu trong tiềm thức mục sư có dự định ra tay thì mục sư sẽ không bao giờ nói về ông ta như thế.”

Anh ta thở dài.

“Giả định của tôi thế là sụp đổ. Có khả năng chỉ là một vụ giết người thông thường — tên săn trộm trả thù, đại loại thế.”

“Chiều nay cô Cram vừa đến thăm tôi,” bà Marple nói với Griselda. “Tôi gặp cô ấy trong làng và mời cô ấy đến thăm vườn nhà tôi.”

“Cô ấy yêu vườn tược lắm sao?” vợ tôi hỏi.

“Tôi không nghĩ thế,” bà Marple khẽ nheo mắt, “nhưng cô có thấy đó là cơ hội tuyệt vời để cô ấy tán chuyện không?”

“Bà nghĩ gì về cô ấy?” Griselda nói tiếp. “Theo tôi thì cô ta không tệ lắm đâu.”

“Cô ta tự nguyện kể lể đủ mọi chuyện — thực sự là đủ mọi chuyện trên đời,” bà Marple đáp. “Về bản thân và họ hàng thân thích. Hình như họ hàng cô ấy chẳng còn ai, hoặc ở tận Ấn Độ. Thật đáng buồn. À, cuối tuần này cô ta dọn đến Old Hall đấy.”

“VẬY Ờ?”

“Phải, hình như bà Protheroe mời cô ta — hay cô ta gợi ý bà ấy cũng chẳng rõ. Để làm thư ký giúp bà ấy — rất nhiều thư từ phải giải quyết. Hóa ra lại may cho cô ta vì tiến sĩ Stone đi vắng nên cô ta chẳng có việc gì mà làm. Cuộc khai quật vừa rồi quả là sôi động.”

“Stone à?” Raymond hỏi. “Là nhà khảo cổ phải không?”

“Đúng rồi, ông ấy đang tiến hành khai quật di chỉ trên đất nhà Protheore.”

“Ông ấy cừ lắm,” Raymond nói. “Một nhân vật xuất chúng trong lĩnh vực khảo cổ. Cách đây không lâu tôi đã ăn tối và trò chuyện cùng ông ta, rất thú vị. Tôi phải tìm gặp ông ấy mới được.”

“Rủi thay ông ấy đã đi London,” tôi nói. “Mà hồi chiều anh đã chạm trán ông ta ở nhà ga đấy.”

“Tôi chạm phải mục sư thì có. Mục sư đi với một người béo lùn — mang kính ấy.”

“Đúng rồi — là tiến sĩ Stone.”

“Nhưng thưa mục sư kính mến — đó không phải là Stone.”

“Không phải là Stone sao?”

“Đó không phải là nhà khảo cổ. Tôi biết ông Stone rất rõ. Không phải là Stone — hoàn toàn không giống một chút nào.”

Chúng tôi trở mắt nhìn nhau, riêng tôi nhìn chăm chăm bà Marple.

“Quái lạ,” tôi nói.

“Chiếc vali,” bà Marple tiếp.

“Nhưng tại sao chứ?” Griselda hỏi.

“Chuyện này làm tôi nhớ có lần một người giả dạng nhân viên kiểm soát hệ thống khí đốt đến làng ta,” bà Marple lẩm bẩm. “Hắn ta cũng đã vớ được một mẻ nho nhỏ.”

“Một tên lừa đảo,” Raymond West nói. “Chà, bây giờ sự việc bắt đầu thú vị đây!”

“Vấn đề là có liên quan gì đến vụ mưu sát không?” Griselda hỏi.

“Không nhất thiết, nhưng...” Tôi nhìn bà Marple.

“Một việc quái lạ,” bà nói. “Lại thêm một việc quái lạ.”

“Vâng,” tôi đáp rồi dợm đứng lên. “Tôi thấy cần phải báo chuyện này với ông thanh tra ngay lập tức.”

Khi tôi liên lạc với Thanh tra Slack qua điện thoại, ông ta ra lệnh cho tôi một cách ngắn gọn và dứt khoát. Không được loan tin đồn, đặc biệt không để lộ cho cô Cram biết. Đồng thời sẽ tiến hành điều tra về chiếc vali ở gần chỗ khai quật.

Griselda và tôi trở về nhà, lòng đầy phấn khích trước diễn biến mới này. Có mặt Dennis nên chúng tôi không thể trao đổi với nhau nhiều hơn, vì chúng tôi đã hứa chắc như đinh đóng cột với ông thanh tra là không hé môi cho bất cứ ai biết chuyện này.

Dennis đang có điều gì đó rất bối rối. Thằng bé bước vào phòng làm việc của tôi, nhắc lên đặt xuống hết vật này đến vật khác, bồn chồn bước tới bước lui đầy lo âu.

“Có chuyện gì thế Dennis?” tôi hỏi.

“Cháu không muốn theo ngành hàng hải nữa.”

Tôi thấy bất ngờ. Từ trước tới nay thằng bé vẫn luôn kiên quyết về việc chọn ngành nghề.

“Nhưng cháu thích ngành đó cơ mà.”

“Vâng, nhưng giờ thì cháu đã đổi ý.”

“Vậy cháu muốn làm gì?”

“Cháu muốn vào ngành tài chính ạ.”

Tôi càng ngạc nhiên hơn.

“Ý cháu là sao — tài chính à?”

“Đúng thế. Cháu muốn lên thành phố.”

“Nhưng Dennis ơi, ta bảo đảm cháu sẽ không thích cuộc sống ở đó đâu. Ngay cả khi ta tìm được cho cháu một nhiệm sở ở ngân hàng...”

Dennis bảo rằng ý nó không phải vậy. Nó không muốn vào làm ở ngân hàng. Tôi bèn hỏi đích xác là nó muốn gì, và tất nhiên đúng như tôi nghĩ, thằng bé thực sự không biết.

‘Vào ngành tài chính’, theo cu cậu đơn giản có nghĩa là làm giàu nhanh chóng. Với tính lạc quan của tuổi trẻ, nó nghĩ rằng cứ ‘lên thành phố’ thì chắc chắn sẽ giàu to. Tôi cố hết sức nhẹ nhàng làm cho thằng bé tỉnh ngộ trước ý nghĩ ngô nghê ấy.

“Điều gì đã khiến cháu nghĩ như vậy?” tôi hỏi. “Cháu đã hài lòng với việc chọn ngành hàng hải đến thế cơ mà!”

“Cháu hiểu thưa bác, nhưng giờ cháu nghĩ rằng ngày nào đó cháu sẽ lập gia đình — ý cháu là muốn cưới vợ thì phải giàu bác Len ạ.”

“Thực tế sẽ chứng minh lý thuyết của cháu là sai.”

“Cháu biết — nhưng cô gái là có thật. Ý cháu là một cô gái đã quen sống sung túc.”

Lời lẽ thật mơ hồ, nhưng tôi nghĩ mình hiểu thằng cháu định nói gì. Tôi từ tốn bảo:

“Cháu ạ, các cô gái khác không như Lettice Protheroe đâu.”

Thằng bé lập tức sừng cồ:

“Bác thật không công bằng với Lettice. Bác ghét cô ấy, cả Griselda cũng vậy. Bác ấy bảo mình chán Lettice.”

Đứng về cái nhìn của phụ nữ thì Griselda hoàn toàn có lý. Lettice quả là đáng chán. Tuy nhiên tôi hiểu rõ một chàng trai có thể bực bội về cách đánh giá này.

“Giá mà thiên hạ biết thông cảm một chút xíu. Tại sao ngay cả bọn nhà Hartley Napier cũng đi rêu rao khắp nơi về cô ấy vào lúc này cơ chứ! Mà chỉ vì cô ấy rời cuộc chơi tennis hơi sớm một chút thôi. Làm sao cô ấy có thể ở lại khi cô ấy đang buồn chán? Cô ấy bỏ về là hoàn toàn chính đáng, cháu nghĩ thế.”

“Hoàn toàn đúng,” tôi nói, nhưng Dennis chẳng hề nghi ngờ tôi có ác ý. Nó còn mãi bất bình sôi sùng sục giùm Lettice.

“Cô ấy thực sự không chỉ nghĩ đến bản thân đâu bác ạ. Hôm nọ chính cô ấy bảo cháu ở lại chơi tiếp. Đương nhiên cháu cũng muốn đi, nhưng cô ấy không đồng ý và nói rằng như thế là không phải với nhà Napier, vì thế để cô ấy vui lòng cháu đã ở lại thêm mười lăm phút nữa.”

Quan điểm của bọn trẻ về tính không ích kỷ quả là rất kỳ quặc..

“Bây giờ cháu nghe nói Susan Hartley Napier đi đến đâu cũng rêu rao là Lettice xử sự quá tồi tệ.”

“Nếu ta mà là cháu thì ta chẳng lo lắng làm gì,” tôi nói.

“Mọi việc đều tốt thôi, nhưng mà...”

Thằng bé đột nhiên ngừng lại.

“Vì Lettice cháu — cháu có thể làm tất cả.”

“Rất ít người trong chúng ta có thể làm mọi điều cho người khác,” tôi nói. “Chúng ta càng mong muốn làm bao nhiêu thì càng bất lực bấy nhiêu.”

“Cháu chỉ muốn chết đi cho rồi,” Dennis nói.

Thương cho thằng bé. Chuyện yêu đương trẻ con quả là căn bệnh nguy hiểm chết người. Tôi chẳng dám nói thêm bất cứ điều gì khiến Dennis thêm cáu kỉnh nổi xung mà chỉ chúc nó ngủ ngon rồi về phòng mình.

Sáng hôm sau, khi xong lễ tám giờ, tôi quay về thì thấy Griselda đang ngồi ở bàn ăn với lá thư đã mở trên tay. Thư của Anne Protheroe.

GRISELDA THÂN MẾN,

Tôi sẽ rất biết ơn bà và mục sư nếu trưa nay ông bà đến dùng bữa tại nhà tôi. Đã có việc hết sức lạ lùng xảy ra, và tôi cần mục sư Clement giúp ý kiến. Xin đừng đề cập chuyện này khi đến nhà nhé, vì tôi không hề nói cho ai biết cả.

Tình thân,

ANNE PROTHEROE.

“Tất nhiên là chúng ta phải đi,” Griselda bảo.

Tôi đồng ý.

“Không biết có chuyện gì mình nhỉ?”

Tôi cũng đang tự hỏi thế.

“Mình biết không Griselda,” tôi nói, “Anh cảm thấy vụ án này chưa thực sự kết thúc đâu.”

“Ý mình là cho đến khi nào hung thủ chưa sa lưới ư?”

“Không phải. Anh không nói vậy. Theo anh còn rất nhiều uẩn khúc và dây mơ rễ má, biết bao là điều cần làm sáng tỏ thì mới tìm ra sự thật.”

“Là những việc thật ra không quan trọng nhưng lại gây cản trở, đúng không mình?”

“Phải, thế là mình đã hoàn toàn hiểu đúng ý anh.”

“Cháu nghĩ mọi người đang làm âm ỉ mọi chuyện,” Dennis vừa nhón một ít mút cam vừa góp chuyện. “Ông già Protheroe ấy chết là đáng đời. Chẳng ai ưa ông ta cả. Ô, cháu biết giờ thì cảnh sát bắt đầu lo lắng — nhưng mặc kệ họ, bản thân cháu mong là họ sẽ chẳng bao giờ tìm ra thủ phạm. Cháu ghét nhìn thấy Slack được thăng chức, đi đâu cũng vênh vang khoe mẽ rằng ta đây tài giỏi lắm.” Tôi cũng đủ trần tục để tán thành ý kiến về việc thăng chức của Slack. Một con người đi đến đâu cũng làm người khác bực mình thì không hy vọng gì được mọi người yêu mến!

“Bác sĩ Haydock cũng nghĩ gần giống như cháu,” Dennis tiếp. “Ông ấy sẽ không bao giờ tố cáo kẻ sát nhân, ông ấy nói như vậy đó.”

Ý kiến của Haydock thật nguy hiểm, tôi nghĩ. Bản thân những ý kiến ấy xem ra hợp lý, nhưng lại tác động không hay đối với bọn trẻ khiến chúng suy nghĩ lệch lạc, mặc dù bản thân Haydock không hề muốn vậy.

Griselda nhìn qua cửa sổ và nhận ra đám phóng viên đang ở trong vườn nhà.

“Em nghĩ họ lại chụp ảnh cửa sổ phòng làm việc đấy,” vợ tôi vừa nói vừa thở dài.

Chúng tôi đã quá khổ sở vì việc này. Thoạt tiên là thói hiếu kỳ của dân làng — một đám ăn không ngồi rồi cứ sấm soi dòm ngó. Kế tiếp là cánh nhà báo trang bị máy ảnh, và dân làng lại chăm chăm theo dõi họ. Cuối cùng chúng tôi phải mời một cảnh sát từ Much Benham về canh gác vòng ngoài nhà mục vụ.

“Chà,” tôi nói, “sáng mai đưa tang rồi. Chắc hẳn sau đó dân tình sẽ bớt sôi sục.”

Khi đến Old Hall, tôi nhận ra ở đó cũng có một số phóng viên đang lảng vảng quanh nhà. Họ xấp lại bắt chuyện với đủ mọi thắc mắc mà tôi chỉ đáp lại duy nhất một câu, rằng “Tôi chẳng có gì để nói.” (Chúng tôi thấy tốt nhất nên làm thế.)

Chúng tôi được người hầu đưa vào phòng khách. Hóa ra trong phòng đã có cô Cram — hình như cô đang rất phấn khởi.

“Ông bà ngạc nhiên lắm hả?” Cô vừa bắt tay chúng tôi vừa nói. “Em không hề nghĩ ra điều này, nhưng bà Protheroe tử tế lắm. Tất nhiên một đứa con gái như em mà sống một mình ở nơi như Blue Boar với đám nhà báo và đủ mọi chuyện như vậy thì đâu có hay ho gì. Nhưng em cũng đâu phải là loại không làm được việc — vào lúc này bà ấy rất cần người làm thư ký mà cô Protheroe thì có giúp gì đâu, đúng không?”

Tôi buồn cười nhận ra mối hiềm khích cũ giữa cô Cram với Lettice vẫn còn dai dẳng, nhưng hình như cô ta đã trở thành người nhiệt tình ủng hộ Anne. Đồng thời tôi cũng muốn biết câu chuyện cô Cram đến Old Hall, theo cô là do Anne đề xuất, thực sự có đúng như vậy không! Có thể ban đầu là do cô ta không thích sống một mình ở Blue Boar. Mặc dầu suy nghĩ thoáng về việc này nhưng tôi vẫn không tin cô Cram nói thật.

Ngay lúc ấy Anne Protheroe bước vào phòng trong bộ trang phục màu đen rất nền nã. Bà cầm tờ báo chủ nhật trao cho tôi với cái nhìn rầu rĩ:

“Tôi chưa từng có kinh nghiệm về những việc như thế này. Thật kinh khủng. Ở buổi thẩm tra, tôi gặp một nhà báo. Tôi chỉ bảo mình hết sức đau buồn và không biết nói gì, rồi anh ta hỏi tôi có lo lắng muốn tìm kẻ giết chồng mình không, tôi đáp ‘Có’. Kế tiếp, anh ta hỏi tôi có nghi ngờ ai không, tôi trả lời ‘Không’. Lại hỏi tôi có nghĩ là thủ phạm là người địa phương không, tôi nói chắc là như vậy. Chỉ có vậy thôi. Vậy mà mục sư xem

này!” Ngay giữa trang có đăng một tấm ảnh, chụp ít nhất mười năm trước — có trời mà biết họ moi tấm ảnh ấy ở đâu ra, với dòng tít lớn:

*BÀ QUÁ PHỤ TUYÊN BỐ SẼ KHÔNG YÊN LÒNG MỘT KHI CHƯA
TÌM RA KẸ GIẾT CHỒNG MÌNH*

Bà Protheroe, vợ góa của nạn nhân bị mưu sát, cho biết nhất định sẽ tìm ra thủ phạm ở ngay làng này. Bà có nghi ngờ một số người nhưng không đoán chắc. Bà cho biết mình đã kiệt sức vì sầu khổ, nhưng vẫn khẳng định quyết tâm phải truy lùng bằng được kẻ sát nhân.

“Lời lẽ này đâu giống của tôi phải không, mục sư?” Anne nói.

“Tôi dám chắc là nó tệ hơn,” tôi vừa nói vừa đưa trả tờ báo.

“Quân mặt dày!” cô Cram góp lời. “Em thì mong đám phóng viên ấy bám lấy em mà moi tin.”

Thấy Griselda nháy mắt nhìn mình, tôi hiểu nàng tin cô Cram sẽ làm thế thật.

Bữa ăn trưa đã chuẩn bị xong, và chúng tôi ngồi vào bàn. Phải đến giữa bữa thì Lettice mới về, cô sà vào chiếc ghế trống, mỉm cười với Griselda và gật đầu chào tôi. Tôi chăm chú nhìn cô bé vì lý do riêng, trông cô còn lãng đãng hơn mọi khi. Cực kỳ xinh đẹp — phải công bằng thừa nhận. Cô vẫn chưa khoác áo tang mà vận trang phục màu nỡn chuối làm tôn nước da trắng nuột.

Sau khi chúng tôi dùng cà phê xong, Anne khẽ khàng nói:

“Tôi muốn nói chuyện riêng với mục sư. Xin mời mục sư vào phòng khách của tôi.”

Cuối cùng thì tôi cũng sắp biết được lý do của lời mời hôm nay. Tôi đứng dậy và theo Anne lên lầu. Đến cửa phòng bà dừng lại. Tôi vừa mở miệng thì bà đưa tay ngăn tôi nói. Bà nhìn xuống sảnh dưới nhà nghe ngóng.

“Tốt rồi, họ đã đi ra vườn. Không — xin đừng vào phòng. Chúng ta đi thẳng tới đằng kia.”

Mặc cho tôi ngạc nhiên, bà ta đưa tôi đi dọc hành lang đến mé bên kia ngôi nhà, ở đó có một cầu thang hẹp dẫn lên tầng trên. Bà bước lên, và tôi đi

theo. Chúng tôi đến một hành lang lát ván đầy bụi bặm. Anne mở cửa đưa tôi vào tầng áp mái rộng và tối lờ mờ được dùng làm nhà kho, ở đó chất nhiều rương hòm, bàn ghế cũ hư, vài bức tranh đàn bà ngực nở và vô số đồ lặt vặt thường chất trong kho.

Thấy tôi ngạc nhiên, bà uể oải mỉm cười:

“Trước hết tôi phải giải thích, mấy hôm nay tôi thường xuyên mất ngủ. Đêm qua — đúng hơn là khoảng ba giờ sáng hôm nay, tôi chắc chắn mình đã nghe thấy có tiếng người đi lại trong nhà. Tôi nghe ngóng một lúc rồi trở dậy ra ngoài xem có gì không. Ra tới đầu cầu thang, tôi nhận thấy tiếng động không phát ra từ nhà dưới mà từ trên vọng xuống. Tôi đi dọc đến cuối hành lang và lần nữa tôi nghĩ mình đã nghe tiếng động. Tôi liền gọi với lên, ‘Ai trên đó vậy?’, nhưng không có tiếng trả lời, rồi sau đó tôi không nghe thấy gì nữa. Vì thế tôi nghĩ chắc thần kinh mình bị chập mạch, thế là tôi trở về phòng.

“Tuy nhiên sáng sớm hôm nay, tôi lên trên này — đơn giản là vì tò mò. Và tôi đã tìm thấy cái này!”

Bà cúi xuống cầm một bức tranh dựa úp vào tường và xoay nó về phía tôi.

Tôi há hốc mồm kinh ngạc. Đó là một bức chân dung bằng sơn dầu, nhưng khuôn mặt đã bị rạch nát không thể nhận diện được. Ngoài ra, rõ ràng là vết dao còn mới nguyên.

“Kỳ lạ thật,” tôi nói.

“Kỳ lạ quá phải không? Mục sư có nghĩ ra lời giải thích nào không?”

Tôi lắc đầu.

“Quả là một hành vi độc ác mà tôi không thích chút nào. Có vẻ như được thực hiện trong cơn giận dữ cuồng điên.”

“Vâng, tôi cũng nghĩ đúng như thế.”

“Chân dung của ai vậy?”

“Tôi không biết, vì trước đây tôi chưa từng trông thấy nó. Khi tôi kết hôn với Lucius và về đây sống thì tất cả những thứ này đã nằm trên gác mái rồi. Tôi chẳng bao giờ để ý đến chúng.”

“Lạ thật,” tôi nhận xét.

Tôi khom người xuống xem xét những bức tranh khác. Có thể tìm thấy rất nhiều thứ — tranh phong cảnh loại xoàng, tranh in dầu và một vài bức tranh chép lồng trong loại khung rẻ tiền, ngoài ra không có gì khác đáng giá. Một chiếc rương lớn kiểu cổ, loại trước đây thường gọi là ‘hòm’ có khắc bên ngoài hai mẫu tự E.P. Tôi giở nắp rương, bên trong trống rỗng.

“Quả là chuyện hết sức kỳ quặc,” tôi nói. “Mà cũng thật — vô nghĩa.”

“Vâng,” Anne đáp. “Làm tôi khá sợ hãi.”

Chẳng còn gì để xem, tôi theo Anne trở xuống phòng tiếp khách của bà, rồi bà đóng cửa lại.

“Mục sư nghĩ tôi nên làm gì bây giờ? Báo cảnh sát ư?”

Tôi ngần ngừ.

“Cứ xét theo bề ngoài thì khó mà nói...”

“Rằng việc này có liên quan đến vụ giết người hay không,” Anne tiếp lời. “Tôi hiểu, vì thế mà thật khó. Cứ nhìn ngoài mà xét thì có vẻ như hai việc ấy chẳng liên quan gì với nhau.”

“Không,” tôi nói, “nhưng đây lại là thêm một Điều Kỳ Lạ nữa.”

Hai chúng tôi ngồi lặng thinh cau mày. Ngay sau đó tôi hỏi:

“Giờ bà định thế nào?”

Anne ngẩng đầu lên.

“Tôi sẽ sống ở đây ít nhất sáu tháng nữa!” Bà ta nói về bướng bỉnh. “Tôi ghét sống ở đây, thực sự tôi chẳng muốn chút nào, nhưng tôi nghĩ cần phải làm thế, bằng không thiên hạ sẽ bảo tôi chạy trốn — vì mặc cảm tội lỗi.”

“Chắc chắn sẽ không ai nói gì đâu.”

“Ồ không, thế nào họ cũng khó nhau như vậy, nhất là khi...” bà ngập ngừng rồi nói tiếp, “khi sáu tháng sau tôi sẽ — kết hôn với Lawrence.” Bà nhìn vào mắt tôi. “Hai chúng tôi không thể chờ đợi lâu hơn nữa.”

“Tôi nghĩ chuyện đó thế nào cũng xảy ra.”

Đột nhiên Anne như kiệt sức; bà đưa hai tay ôm lấy mặt: “Mục sư không hiểu là tôi biết ơn ông thế nào đâu — Mục sư không thể hiểu. Chúng tôi đã chia tay nhau — và chàng đã ra đi. Tôi cảm thấy — cảm thấy cái chết của

Lucius đối với tôi không quá kinh khủng. Nếu chúng tôi tính cùng nhau trốn đi rồi sau đó ông ấy mới bị giết thì giờ mọi việc còn khủng khiếp hơn. Nhưng mục sư đã chỉ cho chúng tôi thấy thế là sai trái, bởi vậy tôi rất biết ơn mục sư.”

“Tôi cũng rất cảm ơn,” tôi nghiêm nghị đáp.

“Dù sao đi nữa, nếu không tìm ra kẻ sát nhân thì thiên hạ sẽ luôn nghĩ rằng đó là Lawrence — ồ vâng, nhất định họ sẽ nghĩ như thế.” Bà đứng lên. “Nhất là khi chàng kết hôn với tôi.”

“Bà thân mến, chứng cứ do bác sĩ Haydock cung cấp đã hết sức rõ ràng...”

“Thiên hạ đâu có quan tâm đến chứng cứ ạ! Thậm chí họ còn không biết đến nó nữa. Một lời chứng pháp y dù sao cũng chẳng giá trị gì với người ngoài. Thêm một lý do khiến tôi phải ở lại đây. Tôi sẽ tìm ra sự thật, thừa mục sư Clement.” Vừa nói, mắt bà sáng lên. Bà tiếp thêm:

“Đó là lý do tôi mời cô gái kia đến đây.”

“Cô Cram à?”

“Vâng ạ.”

“Vậy là bà mời cô ấy. Tôi muốn nói, đó là ý của bà sao?”

“Đúng thế. Ô, mà thật ra cô ấy cũng có than vãn đôi chút ít khi gặp tôi ở buổi triệu tập của tòa. Không ạ, chính tôi đã mời cô ấy đến đây.”

“Nhưng bà không nghĩ rằng cô gái ngốc nghếch ấy chẳng có liên quan gì đến tội ác này cả sao?” tôi kêu lên.

“Làm ra vẻ ngốc nghếch thì cực kỳ dễ thừa mục sư Clement. Một trong những việc dễ nhất trên đời.”

“Vậy bà thực sự nghĩ rằng...?”

“Không, tôi không nghĩ thế. Thật thà mà nói là không. Điều tôi đang nghĩ, là cô gái này có biết chuyện gì đó — hoặc là có thể biết. Tôi muốn tìm hiểu cô ta ở cự ly gần.”

“Và ngay cái đêm cô ta đến đây thì bức tranh bị bằm nát,” tôi trầm ngâm nói.

“Mục sư nghĩ là do cô ta ư? Nhưng tại sao? Có vẻ điều ấy cực kỳ vô lý và không thể xảy ra được.”

“Với tôi, việc ông nhà bị giết ngay trong phòng làm việc của tôi cũng hết sức phi lý và không thể xảy ra. Thế nhưng nó đã xảy ra đó thôi!” tôi chưa chát nói.

“Tôi biết.” Bà đặt tay lên vai tôi. “Thật khủng khiếp cho mục sư. Mặc dù không thường nhắc đến nhưng tôi vẫn nhận ra điều ấy.”

Tôi thò tay vào túi lấy chiếc hoa tai bằng đá *lazuli* xanh biếc và đưa cho bà.

“Có phải của bà không?”

“Ồ vâng!” Bà cười hài lòng và xòe tay ra. “Mục sư tìm thấy ở đâu vậy?”

Nhưng tôi không đặt món trang sức vào tay bà mà nói:

“Bà vui lòng cho tôi giữ nó thêm ít lâu nhé?”

“Vậy sao, được thôi ạ.” Trông bà vừa lúng túng vừa có vẻ dò hỏi, nhưng tôi không thỏa mãn lòng hiếu kỳ của bà. Thay vào đó, tôi quay sang hỏi sắp tới bà tính chuyện tài chính ra sao.

“Mong bà thứ lỗi cho câu hỏi vô phép này, tôi thực sự không có ý gì đâu.”

“Tôi thấy không có gì là vô phép cả thưa mục sư. Mục sư và Griselda là hai người bạn thân nhất của tôi ở đây. Tôi cũng thích bà già Marple khô hài. Lucius rất giàu có, mục sư biết đấy. Ông ấy để lại tài sản cho Lettice và tôi đồng đều nhau. Old Hall sẽ là của tôi, nhưng Lettice được phép chọn một số đồ nội thất để trang bị cho một ngôi nhà nhỏ của cô ấy. Để công bằng thì cô ấy được nhận một khoản tiền để mua nhà.”

“Vậy bà có biết kế hoạch cô ấy thế nào không?”

Anne nhăn mặt hài hước.

“Cô ấy không nói với tôi. Theo tôi, cô ấy sẽ rời khỏi nơi này càng sớm càng tốt. Cô ấy không thích tôi — chưa bao giờ, mặc dù tôi luôn cố gắng tử tế với cô ấy, nhưng dù sao đó cũng là lỗi của tôi. Tôi nghĩ chẳng cô gái nào lại yêu quý bà mẹ kế trẻ tuổi cả.”

“Nhưng bà có quý cô ấy không?” tôi hỏi huych toẹt. Anne Protheroe không trả lời ngay, điều đó khiến tôi tin rằng bà là một phụ nữ hết sức chân

thật.

“Ban đầu thì có,” bà đáp. “Lettice là cô bé rất xinh đẹp. Còn bây giờ thì không. Tôi không hiểu vì sao nữa, có lẽ là do cô ấy không ưa tôi. Tôi muốn được người khác yêu quý mình, mục sư biết đấy.”

“Ai cũng thế cả,” tôi nói, và Anne Protheroe mỉm cười.

Tôi còn một việc nữa phải làm, là tìm cách nói riêng vài câu với Lettice. Cũng dễ thôi, tôi bắt gặp cô bé ngồi một mình trong phòng khách lớn trong khi Griselda và Gladys Cram đang ở ngoài vườn. Tôi bước vào và khép cửa lại. “Lettice ạ, ta có chút việc muốn nói với con.”

Lettice thờ ơ nhìn lên:

“Gì thế mục sư?”

Tôi đưa chiếc hoa tai xanh da trời ra và thản nhiên hỏi: “Sao con lại đánh rơi vật này trong thư phòng của ta?”

Trong khoảnh khắc cô gái ngớ người ra — nhưng cô trấn tĩnh nhanh đến nỗi chính tôi cũng không ngờ. Cô đáp: “Con không hề đánh rơi vật gì trong văn phòng của mục sư cả. Không phải của con mà là của Anne.”

“Ta biết.”

“À, vậy sao mục sư lại hỏi con? Chắc chắn là Anne đánh rơi nó.”

“Từ hôm xảy ra án mạng đến nay bà Protheroe chỉ vào thư phòng của ta có một lần; bà ấy mặc đồ tang và như vậy không thể mang hoa tai màu xanh được.”

“Trong trường hợp ấy, con nghĩ bà ta đã đánh rơi trước đó,” Lettice nói. “Hoàn toàn hợp lý.”

“Rất hợp lý,” tôi tiếp. “Mà tình cờ con có nhớ mẹ kể con mang hoa tai này lần cuối vào lúc nào không?”

“Ôi!” Cô gái lúng túng nhìn tôi chằm chằm không chút nghi ngờ. “Có quan trọng lắm không mục sư?”

“Có thể có,” tôi đáp.

“Con sẽ cố nhớ lại xem.” Cô ngồi đó nhúu mày. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy Lettice Protheroe yêu kiều quyến rũ như lúc ấy. “À đúng rồi!” Đột nhiên cô nói. “Giờ thì con đã nhớ ra, bà ấy mang nó hôm — hôm thứ năm.”

“Thứ năm là ngày xảy ra vụ án,” tôi chậm rãi nói. “Hôm ấy bà Protheroe vào văn phòng qua ngã khu vườn, nhưng nếu con còn nhớ thì theo lời chứng bà ấy chỉ đứng ngoài cửa sổ chứ không bước vào phòng.”

“Mục sư tìm thấy nó ở đâu?”

“Nó nằm lẩn lóc dưới gầm bàn viết.”

“Có thể bà ta không khai đúng sự thật thì sao?” Lettice bình tĩnh nói.

“Con định nói bà ấy bước vào phòng và đứng cạnh bàn viết ư?”

“À, có thể là như vậy, đúng không mục sư?”

Cô bình thản nhìn vào mắt tôi rồi điềm tĩnh nói tiếp:

“Nếu mục sư muốn biết thì con xin nói con không tin bà ta đã khai thật.”

“Còn ta cũng biết con không nói thật nốt, Lettice ạ.”

“Mục sư nói gì vậy?”

Cô giật mình hoảng hốt.

“Ý ta là lần cuối cùng ta nhìn thấy chiếc hoa tai này là vào ngày thứ sáu, khi ta đến đây cùng đại tá Melchett. Nó nằm cả đôi trên bàn trang điểm của mẹ kế con. Thậm chí ta đã cầm cả đôi lên xem.”

“Ôi...!” Cô gái tỏ vẻ nao núng, rồi đột nhiên vật mình xuống thành ghế và òa khóc nức nở. Mái tóc ngắn xinh đẹp của cô rũ xuống gần chạm sàn. Một dáng dấp lạ lùng — đẹp và thiếu kiềm chế.

Tôi lặng thinh để mặc cô gái nức nở một lúc rồi mới nhẹ nhàng cất tiếng:

“Vì sao con lại làm vậy, Lettice?”

“Sao ạ?”

Cô gái đứng phắt lên, hung hãn hất ngược mái tóc ra sau. Trông cô thật dữ dội — kinh hoàng nữa là khác.

“Ý ông là sao chứ?”

“Điều gì khiến con làm như vậy? Vì ghen tị? Vì ghét bỏ Anne?”

“Ôi — ôi! Đúng vậy.” Cô lại hất ngược tóc lên và có vẻ như hoàn toàn lấy lại bình tĩnh. “Phải, mục sư muốn gọi đó là ghen tuông cũng được. Con luôn ghét Anne, thậm chí ngay từ khi bà ta mới về làm bà hoàng bà chúa trong cái nhà này. Con đã để món đồ chết tiệt ấy dưới gầm bàn với hy vọng sẽ khiến cho bà ta gặp rắc rối. Chuyện ấy lẽ ra sẽ thành công nếu như mục sư không xen vào, không sờ mó các thứ trên bàn trang điểm của bà ấy. Dầu gì thì gì, đi giúp đám cảnh sát chẳng phải là việc của người tu hành đâu.”

Một cơn bộc phát đầy hăn học nhưng trẻ con, tôi không để bụng làm chi. Thực sự lúc này trông cô đúng là một đứa bé con rất đáng thương. Nỗ lực báo thù Anne theo lối trẻ con của cô có vẻ khó mà được thực hiện một cách nghiêm túc. Tôi nói với cô bé như vậy và thêm rằng tôi sẽ trả chiếc hoa tai lại cho Anne mà không nói mình đã tìm thấy nó ở đâu. Lettice có vẻ khá cảm động về điều này, cô bảo: “Mục sư tử tế quá.”

Cô ngật ngừng giây lâu, rồi vẫn ngoảnh mặt đi, cô vừa thận trọng lựa từng câu chữ:

“Thưa mục sư Clement, nếu con mà là mục sư, con nhất định — nhất định phải cho Dennis sớm rời khỏi nơi này. Con nghĩ — con nghĩ như thế sẽ tốt hơn.”

“Dennis à?” tôi nhướn mày, khá bất ngờ lẫn chút thích thú.

“Con nghĩ như thế sẽ tốt hơn.” Cô nói thêm, vẫn với vẻ ngược nghịu: “Con xin lỗi Dennis. Con không nghĩ rằng cậu ấy — dù sao con cũng rất tiếc.”

Đến đó thì chúng tôi dừng lại.

Trên đường về nhà, tôi đề nghị Griselda đi vòng qua chỗ khai quật. Tôi nóng lòng muốn xem cảnh sát đã vào cuộc chưa và đã phát hiện được gì. Tuy nhiên Griselda còn nhiều việc ở nhà phải lo, vì thế tôi đi một mình.

Tôi gặp cảnh sát Hurst đang làm nhiệm vụ ở đó. Anh ta báo:

“Chưa có manh mối nào hết mục sư à, nhưng tụi nó chỉ cất giấu ở đây thôi.”

Thoạt tiên anh ta làm tôi hơi lúng túng vì phát âm từ ‘cất giấu’ thành ra ‘bắt giữ’*, nhưng rồi tôi lập tức hiểu anh ta muốn nói gì.

“Tui nói mục sư nghe nha, cái bà *chê* kia còn đi chỗ nào khác khi *dô* rừng theo đường mòn này! Đường này dẫn tới nhà ông Protheroe, *dôi* tới đây nữa, đúng *hông?*”

“Ta nghĩ có lẽ Thanh tra Slack không thêm làm một việc đơn giản là trực tiếp thẩm vấn cô ấy đó thôi,” tôi đáp.

“Ông không muốn làm cô kia hoảng sợ,” Hurst nói. “Những gì cô ta viết cho Stone cũng như ông kia viết cho cô ta có thể giúp tìm ra manh mối — nhưng một khi cô ta biết ý định của tụi tui thì cô ta sẽ im lặng giấu giếm như *dzậy* đó.”

Hai chữ cuối này, Hurst lại phát âm thành ‘gì đó’, nhưng bản thân tôi lại ngờ cô Gladys Cram chẳng bao giờ biết im lặng theo kiểu anh cảnh sát này mô tả. Không thể hình dung khác hơn là lúc nào cô gái này cũng vào lỗ tai ra lỗ miệng.

“Khi một người là tên lừa đảo thì ta phải biết vì sao nó lừa đảo chứ,” cảnh sát Hurst lên mặt kẻ cả.

“Đương nhiên rồi,” tôi nói.

“Và phải tìm cho ra câu trả lời ở chỗ khai quật này nè — hoặc ở chỗ khác, coi tại làm sao thằng đó nó quậy tưng như vậy!”

“Phải đó, *raison d’etre* về việc ông ta cứ lảng vảng ở đây,” tôi gợi ý, nhưng mấy chữ tiếng Pháp ấy là quá sức viên cảnh sát. Vì không hiểu, anh ta trả đũa bằng giọng lạnh lùng:

“Đúng là người hồng hiểu biết gì ráo trôi!”

“Dù sao anh vẫn chưa tìm ra chiếc vali mà,” tôi nói.

“Nhất định tui sẽ tìm ra cho coi. Chắc chắn luôn.”

“Ta đã suy nghĩ về chuyện này và thấy không có gì chắc chắn,” tôi nói. “Bà Marple cho biết chỉ một lát sau là cô Cram trở ra tay không. Trong trường hợp đó, cô ta không đủ thời gian để vào đến đây rồi trở ra.”

“Mục sư đừng tin lời mấy bà già. Khi họ đang tò mò điều gì và hóng hớt chờ thì thời gian trôi nhanh lắm. Mà dù sao thì đàn bà chẳng bao giờ biết đúng giờ.”

Tôi thường tự hỏi vì sao thiên hạ chuyện gì cũng thích khái quát hóa nhỉ! Sự khái quát hiếm khi hoặc chẳng bao giờ chính xác, và thường là cực kỳ không phù hợp. Bản thân tôi cũng rất kém ý thức về thời gian (vì thế tôi thường để đồng hồ đi nhanh), còn bà Marple thì phải nói là người hết sức tinh nhạy. Đồng hồ nhà bà chính xác đến từng phút, còn bản thân bà việc gì cũng đúng giờ răm rắp. Tuy nhiên, tôi không có ý định tranh cãi với cảnh sát Hurst về điểm này. Tôi chúc anh ta may mắn rồi tạm biệt.

Khi về gần đến nhà tôi chợt nghĩ ra một điều. Chỉ là một giải pháp vừa lóe lên trong đầu chứ chẳng có gì gợi ý cho tôi cả.

Quý vị hẳn còn nhớ ngay sau hôm vụ mưu sát xảy ra, lần đầu tiên khi tôi đi tìm kiếm con đường mòn, tôi đã nhìn thấy những bụi cây bị giẫm rạp ở chỗ nọ. Điều đó chứng tỏ — hoặc do tôi nghĩ lúc ấy — chúng đã bị Lawrence giẫm lên, kế tiếp tôi cũng bước qua khiến chúng ngã rạp xuống.

Nhưng tôi nhớ sau đó anh ta và tôi lại tìm ra một lối mòn khác nhỏ hơn, là lối Thanh tra Slack đi qua. Nghĩ tới đó, tôi lại nhớ rõ như in rằng lối mòn đầu tiên (mà Lawrence đi qua) dễ nhận ra hơn lối đi thứ hai rất nhiều, nghĩa là đã có hơn một người từng đi qua lối mòn ấy. Tôi nghĩ có thể ban đầu điều đó đã gây sự chú ý cho Lawrence. Giả sử lối mòn này là do tiến sĩ Stone, nếu không thì cũng do cô Cram tạo ra thì sao nhỉ?

Tôi nhớ lại, hoặc nghĩ rằng mình đã nhớ, ở chỗ ấy có một số cây gậy, cành lá đã héo khô. Nếu đúng như thế thì lối mòn này không thể mới được hình thành ngay buổi chiều mà chúng tôi đi tìm kiếm.

Tôi đi đến chỗ ấy. Tôi dễ dàng nhận ra lối mòn và một lần nữa vạch các lùm cây mà bước tới. Lần này tôi nhận ra có nhiều nhánh cây gậy còn tươi. Có ai đó đã đi qua lối này sau Lawrence và tôi.

Chẳng mấy chốc tôi đến chỗ trước đây tôi bắt gặp Lawrence, tuy nhiên lối mòn còn dẫn đi xa hơn, và tôi tiếp tục lần theo. Bất ngờ lối đi mở ra một khoảng rừng thưa nhỏ có dấu hiệu vừa có người đi qua. Tôi gọi là khoảng rừng thưa vì đến đây các bụi cây tầng thấp đã thưa dần nhưng trên cao vẫn còn những tầng cây lớn, và toàn bộ khoảng trống này mỗi bề chỉ rộng khoảng vài thước mà thôi. Ở một phía khác thì các bụi cây vẫn mọc um tùm, và rõ ràng là gần đây không có ai mở đường đi qua lối ấy, tuy nhiên hình như có một chỗ bụi cây bị xô lệch.

Tôi quỳ gối, dùng hai tay vệt bụi rậm mà tiến tới. Ồn trời, một vật màu nâu sáng lấp lánh xuất hiện. Tôi hăm hờ thò tay vào bụi, và phải khó khăn lắm mới lôi ra được một chiếc vali nhỏ màu nâu.

Thành công rồi! Tôi kêu lên đắc thắng. Dù bị cảnh sát Hurst làm bẽ mặt thì tôi vẫn chứng tỏ được lý lẽ của mình là đúng. Không nghi ngờ gì nữa, đây chính là chiếc vali cô Cram mang vào. Tôi thử lay yếm khóa, nhưng nó đã bị khóa chặt.

Vừa đứng lên, tôi nhận ra một mảnh tinh thể nhỏ màu nâu nâu nằm dưới đất, bèn máy móc nhặt nó lên cho vào túi áo. Rồi nắm chặt quai chiếc vali, tôi lần bước trở lại lối mòn.

Khi tôi đang bước lên bực trèo để vượt qua tường vào đường làng thì một giọng nói đầy phấn khích vang lên sát bên tôi:

“Ô! Mục sư tìm ra rồi đấy à, mục sư Clement! Mục sư cừ thật!”

Phải thâm công nhận rằng về việc chưa nhìn thấy mà đã đoán ra thì chẳng ai sánh nổi bà Marple. Tôi vung vẩy vật tìm thấy qua hàng rào giữa hai chúng tôi.

“Đúng là cái này,” bà nói. “Dù ở đâu tôi cũng nhận ra ngay.”

Về khoản đó thì bà hơi phóng đại, tôi nghĩ. Loại vali bóng loáng rẻ tiền này thì có cả ngàn cái giống hệt nhau. Ở một khoảng cách xa dưới ánh trăng, không ai có thể phân biệt cái nào ra cái nào. Thế nhưng tôi hiểu toàn bộ vụ việc chiếc vali này là chiến công đặc biệt của bà Marple, và thế nên bà xứng đáng được tha thứ vì cái chi tiết cường điệu nho nhỏ ấy.

“Vali bị khóa phải không mục sư Clement?”

“Phải. Tôi mang nộp cho cảnh sát ngay đây.”

“Mục sư có nghĩ gọi điện thoại thì tốt hơn không?”

Tất nhiên không nghi ngờ gì nữa, gọi điện thoại là tốt hơn. Giờ mà xách chiếc vali đi vào làng thì chỉ tổ khiến cho thiên hạ chú ý. Thế là tôi mở then cửa vào vườn rồi bước vô nhà bà Marple qua cửa hông, và trong căn phòng khách đóng kín cửa bất khả xâm phạm, tôi điện thoại báo tin.

Thanh tra Slack cho biết đích thân ông ta sẽ đến ngay lập tức, và khi đến nơi ông ta tỏ ra rất gặt gồng:

“VẬY là chúng ta đã tìm ra nó, đúng không? Mục sư biết đó, ông không được tự tiện cất giữ nó, thưa mục sư. Nếu vì bất cứ lý do gì ông nghĩ mình biết vật cần tìm đang được giấu ở đâu thì lẽ ra ông phải báo cáo ngay cho nhà chức trách chứ.”

“Chỉ là do ngẫu nhiên,” tôi đáp. “Tôi chợt nghĩ ra.”

“Mục sư nói nghe cứ y như thật. Khu rừng rộng gần ba phần tư dặm thế này mà mục sư đi ngay tới đúng chỗ và thò tay vào lôi nó ra mới hay chứ!”

Lẽ ra tôi đã giải thích cho Thanh tra Slack hiểu mình đã từng bước lập luận ra sao mới đi đến chỗ ấy, nhưng ông ta vẫn quen cái lối ăn nói khiến người khác phật lòng, vì thế tôi lặng thinh.

“Thế nào, theo tôi cũng nên xem thử có cái gì bên trong chứ nhỉ?” Thanh tra Slack nhìn chiếc vali với vẻ khó chịu và cố tỏ ra thờ ơ.

Ông ta mang theo một chùm chìa khóa và một sợi dây thép. Ổ khóa thuộc loại rẻ tiền nên chỉ vài giây sau đã bật mở.

Tôi không biết chúng tôi đã mong đợi tìm kiếm thứ gì — một vật gì đó cực kỳ gây sửng sốt, tôi hình dung thế. Tuy nhiên vật đầu tiên đập vào mắt chúng tôi là một chiếc khăn choàng len kẻ ô vuông nhóp nháp dầu mỡ. Viên

thanh tra nhắc nó lên. Tiếp đến là chiếc áo khoác xanh thẫm đã bạc màu, cũ đến mức không dùng được nữa. Rồi đến chiếc mũ lưỡi trai kẻ ô.

“Toàn là giẻ rách,” Slack nói.

Kế tiếp là một đôi giày cũ, gót mòn vẹt. Và dưới đáy vali là một vật bọc trong giấy báo.

“Một cái áo sơ mi ngộ nghĩnh chứ gì,” Thanh tra Slack vừa xé bọc giấy vừa chưa chát thốt lên. Nhưng chỉ một giây sau ông ta đã phải đứng hình vì kinh ngạc.

Bởi lẽ, trong gói là một vài món đồ bạc nho nhỏ và một chiếc đĩa tròn cùng loại.

Bà Marple kêu thất thanh khi nhận ra chúng.

“Lọ đựng muối,” bà nói. “Lọ đựng muối của nhà đại tá Protheroe, là đồ cổ có từ thời Charles đệ nhị, các ông đã nghe nói đến những món này bao giờ chưa?”

Viên thanh tra đỏ bừng mặt mũi.

“Ra là cái trò này,” ông ta lúng búng. “Ăn trộm. Nhưng chẳng ai trình báo mất những thứ này, tôi làm sao mà biết được cơ chứ!”

“Có thể họ còn chưa biết mình mất của,” tôi gợi ý. “Những vật quý thế này, người ta không dùng hàng ngày đâu, tôi đoán thế. Có thể đại tá Protheroe cất chúng trong két sắt.”

“Tôi phải điều tra vụ này,” viên thanh tra nói. “Giờ tôi đến Old Hall ngay đây. Thế là đã rõ vì sao tiến sĩ Stone của chúng ta lại lánh mặt đi xa. Nào là vụ giết người rồi chuyện này chuyện nọ, y ta sợ chúng ta nghe phong thanh những hoạt động của mình, và rất có khả năng những món đồ này sẽ bị truy tìm. Y vùi chúng vào trong quần áo rồi bảo cô gái mang vào rừng giấu. Một đêm nào đó, y dự định sẽ quay lại trong khi cô gái có mặt ở đây để đánh tan mọi nghi ngờ, và mang các thứ này đi. Chà, thế mà lại hay đấy, chứng tỏ y ta không liên quan gì đến vụ giết người. Một vụ hoàn toàn khác.”

Ông ta từ chối cốc rượu sherry do bà Marple mời, gói ghém chiếc vali rồi lên đường.

“À, thế là đã sáng tỏ một bí mật,” tôi thở dài nói. “Slack nói đúng, không có lý do để nghi ngờ ông Stone liên quan đến vụ mưu sát. Mọi việc xem như hoàn toàn rõ ràng.”

“Thực sự có vẻ là thế,” bà Marple nói. “Nhưng ta không bao giờ có thể chắc chắn hoàn toàn, đúng không?”

“Hoàn toàn thiếu động cơ,” tôi lưu ý. “Ông ta đã có được cái mình cần và tìm đường chuồn.”

“V — ăng.”

Rõ ràng bà Marple không hoàn toàn hài lòng, và tôi tò mò nhìn bà. Bà vội đáp trả cái nhìn dò hỏi của tôi với vẻ sốt sắng ngụ ý xin lỗi.

“Chắc chắn là tôi hoàn toàn sai rồi. Về những thứ này thì tôi dốt lắm. Nhưng tôi lại ngờ rằng — ý tôi là những món đồ bạc này rất quý giá đúng không mục sư?”

“Một món đồ cổ này theo tôi có giá hơn một ngàn bảng.”

“Tôi muốn nói — không phải về giá trị của kim loại.”

“Không, đó là điều người ta gọi là giá trị của người am hiểu.”

“Ý tôi cũng định nói thế. Muốn bán những vật này phải có thời gian thu xếp, hoặc ngay cả khi đã thỏa thuận rồi thì cũng không thể hoàn thành phi vụ mua bán nếu không giữ bí mật. Tôi muốn nói là — nếu vụ trộm bị phanh phui và gây dư luận, à, thì những món này hoàn toàn không thể mang ra mua bán được.”

“Tôi vẫn chưa hiểu bà muốn nói gì?”

“Tôi biết là mình nói không rõ ràng,” bà trở nên lúng túng vẻ có lỗi. “Nhưng theo tôi hình như những vật này không phải mới bị đánh cắp. Có thể hẳn ta đã tính chuyện đánh tráo các món này bằng hàng nhái, như thế vụ trộm mới không bị phát hiện.”

“Quả là ý nghĩ rất tài tình,” tôi nói.

“Chỉ có mỗi một cách đó thôi, đúng không? Và nếu đúng như vậy thì dĩ nhiên, như mục sư nói, một khi việc đánh tráo đã được thực hiện trót lọt thì sẽ không có lý do gì mà giết đại tá Protheroe — hoàn toàn ngược lại là đằng khác.”

“Chính xác, tôi cũng nghĩ vậy.”

“Vâng, nhưng tôi chỉ bán khoản thôi — tất nhiên là tôi không biết. Đại tá Protheroe thường hay rao cho mọi người biết những dự định của mình trước khi thực sự làm việc đó, nhiều lúc ông ta không làm, nhưng ông ta vẫn nói...”

“Vậy sao?”

“Ông ấy bảo sẽ nhờ người định giá mọi thứ đồ đạc nhà mình — sẽ mời người từ London về. Để làm di chúc — à không, đó là khi qua đời kia — để bảo hiểm cho chúng thôi. Có người khuyên ông ấy nên làm vậy. Ông ta nói nhiều về tầm quan trọng của việc định giá này. Tất nhiên tôi không rõ ông ấy đã thực sự thu xếp việc này chưa, nhưng nếu ông ta đã...”

“Tôi hiểu,” tôi nói chậm rãi.

“Tất nhiên, khi chuyên gia xem xét các món đồ bạc thì họ sẽ nhận ra, lúc ấy đại tá Protheroe nhớ lại đã cho tiến sĩ Stone xem các thứ ấy — tôi không biết có phải ngay lúc ấy chúng bị — nói thế nào nhỉ — bị phù phép không? Quá khôn ngoan — và thế là, như ông bà ta nói, sắp có chuyện gay cấn đây.”

“Tôi hiểu ý bà,” tôi đáp. “Theo tôi, chúng ta phải tìm ra sự thật.”

Lần nữa tôi lại gọi điện thoại, và chỉ trong vài phút tôi đã được nối máy đến Old Hall để nói chuyện với Anne Protheroe.

“Không, không có gì nghiêm trọng đâu. Ông thanh tra đã đến chưa ạ? À, vậy là ông ấy đang trên đường đi. Bà Protheroe ạ, bà có thể cho biết đồ đạc trong nhà đã có bao giờ được định giá chưa? Bà nói sao ạ?”

Câu trả lời của Anne ngắn gọn và rõ ràng. Tôi cảm ơn bà rồi gác máy và quay lại phía bà Marple.

“Vậy là đã rõ. Đại tá Protheroe có hẹn một người từ London xuống đây vào thứ hai — ngày mai — để định giá đồ đạc. Vì ông ấy qua đời nên việc này phải gác lại.”

“Thế thì đã có động cơ,” bà Marple nhẹ nhàng nói.

“Phải, có động cơ. Nhưng chỉ có thể thôi. Bà quên là khi súng nổ thì tiến sĩ Stone cũng vừa gặp những người khác, hoặc đang bước qua bậc trèo để

gặp họ sao?”

“Phải, điều ấy chứng tỏ ông ta ngoại phạm,” bà Marple trầm ngâm đáp.

Trở về nhà mục vụ thì tôi gặp Hawes đang chờ trong phòng làm việc. Cậu ta bồn chồn đi đi lại lại, và khi tôi bước vào cậu ta giật nảy mình như thể vừa trúng tên.

“Xin mục sư thứ lỗi cho em,” cậu ta vò trán. “Đầu óc em đang muốn nổ tung ra từng mảnh.”

“Bạn hữu ơi, nhất định cậu phải đi nghỉ để tĩnh dưỡng, nếu không cậu sẽ bị suy nhược mất thôi.”

“Em không thể rời bỏ nhiệm sở thừa mục sư. Không, không bao giờ em làm thế.”

“Đâu có rời bỏ nhiệm sở. Cậu đang bệnh mà. Ta chắc chắn bác sĩ Haydock cũng đồng ý với ta như vậy.”

“Haydock — Haydock! Bác sĩ gì ông ta cơ chứ! Lang băm dốt nát thì có!”

“Tôi nghĩ cậu bắt công với ông ấy rồi. Haydock luôn được xem là người rất có năng lực về chuyên môn.”

“Ô, rất có thể ông ta là bác sĩ giỏi, em dám nói thế. Nhưng em không ưa ông ta. Tuy nhiên đó không phải chuyện em định thừa với mục sư. Em đến để xin mục sư vui lòng thay em thuyết giảng tối nay. Em — thực sự cảm thấy không đảm đương nổi.”

“Sao, nhất định rồi, ta sẽ làm lễ thay cậu.”

“Không, không ạ, em vẫn muốn tổ chức buổi lễ, em hoàn toàn làm được mà. Chỉ có điều, nghĩ mình đứng trên bục giảng trước ngàn ấy người nhìn chăm chăm...”

Cậu ta nhắm nghiền mắt và cố sức kiềm nén cảm xúc. Rõ ràng có điều rắc rối lớn đang xảy ra với trợ tế Hawes. Dường như hiểu ý nghĩ của tôi, cậu ta mở choàng mắt và vội nói:

“Thật ra chẳng có chuyện gì nghiêm trọng cả. Chỉ là em bị nhức đầu — nhức muốn long cả óc thừa mục sư. Mục sư có thể cho em xin một cốc nước lọc được không ạ?”

“Được chứ,” tôi đáp và tự mình đi lấy nước. Ở nhà chúng tôi, có rung chuông gọi người hầu cũng vô ích.

Tôi mang nước đến cho Hawes. Cậu ta cảm ơn tôi rồi thò tay vào túi lấy ra một viên thuốc con nhộng đựng trong hộp giấy nho nhỏ và uống với nước.

“Thuốc nhức đầu ấy mà,” cậu ta giải thích.

Đột nhiên tôi tự hỏi không biết Hawes có nghiện ma túy không, điều đó có thể giải thích cho rất nhiều sự kỳ quặc của cậu ta.

“Cậu đừng uống nhiều quá nhé,” tôi nói.

“Ồ không, không đâu ạ, bác sĩ Haydock đã dặn em rồi. Nhưng loại này tốt lắm, uống vào một lúc là đỡ ngay.”

Quả là trông Hawes đã ổn và bình tĩnh trở lại. Cậu ta đứng lên.

“Vậy tối nay mục sư giảng nhé? Mục sư thật tốt bụng, thưa ngài.”

“Không có chi. Nhất định ta sẽ phụ trách trọn buổi lễ. Giờ cậu về nhà nghỉ ngơi đi. Không, không ý kiến tranh cãi gì, không nói thêm gì nữa nhé.”

Hawes lại cảm ơn tôi, rồi đôi mắt cậu ta lướt qua tôi trước khi nhìn ra cửa sổ:

“Mục sư — hôm nay ngài vừa đến Old Hall phải không ạ?”

“Phải.”

“Xin mục sư thứ lỗi — nhưng ngài được mời đến hay sao?”

Tôi ngạc nhiên nhìn Hawes khiến cậu ta đỏ mặt.

“Em xin lỗi mục sư. Chỉ là em — em nghĩ chắc là có phát hiện thêm manh mối gì đó nên bà Protheroe mới mời ngài đến.”

Tôi không hề có ý làm thỏa mãn tính hiếu kỳ của Hawes.

“Bà ấy muốn bàn bạc với ta về việc tổ chức lễ tang và một vài việc linh tinh khác,” tôi đáp.

“À, ra thế. Em hiểu rồi.”

Tôi lặng thinh. Hawes bồn chồn cựa quậy một lúc rồi nói:

“Tối hôm qua ông Redding đến tìm em. Em — em không hiểu là do đâu.”

“Ông ta không nói gì với cậu à?”

“Ông ta — ông ta chỉ nói là muốn đến thăm em, rằng cứ chiều chiều là ông ấy cảm thấy hơi cô đơn. Trước giờ ông ta chưa từng làm thế.”

“À, làm bạn với ông ta cũng hay lắm đấy,” tôi mỉm cười.

“Ông ta muốn đến thăm em để làm gì cơ chứ? Em không thích việc ấy!” Giọng cậu ta bỗng rít lên. “Ông ta nói sẽ ghé lại thăm em lần nữa. Chuyện này là thế nào? Mục sư có đoán được ông ta đang nghĩ gì trong đầu không?”

“Vì sao cậu lại cho rằng ông Redding có lý do ngấm ngầm nào đó mà không nói ra?”

“Em không thích việc ấy,” Hawes bướng bỉnh lặp lại. “Em chưa bao giờ chống lại ông ấy về bất cứ điều gì. Em cũng chưa từng cho rằng ông ấy phạm tội, thậm chí khi ông ta tự nộp mình thì em cũng bảo chuyện ấy không sao hiểu nổi. Nếu em có nghi ngờ ai thì đó là Archer — chứ chẳng bao giờ là ông ấy. Archer là trường hợp hoàn toàn khác hẳn — một tên lưu manh vô thần, một kẻ đê tiện say xỉn.”

“Cậu có nghĩ rằng mình khất khe quá không?” tôi nói. “Dù sao thì chúng ta cũng biết rất ít về con người ấy.”

“Một tên sẵn trộm vào tù ra tội thì có khả năng làm bất cứ chuyện gì.”

“Cậu thực sự nghĩ rằng anh ta bắn đại tá Protheroe ư?” tôi tò mò hỏi.

Hawes có tật thâm căn cố đế là không thích trả lời có hay không, gần đây tôi đã vài lần nhận ra điều đó.

“Vậy bản thân ngài có nghĩ đó là đáp án hợp lý duy nhất không thừa mục sư?”

“Theo ta biết thì không có bằng chứng nào để kết tội anh ta cả.”

“Thì những lời hăm dọa của hắn đó, mục sư quên rồi sao?” Hawes hăm hờ nói.

Tôi mệt đến phát ốm khi nghe chuyện Archer hăm dọa ông đại tá. Theo như tôi hiểu thì không hề có chứng cứ trực tiếp nào cho thấy hắn ta làm điều

đó.

“Hắn ta kiên quyết trả thù đại tá Protheroe cho bằng được. Hắn nốc rượu vào rồi bắn ông ta.”

“Đó chỉ là giả thuyết mà thôi.”

“Nhưng mục sư có công nhận có thể hoàn toàn như vậy không ạ?”

“Không, ta không nghĩ thế.”

“Nhưng vậy cũng hợp lý chứ?”

“Hợp lý thì có.”

Hawes liếc nhìn tôi.

“Vậy sao mục sư lại không nghĩ chuyện ấy có thể xảy ra chứ?”

“Bởi vì một người như Archer không thể nghĩ đến việc giết người bằng súng lục. Loại vũ khí ấy không hợp với anh ta.”

Lý lẽ của tôi dường như khiến Hawes sửng sốt. Rõ ràng anh ta không mong chờ lời phản bác ấy.

“Mục sư nghĩ lý lẽ ấy có khả thi không?” cậu ta ngờ vực hỏi.

“Theo ta nghĩ thì điều ấy hoàn toàn bác bỏ việc Archer phạm tội,” tôi đáp.

Trước sự quyết đoán tuyệt đối của tôi, Hawes không nói gì thêm. Cậu ta cảm ơn tôi lần nữa rồi ra về. Tôi đưa Hawes ra cửa, và thấy có bốn bức thư để trên bàn ở sảnh ngoài. Những bức thư này có đặc điểm giống nhau là toàn nét chữ phụ nữ và đều mang tiêu đề ‘Thư tay, khẩn’, chỉ có một điểm khác biệt là có một bức bị lấm bẩn so với các bức còn lại.

Sự giống nhau ấy khiến tôi ngạc nhiên — không phải gấp đôi, mà gấp tới bốn lần.

Mary từ nhà bếp lên và trông thấy tôi chăm chăm nhìn những lá thư.

“Đem tới từ hồi ăn trưa,” cô ta vọt miệng. “Chỉ có một cái là trong thùng thư.”

Tôi gạt đầu rồi gom hết mang vào phòng làm việc. Thư đầu tiên viết như sau:

MỤC SƯ CLEMENT KÍNH MẾN,

Tôi vừa hay một tin mà tôi thấy cần phải thưa cùng mục sư. Nó liên quan đến cái chết của đại tá Protheroe đáng thương. Tôi rất cần lời khuyên của mục sư là có nên báo cảnh sát hay không. Từ khi ông nhà tôi qua đời, tôi luôn tránh dính líu đến chuyện thiên hạ. Chiều nay mục sư có thể đến thăm tôi một vài phút được không ạ?

Kính thư,

MARTHA PRICE RIDLEY.

Tôi mở bức thư thứ hai:

KÍNH MỤC SƯ CLEMENT,

Tôi rất bối rối - rất lo lắng - không biết phải làm gì đây. Tôi vừa chứng kiến một việc mà tôi cảm thấy quan trọng, tuy nhiên nghĩ tới phải dính dáng với cảnh sát thì tôi hãi lắm. Tôi vô cùng lúng túng và rầu rĩ. Mục sư kính mến, liệu tôi có thể mời ngài ghé qua nhà chốc lát để giúp tôi giải tỏa mỗi ngày vực và lo âu theo cách tuyệt vời mà mục sư vẫn thường làm bấy nay không ạ?

Xin thứ lỗi vì tôi đã làm phiền mục sư,

Nay kính,

CAROLINE WETHERBY.

Đến thư thứ ba thì tôi cảm thấy hầu như mình đã biết trước nội dung.

KÍNH GỬI MỤC SƯ CLEMENT,

Tôi vừa nghe được một việc cực kỳ quan trọng mà theo tôi mục sư phải là người đầu tiên được biết. Tôi mời mục sư chiều nay lúc nào rỗi thì đến gặp tôi. Tôi sẽ ở nhà chờ mục sư.

Thư của ‘chiến binh’ này ký tên AMANDA HARTNELL. Tôi mở lá thư tư. May mắn cho tôi là lâu nay rất ít bị thư nặc danh làm phiền. Với tôi, thư nặc danh là thứ vũ khí hiểm độc và hèn hạ nhất. Lá thư này cũng không ngoại lệ. Thư làm ra vẻ được viết bởi một người thất học, nhưng có một vài điểm khiến tôi không tin vào sự giả vờ này.

MỤC sƯ THÂN,

Tui nghĩ ông phải biết chiện gì đang xảy ra. Tui mới bắt gặp dợ ông lén lút chui ra khỏi nhà ông Redding. Ông hiu tui nói gì không. Họ đang cặp bồ dí nhau, ông cần phải biết đó nha.

MỘT NGƯỜI BẠN.

Tôi khẽ kêu lên kinh tởm rồi vò tờ giấy ném vào lò sưởi, cũng vừa lúc Griselda bước vào phòng.

“Mình vừa ném cái gì mà có vẻ nghiêm trọng thế?” Nàng hỏi.

“Rác ấy mà,” vừa đáp tôi vừa rút bao diêm ra khỏi túi và khom mình bật một que. Nhưng Griselda còn nhanh tay hơn tôi, nàng cúi xuống chộp lấy tờ giấy bị vò nhàu và vuốt phẳng phiu trước khi tôi kịp ngăn lại.

Đọc xong thư, nàng cũng kêu lên kinh tởm rồi vứt trả lại cho tôi và quay mặt đi. Tôi bật diêm rồi nhìn bức thư bốc cháy.

Griselda đi về phía cửa hông và đứng nhìn ra sân.

“Len ạ,” nàng nói mà không quay lại.

“Gì thế mình?”

“Em muốn nói với mình một việc. Mình đừng ngăn em nhé, xin mình đấy. Khi — khi Lawrence mới đến đây, em bảo với mình là trước đây em chỉ quen anh ta sơ sơ thôi. Thật ra không phải vậy. Em — em biết anh ta khá rõ. Trước khi gặp mình, em đã — yêu anh ta, và em nghĩ cũng nhiều người yêu Lawrence như em vậy. Có một thời — à — em rất si mê anh ta. Ý em không phải là viết cho anh ta những lá thư nào tình hay làm chuyện đại khờ ngốc nghếch như trong truyện đâu. Nhưng đã có lúc em si mê anh ta.”

“Sao mình không nói anh biết chuyện này?”

“Ô! Vì sao à? Em cũng chẳng biết nữa, ngoại trừ một việc là — à, là vì nhiều khi mình ngốc lắm! Chỉ là vì mình lớn tuổi hơn em nhiều, mình nghĩ em sẽ — à, em sẽ có thể thích người khác. Em sợ biết đâu mình sẽ bực bội về việc em và Lawrence đã từng là bạn bè với nhau.”

“Mình quả là khéo khôn ngoan che đậy,” tôi nói khi nhớ lại những gì nàng đã nói với tôi hồi tuần trước cũng trong căn phòng này, cả cái vẻ chân thật

hết sức tự nhiên của nàng lúc ấy.

“Vâng, em luôn biết giấu giếm mọi việc mình ạ. Mà em thích thế đấy.” Giọng nàng đầy thích thú như đứa trẻ con. Nhưng những gì em nói đây là hoàn toàn đúng sự thật. Em không biết chuyện của Anne, và em cũng tự hỏi vì sao Lawrence lại thờ ơ đến thế, anh ta chẳng chú ý gì đến em cả. Em không chấp nhận điều đó.”

Một phút lặng thinh.

“Mình có hiểu không, Len?” Griselda băn khoăn hỏi.

“Có, anh hiểu mà,” tôi đáp.

Nhưng có thực sự là tôi hiểu không nhỉ?

Thật khó mà giữ bỏ vết hằn do lá thư nặc danh kia để lại. Quả là trò bôi bẩn!

Tuy vậy, tôi vẫn gom ba lá thư còn lại, xem đồng hồ rồi lên đường, tự nhủ không rõ cái điều cả ba quý bà cùng lúc ‘biết được’ kia là điều gì. Tôi nghĩ là cùng một sự việc. Ở đây, tôi phải thừa nhận là về tâm lý mình đã có sự nhầm lẫn.

Không chủ định, nhưng bước chân tôi cứ bị lôi về hướng đồn cảnh sát. Tôi nóng lòng muốn biết Thanh tra Slack đã từ Old Hall về chưa. Đến nơi, tôi thấy ông ta đã về, và cả cô Cram cũng trở về với ông ta. Cô Gladys xinh đẹp ngồi ở đồn cảnh sát đang tỏ vẻ kiêu căng ngạo mạn và tuyệt đối bác bỏ việc mình mang vali vào rừng.

“Chỉ vì một bà già ngồi lê đôi mách chẳng biết làm gì ngoài việc suốt đêm nhóng cổ nhìn ra cửa sổ mà ông đổ riết vụ này cho tôi sao? Nhớ lại coi, bà ta đã một lần nói tầm bậy là nhìn thấy tôi đứng ở cuối đường làng vào buổi chiều xảy ra án mạng; ban ngày ban mặt mà còn trông gà hóa cuốc thì dưới ánh trăng làm sao nhận ra tôi chứ! Cái lối cư xử của quý bà ở làng này thiệt hết sức tồi tệ, hễ muốn nói gì là nói à. Còn tôi thì hôm đó tôi đang ngủ ngon lành trên giường. Các ông phải biết xấu hổ chứ, cả đám mấy ông đó!”

“Giả sử bà chủ nhà trọ Blue Boar xác nhận chiếc vali ấy là của cô thì sao, cô Cram?”

“Nếu bà ta mà nói vậy thì bà ta sai bét. Trên vali đâu có ghi tên! Mà hầu như ai cũng có loại vali đó. Còn với tiến sĩ Stone, biết bao công trình mang tên ông ấy, vậy mà mấy ông dám kết tội người ta như thằng ăn cắp vặt!”

“Vậy cô từ chối giải thích chuyện này với chúng tôi sao cô Cram?”

“Hổng có từ chối gì hết. Ông sai rồi, có vậy thôi. Ông và cái bà Marple chuyên chỗ mở vào chuyện thiên hạ đó. Tôi sẽ không nói thêm một

lời nào — nếu không có mặt luật sư của tôi. Nếu ông không định bắt tôi thì bây giờ tôi về đây.”

Thay cho câu trả lời, viên thanh tra đứng dậy mở cửa, và cô Cram ngẩng cao đầu bước ra.

“Cô ta cứ khăng khăng như thế,” Slack vừa trở lại chỗ ngồi vừa nói. “Phủ nhận hoàn toàn. Mà dĩ nhiên bà già ấy cũng có thể nhìn lầm. Không quan tòa nào tin anh nhận diện được một người từ khoảng cách xa dưới ánh trăng. Và dĩ nhiên như tôi đã nói, có thể bà ấy đã nhầm lẫn.”

“Có thể thôi, nhưng tôi không nghĩ bà ấy nhầm,” tôi nói. “Thường thì bà Marple luôn đúng, chính vì vậy mà nhiều người không ưa bà ấy.”

Viên thanh tra toét miệng cười.

“Hurst cũng nói vậy đó. Chúa ơi, cái làng này!”

“Về đồ bạc thì sao rồi, thanh tra?”

“Mọi việc có vẻ hoàn toàn đầu vào đây. Dĩ nhiên một trong hai bộ phải là hàng nhái. Ở Much Benham có một chuyên gia cao cấp về đồ bạc cổ, tôi đã gọi cho ông ta và cho xe đi đón ông ta rồi. Chúng ta sẽ sớm biết tên trộm đã đánh tráo các món ấy chưa hay chỉ mới dự định, mà dù đảng nào thì cũng không làm khác đi cái việc — ý tôi là việc chúng ta đang quan tâm. So với án mạng thì vụ trộm chỉ là chuyện nhỏ, và hai người ấy không liên quan gì đến việc giết người. Thông qua cô gái, ta có thể nắm thông tin về hắn ta — tôi để yên cho cô ta đi là vì vậy đó.”

“Tôi ngờ lắm,” tôi nói.

“Khổ thân ông Redding. Ít thấy người nào lại vô cớ nhận tội như ông ta.”

“Tôi lại không nghĩ vậy,” tôi cười nhẹ.

“Phụ nữ gây ra lắm phiền phức,” ông thanh tra lên mặt dạy đời.

Ông ta thở dài và nói tiếp trước sự ngạc nhiên của tôi: “Dĩ nhiên, là Archer.”

“Ồ, ông cho là anh ta ư?”

“Sao chứ, đương nhiên rồi, ngay từ đầu tôi đã nghĩ thế. Chẳng cần thư nặc danh thì anh ta mới lọt vào tầm ngắm của tôi đâu.”

“Thư nặc danh à,” tôi hỏi ngay. “Vậy ông có nhận được thư nặc danh nào không?”

“Chuyện đó thì có gì lạ đâu mục sư. Mỗi ngày chúng tôi nhận ít ra cũng cả chục lá ấy chứ.Ồ vâng, người ta đã tố giác Archer với chúng tôi. Cứ như cảnh sát không tự tìm ra vậy! Archer là nghi can đầu tiên, nhưng rắc rối là ở chỗ hẳn ta có chứng cứ ngoại phạm. Không phải là do không có liên quan mà phiền nỗi chứng cứ ấy có thể giúp hẳn thoát tội.”

“Ý ông rốt cuộc hẳn ta không liên quan, nghĩa là sao?” tôi hỏi.

“Chà, hình như cả chiều hôm ấy hẳn ngồi với hai thằng bạn. Như tôi vừa nói, chuyện đó không nghĩa lý gì mấy, vì hạng người như Archer và lũ bạn hẳn có thể thề thốt bất cứ chuyện gì. Bọn ấy thì đến một lời cũng không tin được, chúng tôi biết rõ mà. Nhưng công chúng thì không hiểu điều đó, và đáng tiếc là tòa lại tin vào công chúng. Họ chẳng biết gì cả, cứ hễ có người đứng ở ghế nhân chứng nói gì là họ tin ngay lập tức, cho dù đó là ai. Và lẽ dĩ nhiên thằng Archer sẽ thề sống thề chết là hẳn ta không phạm tội.”

“Anh ta không được sốt sắng như ông Redding nhỉ?” tôi mỉm cười.

“Không phải ông ấy đâu,” viên thanh tra nói chắc như đinh đóng cột.

“Ai cũng muốn sống, tôi hiểu chứ,” tôi trầm ngâm.

“Nếu mục sư biết có những tên sát nhân thoát tội nhờ biết cách làm bồi thẩm đoàn mù lòng thì ông sẽ ngạc nhiên đó,” thanh tra rầu rĩ nói.

“Nhưng ông thực sự tin rằng Archer là thủ phạm sao?” tôi hỏi.

Ngay từ đầu tới giờ tôi lấy làm lạ là dường như Slack chưa hề có ý kiến riêng về vụ mưu sát này. Ông ta chỉ quan tâm đến việc tìm cách kết tội dễ hay khó mà thôi.

“Tôi muốn chắc chắn hơn một chút nữa,” Slack thú nhận. “Một dấu vân tay hoặc dấu chân của hẳn, hoặc giả có ai nhìn thấy hẳn ở gần hiện trường vào thời điểm xảy ra án mạng. Vì không thể đánh liều tống giam hẳn mà không có bằng chứng. Hẳn bị bắt gặp một đôi lần lang vãng quanh nhà ông Redding, nhưng hẳn khai là đến gặp mẹ mình. Bà ta là người tử tế. Không, nói chung tôi ngờ bà phu nhân kia. Giá như tôi có chứng cứ xác thực về vụ tống tiền — nhưng trong vụ này ta không tìm ra bất cứ bằng chứng xác thực

nào! Toàn là lý thuyết với giả định thôi. Thật đáng buồn là chẳng có bà cô già nào sống dọc theo con đường trước nhà mục vụ, chứ nếu có thì tôi dám cá sẽ xảy ra chuyện gì thì bà ta đã nhìn thấy ngay, mục sư Clement ạ.”

Lời của Thanh tra Slack khiến tôi nhớ đến các lời mời, và tôi cáo từ ông ta. Đây là dịp hiếm hoi tôi gặp thanh tra lúc ông ta đang vui vẻ.

Người đầu tiên tôi đến thăm là bà Hartnell. Chắc bà ta đã đứng chờ tôi bên cửa sổ, vì tôi chưa kịp nhấn chuông thì bà đã mở cửa chính và siết chặt tay tôi rồi đưa tôi bước qua thềm nhà.

“Quý hóa quá! Mời mục sư vào đây cho kín đáo hơn.”

Chúng tôi bước vào một căn phòng nhỏ xíu như cái lồng gà. Bà Hartnell đóng cửa và ra vẻ tuyệt mật, bà vẫy tay ra hiệu mời tôi ngồi xuống một chiếc ghế (trong phòng chỉ có ba chiếc). Tôi nhận thấy bà đang hứng thú.

“Tôi chẳng bao giờ thích nói vòng vo,” giọng bà vui vẻ, sau đó giảm bớt cho phù hợp tình huống. “Trong cái làng này, mọi chuyện lan truyền như thế nào thì chắc mục sư đã biết.”

“Thật đáng tiếc là tôi có biết.”

“Tôi đồng ý với mục sư. Không ai ghét chuyện ngồi lê đôi mách bằng tôi đâu. Nhưng mà có chuyện, nên tôi nghĩ phải có nhiệm vụ báo cho thanh tra cảnh sát biết. Buổi chiều xảy ra án mạng, tôi ghé qua nhà bà Lestrangle nhưng bà ta đi vắng. Tôi chẳng mong người ta cảm ơn mình về việc ấy, đơn giản là tôi làm nhiệm vụ. Nói chung đời này sao lắm kẻ vô ơn. Tại sao hôm qua cái bà Baker vô liêm sỉ ấy...”

“Vâng, vâng,” tôi nói mong ngăn chặn tràng đả kích quen thuộc ấy. “Vâng, thật tệ, tệ quá đi. Nhưng bà đang nói...”

“Bọn tầng lớp dưới chẳng biết ai là bạn tốt,” bà Hartnell nói. “Bao giờ đến thăm ai tôi cũng ăn nói đúng mực. Không phải vì tôi cần người ta cảm ơn.”

“Bà đã báo ông thanh tra về việc đến nhà bà Lestrangle,” tôi nhắc.

“Đúng thế — mà ông ta có cảm ơn tôi đâu ạ. Bảo là khi nào cần thì sẽ hỏi thêm — không nguyên văn câu chữ, nhưng tinh thần là thế. Bây giờ cảnh sát cũng có loại này loại nọ nhỉ.”

“Chắc chắn là thế,” tôi nói. “Nhưng bà định nói điều gì?”

“Lần này tôi quyết định không bèn mảng đến gần bất cứ loại thanh tra tòi tệ nào nữa. Nói cho cùng thì chỉ có thầy tu mới đáng mặt quý ông — ít ra có một vài người như thế,” bà nói thêm.

Tôi hiểu sự đánh giá có ý bao hàm cả tôi trong đó, vì thế tôi mở lời:

“Giá mà tôi có thể giúp được gì cho bà.”

“Đây là vấn đề bốn phận,” bà Hartnell nói rồi chép miệng rõ to. “Tôi không muốn nói những chuyện như thế này, mà cũng chẳng ai muốn. Nhưng bốn phận vẫn là bốn phận.”

Tôi chờ đợi.

“Người ta bảo tôi rằng bà Lestrangle tuyên bố hôm ấy bà ta ở nhà suốt ngày,” bà Hartnell hơi đỏ mặt nói tiếp, “rằng sở dĩ bà ta không trả lời là vì — à, là vì bà ta không muốn mà thôi. Làm ra vẻ ta đây quý phái lắm ấy! Tôi chỉ vì bốn phận mà đến, vậy mà bà ta lại đối xử với tôi như thế đó!”

“Bà ấy đang bị bệnh,” tôi ôn tồn nói.

“Bệnh à? Láo toét. Mực sư quá thanh cao rồi, thừa mực sư Clement. Bà ta chẳng ốm đau gì sất. Bệnh quá nên mới không đến dự buổi cho lời khai chứ gì! Lại còn có cả giấy chứng nhận của bác sĩ nữa! Ai chẳng biết bà ta xỏ mũi ông Haydock cơ chứ. À, tôi nói đến đâu rồi nhỉ?”

Tôi hoàn toàn chẳng biết. Với bà Hartnell, khó mà biết đâu là lời tường thuật và đâu là lời phỉ báng lăng mạ.

“Ô, đến đoạn tôi ghé nhà bà ta chiều hôm ấy. Nói bà ta có mặt ở nhà là đối trá. Bà ta đi vắng, tôi biết chắc.”

“Làm thế nào bà biết được?”

Mặt bà Hartnell càng ửng đỏ hơn. Với cái kiểu ít nhiều hung hăng như bà thì thái độ đó có thể gọi là đang bối rối.

“Tôi gõ cửa rồi nhấn chuông hai ba lần,” bà giải thích. “Rồi tôi chợt nghĩ biết đâu chuông bị hỏng.”

Tôi buồn cười vì thấy bà Hartnell không dám nhìn thẳng vào tôi khi nói điều này. Nhà chúng tôi được xây dựng một kiểu hệt như nhau, và khách đứng nhấn chuông ở cửa chính bao giờ cũng nghe rõ tiếng chuông kêu. Cả

bà Hartnell và tôi đều biết rõ điều đó, nhưng vì lịch sự nên tôi vờ không biết, chỉ lẩm bẩm:

“Thế ư?”

“Tôi không muốn bỏ danh thiếp vào hộp thư vì như thế có vẻ khiếm nhã, mà dù gì đi nữa thì tôi cũng chưa bắt lịch sự bao giờ.”

Bà ta tuyên bố điều đáng ngạc nhiên ấy mà không hề chớp mắt.

“Vậy nên tôi nghĩ mình nên đi một vòng quanh nhà — và gõ vào cửa kính,” bà trơ trẽn nói tiếp. “Tôi đánh một vòng và nhìn vào tất cả các cửa sổ, nhưng chẳng có ai trong nhà cả.”

Giờ tôi đã hoàn toàn hiểu ý bà Hartnell. Lợi dụng lúc cả nhà đi vắng, bà không cưỡng được thói tò mò nên đã đi vòng quanh, quan sát khu vườn, thăm soi tất cả các cửa sổ và tìm cách nhìn vào trong. Bà ta chọn tôi để kể lại chuyện này vì tin rằng tôi dễ đồng cảm và khoan dung hơn là cảnh sát. Là mục sư, hễ còn nghi ngờ thì không buộc tội giáo dân.

Tôi không bình luận gì về tình huống này mà chỉ hỏi:

“Lúc ấy là mấy giờ, bà Hartnell?”

“Theo tôi nhớ thì khoảng gần sáu giờ. Ngay sau đó tôi quay về thẳng và đến nhà khoảng sáu giờ mười phút, rồi bà Protheroe ghé qua khoảng sáu giờ rưỡi, chúng tôi nói về việc trồng hành, còn tiến sĩ Stone và ông Redding thì đang ở bên ngoài. Và trong khoảng thời gian ấy ông đại tá đáng thương gục chết. Cuộc đời mới buồn làm sao!”

“Đôi khi cuộc đời còn xấu xa nữa,” tôi nói.

Rồi tôi đứng dậy.

“Đó là tất cả những gì bà muốn nói với tôi phải không?”

“Tôi chỉ nghĩ điều đó có thể rất quan trọng.”

“Có lẽ thế,” tôi tán thành.

Và không muốn bị lôi kéo thêm, tôi cáo từ trước sự thất vọng của bà Hartnell.

Người kế tiếp tôi đến thăm là bà Wetherby thì đón tôi với vẻ run rẩy như đang bị kích động.

“Kính mục sư, ông tử tế quá. Mục sư đã dùng trà chưa ạ? Thế à, mục sư không uống trà sao? Tắm đệm lưng đây ạ. Mục sư đến ngay thật là quý hóa. Bao giờ mục sư cũng sẵn lòng vì mọi người.”

Cứ đông dài hồi lâu như thế, ngay cả khi chúng tôi vào chuyện thì bà vẫn nói vòng vo tam quốc:

“Mục sư phải hiểu là tôi nghe được chuyện này từ nguồn tin đáng tin cậy nhất đấy.”

Ở St. Mary Mead này, nguồn tin đáng tin cậy nhất còn từ ai khác ngoài các cô hầu!

“Bà không thể cho tôi biết là ai nói điều này với bà sao?”

“Kính mục sư, tôi đã hứa với họ rồi, và bao giờ tôi cũng xem lời hứa là thiêng liêng.”

Trông bà rất nghiêm nghị:

“Cứ xem như có người mách với tôi, thế có được không thưa mục sư?”

‘Thật ngu xuẩn quá mức!’ Tôi những muốn thốt lên như thế. Ước gì tôi đã buột miệng nói, tôi chỉ muốn quan sát lời nói ấy tác động thế nào đến bà Wetherby.

“À, người ấy bảo rằng cô ta trông thấy một bà nọ, mà tôi cũng không nói tiện nói tên.”

“Lại một chị chèo bẻo khác nữa ư?” tôi hỏi.

Bà Wetherby bỗng phá lên cười ngặt nghẽo rồi vui vẻ vỗ vai tôi khiến tôi hết sức ngạc nhiên:

“Ôi, mục sư oi, ông đừng có bông đùa như thế.”

Rồi bà nói tiếp sau khi đã ngưng cười:

“Một bà quý tộc, và mục sư có biết cái bà ấy đi đâu không? Bà ta đi về phía nhà mục vụ, nhưng trước đó bà ta len lén trông trước ngó sau suốt con đường — kỳ quặc lắm — để xem có ai quen biết nhận ra bà ta không, tôi nghĩ thế.”

“Còn cô chèo bẻo kia thì đi đâu?” tôi hỏi.

“Đến thăm chàng bán cá — ở căn phòng phía trên cửa hàng cá.”

Giờ thì tôi đã biết các cô hầu đi đâu vào những ngày nghỉ việc. Có một chỗ các cô không bao giờ đến nếu có thể tránh được — là bất cứ chốn thanh thiên bạch nhật nào.

“Và lúc đó là gần sáu giờ đúng,” bà Wetherby nghiêng mình ra chiều bí mật.

“Vào ngày nào?”

“Tất nhiên là ngày xảy ra vụ giết người, tôi đã chẳng nói thế sao?” bà Wetherby khẽ kêu lên.

“Tôi đoán ra rồi,” tôi trả lời. “Quý bà ấy danh tính là chi?”

“Bắt đầu bằng chữ L,” bà Wetherby mấy bận gục gặc đầu. Cảm thấy đã nắm hết các thông tin bà Wetherby cung cấp, tôi bèn đứng dậy.

“Mục sư đừng để cảnh sát gọi tôi đến đối chất mục sư nhé,” bà Wetherby vừa đưa cả hai tay siết chặt tay tôi vừa cất giọng lâm li thống thiết. “Tôi rất ngại để thiên hạ biết chuyện này. Và cả chuyện phải đứng trước tòa nữa!”

“Trong những trường hợp đặc biệt, người ta cho phép nhân chứng được ngồi mà,” tôi nói rồi chuồn thẳng.

Còn phải đến thăm bà Price Ridley nữa. Quý bà này ngay lập tức giao nhiệm vụ cho tôi:

“Tôi không muốn dính líu đến công việc của cảnh sát hay tòa án, mục sư hiểu chứ?” bà nói giọng kiên quyết sau khi hờ hững bắt tay tôi. “Mặt khác, vì tôi tình cờ biết được một sự việc chưa được giải thích, nên tôi nghĩ cần phải báo cho nhà chức trách biết.”

“Chuyện có liên quan đến bà Lestrangle phải không?” tôi hỏi.

“Sao lại liên quan đến bà ấy?” bà Price Ridley lạnh nhạt vắn lại.

Đến đây thì bà đặt tôi vào tình thế bất lợi.

“Là một việc hết sức đơn giản,” bà nói tiếp. “Clara, con hầu nhà tôi, lúc ấy đang đứng ở cổng nhà — nó bảo ra cổng vài phút cho thoáng đăng. Tôi phải nói là không đúng thế đâu. Nhiều khả năng là nó đang chờ thẳng bán cá — cái thẳng ranh con càn rỡ mặt dày mày dạn cứ ngỡ mình mười bảy tuổi là bạ đứa con gái nào cũng trêu chòng đợc. Dù sao thì như tôi đã nói, nó đang đứng ở cổng thì chợt nghe một tiếng hắt hơi.”

“Vâng,” tôi nói, và chờ nghe thêm.

“Có vậy thôi. Tôi thưa với mục sư rằng con bé ấy nghe một tiếng hắt hơi. Mà mục sư đừng cho rằng tôi già cả nên lú lẫn nhé, vì đây là Clara nghe thấy, mà nó chỉ mới mười chín tuổi thôi.”

“Nhưng vì sao cô ấy phải nghe tiếng hắt hơi?” tôi hỏi.

Bà Price Ridley nhìn tôi, lộ rõ vẻ thương hại cho đầu óc ngu muội của tôi.

“Vào ngày xảy ra án mạng, nó nghe thấy tiếng hắt hơi vào thời điểm trong nhà mục vụ không có ai cả. Chắc chắn kẻ giết người đang nấp trong bụi rậm chờ cơ hội ra tay. Điều mục sư cần làm là tìm ra một người đang bị cảm lạnh.”

“Hoặc là một người bị bệnh sốt mùa hè,” tôi gợi ý. “Nhưng thật ra tôi nghĩ có thể giải mã bí mật này rất dễ dàng. Cô hầu Mary nhà chúng tôi đang bị nhức đầu sổ mũi. Gần đây quả là cô ấy cứ sụt sịt mãi khiến chúng tôi phát mệt. Chắc hẳn cô hầu nhà bà đã nghe thấy tiếng hắt hơi của cô ấy.”

“Là tiếng hắt hơi của đàn ông cơ,” bà Price Ridley quả quyết. “Và từ cổng nhà chúng tôi thì không thể nghe tiếng cô hầu bên nhà mục vụ hắt hơi từ trong bếp đợc.”

“Từ bên cổng nhà bà, cũng không thể nghe đợc tiếng hắt hơi trong phòng làm việc đợc,” tôi nói. “Chí ít thì với tôi điều này cũng rất đáng ngờ.”

“Tên kia có thể đang nấp trong bụi rậm. Chắc chắn khi Clara trở vào thì hẳn mới thừa cơ lên vào nhà mục vụ bằng cửa trước.”

“À, tất nhiên điều đó có thể xảy ra,” tôi nói.

Tôi cố không tỏ ra nhỏ nhẹ, nhưng tôi đã thất bại, vì bà Price Ridley trừng trừng nhìn tôi:

“Tôi đã quen với việc nói mà chẳng ai thèm nghe, nhưng tôi cũng có thể nhắc tới chuyện một cây vợt tennis bị vứt lăn lóc trên bãi cỏ mà bọn nhà báo không làm nó hư hại. Mà thời buổi này thì vợt tennis đắt tiền lắm.”

Cái lỗi đá xéo này thật chẳng ra làm sao, khiến tôi cực kỳ lúng túng.

“Nhưng có thể mục sư không tin,” bà Price Ridley nói.

“Ồ, tôi tin chứ — chắc chắn là tin mà!”

“Vậy thì tôi rất mừng. Tất cả chỉ có thế. Tôi chẳng chịu trách nhiệm gì về vụ này nữa.”

Bà ngả người ra phía sau, nhắm nghiền mắt như không còn quan tâm hứng thú gì với cuộc đời này. Tôi cảm ơn bà và từ biệt.

Ra đến cửa, tôi đánh bạo hỏi Clara về việc bà chủ cô ta nói.

“Hoàn toàn đúng như vậy, thưa mục sư, con nghe tiếng át-xì. Mà không phải át-xì bình thường đâu — không giống chút nào.”

Có điều gì liên quan đến tội ác mà lại bình thường đâu cơ chứ. Tiếng súng cũng không bình thường. Tiếng hắt hơi cũng không bình thường. Tôi đoán chừng là tiếng hắt hơi đặc biệt của kẻ sát nhân. Tôi bèn hỏi cô gái việc ấy xảy ra lúc nào, nhưng cô ta rất mơ hồ — đâu khoảng sáu giờ mười lăm hay sáu rưỡi gì đó, cô ta áng chừng. Dù sao thì cũng ‘trước khi bà chủ nhận điện thoại và phát bệnh’.

Tôi hỏi cô đã từng nghe tiếng nổ bao giờ chưa thì cô đáp tiếng nổ kinh khủng lắm. Sau câu trả lời ấy, tôi thấy khó mà tin vào lời phát biểu của cô.

Khi về tới cổng nhà mình, tôi quyết định đến thăm một người bạn. Liếc nhìn đồng hồ, tôi thấy mình chỉ còn đủ thời gian cho việc này trước khi làm lễ chiều. Tôi đi về phía nhà Haydock. Bác sĩ ra tận cửa đón tôi.

Một lần nữa, tôi lại thấy Haydock lo lắng và phờ phạc. Vụ án này khiến ông già sạm đi thấy rõ.

“Rất vui được gặp mục sư,” ông nói. “Có tin gì mới không?”

Tôi kể cho Haydock nghe phát hiện mới về Stone. “Một tên trộm cao cấp,” ông bình luận. “Chà, điều này sẽ làm sáng tỏ nhiều việc đây. Hẳn ta đã nghiên cứu kỹ bài bản, nhưng theo tôi thì đôi lúc hẳn ta cũng sơ hở. Đã có lần Protheroe suýt bắt quả tang hẳn rồi ấy chứ. Hẳn mục sư nhớ việc họ đã cãi nhau. Còn về cô gái thì mục sư nghĩ sao? Cô ta có dính vào vụ này không?”

“Tôi chưa thể kết luận. Riêng về phần mình, tôi nghĩ cô ấy không liên can.”

Rồi tôi nói thêm: “Cô ta dốt đặc ấy mà.”

“Ồ, tôi không nghĩ vậy đâu. Cái cô nàng Gladys Cram ấy, cô ta sắc sảo khôn ngoan lắm. Loại người cực kỳ mạnh khỏe, chẳng bao giờ làm phiền đến ngành y chúng tôi.”

Tôi bảo Haydock rằng mình đang lo lắng về Hawes, và tôi thiết tha mong cậu ấy đi đổi gió và nghỉ ngơi thực sự.

Bác sĩ có vẻ lảng tránh khi tôi nói chuyện này, và câu trả lời của ông không mấy thật lòng. Ông chậm rãi đáp: “Vâng, tôi nghĩ thế là tốt hơn cả. Khốn khổ cho Hawes! Thật đáng thương.”

“Tôi thấy ông không ưa cậu ta.”

“Đúng là không ưa — một chút xíu thôi. Nhưng với những người mình không thích thì tôi lại thấy thương hại cho họ.” Bác sĩ dừng một lúc rồi nói tiếp: “Thậm chí với Protheroe tôi cũng thấy thương hại. Khổ thân ông ta — có mấy người quý mến ông ấy đâu. Quá thẳng tính mà cũng tự tin quá mức, hai thứ ấy hợp lại thì quả là khó ưa. Ông ta bao giờ cũng thế — ngay từ hồi còn trẻ.”

“Vậy ra ông quen ông ta từ hồi ấy kia à?”

“Ồ vâng! Khi ông ta sống ở Westmorland thì tôi có phòng khám ở cách đó không xa. Từ ấy đến nay đã lâu lắm, gần hai mươi năm rồi.”

Tôi thở dài. Hai mươi năm trước thì Griselda chỉ mới năm tuổi. Ôi, thời gian quả là kỳ quặc...

“Đó là tất cả những gì ông đến để nói với tôi sao, mục sư Clement?”

Tôi giật mình ngược lên. Haydock đang nhìn như xoáy vào tôi:

“Còn có điều gì khác nữa, đúng không?”

Tôi gật đầu.

Khi đến đây, tôi còn lưỡng lự chưa biết có nên nói hay không, nhưng giờ thì tôi quyết định nói ra. Tôi mến Haydock như bất cứ người nào tôi quen biết. Ông là người tuyệt vời về mọi mặt, và tôi thấy điều mình phải nói ra có thể sẽ có ích cho ông. Nghĩ vậy, tôi bèn kể lại cuộc nói chuyện với bà Hartnell và bà Wetherby.

Nghe xong, Haydock im lặng hồi lâu.

“Hoàn toàn đúng thế, Clement ạ,” cuối cùng ông cất tiếng. “Tôi muốn bằng mọi cách bảo vệ bà Lestrangle tránh khỏi những chuyện phiền nhiễu. Thật ra, bà ấy đúng là bạn cũ của tôi, nhưng đó không phải là lý do duy nhất khiến tôi làm thế. Giấy chứng nhận sức khỏe của tôi không phải là trò sắp đặt gian dối như mục sư nghĩ đâu.”

Ông dừng một lúc rồi nghiêm nghị nói:

“Chuyện này chỉ tôi với mục sư biết thôi nhé, Clement. Bà Lestrangle chẳng còn sống bao lâu nữa.”

“Sao cơ?”

“Nhiều lắm là một tháng nữa thôi. Mục sư có còn ngạc nhiên vì sao tôi muốn bà ấy tránh khỏi bị quấy rầy và thăm vấn nữa không?”

Bác sĩ nói tiếp:

“Chiều hôm ấy, khi bà Lestrangle rẽ vào con đường này, là bà ấy đến đây — đến nhà tôi.”

“Sao trước đây ông không nói ra?”

“Là vì tôi không muốn sinh chuyện. Mọi người đều biết từ sáu đến bảy giờ không phải là giờ tôi tiếp bệnh nhân. Nhưng mục sư có thể tin lời tôi là bà ấy đã đến đây.”

“Thế nhưng khi tôi cho người đến nhà mời ông thì bà ấy không có ở đó, ý tôi là khi chúng tôi phát hiện ra tử thi.”

“Đúng là không có,” Haydock tỏ ra lúng túng. “Lúc ấy bà Lestrangle đã ra về vì bà có cuộc hẹn.”

“Cuộc hẹn ở đâu? Ở tại nhà bà ấy ư?”

“Tôi không rõ Clement ạ. Xin thề là tôi không biết gì cả.”

Tôi tin Haydock, nhưng...

“Thử nghĩ, nếu có một người vô tội bị treo cổ thì sao?” tôi hỏi vặn.

Bác sĩ lắc đầu.

“Không, sẽ không có ai bị treo cổ vì mưu sát đại tá Protheroe đâu, mục sư tin tôi đi.”

Nhưng đây chính là điều tôi không thể nào tin được. Tuy vậy về quả quyết trong giọng nói của ông rất tuyệt.

“Sẽ không có ai bị treo cổ cả,” ông lặp lại.

“Còn cái thằng Archer...”

Ông phác một cử chỉ sốt ruột.

“Nó chẳng đủ hiểu biết để xóa dấu tay của mình trên khẩu súng đâu.”

“Có thể là như thế,” tôi hồ nghi nói.

Rồi sức nhớ ra, tôi thò tay vào túi lấy mảnh tinh thể màu nâu nhạt vừa tìm thấy trong rừng nhờ Haydock xem đó là gì.

“Hừm,” ông ngần ngừ. “Trông giống *acid picric*. Mục sư tìm thấy nó ở đâu vậy?”

“Đó là bí mật của Sherlock Holmes,” tôi đáp.

Bác sĩ mỉm cười.

“*Acid picric* là gì kia?” tôi hỏi.

“À, đó là một loại chất nổ.”

“Tôi hiểu, nhưng nó còn có công dụng khác nữa, đúng không?”

Ông gật đầu.

“Nó được dùng trong y học — để chữa bỏng. Cực kỳ hiệu nghiệm.”

Tôi chìa tay ra, và ông miễn cưỡng trao mảnh tinh thể lại cho tôi.

“Có lẽ vật này không có gì quan trọng,” tôi nói. “Nhưng tôi đã tìm thấy nó ở một chỗ không bình thường.”

“Mục sư không cho tôi biết là ở đâu ư?”

Có thể là hơi trẻ con, nhưng tôi sẽ không nói. Ông ấy có những bí mật của mình, à, vậy thì tôi cũng phải có bí mật của tôi chứ.

Tôi cảm thấy hơi tổn thương vì Haydock chưa hoàn toàn tin tôi để có thể giải bày tâm sự.

Tối hôm ấy tôi bước lên bục giảng với tâm trạng lạ lùng.

Nhà thờ đông đúc một cách bất thường. Tôi không nghĩ vì mong đợi Hawes giảng mà nhiều người lại kéo đến như vậy. Những bài giảng của Hawes thường buồn tẻ và giáo điều. Còn nếu có tin tôi giảng thay thì cũng chẳng thu hút được họ, bởi lẽ bài giảng của tôi nặng tính học thuật và chán ngắt. Tôi e rằng cả mình cũng không thể khiến giáo dân sốt sắng đến thế.

Tôi kết luận rằng mọi người đến đây để xem có mặt những ai, và có thể để sau đó buôn chuyện đôi chút ngoài cổng nhà thờ.

Haydock đi lễ, việc này không bình thường, và cả Lawrence Redding nữa. Bên cạnh Lawrence Redding, tôi ngạc nhiên nhìn thấy khuôn mặt trắng bệch căng thẳng của Hawes. Anne Protheroe ngồi kia, mặc dù vào các ngày chủ nhật bà ta thường dự lễ chiều nhimg tôi không nghĩ hôm nay bà lại đến. Tôi còn ngạc nhiên hơn khi thấy Lettice. Đi nhà thờ vào sáng chủ nhật là bắt buộc — về điều này thì đại tá Protheroe rất cứng rắn, nhưng trước đây tôi chưa bao giờ trông thấy Lettice đi lễ chiều.

Và kia là Gladys Cram, hoàn toàn trẻ trung mạnh khỏe, nổi bật lên giữa cái nền khô xác héo hơn của những bà cô không chồng. Rồi tôi thoáng thấy một người đến muộn, vừa lên vào cuối nhà thờ, đó là bà Lestrangle.

Chẳng phải nói cũng biết bà Price Ridley, bà Hartnell, bà Wetherby và bà Marple đều có mặt. Cả làng hiện diện đông đủ, đó là chuyện hầu như chưa bao giờ xảy ra. Tôi không biết từ trước tới nay đã bao giờ tín hữu tập trung đông như thế này không.

Tối nay, đám đông đã tạo ra một bầu không khí lôi cuốn lạ thường, mà người đầu tiên bị tác động chính là tôi.

Như thường lệ, tôi đã chuẩn bị trước bài Phúc âm một cách cẩn thận và chu đáo, nhưng cũng chính tôi chứ không ai khác lại nhận ra sự thiếu sót của

chúng.

Tối nay, tôi cần phải ứng khẩu mà giảng, và khi nhìn xuống biển người mỗi lúc một đông, đầu óc tôi bỗng dừng quay cuồng. Tôi không còn là Sứ giả của Chúa Trời. Tôi đã trở thành một diễn viên. Trước mặt tôi là khán giả và tôi muốn lay động tâm can họ — hơn thế, tôi cảm thấy mình có đầy quyền năng để khiến họ xúc động.

Tôi chẳng tự hào gì chuyện mình làm tối hôm ấy. Tôi vốn là người hoài nghi việc thức tỉnh đức tin tôn giáo bằng cách làm người ta xúc động, thế nhưng tối hôm ấy tôi đã diễn tròn vai một nhà truyền bá Phúc âm say sưa cuồng nhiệt.

Tôi chậm chậm nhả từng lời.

“Ta đến đây không phải để đánh thức thiện nhân, mà kêu gọi những kẻ phạm tội nên ăn năn hối cải.”

Tôi lặp lại câu này lần nữa, và tôi nghe tiếng mình ngân nga vang dội chẳng giống chút nào giọng nói thường ngày của Leonard Clement.

Tôi trông thấy Griselda từ hàng ghế đầu ngược nhìn lên vẻ ngạc nhiên, và Dennis cũng bắt chước theo nàng.

Tôi nín thở một lúc rồi thả lỏng.

Giáo dân trong nhà thờ đang trong trạng thái dồn nén cảm xúc, đây là thời cơ chín muồi để kích động họ. Tôi kêu gọi những kẻ lầm lỗi phải sửa mình. Tôi tự buông mình vào cơn mê cuồng cảm xúc. Chốc chốc tôi lại chĩa tay như tổ cáo và lặp đi lặp lại câu nói:

“Ta đang nói với các anh chị em đây...”

Và mỗi lần như thế, tôi lại thoáng nghe tiếng thở dài sườn sượt từ góc này góc nọ của nhà thờ.

Cảm xúc của đám đông thật lạ lùng và khủng khiếp.

Tôi kết thúc bài giảng bằng những lời đẹp đẽ và sâu sắc — có lẽ là sâu sắc nhất trong toàn bộ Kinh Thánh:

“Tối nay linh hồn các người sẽ được phán xét...”

Trạng thái lạ lùng ấy chỉ xảy ra nhất thời. Khi về nhà mục vụ, tôi trở lại với con người mờ nhạt và hay do dự thường ngày của mình. Tôi trông thấy Griselda. Mặt xanh xao, nàng khoác lấy tay tôi.

“Len ạ, tối nay trông mình kinh khủng lắm. Em — em không thích thế đâu. Trước giờ em chưa từng nghe mình giảng như thế.”

“Tôi cũng không nghĩ sẽ mình sẽ được nghe lần nữa,” tôi vừa nói vừa kiệt sức buông mình xuống ghế sofa. Tôi mệt lả.

“Điều gì khiến mình làm thế?”

“Bỗng dưng tôi như lên cơn mình ạ.”

“Ôi! Mà — không có chuyện gì bất thường chứ mình?”

“Chuyện bất thường — ý mình là sao cơ?”

“Em nghi ngờ vậy thôi. Trông mình lạ lắm Len à. Chưa bao giờ em thấy là em thực sự hiểu mình cả.”

Chúng tôi ngồi xuống dùng bữa ăn nguội vì hôm nay là ngày nghỉ của Mary.

“Có thư ngoài sảnh gửi cho mình đấy,” Griselda nói. “Dennis, cháu đi lấy được không?”

Dennis nãy giờ im như thóc, liền vâng theo.

Tôi đón lấy bức thư rồi lật bầm. Ở góc trái phía trên là dòng chữ: Thư tay — Khấn.

“Chắc chắn là của bà Marple,” tôi nói. “Còn ai vào đây nữa!”

Tôi đã đoán đúng hoàn toàn.

MỤC SƯ CLEMENT KÍNH MẾN,

Tôi rất muốn trao đổi với mục sư về một số việc vừa xảy ra với tôi. Tôi nghĩ chúng ta phải cố gắng làm sáng tỏ điều bí ẩn đáng buồn này. Nếu mục sư cho phép thì khoảng chín giờ rưỡi tối nay tôi sẽ đến và gõ cửa phòng làm việc của mục sư. Có lẽ Griselda quý mến sẽ sẵn lòng qua bên nhà tôi trò chuyện cho cháu trai của tôi khuây khoả, và dĩ nhiên cả cậu Dennis nữa, nếu cậu ấy cũng muốn sang. Nếu tôi không

nghe trả lời gì thì tôi sẽ đón hai người ấy và sẽ đến văn phòng của mục sư vào giờ nói trên.

Thân kính,

JANE MARPLE.

Tôi đưa thư cho Griselda.

“Ô, bọn em sẽ đi mà,” nàng vui vẻ nói. “Vào tối chủ nhật mà được thưởng thức vài ly rượu mùi nhà làm thì tuyệt. Em ngán món bánh của Mary đến tận cổ. Cứ như lấy từ trong nhà xác ra vậy.”

Dennis thì chẳng tỏ vẻ gì vui thú về việc này. Nó càu nhàu:

“Có mà tuyệt cho mình bác thôi. Bác tha hồ bàn chuyện văn chương nghệ thuật cao siêu, còn cháu ngồi nghe thì chỉ thấy mình chẳng khác nào thăng đàn.”

“Việc này tốt cho cháu đấy,” Griselda thân nhiên đáp, “vì nó làm cháu hiểu đúng về mình. Dù sao, ta cũng không nghĩ ông Raymond West thông minh xuất chúng như ông ấy cố làm ra vẻ.”

“Người thông minh xuất chúng thực sự thì hiếm lắm,” tôi nói.

Tôi vô cùng băn khoăn không biết đích xác điều bà Marple muốn nói là gì. Trong số quý bà thuộc giáo khu của tôi, bà ta là người khôn ngoan sắc sảo nhất, không chỉ vì việc gì xảy ra thì bà cũng biết, mà còn vì bà luôn suy luận rõ ràng và thích đáng trong nhận định. Ngày nào đó nếu tôi toan làm điều gian dối thì chính bà Marple là người tôi sẽ phải khiếp sợ.

Cái gọi là tiệc vui với người cháu trai bắt đầu sau chín giờ một chút, và trong khi chờ bà Marple đến, tôi giết thời gian bằng cách liệt kê các sự việc liên quan đến án mạng, và cố sắp xếp chúng theo đúng trình tự thời gian. Tôi không phải là người đúng giờ nhưng lại ngăn nắp, và tôi muốn ghi chú mọi việc một cách bài bản.

Đúng chín giờ rưỡi, có tiếng gõ nhẹ vào cửa sổ. Tôi đứng dậy đón bà Marple.

Bà choàng tấm khăn Shetland tinh xảo trùm kín đầu và vai khiến bà trông yếu ớt và già sọm. Bà bước vào, run run vì phấn kích.

“Mục sư thật tử tế khi cho phép tôi đến đây — và Griselda cũng thật tốt — Raymond ngưỡng mộ cô ấy lắm — nó luôn gọi cô ấy là Greuze hoàn hảo... Tôi ngồi đây à? Tôi không ngồi vào ghế của mục sư? Ồ, cảm ơn mục sư... Không, tôi không cần ghế để chân đâu ạ.”

Tôi đặt chiếc khăn trùm Shetland lên một chiếc ghế và quay lại kéo chiếc ghế khác ngồi đối diện với bà khách. Chúng tôi nhìn nhau, rồi một nụ cười đượm chút khấn nài nở trên gương mặt bà.

“Tôi cảm thấy mục sư đang tự hỏi vì sao — vì sao tôi quá quan tâm đến toàn bộ việc này. Có thể mục sư nghĩ nó không hợp với phụ nữ. Không — tôi xin mục sư — nếu được thì xin cho tôi giải thích.”

Bà ngập ngừng một lúc, má ửng hồng.

“Mục sư thấy đó,” cuối cùng bà lên tiếng, “sống một thân một mình như tôi ở nơi khi ho cò gáy này thì cần có thú tiêu khiển. Tất nhiên có nhiều việc như đan len, vẽ tranh, tham gia hướng đạo hay làm thiện nguyện, nhưng sở thích của tôi bao giờ cũng là tìm hiểu về nhân tình thế thái. Rất đa dạng và lý thú. Và lẽ dĩ nhiên trong một ngôi làng nhỏ không có gì để giải trí thì người ta có biết bao cơ hội để nghiên cứu thành thạo đề tài của mình. Ta phân loại dân làng một cách thật rạch ròi thành nhóm này nhóm kia, chủng này loại nọ, người này là hoa người kia là chim... Dĩ nhiên thỉnh thoảng ta cũng nhầm lẫn, nhưng với thời gian thì ta ngày càng ít sai sót. Và rồi ta cũng tự kiểm tra bản thân mình. Ta có thể gặp những rắc rối nho nhỏ — chẳng hạn chuyện mất xâu tôm lột, khiến Griselda phải buồn cười — có những điều bí mật hoàn toàn chẳng có gì quan trọng nhưng lại cực kỳ khó hiểu nếu không được giải quyết thích đáng. Rồi chuyện những viên thuốc ho bị đánh tráo, chuyện chiếc ô của vợ anh hàng thịt — một chuyện hết sức vô lý, chẳng qua là do người bán rau đã không cư xử đàng hoàng với vợ ông được sĩ bán thuốc mà thành ra cơ sự. Mục sư biết đó, khi phán đoán một việc gì và thấy mình đúng thì tuyệt vời thế nào.”

“Bà vẫn thường xuyên phán đoán đúng, tôi nghĩ thế,” tôi mỉm cười.

“Điều đó khiến tôi có đôi chút tự phụ, tôi e là thế,” bà Marple thú nhận. “Nhưng tôi luôn băn khoăn tự hỏi, nếu ngày nào đó gặp điều bí mật nghiêm

trọng thì liệu tôi có làm được như vậy không — ý tôi là giải quyết rốt ráo không? Về logic thì phải đúng là sự việc ấy. Nói cho cùng, dù là mô hình ngư lôi thì cũng giống như ngư lôi thật.”

“Ý bà đó hoàn toàn là tính tương đối phải không,” tôi chậm rãi nói. “Có thể là thế, về mặt logic thì tôi thừa nhận, nhưng tôi không biết thực tế có như vậy không.”

“Chắc chắn là vậy,” bà Marple đáp. “Cái mà trường lớp gọi là nhân tố ấy — là giống như thế. Nào là chuyện tiền tài, chuyện quan hệ giữa hai người — à — hai người khác phái, chuyện kỳ quặc — nhiều người tính tình kỳ quặc phải không mục sư? Đúng là khi hiểu rõ về nhiều người thì ta thấy họ khá kỳ quặc. Người bình thường đôi khi lại hành động kỳ quặc, còn người không bình thường thì đầu óc lại rất lạnh mạnh và cư xử bình thường. Thực tế chỉ có cách duy nhất là so sánh họ với những người mà chúng ta quen hoặc tình cờ gặp, mục sư sẽ ngạc nhiên khi biết tổng cộng có rất ít loại người khác nhau.”

“Bà làm tôi hãi quá,” tôi nói. “Có cảm giác như mình đang bị soi dưới kính hiển vi vậy.”

“Dĩ nhiên là có mơ tôi cũng không nói bất cứ điều gì như thế này cho đại tá Melchett đâu — ông ta là người chuyên quyền độc đoán đúng không mục sư? — và cả Thanh tra Slack đáng thương nữa — chà, ông ta giống hệt cô hàng giày, chỉ muốn bán cho mục sư đôi giày bằng da sơn bóng vì cô ta thấy nó vừa nơi chân mục sư mà không thèm đếm xỉa đến việc mục sư đang cần một đôi bằng da bò màu nâu!” Mô tả chân dung Slack như thế quả là tuyệt vời! “Nhưng về vụ án thì tôi tin chắc ông cũng biết nhiều không kém Thanh tra Slack, thưa mục sư Clement. Tôi nghĩ nếu chúng ta hợp tác cùng nhau...”

“Tôi tự hỏi — tôi nghĩ trong thâm tâm mỗi chúng ta, ai cũng tự cho mình là Sherlock Holmes cả.”

Rồi tôi kể bà nghe về ba lệnh triệu tập vừa nhận chiều nay, về việc Anne phát hiện bức tranh bị rạch nát khuôn mặt. Tôi cũng thuật lại thái độ cô

Cram ở đồn cảnh sát cùng chuyện Haydock nhận dạng mảnh tinh thể tôi đã nhặt được.

“Tự tôi đã tìm thấy nó,” tôi kết thúc. “Tôi muốn vật này có tầm quan trọng nào đó, nhưng có thể nó chẳng liên quan gì đến vụ án cả.”

“Mới đây tôi vừa vào thư viện đọc nhiều truyện trinh thám Mỹ để xem có giúp ích gì không,” bà Marple nói.

“Có truyện nào nói đến *acid picric* không?”

“E rằng không. Tuy nhiên tôi nhớ có lần đã xem một truyện trong đó có người bị đầu độc bằng *acid picric* và bôi mỡ cừu lên mình.”

“Nhưng trong vụ này không có ai bị đầu độc cả, vì thế có vẻ không thích hợp với vấn đề của chúng ta,” tôi nói.

Rồi tôi cầm bản liệt kê trao cho bà:

“Tôi đã cố gắng tóm tắt các sự kiện của vụ án một cách rõ ràng nhất.”

BẢN LIỆT KÊ CỦA TÔI

Thứ năm ngày 21 tháng này

12.30 trưa — Đại tá Protheroe dời cuộc hẹn với tôi từ sáu giờ chiều đến sáu giờ mười lăm. Rất có thể một nửa dân làng đã nghe thấy điều này.

12.45 — Lần cuối người ta nhìn thấy khẩu súng nằm ở chỗ thường ngày của nó (nhưng chuyện này không chắc chắn vì trước đó bà Archer nói rằng bà ta không nhớ rõ.)

5.30 chiều (khoảng đó) — Đại tá Protheroe và phu nhân rời Old Hall vào làng bằng xe hơi.

5.30 — Cú điện thoại giả mạo gọi cho tôi từ khu nhà phía Cửa Bắc gần Old Hall.

6.15 (hoặc một hai phút trước đó) — Đại tá Protheroe đến nhà mục vụ và được Mary đưa vào phòng làm việc.

6.20 — Bà Protheroe theo đường làng phía sau, băng qua vườn đến cửa hông phòng làm việc. Bà không nhìn thấy đại tá Protheroe.

6.29 — Điện thoại gọi cho bà Price Ridley từ nhà Lawrence Redding (theo tổng đài điện thoại.)

6.30-6.35 — Nghe thấy tiếng nổ. (Cho là thời điểm cú điện thoại là chính xác). Theo lời chứng của Lawrence Redding, Anne Protheroe và tiến sĩ Stone thì dường như sớm hơn, nhưng có thể bà P.R nhớ đúng.

6.45 — Lawrence Redding đến nhà mục vụ và tìm thấy tử thi.

6.48 — Tôi gặp Lawrence Redding.

6.49 — Tôi phát hiện tử thi.

6.55 — Haydock khám tử thi.

GHI CHÚ — Chỉ có hai người không có chứng cứ ngoại phạm từ 6.30-6.35 là cô Cram và bà Lestrangle. Cô Cram nói mình đang ở chỗ khai quật nhưng không có gì xác nhận. Tuy nhiên, loại cô ta ra khỏi vụ án có vẻ hợp lý vì dường như cô chẳng liên quan gì cả. Sau sáu giờ một chút, bà Lestrangle rời nhà bác sĩ Haydock vì có cuộc hẹn. Bà ta hẹn với ai, và ở đâu? Không thể hẹn với đại tá Protheroe, vì ông ta đã hẹn với tôi rồi. Đúng là vào thời điểm xảy ra án mạng thì bà Lestrangle đang ở gần hiện trường, nhưng về động cơ khiến bà giết Protheroe thì có vẻ không chắc chắn. Bà ta chẳng hưởng lợi gì từ cái chết của đại tá, và tôi không chấp nhận giả thiết tổng tiền như thanh tra đưa ra. Bà Lestrangle không phải loại người như vậy. Hơn nữa việc bà ta lấy được khẩu súng của Lawrence Redding không thể xảy ra.

“Hết sức rõ ràng,” bà Marple vừa gục gặc đầu tỏ ý tán thành vừa nói. “Quả là rất rõ. Quý ông bao giờ cũng làm bản ghi nhớ thật tuyệt.”

“Bà có đồng ý với những gì tôi viết không?” Tôi hỏi.

“Ồ vâng — mục sư đã liệt kê cực chuẩn.”

Lúc ấy tôi mới hỏi bà điều tôi đã định hỏi từ bữa giờ: “Vậy bà nghi ngờ ai, bà Marple? Có lần bà nói với tôi là có đến bảy nghi can.”

“Đúng là tôi nghĩ thế,” bà Marple lơ đãng đáp. “Tôi nghĩ mỗi chúng ta đều có thể nghi ngờ người này người kia khi trông thấy việc họ làm.”

Tuy vậy bà không hỏi xem tôi nghi ngờ ai.

“Vấn đề là ta phải lý giải sự việc một cách thỏa đáng. Nếu ta đưa ra một giả thiết phù hợp với mọi sự kiện — à, thì giả thiết đó phải đúng. Nhưng điều đó cực kỳ khó khăn. Nếu không phải vì lá thư...”

“Lá thư à?” tôi ngạc nhiên hỏi.

“Vâng, mục sư nhớ không, tôi đã nói với ông đó. Lá thư ấy khiến tôi suy nghĩ mãi từ ấy đến giờ. Nói kiểu nào thì đó là thư giả mạo.”

“Chắc chắn vậy rồi,” tôi đáp, “bây giờ chuyện ấy đã được lý giải. Thư được viết vào lúc sáu giờ ba mươi lăm, và một bàn tay khác — tên sát nhân — đã ghi sai là 6.20 vào đầu trang. Tôi nghĩ chuyện ấy đã được xác minh.”

“Nhưng ngay cả như thế thì nó vẫn sai hoàn toàn,” bà Marple nói.

“Nhưng tại sao?”

“Mục sư nghe này.” Bà Marple chồm tới trước sofa nỉ. “Bà Protheroe đi ngang qua vườn nhà tôi, như tôi đã nói đó, rồi bà ấy đến cửa sổ phòng làm việc và nhìn vào trong nhưng *không thấy* đại tá Protheroe.”

“Là vì ông ấy đang ngồi viết ở bàn,” tôi nói.

“Và đó là điều hoàn toàn sai. Lúc ấy là sáu giờ hai mươi. Chúng ta đã nhất trí là ông ta không thể ngồi đó vào lúc sáu giờ rưỡi để viết rằng mình không thể chờ lâu hơn — vậy thì tại sao ông ta lại ngồi vào bàn viết vào giờ đó?”

“Tôi chưa từng nghĩ đến điều này,” tôi chậm rãi đáp.

“Mục sư Clement kính mến, chúng ta hãy xem xét lần nữa từng chi tiết. Bà Protheroe đến bên cửa hông và *nghĩ rằng* trong phòng không có ai — chắc hẳn bà ấy phải nghĩ vậy, nếu không bà đã chẳng dám xuống xưởng vẽ gặp ông Redding vì như thế không an toàn. Căn phòng phải tuyệt đối vắng lặng nếu bà ấy nghĩ trong đó không có người. Như thế có ba khả năng, đúng không mục sư?”

“Bà định nói là...”

“À, khả năng thứ nhất là có thể đại tá Protheroe đã chết rồi — nhưng tôi không tin điều đó là sự thật. Trước tiên là vì ông ta chỉ mới ở đó khoảng năm phút và bà ấy hoặc tôi có thể đã nghe tiếng súng nổ; hơn nữa lại khó giải thích việc ông ta ngồi ở bàn viết. Khả năng thứ hai, dĩ nhiên ông ta đang

ngồi viết thư trước bàn, nhưng trong trường hợp ấy thì bức thư phải hoàn toàn khác. Thư không thể viết là ông ấy không thể chờ mục sư được. Còn khả năng thứ ba...”

“Sao cơ?”

“À, khả năng thứ ba là bà Protheroe nói đúng, dĩ nhiên thế, và trong phòng lúc ấy không có ai cả.”

“Ý bà là sau khi được người hầu đưa vào phòng, ông ấy lại trở ra rồi sau đó mới quay lại ư?”

“Vâng.”

“Nhưng vì sao ông ấy phải làm vậy?”

Bà Marple xòe hai tay tỏ vẻ khá bối rối.

“Thế có nghĩa bà đang xem xét vụ án ở góc độ hoàn toàn khác,” tôi nói.

“Nhiều lúc người ta phải làm vậy — về mọi việc. Mục sư không nghĩ vậy sao?”

Tôi không trả lời vì đang cẩn thận nhằm lại ba khả năng bà Marple gợi ra. Bà già khẽ thở dài rồi đứng lên:

“Tôi phải về thôi. Tôi rất vui được nói chuyện với mục sư một chút — mặc dù chưa giải quyết được gì nhiều, phải không mục sư?”

“Thật tình mà nói thì toàn bộ vụ này quá rối rắm,” tôi vừa nói vừa đưa chiếc khăn trùm cho bà.

“Ồ! Tôi thì không nghĩ thế. Nói chung theo tôi có một giả thiết khá phù hợp. Đó là, nếu mục sư thừa nhận một sự trùng hợp ngẫu nhiên — mà tôi nghĩ có thể chấp nhận một sự ngẫu nhiên như thế. Tất nhiên, trùng hợp nhiều hơn là không thế.”

“Bà thực sự nghĩ vậy sao? Ý tôi là về các giả thiết ấy?” tôi nhìn bà hỏi.

“Tôi thừa nhận trong giả thiết tôi đưa ra có thiếu sót — một sự việc mà tôi chưa làm rõ được. Ôi! Giá như bức thư ấy hoàn toàn khác...”

Bà thở dài lắc đầu. Rồi bà bước về phía cửa hông, bàn tay vô tình chạm vào bụi cây hoa héo trong chậu kiếng.

“Cây này phải tưới thường xuyên hơn mục sư Clement ạ. Thiếu nước trầm trọng, khổ chưa! Cô hầu nhà ông phải tưới mỗi ngày mới được. Cô ấy có chú ý việc này không ạ?”

“Cô ấy chẳng để mắt vào bất cứ việc gì,” tôi đáp.

“Chắc cô ta còn non tay nghề,” bà Marple gợi ý.

“Phải,” tôi đáp. “Mà Griselda thì khẳng khăng từ chối uốn nắn cô ta, vì bà nhà tôi nghĩ chỉ người hầu mà không ai thêm nhận thì mới ở lâu với chúng tôi. Vậy mà hôm nọ Mary đã dọa nghỉ rồi đấy.”

“Thế à? Tôi cứ tưởng cô ta quý mến ông bà mục sư lắm.”

“Tôi thì không nghĩ vậy. Nhưng thật ra là do Lettice làm cô ta phật ý. Sau khi bị thẩm vấn, Mary trở về trong tâm trạng không bình thường và gặp Lettice ở đây — thế là hai cô lời qua tiếng lại với nhau.”

“Ồ!” bà Marple vừa dợm bước qua cửa sổ bỗng dừng phắt lại kêu lên, mặt bà đổi sắc.

“Ồi trời ơi! Sao mình lại ngu thế này chứ!” bà lẩm bẩm. “Ra là thế. Chắc chắn rồi.”

“Xin lỗi, gì thế bà?”

Bà quay lại nhìn tôi lo lắng,

“Không có gì, chỉ là tôi vừa nghĩ ra một ý. Tôi phải về và suy xét điều này cho thấu đáo cái đã. Mục sư biết không, tôi nghĩ mình đã quá đần độn — ngu hết chỗ nói luôn.”

“Tôi thấy khó mà tin điều đó,” tôi lịch sự nói.

Đưa bà ra ngả cửa sổ rồi băng qua bãi cỏ, tôi hỏi:

“Bà có thể cho tôi biết mình chợt nghĩ ra điều gì không?”

“Ngay lúc này thì tôi e là không. Mục sư thấy đó, vẫn có khả năng là tôi nhầm lẫn. Nhưng tôi không nghĩ vậy. Đến cổng nhà tôi rồi, mục sư không cần đi xa hơn đâu, tôi cảm ơn mục sư nhiều. “

“Bà còn vướng mắc ở chỗ lá thư, đúng không?” tôi hỏi khi bà bước qua cổng và cài then.

Bà lơ đãng nhìn tôi.

“Thư à? Ồ dĩ nhiên là thư giả rồi. Tôi chưa bao giờ nghĩ nó là thật cả. Chúc ông ngủ ngon, mục sư Clement.”

Rồi bà thoăn thoắt bước trên lối vào nhà, mặc tôi đứng đó nhìn sững. Tôi chẳng hiểu ra làm sao.

Griselda và Dennis vẫn chưa về. Tôi hiểu rõ giờ tôi theo bà Marple vào nhà đón họ về là chuyện hết sức bình thường, nhưng cả bà và tôi đều mãi chú tâm vào điều bí mật đến mức quên bẵng mọi thứ.

Tôi đang đứng ở sảnh ngoài, tự hỏi có nên sang bên ấy gặp vợ và cháu mình không thì chuông cửa reo lên. Tôi bước ra và trông thấy một lá thư ở hòm thư; nghĩ rằng vì nó mà có người gọi chuông, tôi lấy thư ra. Tuy nhiên lúc ấy chuông lại reo lần nữa, tôi vội nhét lá thư vào túi áo rồi mở cửa chính.

Là đại tá Melchett.

“Chào, Clement. Tôi đang trên đường từ thị trấn về bằng xe hơi. Chỉ tạt qua thăm mục sư xem có gì uống không.”

“Tuyệt quá,” tôi nói. “Mời ông vào văn phòng.”

Melchett cởi chiếc áo khoác da và theo tôi vào phòng làm việc. Tôi mang hai chiếc cốc cùng với whisky và soda đến. Melchett dang chân đứng trước lò sưởi, tay vôn vê bộ ria mép được cắt tỉa cẩn thận.

“Tôi có vài tin mới cho ông, mục sư Clement ạ. Tin động trời đấy nhé. Nhưng hợm đã. Tình hình ở đây sao rồi? Có thêm bà lão nào phát hiện điều gì nữa không?”

“Các bà ấy cừ lắm,” tôi đáp. “Có một bà cho rằng mình đã có manh mối.”

“Bà bạn Marple của chúng ta hử?”

“Là bà Marple, bạn chúng ta.”

“Các bà ấy thì bao giờ cũng tưởng mình biết tuốt,” đại tá Melchett nói, rồi thích thú nhâm nhi ly whisky.

“Có thể là tôi không nên xen vào việc này,” tôi nói. “Nhưng tôi nghĩ nên thăm vấn thẳng bé bán cá. Ý tôi là nếu kẻ giết người đi ra bằng cửa trước thì có cơ may cậu ta đã trông thấy hẳn.”

“Slack đã thăm vấn nó rồi,” Melchett đáp. “Nhưng thằng bé khai nó chẳng nhìn thấy ai cả. Khó mà nhìn thấy lắm. Tên sát nhân có thể đã tìm hiểu kỹ. Ở cổng trước nhà mục vụ lại có nhiều bụi rậm, nên hẳn ta có thể quan sát lúc nào thì đường vắng người. Thằng bé bán cá đã ghé lại nhiều nơi — nhà mục vụ, nhà Haydock rồi nhà bà Price Ridley nữa, nên tên giết người rất dễ lẩn tránh nó.”

“Vâng, chắc là thế,” tôi nói.

“Mặt khác, nếu chẳng may thằng Archer bắt lương kia giết người và Fred Jackson bắt gặp hẳn thì tôi cũng hết sức ngờ phải chẳng thằng bé khai gian. Archer là họ hàng với nó mà.”

“Ông có nghi ngờ Archer nhiều không?”

“À, mục sư biết đó, lão Protheroe đã tấn công Archer rất kịch liệt. Giữa hai người đã có nhiều trận sống mái. Tính Protheroe thì không mấy nhân hậu khoan dung.”

“Đúng vậy, ông ấy là người rất nhẫn tâm,” tôi nói.

“Ý tôi là, mình muốn sống thì cũng phải để cho người ta sống với chứ,” Melchett tiếp. “Tất nhiên luật pháp thì phải đâu ra đó, không thể có tình trạng nương nhẹ. Đó là điều Protheroe không bao giờ làm.”

“Ông ta luôn tự hào về điều ấy,” tôi nói.

Rồi ngập ngừng đôi chút, tôi hỏi tiếp:

“Cái ‘tin động trời’ ông định nói với tôi là gì?”

“Chà, quả là động trời. Mục sư biết lá thư Protheroe viết dở khi ông ấy bị ám sát chứ?”

“Vâng.”

“Chúng tôi đã tìm được một chuyên gia — để biết dòng chữ 6.20 có phải do bàn tay khác thêm vào không. Đương nhiên chúng tôi gửi cả các mẫu chữ viết tay của Protheroe. Và mục sư có biết chuyên gia kết luận thế nào không? Lá thư ấy hoàn toàn không phải do Protheroe viết.”

“Ý ông là giả mạo ư?”

“Đúng là giả mạo. Họ cho rằng dòng 6.20 lại do một người khác nữa viết — nhưng họ không chắc chắn. Tiêu đề ấy được viết bằng thứ mực khác,

nhưng bản thân lá thư là giả mạo. Protheroe không hề viết nó.”

“Họ có chắc chắn không?”

“À, họ quả quyết trăm phần trăm. Mục sư hiểu thế nào là chuyên gia mà! Ô, nhưng họ cũng chỉ khẳng định tương đối thôi.”

“Quá ngạc nhiên,” tôi nói rồi sực nhớ ra. “Sao lúc bà Protheroe nói rằng nét chữ này không giống của chồng bà thì tôi lại không lưu ý nhỉ!”

“Thật vậy sao?”

“Tôi cứ nghĩ các bà thường hay nhận xét ngu ngơ thế thôi, bởi lẽ theo tôi chắc chắn ông Protheroe đã viết bức thư ấy.” Chúng tôi nhìn nhau. Rồi tôi chậm rãi nói: “Thật kỳ lạ, tối nay bà Marple cũng bảo lá thư ấy là hoàn toàn giả mạo.”

“Quý tha ma bắt cái bà ấy, nếu chính bà ta là thủ phạm thì bà ta cũng chỉ biết đến thế mà thôi.”

Ngay lúc ấy chuông điện thoại vang lên. Tiếng chuông điện thoại cũng mang yếu tố tâm lý; lúc này đây nó reo dai dẳng như báo hiệu điềm gở.

Tôi bước đến nhắc ống nghe.

“Nhà mục vụ đây,” tôi nói. “Ai ở đầu dây thế?”

Một giọng nói kỳ lạ, the thé cuồn cuộn vang lên:

“Tôi muốn xưng tội. Lạy Chúa, tôi muốn xưng tội.”

“A lô, a lô,” tôi nói. “Xem kìa, anh đã ngắt đường dây rồi. Số máy nào vậy?”

Một giọng nói uể oải đáp rằng không biết, rồi xin lỗi vì khiến tôi bị quấy rầy.

Tôi gác ống nghe và quay lại chỗ Melchett:

“Có lần ông nói mình sẽ phát điên nếu lại có thêm người tự nhận mình là thủ phạm phải không?”

“Chuyện gì vậy?”

“Có người muốn thú tội... Nhưng tổng đài đã ngắt đường dây rồi.”

Melchett nhảy bổ tới chụp lấy ống nghe.

“Tôi sẽ nói chuyện với họ.”

“Ông gọi đi, có thể sẽ có hiệu quả đó,” tôi nói. “Giờ thì tôi đi đây. Tôi vừa thoáng nghĩ mình đã nhận ra giọng nói này.”

Tôi hồi hả đi vào làng. Đã mười một giờ đêm, và vào mười một giờ đêm chủ nhật thì cả làng St. Mary Mead đã say ngủ. Tuy nhiên khi đi qua, thấy lâu một còn sáng đèn, biết Hawes còn thức nên tôi dừng lại nhấn chuông.

Mãi một lúc lâu sau, bà Sadler, chủ nhà Hawes thuê, mới cạy cục tháo xong hai then cài cổng, một sợi dây xích và tra khóa vào ổ, rồi lom lom nhìn tôi một cách ngờ vực, bà kêu lên:

“Sao, là mục sư à?”

“Xin chào,” tôi đáp. “Tôi muốn gặp cậu Hawes. Thấy phòng sáng đèn nên tôi nghĩ cậu ấy còn thức.”

“Cũng có thể. Từ sau lúc ăn tối đến giờ thì tôi không nhìn thấy anh ta. Tối nay anh ta ở nhà một mình — không ra ngoài mà cũng chẳng có ai đến thăm cả.”

Tôi gật đầu rồi lướt qua bà, bước vội lên cầu thang. Hawes thuê một phòng ngủ và một phòng khách ở lầu một.

Tôi bước vào phòng khách. Hawes đang nằm ngủ say trên chiếc ghế dài, tôi vào mà anh chẳng hay biết. Bên cạnh anh là hộp thuốc rỗng và ly nước đã vơi một nửa.

Trên sàn, gần chân trái của anh, là một mẫu giấy có chữ bị vò nhàu. Tôi nhặt lên và vuốt phẳng. Tờ giấy viết: *Mục sư Clement kính mến* —

Đọc xong thư tôi kêu lên và dứt thư vào túi, rồi cúi xuống xem xét Hawes. Sau đó cầm lấy điện thoại để gần Hawes, tôi gọi về nhà mục vụ. Chắc hẳn Melchett vẫn còn đang cô truy tìm cuộc gọi, vì tổng đài báo máy đang bận. Tôi nhờ họ gọi lại cho mình rồi cúp máy.

Tôi lần vào túi định xem lại tờ giấy vừa nhặt được, nhưng cùng lúc tôi lại lôi cả bức thư lấy từ hộp thư mà tôi chưa kịp đọc. Thật khủng khiếp, lá thư

nhìn rất quen, vì nó cùng một nét chữ với thư nặc danh mà tôi nhận được ban chiều.

Tôi bóc thư.

Tôi đọc một lần — rồi hai lần — mà vẫn không sao hiểu nội dung.

Tôi toan đọc lần thứ ba thì chuông điện thoại reo. Như người mộng du, tôi nhấc ống nghe:

“A lô.”

“A lô, chào.”

“Ông đấy à, Melchett?”

“Vâng, mục sư đang ở đâu? Tôi tìm ra cứ gọi rồi. Số máy là...”

“Tôi biết số máy ấy.”

“Ồ, vậy thì tốt quá. Mục sư đang gọi từ số ấy phải không?”

“Đúng vậy.”

“Việc xưng tội ra sao rồi?”

“Tôi đã nghe thú tội.”

“Ý ông là đã bắt được hung thủ sao?”

Đây là lúc tôi cảm thấy bị giằng xé nhất trong đời. Tôi nhìn Hawes. Tôi nhìn lá thư bị vò nhàu. Tôi nhìn lá thư nặc danh viết nguệch ngoạc. Tôi nhìn chiếc hộp rỗng có ghi tên thuốc Cherubim. Tôi nhớ lại một cuộc nói chuyện tình cờ nào đó.

Tôi gắng gượng hết sức mới trả lời:

“Tôi — tôi không biết. Ông nên đến đây ngay thì tốt hơn.”

Và tôi cho ông ta địa chỉ.

Sau đó tôi ngồi xuống chiếc ghế đối diện với Hawes và suy nghĩ.

Tôi có vèn vện hai phút để làm việc này.

Đúng hai phút nữa, Melchett sẽ đến.

Tôi cầm lá thư nặc danh lên và đọc lần thứ ba từ đầu đến cuối.

Rồi tôi nhắm mắt lại và suy nghĩ...

Tôi không rõ mình đã ngồi đó bao lâu — thực tế chỉ vài phút thôi, tôi nghĩ thế, tuy nhiên cảm giác như thời gian trôi qua vô tận cho đến khi tôi nghe tiếng mở cửa. Tôi quay lại ngược lên và thấy Melchett bước vào phòng.

Ông ta nhìn chằm chằm Hawes đang say ngủ trên ghế rồi quay sang tôi:

“Gì vậy Clement? Thế này nghĩa là sao?”

Tôi chọn một trong hai lá thư đang cầm trên tay rồi đưa cho Melchett. Ông khẽ đọc thành tiếng:

MỤC SƯ CLEMENT THÂN MẾN, - Đây là điều cực kỳ tồi tệ mà tôi phải nói ra. Rốt cuộc, tôi nghĩ nên viết thư cho ông, rồi sau đó chúng ta có thể trao đổi tiếp. Chuyện có liên quan đến vụ biển thủ vừa qua. Tôi rất lấy làm tiếc vì đã quá chủ quan trong việc xác định thủ phạm. Thật đau lòng khi tôi phải kết tội một mục sư đã được thụ phong của nhà thờ, nhưng rõ ràng tôi chỉ làm vì nhiệm vụ. Cần phải trừng phạt để làm gương và...

Melchett nhìn tôi dò hỏi. Đến đây dòng chữ trở nên nguệch ngoạc không đọc ra, như thể cái chết bất ngờ ập đến với người viết.

Melchett nặng nề thở dài rồi nhìn Hawes.

“Hóa ra đây là lời giải đáp! Một người thậm chí chúng ta không bao giờ ngờ tới. Vì hối hận nên anh ta mới thú tội!”

“Gần đây cậu ấy tỏ ra rất kỳ quặc,” tôi nói.

Đột nhiên Melchett kêu thét lên đồng thời bước vội đến chỗ người đang ngủ. Ông nắm lấy vai anh ta, ban đầu lay nhẹ nhẹ rồi sau đó càng lúc càng mạnh dần.

“Hawes không ngủ! Anh ta bị sốc thuốc! Chuyện này nghĩa là sao?”

Mắt ông chạm phải hộp thuốc rỗng. Ông nhặt chiếc hộp lên.

“Có phải anh ta...?”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” tôi đáp. “Hôm nọ cậu ấy có đưa cho tôi xem những thứ này và nói rằng được cảnh báo là không dùng quá liều. Đây là cách tự kết liễu, anh chàng đáng thương. Có lẽ đó là cách tốt nhất. Chúng ta cũng không cần phải xét xử anh ta nữa.”

Nhưng Melchett trước hết là cảnh sát trưởng. Những lý lẽ đang lôi cuốn tôi chẳng mấy may tác động đến ông. Ông ta đã tóm được kẻ sát nhân thì ông ta muốn hẳn phải bị treo cổ.

Trong tích tắc ông ta đến bên máy điện thoại, liên tục nhắc lên đập xuống ống nghe cho đến khi được nối máy. Ông xin số bác sĩ Haydock, rồi trong khi chờ đợi, ông đứng lặng thinh, tai dán vào máy còn mắt hướng về gương mặt rũ rượi đang nằm trên ghế kia.

“A lô — a lô — a lô — bác sĩ Haydock phải không? Bác sĩ đến High Street ngay lập tức được không? Là trợ tế Hawes. Khẩn cấp... Sao cơ?... À, số máy nào thế?... Ô, xin lỗi nhé.” Ông gác máy, nổi đóa:

“Nhầm số, nhầm số — lúc nào cũng nhầm số! Một mạng người đang treo lơ lửng trên cái nhầm ấy. A lô — cô nối máy nhầm số rồi... ừ — đừng làm mất thời gian nữa — cho tôi số ba mươi chín — chín chứ không phải năm.”

Lại một hồi sốt ruột chờ đợi — lần này thì nhanh hơn. “A lô — Haydock phải không? Là Melchett gọi đây. Ông đến ngay số 19 High Street được không? Trợ tế Hawes uống thuốc quá liều. Ngay lập tức nhé, chuyện sinh tử đấy.”

Rồi cảnh sát trưởng gác máy và nôn nóng sải bước quanh phòng.

“Clement ạ, tôi không hiểu tại sao mục sư lại không gọi bác sĩ ngay? Đầu óc ông để ở đâu vậy hờ trời?!”

May thay Melchett chẳng bao giờ nghĩ người khác dám có ý kiến khác với mình. Thấy tôi lặng thinh, ông ta hỏi tiếp: “Mục sư tìm thấy thư này ở đâu?”

“Bị vò nhàu ở trên sàn — từ tay cậu ấy rơi xuống.”

“Lạ thật — bà cô già kia đã nói đúng về bức thư giả mạo chúng ta tìm thấy. Làm thế nào bà ta nhận ra nhỉ? Nhưng cái kẻ không hủy bức thư thì

quả là ngu như lừa. Nghĩ mà xem — giữ nó lại là bằng chứng nguy hiểm nhất!”

“Thế gian luôn đầy mâu thuẫn mà.”

“Nếu không như vậy thì không biết bao giờ chúng ta mới tóm được tên sát nhân! Và sớm muộn gì chúng cũng gây thêm chuyện điên rồ. Trong ông có vẻ không được khỏe, mục sư Clement ạ. Cú sốc này quá nặng nề với ông phải không?”

“Đúng thế. Như tôi đã nói, nhiều lúc thái độ của Hawes thật kỳ quặc, nhưng tôi không bao giờ nghĩ rằng...”

“Ai thế nhỉ? Chà, có tiếng xe hơi.” Ông ta bước đến bên cửa sổ đẩy khung kính lên rồi nhào người ra ngoài. “Phải, đúng là Haydock.”

Một lúc sau bác sĩ bước vào phòng. Chỉ vài từ ngắn gọn, Melchett báo sự tình.

Haydock không phải là người hay bộc lộ cảm xúc. Ông chỉ nhướn mày, gật đầu, rồi sai bước về phía người bệnh. Ông bắt mạch, vạch mi mắt Hawes và chăm chú nhìn vào mắt anh ta.

Đoạn ông quay lại chỗ Melchett.

“Ông muốn tôi cứu Hawes để rồi treo cổ anh ta ư?” bác sĩ Haydock hỏi. “Ông biết đó, anh ta sắp lên đường rồi, dù sao thì... Tôi không biết mình có thể cứu anh ta được không.”

“Còn nước còn tát.”

“Rõ.”

Bác sĩ loay hoay với hộp thuốc mang theo, chuẩn bị một liều thuốc tiêm dưới da và tiêm vào cánh tay Hawes. Rồi ông đứng lên:

“Tốt nhất là nên đưa cậu ấy đến Much Benham — đến bệnh viện ở đó. Giúp tôi một tay đưa anh ta xuống xe nào.”

Cả hai chúng tôi xúm vào khiêng phụ. Khi Haydock ngồi vào tay lái, ông ném về phía sau lời bình phẩm:

“Ông không thể treo cổ trợ tế Hawes được đâu, ông biết đấy Melchett ạ.”

“Ông định nói là anh ta không thể hồi phục chứ gì?”

“Có thể được mà cũng có thể không. Ý tôi không phải vậy, mà là ngay cả nếu cậu ấy hồi phục — thì con người bất hạnh này cũng không phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Tôi sẽ làm chứng như thế.”

“Ông ta định nói gì thế nhỉ?” Melchett hỏi khi chúng tôi trở lên lầu.

Tôi giải thích rằng Hawes bị chứng hôn mê vì viêm não.

“Bệnh buồn ngủ hả? Thời buổi này lúc nào người ta cũng tìm ra lý do biện minh cho mọi hành vi bẩn thỉu, mục sư có đồng ý không?”

“Khoa học giúp chúng ta hiểu biết nhiều điều.”

“Khoa học cái con khỉ — xin lỗi mục sư Clement, nhưng tất cả những trò màu mè diệu bộ ấy làm tôi bực mình. Tính tôi vốn ngay thẳng. Chà, tôi nghĩ chúng ta nên nhìn quanh một chút xem sao.”

Nhưng ngay lúc đó câu chuyện giữa chúng tôi bị gián đoạn — một cách đáng kinh ngạc. Cửa bật mở và bà Marple bước vào phòng.

Mặt bà ửng hồng vì phấn khích, và có vẻ bà nhận ra chúng tôi đang lúng túng.

“Xin thứ lỗi — vô cùng xin lỗi — vì không mời mà đến — xin chào đại tá Melchett. Tôi hết sức xin lỗi, nhưng nghe tin trợ tế Hawes bị bệnh, tôi nghĩ mình phải đến xem có giúp được gì không.”

Bà ngập ngừng. Đại tá Melchett bực tức nhìn bà chăm chăm.

“Bà tử tế quá, bà Marple,” ông ta nói cộc lốc. “Nhưng chẳng có việc gì phiền đến bà cả. Mà này, làm sao bà biết được?”

Đó chính là điều tôi đang nóng lòng muốn hỏi!

“Là do điện thoại,” bà Marple giải thích. “Họ quá bất cẩn nối nhầm máy, đúng không? Ban đầu ông gọi tôi mà ngỡ tôi là bác sĩ Haydock. Số máy của tôi là ba lăm.”

“À, ra thế!” tôi thốt lên. Bao giờ cũng có lời giải thích hoàn toàn tốt đẹp và hợp lý cho sự thông tuệ của bà Marple.

“Thế nên tôi đến đây xem có gì cần giúp không.”

“Bà thật quá tốt bụng,” Melchett lặp lại, thậm chí còn lạnh nhạt hơn. “Nhưng chẳng có việc gì mà làm cả. Haydock đưa Hawes đến bệnh viện

rồi.”

“Đến bệnh viện thật ư? Tôi nghe mà nhẹ cả người! Vào bệnh viện sẽ rất an toàn cho cậu ấy. Khi ông bảo ‘không có việc gì mà làm’, ông không định nói là không cần giúp trợ tế Hawes đấy chứ? Ông không định nói là cậu ấy sẽ không bình phục chứ?”

“Không có gì chắc chắn cả,” tôi nói.

Bà Marple lướt mắt qua hộp thuốc.

“Chắc cậu ấy dùng thuốc quá liều phải không?” bà hỏi.

Melchett chắc muốn giữ kín việc này, tôi nghĩ thế, còn tôi có lẽ khác hơn. Nhưng cuộc tranh luận với bà Marple về vụ án vẫn còn nguyên trong tâm trí tôi khiến tôi lại đồng quan điểm với ông ta, mặc dù phải thừa nhận rằng tôi hơi khó chịu vì cái lối nhanh nhẩu xuất hiện và cả thói tò mò hăm hở của bà cô này.

“Tốt nhất bà nên xem cái này,” tôi nói đoạn đưa bà xem lá thư viết dở của ông Protheroe. Bà cầm lấy đọc mà không tỏ vẻ gì ngạc nhiên.

“Bà đã luận ra điều gì rồi, đúng không nào?” tôi hỏi.

“Vâng — vâng, đúng thế. Mục sư có thể cho tôi biết được không, vì sao tối nay ông lại đến đây? Đó là điều khiến tôi suy nghĩ rất lung. Cả mục sư và đại tá Melchett — tôi không sao nghĩ ra được.”

Tôi giải thích về cú điện thoại, và rằng tôi nghĩ mình nhận ra giọng của Hawes. Bà Marple trầm ngâm gật gù.

“Rất thú vị. Hết sức may mắn — có thể nói như thế. Vâng, cú điện thoại ấy đã đưa mục sư đến đây kịp thời.”

“Kịp thời việc gì mới được?” tôi chưa chát hỏi.

Bà Marple tỏ vẻ ngạc nhiên.

“Tất nhiên là kịp thời cứu trợ tế Hawes rồi.”

“Bà không nghĩ là nếu Hawes không tỉnh lại thì sẽ tốt hơn sao? Tốt hơn cho cậu ấy và cả cho mọi người. Giờ đây chúng tôi đã tìm ra sự thật và...”

Tôi dừng phắt lại — vì bà Marple lại gật gù một cách dữ dội khác thường khiến tôi lạc mạch quên bản thân mình đang nói gì.

“Dĩ nhiên, dĩ nhiên đó là điều hãn ta muốn mục sư nghĩ!” bà nói. “Rằng mục sư đã biết ra sự thật — và như thế là tốt cho tất cả mọi người, ồ đúng rồi, mọi thứ đều rất ăn khớp với nhau — bức thư, việc uống thuốc quá liều, trạng thái tinh thần của trợ tế Hawes đáng thương và lời thú tội của cậu ấy. Mọi thứ đều trùng khớp — nhưng đều sai cả...”

Chúng tôi trở mắt nhìn bà.

“Bởi thế tôi mới mừng cho trợ tế Hawes được an toàn — trong bệnh viện — nơi không ai có thể đến gần cậu ấy ấy được. Nếu trợ tế Hawes bình phục, cậu ấy sẽ nói hết sự thật với mục sư.”

“Sự thật ư?”

“Phải — rằng cậu ấy chưa hề động đến một sợi tóc trên đầu ông Protheroe.”

“Nhưng cú điện thoại — bức thư — thuốc quá liều,” tôi nói. “Mọi thứ đã rõ ràng.”

“Đó là hãn muốn mục sư nghĩ thế. Ôi, hãn quả rất khôn ngoan! Giữ lại lá thư và dùng nó kiểu này thì thực sự quá đổi khôn ngoan.”

“Bà bảo ‘hãn’, nghĩa là sao?”

“Ý tôi là tên sát nhân,” bà Marple đáp.

Rồi bà lẳng lặng nói tiếp:

“Tôi muốn nói ông Lawrence Redding...”

Chúng tôi trở mắt nhìn bà Marple. Trong một phút bất chợt chúng tôi nghĩ bà đã hóa rồ bởi lời buộc tội quá phi lý.

Đại tá Melchett là người đầu tiên lên tiếng. Ông tỏ ra lịch sự pha chút thương hại:

“Thật vô lý, bà Marple. Ông Redding hoàn toàn vô tội mà.”

“Đương nhiên rồi,” bà Marple nói. “Mọi việc đã được y lo liệu cả.”

“Ngược lại thì có,” giọng đại tá Melchett lạnh tanh. “Cậu ấy đã cố hết sức để tự tố giác chính mình.”

“Đúng,” bà Marple đáp. “Y đã khiến chúng ta tin như thế, nhất là tôi. Chắc ông còn nhớ, thừa mục sư Clement, việc Redding đi đầu thú đã khiến tôi vô cùng sửng sốt. Mọi suy luận của tôi khi ấy trở nên rối rắm và thậm chí tôi còn tin rằng y thực sự vô tội — ngay khi bản thân tôi đã đoán chắc thủ phạm không ai khác hơn là y.”

“Vậy người bà nghi ngờ là Lawrence Redding sao?”

“Theo lý thuyết thì đó luôn là kẻ ít ai ngờ đến nhất. Nhưng tôi thấy quy luật đó chẳng đúng tẹo nào khi áp dụng vào thực tế. Cũng như lòng quý mến của tôi dành cho phu nhân Protheroe cũng không giúp tôi tránh được phải đi đến kết luận rằng bà ấy hoàn toàn bị Redding giật dây đằng sau và sẽ làm bất cứ điều gì y xúi bẩy. Và hiển nhiên là y chẳng phải loại đàn ông sẵn sàng cao chạy xa bay với một người đàn bà không xu dính túi. Trong thâm tâm y, việc khiến đại tá Protheroe biến mất khỏi thế gian này là cần thiết — vậy nên y khừ ông ta. Đúng là cái thể loại trai tơ bảnh mã vô đạo đức!”

Đại tá Melchett sau mấy lần sốt ruột khịt mũi đã bắt đầu nặng xi lên:

“Ngớ ngẩn hết sức! Các hoạt động của Redding đã hoàn toàn được xác minh cho đến 6 giờ 45 phút, và Haydock cũng nói rằng ông Protheroe không

thể bị giết vào lúc ấy. Tôi nghĩ bà luôn tự tin rằng mình thông thái hơn cả bác sĩ. Hay bà lại nghi ngờ Haydock cố ý khai gian — sao vậy hả trời?”

“Tôi nghĩ chứng cứ của bác sĩ Haydock hoàn toàn chuẩn xác bởi ông ấy là người rất chính trực. Và tất nhiên, phu nhân Protheroe mới chính là người bắn chết ngài đại tá — chứ không phải Redding.”

Một lần nữa chúng tôi lại trở mắt nhìn bà. Bà cô Marple hết chỉnh lại cái khăn ren trùm đầu đến tấm khăn choàng bông phủ trên vai rồi nhẹ nhàng ‘lên lớp’ chúng tôi bằng luận điệu đáng kinh ngạc nhất theo cách tự nhiên nhất trên đời.

“Tôi nghĩ giờ là lúc nên nói ra điều này. Niềm tin của một cá nhân — cho dù có vững vàng đến mức ăn sâu vào cả nhận thức đi nữa thì cũng không thể sánh bằng chứng cứ. Trừ khi cá nhân đó có lời giải thích khớp với tất cả các dữ kiện (như tôi đã nói với mục sư Clement lúc tối), thì anh ta không thể đưa ra bất kỳ kết luận nào. Và lời giải thích của tôi cũng chưa đầy đủ — còn thiếu một chi tiết — nhưng bất ngờ ngay lúc rời văn phòng của mục sư Clement, tôi chợt nhận ra dấu bàn tay trên chậu hoa bên cửa sổ — và — à — thì ra là thế! Mọi việc đã rõ như ban ngày!”

“Điên — điên quá rồi,” Melchett thì thào với tôi. Nhưng bà Marple lại thản nhiên tươi cười nhìn chúng tôi và tiếp tục cất giọng nhẹ nhàng đầy quý phái:

“Tôi thực sự không muốn tin vào suy luận của mình — hoàn toàn không muốn. Bởi lẽ tôi rất quý cả hai người bọn họ. Nhưng nhân tình thế thái là vậy đó. Ban đầu, khi y ta rời bà ấy đều lần lượt nhận tội theo cái cách ngây ngô nhất, lòng tôi thấy nhẹ nhõm hơn bao giờ hết. Tôi đã lầm. Rồi tôi bắt đầu nghĩ đến những người khác có động cơ muốn giết đại tá Protheroe.”

“Có đến bảy nghi can!” tôi lẩm bẩm.

Bà nhìn tôi mỉm cười:

“Chính xác. Trong số đó có Archer — có vẻ không đúng, nhưng cậu ta nghiện rượu (mà rượu vào thì dễ nổi đóa, ai biết được!) Và tất nhiên có cô hầu Mary nhà mục sư. Cô này tính khí thất thường, lại dan díu với Archer lâu nay. Có cả động cơ lẫn thời cơ — vì sao, vì lúc ấy trong nhà mục vụ chỉ

có mình cô ta! Bà lão Archer cũng có thể lấy súng từ nhà Redding đưa cho một trong hai người bọn họ. Và rồi cả Lettice nữa — con bé khao khát được tự do cũng như có tài sản để sống theo ý mình. Tôi từng biết nhiều trường hợp quý cô xinh đẹp và tao nhã nhất cũng chính là những kẻ bất chấp luân thường đạo lý không chút do dự — mặc dù chẳng có quý ông nào chịu tin như vậy cả.”

Tôi nhú mày.

“Rồi đến chuyện cái vợt tennis,” bà Marple nói tiếp.

“Cái vợt tennis ư?”

“Vâng, cái vợt mà con hầu Clara nhà bà Price Ridley nhìn thấy trên bãi cỏ gần cổng nhà mục vụ ấy. Nó cho thấy cậu Dennis đã rời cuộc chơi tennis sớm hơn so với lời khai của mình. Mấy cậu trai tuổi mười sáu thường hay chập choạng lúc thế này khi thế kia vậy mà. Cho dù động cơ là gì đi nữa — vì bệnh vục mục sư hay vì Lettice đi nữa thì vẫn có khả năng. Rồi tất nhiên có trợ tế Hawes tội nghiệp với cả mục sư nữa — tất nhiên không phải hai người cùng lúc — mà hoặc người này hoặc người kia, nói như giới luật sư.”

“Tôi sao?” Tôi kêu lên đầy kinh ngạc.

“À vâng. Tôi xin lỗi — thật ra tôi không bao giờ nghĩ vậy — nhưng đã có chuyện tiền quỹ bị bốc hơi. Thủ phạm đánh cắp số tiền chỉ có thể là mục sư hoặc Hawes, nhưng bà Price Ridley thì lại đi la cà bóng gió với cả làng rằng chính là mục sư — bởi vì mỗi khi bị chất vấn chuyện ấy thì mục sư luôn phản ứng dữ dội. Hiển nhiên, bản thân tôi luôn đoán chắc thủ phạm chính là Hawes — cậu ấy luôn khiến tôi nhớ tới người chơi đàn ông bất hạnh mà tôi từng kể. Nhưng dù sao thì cũng không thể hoàn toàn chắc chắn...”

“Rằng đâu là nhân tình thế thái,” tôi dứt khoát kết câu.

“Chính xác. Tiếp theo, có cả Griselda đáng mến nữa.”

“Nhưng phu nhân Clement hoàn toàn vô can,” Melchett cắt ngang. “Bà ấy trở về trên chuyến tàu sáu giờ năm mươi phút kia mà.”

“Là bà ấy nói thế,” bà Marple bật lại. “Đừng bao giờ tin vào lời nói suông. Chuyến tàu sáu giờ năm mươi phút tối hôm đó trễ đến những nửa tiếng đồng hồ. Vậy mà lúc bảy giờ mười lăm thì chính mắt tôi lại thấy bà ấy

chuẩn bị đi đến Old Hall. Nghĩ là bà ấy đã bắt chuyến tàu sớm hơn để về đây. Đúng là tôi đã trông thấy bà ấy; nhưng có lẽ mục sư cũng biết chứ?”

Bà nhìn tôi dò hỏi. Cái nhìn đầy uy lực của bà thôi thúc tôi đưa ra bức thư nặc danh mà tôi vừa mở đọc cách đây không lâu. Trong thư ghi rõ Griselda bị bắt gặp rời khỏi nhà Lawrence Redding bằng cửa sau lúc sáu giờ hai mươi phút vào cái ngày định mệnh ấy.

Tâm trí bị vây hãm bởi mối nghi ngờ khủng khiếp, tôi lặng thinh. Mối ngờ vực ấy đã đến với tôi như một chuỗi ác mộng — từ mối quan hệ tăng tị trước đây giữa Griselda và Redding, đến việc nó lọt vào tai đại tá Protheroe để rồi ông ta thúc ép tôi phải chấp nhận sự thật — rồi việc Griselda liêu lĩnh trộm khẩu súng và buộc Protheroe phải câm họng. Như tôi nói — chỉ là cơn ác mộng — nhưng trong mấy phút dài dằng dặc này tưởng như đang thành sự thật kinh hoàng.

Tôi chẳng biết liệu bà Marple có chút nghi hoặc nào về tất cả những chuyện này hay không. Chắc hẳn bà ấy sẽ nghi. Ít có chuyện gì qua nổi mắt bà.

Bà trả lại tôi bức thư và khẽ gật đầu.

“Cả làng ai cũng biết chuyện đó,” bà nói. “Và có vẻ đáng ngờ thật, đúng không? Nhất là bà Archer khi bị thẩm vấn đã thề rằng lúc bà ta rời nhà Redding vào buổi trưa thì khẩu súng vẫn còn ở trong nhà.”

Bà ngập ngừng đôi chút rồi nói tiếp:

“Nhưng tôi đang bị lạc đề mất rồi. Điều tôi muốn nói — và tôi tin đó là nghĩa vụ của bản thân tôi — là đưa ra lời giải của riêng mình. Nếu các ông không tin — à, thì tôi cũng đã làm hết sức. Nhưng trước khi nói ra thì tôi vẫn chỉ mong sao điều này sẽ cứu được mạng sống của trợ tế Hawes đáng thương.”

Bà lại ngừng, và khi nói tiếp thì bà đổi giọng. Bớt hối tiếc và thêm kiên quyết.

“Đây là giải thích của tôi về toàn bộ vụ án. Âm mưu giết người này đã được lên kế hoạch chi tiết vào khoảng xế trưa ngày thứ năm. Đầu tiên Lawrence Redding ghé sang nhà mục sư vì biết ông đi vắng. Hắn mang súng

theo và giấu vào chậu cây cạnh cửa hông. Khi mục sư trở về, Lawrence giải thích sự có mặt của mình bằng cách tuyên bố hẳn đã quyết định rời bỏ nơi này. Đến năm giờ rưỡi, hẳn giả giọng phụ nữ gọi cho mục sư từ khu nhà ở Cửa Bắc (các vị cũng biết trình diễn xuất tay ngang của Redding khá như thế nào).

“Bà Protheroe và chồng cũng vừa lên đường vào làng. Và — điều kỳ lạ hông phòng làm việc nơi ngài đại tá xấu số đang ngồi ở bàn viết thư cho mục sư. Chúng ta đều biết ông ấy bị điếc. Bà ta lấy súng để sẵn trong chậu, đến sau lưng đại tá bắn vào đầu ông ấy rồi vứt súng và nhanh như chớp chạy ra ngoài, băng qua vườn xuống xưởng vẽ. Hầu như ai cũng nghĩ không đủ thời gian để làm việc đó!”

“Nhưng còn phát súng?” đại tá Melchett phản đối. “Bà đâu có nghe thấy tiếng nổ?”

“Dựa theo những truyện trinh thám mà tôi thu thập được thì có một phát minh mới gọi là ống giảm thanh Maxim. Tôi tự hỏi phải chẳng tiếng hắt hơi mà cô hầu Clara nghe được chính là tiếng súng? Nhưng điều đó không quan trọng. Phu nhân Protheroe gặp Redding ở xưởng vẽ, họ cùng vào trong, và — đời là thế, tôi sợ họ nhận ra tôi sẽ không rời khu vườn cho đến khi họ chưa trở ra!”

Chưa bao giờ tôi cảm thấy thích bà Marple như lúc này, khi bà nhận định một cách hài hước về nhược điểm của mình.

“Khi trở ra, thái độ của họ tự nhiên và hớn hờ. Và đó chính là sai lầm, vì nếu họ thực sự đã dứt tình với nhau như đang giả vờ thì trông họ phải hoàn toàn khác. Nhưng rồi mọi người thấy đó, họ đã để lộ sơ hở. Đơn giản chỉ tỏ ra đau khổ một chút họ cũng không dám. Bởi lẽ trong mười phút tiếp theo ấy, họ mãi lo nguy tạo cho mình cái gọi là bằng chứng ngoại phạm, tôi nghĩ thế. Cuối cùng, Redding đến nhà mục vụ và nán ở lại đó càng lâu càng tốt. Có thể y đã thấy mục sư đang đi trên đường mòn từ xa nên có cơ hội để tính toán thời giờ một cách hợp lý nhất. Y ta lấy đi khẩu súng và ống giảm thanh, để lại lá thư giả mạo được viết bằng loại mực khác bởi một nét chữ khác. Để

khi bị phanh phui thì nó sẽ giống như một màn vải thưa che mắt thánh đầy vụng về nhằm đổ tội cho Anne Protheroe.

“Nhưng khi để lại thư, y lại nhìn thấy lá thư thật do đại tá Protheroe đang viết dở — là điều y không ngờ tới. Là người rất thông minh, khi nhận thấy lá thư sẽ có lợi cho mình, y ta cuỗm nó luôn. Tiếp đến y chỉnh đồng hồ cho khớp với với giờ ghi trên thư — nên nhớ đồng hồ ấy bao giờ cũng chạy nhanh mười lăm phút. Cũng với ý đồ hướng mọi nghi ngờ vào phu nhân Protheroe. Rồi y bỏ đi, gặp mục sư ngoài cổng và vào vai một người đang quản trí. Như tôi đã nói, y ta tinh khôn lắm. Một kẻ vừa phạm tội thì sẽ làm gì? Tất nhiên kẻ ấy sẽ cố cư xử một cách tự nhiên. Vậy nên Redding không làm thế. Y ta phi tang cái ống giảm thanh nhưng vẫn xách khẩu súng đến đồn cảnh sát và lừa tất cả chúng ta bằng một màn kịch tự thú cực kỳ hoàn hảo.”

Có điều gì đó hết sức lôi cuốn ở cách bà Marple tóm tắt toàn bộ vụ án. Sự đoan chắc trong từng câu nói của bà khiến cho chúng tôi cảm thấy tội ác nhất định đã xảy ra đúng như vậy chứ không thể khác hơn.

“Còn tiếng súng phát ra từ khu rừng thì sao?” tôi thắc mắc. Liệu đó có phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên mà bà nói lúc tối không?”

“Chúa ơi, không hề!” bà Marple lắc đầu nguầy nguậy. “Đó không phải là trùng hợp — không hề, mà hoàn toàn cố ý để người khác nghe được — nếu không thì phu nhân Protheroe vẫn bị tiếp tục nghi ngờ. Về chuyện Redding đã làm điều đó như thế nào thì tôi không rõ, nhưng tôi biết nếu một lượng lớn *acid picric* rơi xuống đất thì nó sẽ phát nổ, và mục sư kính mến, chắc ông còn nhớ mình đã bắt gặp Redding khuân ra từ trong rừng một tảng đá, đúng ở vị trí ông nhặt được mảnh tinh thể sau đó. Quý ông thật khôn ngoan dàn xếp mọi thứ — từ hòn đá được treo lơ lửng trên các mảnh tinh thể đến ngòi nổ hẹn giờ — ý tôi là cái kíp nổ chậm! Kíp ấy phải mất khoảng hai mươi phút để phần lõi bên trong cháy hết — rồi phát nổ vào đúng sáu giờ ba mươi phút, ngay lúc hãn ta và phu nhân Protheroe rời xưởng vẽ trước mắt mọi người. Một mưu kế rất an toàn vì thứ có thể bị phát hiện sau đó chỉ là một hòn đá bụi chẳng! Tuy vậy Redding vẫn muốn xóa nó đi — thì y bị mục sư bắt gặp.”

“Tôi tin là bà nói đúng,” tôi thốt lên, chợt nhớ về mặt sừng sốt của Lawrence khi bất ngờ chạm mặt tôi hôm nọ. Hành động ấy khi đó trông cũng bình thường, nhưng giờ thì...

Bà Marple có lẽ đọc được ý nghĩ của tôi nên tinh ý gạt đầu: “Phải, chắc hẳn ta rất hoảng khi bất ngờ gặp mục sư lúc đó. Tuy vậy hẳn vẫn khéo che đậy — vờ như đang đem tảng đá đó về cho khu vườn đá của tôi. Chỉ là...” Bà Marple đột nhiên dẫn giọng. “Nó lại không cùng loại với mấy viên đá trong vườn của tôi. Và điều đó đã dẫn tôi đi đúng hướng!”

Đại tá Melchett như hồi tỉnh sau một lúc ngồi ngẩn người ra từ nãy giờ. Ông hết khịt mũi liên tục đến bối rối thở phì phò rồi thốt lên:

“Ôi chao, thật hết nói nổi! Hết nói nổi!”

Ông ta chẳng ý kiến gì thêm ngoài bấy nhiêu đó nữa. Tôi nghĩ có lẽ ông cũng như tôi đã quá ấn tượng với những kết luận cực kỳ logic của bà Marple. Tuy nhiên lúc này ông vẫn chưa sẵn sàng thừa nhận. Thay vào đó, ông xòe tay cầm lá thư nhàu nhĩ lên và quát:

“Khá lắm. Nhưng bà định giải thích thế nào về việc trợ tế Hawes đây! Rõ ràng cậu ta gọi điện đầu thú mà!”

“Đúng vậy, việc đó đúng là Chúa sắp đặt. Là do bài Phúc âm của mục sư đây, không còn nghi ngờ gì nữa. Thừa mục sư, ngài đã có một bài giảng đặc biệt xuất sắc. Chắc hẳn nó đã tác động mạnh mẽ đến Hawes khiến cậu ấy không thể kìm lòng và phải thú nhận — việc biến thủ tiền quỹ của giáo xứ.”

“Sao?”

“Vâng — cũng nhờ Chúa Trời chở che mà cậu ấy được cứu mạng. (Tôi tin là cứu được, vì bác sĩ Haydock rất tài giỏi.) Như tôi nói lúc nãy, Redding đã giữ lá thư này (việc làm khá mạo hiểm, nhưng tôi cho rằng y giấu nó ở nơi nào đó an toàn) chờ đến khi y xác minh rõ người được đề cập trong thư là ai. Rồi y sớm biết người đó chính là Hawes. Tôi tin là tối qua y đã trở lại đây và ở lại khá lâu với cậu ấy. Tôi cũng ngờ rằng chính y đã đánh tráo viên thuốc, rồi lén bỏ lá thư vào bộ áo lễ của Hawes. Chàng trai trẻ tội nghiệp đó sẽ vô tình nuốt viên thuốc oan nghiệt — mọi điều cậu ta biết cũng sẽ bị chôn theo xuống mồ. Và khi lá thư được tìm thấy, mọi người sẽ nhanh chóng đi

đến kết luận là chính Hawes đã sát hại đại tá Protheroe rồi tự kết liễu mình vì quá ăn năn hối hận. Bản thân tôi cũng nghĩ rằng Hawes phát hiện lá thư ngay sau khi vừa uống viên thuốc chết người kia. Đang trong tình trạng bất ổn nên điều ấy với Hawes hẳn siêu nhiên kinh hãi lắm, thêm vào đó là bài Phúc âm của mục sư đây, đã khiến cậu ấy phải thú nhận tất cả.”

“Không tin nổi, không sao tin nổi!” đại tá Melchett nói. “Bất thường hết sức! Tôi... Tôi không tin chút nào!”

Lời tuyên bố của ngài đại tá chưa bao giờ thiếu sức thuyết phục như lúc này. Có lẽ chính mình cũng thấy thế nên ông nói tiếp:

“VẬY bà có thể giải thích về cuộc gọi cho bà Price Ridley từ nhà của Redding không?”

“À!” bà Marple nói. “Cái đó mới là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Griselda thân mến là người đã gọi cuộc điện thoại đó — bà ấy với Dennis, theo phỏng đoán của tôi. Hai bác cháu họ nghe được lời đồn về mục sư mà bà Price Ridley đi rêu rao, và họ nghĩ ra cách (hơi bị trẻ con) hòng bịt mồm bà ta lại. Trùng hợp ở chỗ cuộc gọi đó lại xảy ra cùng lúc với phát súng ‘dòm’ trong rừng, khiến hai việc trên được xem có liên quan đến nhau.

Tôi chợt nhớ rằng những ai có đề cập đến phát súng đó đều nói rằng âm thanh của nó hơi-bị-khác so với tiếng súng bình thường. Họ đã đúng. Chỉ là họ không biết phải giải thích cái sự ‘khác’ đó như thế nào thôi.

Đại tá Melchett hăng giọng:

“Những suy luận của bà rất hợp lý, bà Marple ạ. Tuy nhiên, cho phép tôi lưu ý rằng chẳng có chứng cứ nào cả.”

“Tôi hiểu,” bà Marple đáp. “Nhưng ông tin đó là sự thật, đúng không?”

Ngập ngừng một lúc, đại tá miễn cưỡng trả lời:

“Phải, tôi tin. Mẹ kiếp, mọi chuyện chỉ có thể diễn ra như thế. Nhưng lại không có chứng cứ — một mẫu cũng không.”

“Cũng chính vì vậy mà tôi nghĩ — trong trường hợp này...” bà Marple dang hăng, “có thể...”

“Làm sao?”

“Có thể tính đến việc giăng bẫy.”

Đại tá Melchett và tôi lại nhìn bà chăm chăm:

“Bây à? Bây gì mới được chứ?”

Bà Marple trông hơi thiếu tự tin, nhưng rõ ràng bà đã có sẵn kế hoạch:

“Chẳng hạn như Redding nhận được một cuộc gọi cảnh báo.”

Đại tá Melchett mỉm cười:

“‘Lộ rồi, chuồn mau!’ Diệu kế này đã cũ mèm, bà Marple à. Không phải vì nó kém hiệu quả, mà vì thằng cha Redding quá láu cá nên khó bị sập bẫy lắm.”

“Thì mình phải có cách riêng, tôi hiểu chứ,” bà Marple nói. “Tôi đề nghị — chỉ là đề nghị thôi nhé — rằng người cảnh báo cho hẳn ta phải là người bị xem là có cái nhìn khác thường về vụ án này. Những ai từng nói chuyện với Haydock đều thấy rằng ông ấy nhìn nhận vụ án mạng theo một góc cạnh khác người ta. Giả sử bác sĩ nói bóng gió rằng có ai đó — bà Sadler hoặc một trong mấy đứa nhỏ nhà bà ấy chẳng hạn — đã tình cờ chứng kiến vụ tráo thuốc — à, nếu Redding vô tội thì dĩ nhiên lời bóng gió ấy chẳng hề hấn gì với y, nhưng nếu ngược lại thì...”

“Nếu ngược lại thì sao?”

“À, thì có lẽ y sẽ đại dột mà manh động lần nữa.”

“Và rồi tự tra tay vào còng. Có vẻ khả thi đó. Bà quả là đa mưu túc trí, bà Marple! Nhưng liệu Haydock có chịu giúp chúng ta không? Bà vừa nói cách nhìn của ông ấy...”

Bà Marple vui vẻ ngắt lời ngài đại tá:

“Ô, đó chỉ là lý thuyết thôi, còn thực tiễn lại hoàn toàn khác, đúng không? Nhưng dù sao ông ấy cũng đang ở đây, ta có thể hỏi ông ấy thử xem sao.”

Haydock khá kinh ngạc khi thấy bà Marple đang ở cùng với chúng tôi. Trông ông mệt mỏi và phờ phạc.

“Suýt chút nữa thì không kịp cứu,” ông nói. “Thật là chỉ mảnh treo chuông. Nhưng cậu ấy sẽ hồi phục. Trách nhiệm của bác sĩ là phải cứu sống bệnh nhân và tôi đã làm thế, nhưng tôi sẽ vui hơn nếu tôi không cứu được cậu ta.”

“Ông có thể nghĩ khác sau khi nghe những gì bọn tôi sắp nói với ông đây,” Melchett nói.

Ngắn gọn và súc tích, cảnh sát trưởng truyền đạt lại giả thuyết của bà Marple về vụ án cho bác sĩ nghe, và kết thúc bằng lời đề nghị của bà.

Chúng tôi sau đó được tận mắt chứng kiến sự khác biệt giữa lý thuyết và thực tiễn mà bà Marple nói. Thái độ bác sĩ Haydock dường như thay đổi hoàn toàn. Tôi nghĩ chắc ông ấy còn muốn Redding bị bêu đầu luôn, không phải vì việc mưu sát đại tá Protheroe khiến ông căm ghét hắn ta mà vì vụ tấn công Hawes xấu số.

“Quân vô lại chết tiệt,” Haydock chửi. “Đồ khốn nạn trời đánh thánh đâm! Khổ thân Hawes, cậu ta còn mẹ và em gái nữa kia mà! Nỗi nhục là người nhà của một kẻ sát nhân sẽ đeo bám họ suốt đời, thử nghĩ họ sẽ đau đớn khổ sở ra sao! Tất cả chỉ vì trò ném đá giấu tay hèn hạ kia!”

Cơn thịnh nộ dữ dội đó cho tôi thấy một con người cực kỳ nhân văn vừa được thức tỉnh trong ông.

“Nếu đây là sự thật thì các vị có thể tin ở tôi,” Haydock nói. “Thằng khốn ấy không đáng sống nữa. Hãm hại người không có khả năng tự vệ như Hawes ư!”

Bất kỳ kẻ khốn khổ nào cũng có thể tin cậy vào sự thương cảm của bác sĩ Haydock. Ông hăm hở bàn bạc kế hoạch chi tiết với đại tá Melchett trong khi bà Marple đứng dậy và tôi nài nỉ đưa bà ấy về nhà.

“Ông thật tử tế, mục sư Clement,” bà Marple nói trong lúc chúng tôi dạo bước trên con đường vắng vẻ. “Ôi trời, đã hơn mười hai giờ, tôi hy vọng giờ này Raymond đã đi ngủ chứ không thức chờ tôi.”

“Lẽ ra Raymond nên cùng đi với bà,” tôi nói.

“Tôi không cho nó biết mình đi đâu cả,” bà Marple đáp.

Tôi mỉm cười khi nhớ lại khả năng phân tích vụ án đầy tài tình của Raymond West.

“Nếu như những suy luận của bà mà đúng thật — bản thân tôi không nghi ngờ gì về việc ấy, thì bà sẽ ghi bàn với cháu mình nhiều lắm nhé.”

Bà Marple cũng nhoèn miệng cười — một nụ cười đầy khoan dung.

“Tôi nhớ bà dì Fanny của tôi từng có một câu châm ngôn. Hồi ấy tôi mới mười sáu tuổi nên tôi đã nghĩ câu đó cực kỳ vớ vẩn.”

“Câu đó như thế nào?” tôi hỏi.

“Bà dì thường nói: ‘Người trẻ nghĩ rằng người già là xuân ngọc, nhưng người già thì lại biết rằng người trẻ mới đúng là đại khờ!’”

Cũng không còn gì để kể thêm. Kế hoạch của bà Marple đã thành công. Lawrence Redding không phải là người vô tội, và màn kịch bóng gió về nhân chứng vụ tráo thuốc cũng đã lừa được y đại đột ‘động thủ’. Đúng là tâm địa xấu xa thì có lúc phải lộ chân tướng.

Hiển nhiên là hắn đã bị đặt vào thế bị động. Tôi nghĩ ý định đầu tiên thôi thúc, y chính là cao chạy xa bay. Nhưng còn đồng phạm của mình nữa, y không thể chuồn đi mà không nói lời nào với bà ta, và y cũng không dám chờ đến sáng. Vậy là đêm hôm đó hai trong số những cảnh sát mẫn cán nhất của đại tá Melchett đã lén theo y đến Old Hall. Redding ném hòn sỏi vào cửa sổ phòng của Anne Protheroe hòng đánh thức bà ta dậy và thì thầm khẩn nài bà ta ra ngoài để nói chuyện. Không một chút hoài nghi, họ nghĩ như vậy sẽ an toàn hơn ở trong nhà — vì sợ làm Lettice tỉnh giấc. Nhưng vì thế hai viên cảnh sát kia cũng nghe được hết toàn bộ cuộc nói chuyện của họ. Và không còn nghi ngờ gì nữa. Bà Marple buộc tội hoàn toàn đúng.

Phiên tòa xét xử Lawrence Redding và Anne Protheroe trở thành đề tài được mọi người bàn tán. Tôi không có ý định đi sâu vào chuyện đó mà chỉ sẽ nói đến việc vụ án đã đánh bóng tên tuổi của Thanh tra Slack, ‘người đã đem tội ác ra trước ánh sáng công lý bằng nhiệt tâm và trí tuệ của mình’. Tất nhiên chẳng ai đề cập đến công lao của bà Marple cả. Bản thân bà ấy chắc cũng đang khó chịu về việc đó lắm.

Lettice đến gặp tôi trước phiên xử. Cô gái thần sắc nhợt nhạt, thần thờ nhìn ra cửa sổ văn phòng. Cô nói rằng trước giờ cô luôn tin chắc mẹ kế của mình là đồng lõa. Việc mất cái mũ bêrê vàng chỉ là lý do để cô vào văn phòng tìm kiếm mà thôi. Dầu hy vọng hão huyền, cô luôn mong tìm được manh mối nào đó mà cảnh sát đã bỏ sót.

“Mục sư biết không, họ không ghét bà ta như con,” Lettice mở miệng nói. “Và sự thù ghét khiến mọi việc trở nên dễ dàng hơn cho ta.”

Thất vọng vì kết quả điều tra của mình, cô bé đã cố tình để chiếc hoa tai của Anne gần bàn viết.

“Vì con biết thủ phạm chính là bà ta nên việc đó cũng đâu hề hấn gì! Coi như nhất cử lưỡng tiện thôi. Chính bà ta đã giết bố con.”

Tôi khẽ thở dài. Luôn có những điều mà một người bị khiếm khuyết về mặt đạo đức như Lettice sẽ không bao giờ nhận ra.

“Giờ con định sẽ làm gì hả Lettice?” tôi hỏi.

“Khi nào — khi nào mọi chuyện kết thúc, con sẽ ra nước ngoài.” Lettice chần chừ đôi chút rồi nói tiếp. “Con sẽ ra nước ngoài với mẹ con.”

Tôi ngược lên nhìn đầy ngạc nhiên.

Lettice gật đầu.

“Mục sư chưa bao giờ nhận ra bà Lestrangle chính là mẹ con hay sao? Mẹ con chẳng còn — chẳng còn sống bao lâu nữa, thừa mục sư. Vì muốn gặp con nên mẹ đã nhờ một người bạn cũ là bác sĩ Haydock giúp đỡ và đến đây dưới một danh tính khác. Bác ấy đã từng yêu mẹ con rất sâu đậm! Đến giờ vẫn thế. Mấy ông thường hay phát điên phát rồ vì mẹ con như vậy đó, vì đến tuổi này mà mẹ vẫn còn rất quyến rũ. Dù sao đi nữa thì bác sĩ Haydock đã làm tất cả những gì bác ấy có thể để giúp mẹ. Vì sợ miệng lưỡi cay độc của thiên hạ nên mẹ không dám xuất hiện ở đây bằng tên thật của mình. Tối hôm ấy, mẹ đến gặp bố để nói rằng bà sắp rời khỏi trần thế này và khao khát mong được gặp con một lần. Nhưng bố con quả là thô bạo. Ông ta bảo mẹ không có quyền làm vậy, rằng con luôn nghĩ mẹ đã chết — cứ như con thực sự chấp nhận chuyện đó! Loại người như bố con là thiên cận như thế.

“Nhưng mẹ con không dễ chịu thua. Mẹ nghĩ nên xin phép bố con trước cho phải lễ, nhưng ngay sau khi bị bố cự tuyệt một cách tàn nhẫn, mẹ đã gửi thư cho con, thế là con sắp đặt để rời cuộc chơi tennis sớm và gặp mẹ ở cuối phố lúc sáu giờ mười lăm. Hai mẹ con chỉ gặp nhau chút xíu và sắp xếp cho cuộc hẹn lần sau rồi chia tay trước sáu giờ rưỡi. Sau đó con sợ rằng mẹ sẽ bị nghi ngờ là đã giết bố, vì dù gì bà cũng đã có mối hận với ông. Đó là lý do

khiến con cắt rạch bức chân dung cũ của mẹ để trên tầng áp mái. Vì con sợ rằng cảnh sát sẽ giết mũi vào và thu giữ tranh rồi nhận ra người trong tranh. Theo con bác sĩ Haydock cũng khiếp vía vì có lúc bác ấy nghĩ mẹ đã giết bố. Mẹ con giờ đã — tuyệt vọng rồi, bà chả sợ hậu quả đâu.”

Cô ngáp ngừng.

“Thật là lạ, hai mẹ con con như đã thân thuộc với nhau tự bao giờ, còn bố với con thì lại không hề như thế. Nhưng mẹ thì — à mà thôi, dù sao thì hai mẹ con con cũng sẽ ra nước ngoài sống với nhau. Con sẽ ở bên mẹ đến — đến phút cuối...”

Cô gái đứng dậy và tôi cầm lấy tay cô.

“Chúa phù hộ hai người,” tôi nói. “Ta mong những điều tốt đẹp sẽ sớm đến với con Lettice ạ.”

“Nhất định là thế,” Lettice gượng cười đáp. “Nhưng đến giờ vẫn chưa có gì — phải không thưa mục sư? Nhưng thôi, con cũng chẳng trông mong gì nhiều. Tạm biệt, mục sư Clement. Mục sư lúc nào cũng rất tử tế với con — mục sư và cô Griselda.”

Griselda!

Tôi đã thừa nhận với Griselda việc lá thư nặc danh đó khiến tôi bối rối đến độ nào. Thoạt đầu nàng cười phá lên, nhưng sau đó nghiêm túc lên lớp cho tôi một trận.

“Tuy thế,” nàng nói thêm, “từ nay em sẽ tỏ ra thật chín chắn và kính sợ Thiên Chúa — giống như nhóm Pilgrim Fathers* ấy.”

Tôi chẳng thể hình dung Griselda có điểm nào giống nhóm Pilgrim Fathers cả.

Nàng tiếp tục:

“Len này, cuộc sống của em sắp ổn định lâu dài, và mình cũng vậy nữa, mình sẽ trẻ ra cho mà xem — chí ít là em mong thế! Khi chúng ta có con thì mình không thể xem em là trẻ con được nữa. Mình ạ, giờ đây em quyết định sẽ trở thành ‘người vợ và người mẹ’ thật sự (như trong sách hay nói ấy) cũng như lo quán xuyến việc nhà. Em đã mua hai cuốn sách viết về tề gia nội trợ và tình mẫu tử, và nếu mấy thứ đó không khiến em trở thành mẫu

mực thì em cũng chẳng biết làm sao nữa! Mình biết không, mặc dù không cố tình nhưng mấy cuốn sách đó viết cực kỳ khôi hài luôn. Nhất là cái phần nuôi dạy con trẻ đó mình.”

“Mình không phải mua cuốn nào viết về cách đối xử tốt với chồng chứ?”
tôi vừa hỏi vừa ôm ghì nàng vào lòng.

“Đâu cần,” Griselda đáp. “Em là người vợ cực tốt và em yêu mình tha thiết, mình còn muốn gì nữa?”

“Không gì hết,” tôi trả lời.

“Mình có thể nói rằng mình yêu em khờ dại — một lần thôi, được không mình?”

“Griselda, anh yêu em nồng nàn! Anh tôn thờ em! Anh say mê em điên cuồng, vô cùng vô tận đến mức vượt qua mọi giáo điều!”

Cô vợ của tôi liền thở ra sườn sườn đầy thỏa mãn.

Chợt nàng vùng thoát khỏi vòng tay tôi.

“Phiền ghê! Bà Marple lại sang nữa kìa. Đừng để bà ấy nghi ngờ gì mình nhé. Em không muốn ai tiếp thị cho em mấy cái đệm rồi nài nỉ em đặt chân lên chúng đâu. Bảo với bà ấy em đi ra sân golf rồi. Như vậy bà ấy sẽ không đánh hcri được gì — mà thật ra em cũng phải ra đó lấy cái áo len màu vàng em bỏ quên.”

Bà Marple đến bên cửa hông, khựng lại xin cáo lỗi rồi hỏi tìm Griselda.

“Griselda đã đi ra ngoài sân golf rồi,” tôi nói.

Ánh mắt bà Marple chợt lóe lên chút lo âu:

“Ô, nhưng lúc này làm thế là không thận trọng đâu nhé!”

Rồi mặt bà ửng đỏ, vừa kiêu cách như mệnh phụ vừa bẽn lẽn như thiếu nữ.

Sau đó nhằm xóa tan ngỡ ngàng, chúng tôi quay sang huyền thuyên về vụ án Protheroe, rồi về vụ ‘tiến sĩ Stone’, hóa ra là một tên trộm khét tiếng với nhiều bí danh khác nhau.

Còn cô Cram thì đã thoát được tội đồng lõa. Cuối cùng cô đã thú nhận việc đem chiếc vali vào rừng, nhưng cô làm điều đó với thiện ý, vì Stone nói

rằng y ta sợ các nhà khảo cổ kình địch khác sẽ đánh cắp các mẫu vật nhằm làm mất uy tín cho mấy cái học thuyết của y. Rõ ràng cô gái đã tin sái cổ vào câu chuyện khó tin đó. Theo làng xóm thì hiện giờ cô đang tìm một cơ hội chắc chắn hơn, một ông đứng tuổi độc thân nào đó đang cần thuê thư ký.

Trong lúc nói chuyện, tôi rất băn khoăn tự hỏi làm sao bà Marple lại phát hiện bí mật mới đây của vợ chồng tôi, nhưng ngay sau đó chính bà đã kín đáo cho tôi biết manh mối.

“Tôi hy vọng Griselda không chơi golf quá sức,” bà lẩm bẩm sau một lúc thận trọng ngần ngừ. “Hôm qua tôi đã ở nhà sách ở Much Benham mà...”

Tội nghiệp Griselda — cuốn sách về ‘tình mẫu tử’ kia đã làm lộ bí mật của nàng mất rồi!

“Bà Marple à,” tôi vụt nói, “tôi tự hỏi nếu có lúc nào bà phạm tội ác thì liệu bà có bị phát hiện không nhỉ?”

“Mục sư nghĩ gì mà ghê vậy!” bà Marple sừng sốt kêu lên. “Tôi hy vọng mình sẽ không bao giờ làm chuyện tội lỗi đó!”

“Nhưng nhân tình thế thái mà,” tôi nói lẩm bẩm.

Bà Marple hiểu ra lời nói đùa và đỉnh đạc cười to:

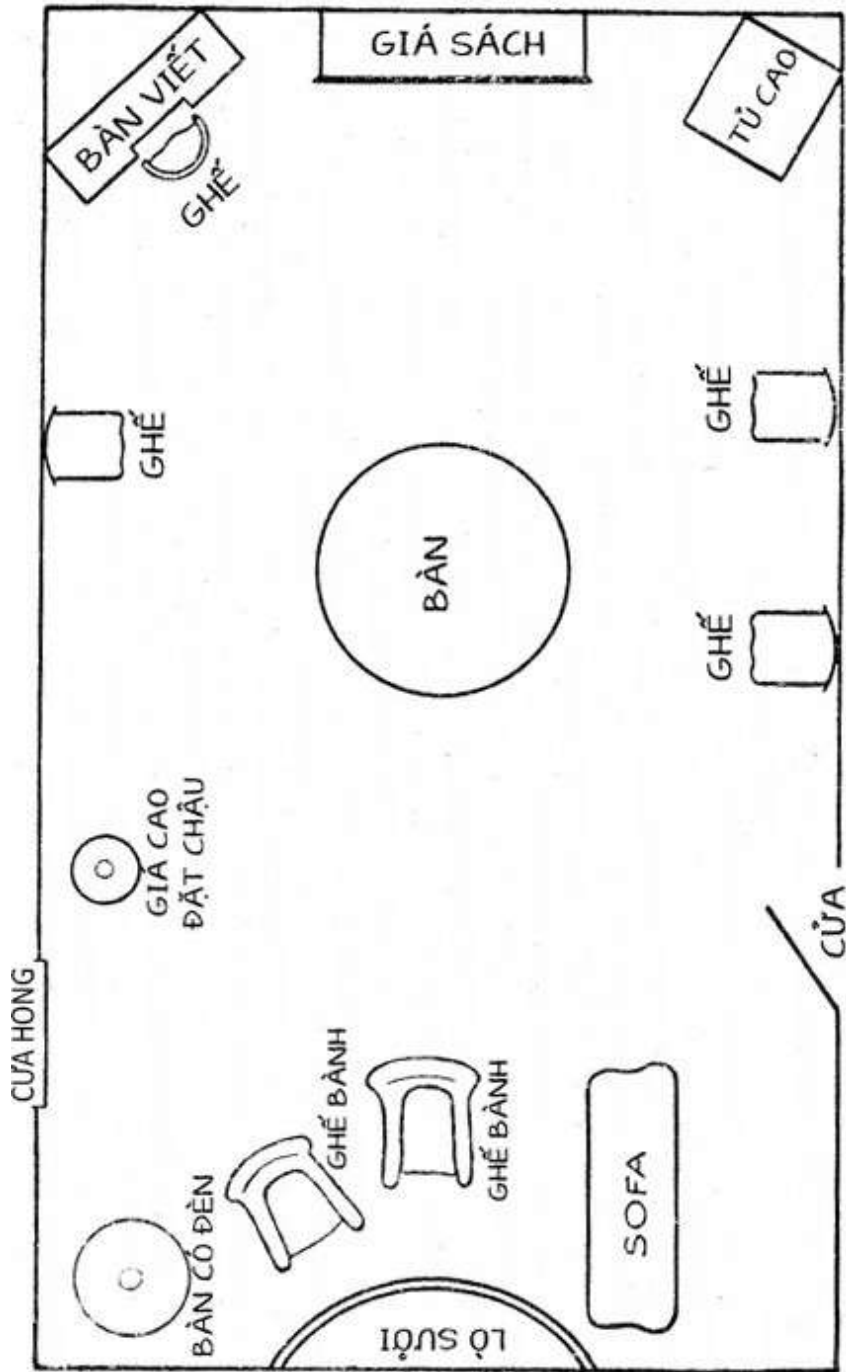
“Ông nghịch ngợm quá, mục sư Clement!” Bà đứng lên. “Nhưng bản tính của ông thì lại rất lương thiện.”

Đến bên cửa hông, bà dừng bước.

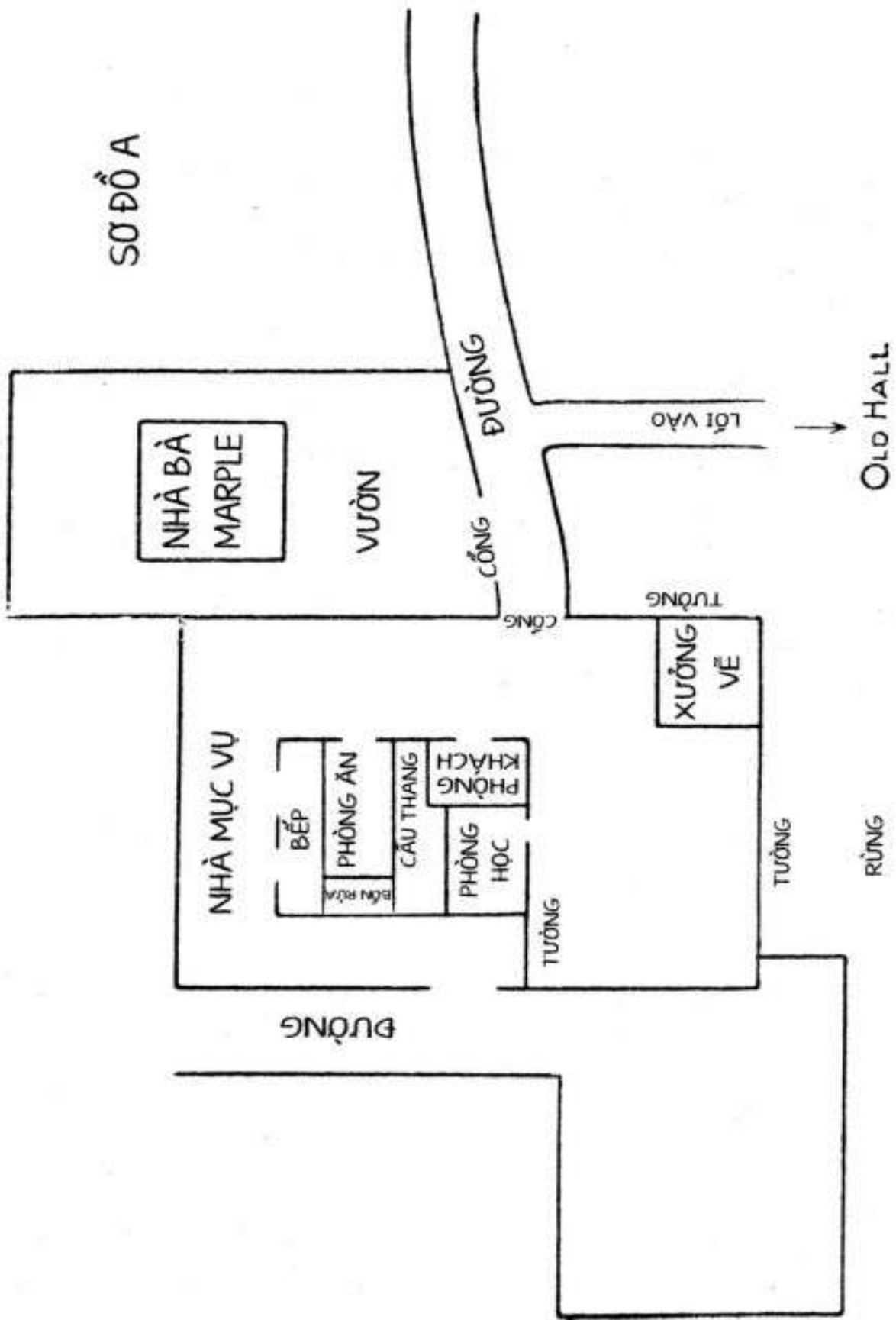
“Nhờ mục sư chuyển lời hỏi thăm của tôi đến Griselda nhé — và bảo cô ấy yên tâm — tôi nhất định sẽ giữ bí mật.”

Thật vậy, bà Marple quả là đáng mến...

Phòng làm việc của mục sư



Sơ đồ các căn nhà



CHÚ THÍCH

[vang.port](#) là rượu vang ngọt của Bồ Đào Nha có hương vị đậm đà hơn, ngọt hơn và có nồng độ cao hơn so với rượu vang thông thường.

[Thượng Giáo hội](#) hay *High Church* là một bộ phận của Giáo hội Anh gần gũi nhất với Giáo hội Thiên chúa giáo La Mã và chủ trương hành lễ rất nhiều.

[mười shilling](#) tương đương nửa bảng Anh.

[joie de vivre](#) nghĩa là *niềm vui sống* (tiếng Pháp).

[Slack](#) trong tiếng Anh nghĩa là *uể oải, chậm chạp, nhu nhược...*

[Hướng đạo sinh](#) nguyên văn là *Guides*, là một tổ chức quốc tế quy tụ các thanh nữ tham gia các hoạt động xã hội và tự rèn luyện bản thân để sống trách nhiệm và độc lập hơn.

[‘cất giấu’ thành ra ‘bắt giữ’](#) là vì trong nguyên bản, từ *cache* (chỗ cất giấu) và *catch* (bắt giữ) phát âm gần giống nhau.

[Hawley Harvey Crippen](#) (1862- 1910) thường được gọi là bác sĩ Crippen, một người Mỹ định cư ở Anh, bị kết án treo cổ vì tội mưu sát vợ mình là Cora Henrietta Crippen, và là tội phạm đầu tiên trên thế giới sa lưới pháp luật nhờ sự hỗ trợ của hệ thống liên lạc bằng điện báo vô tuyến.

[Pilgrim Fathers](#) gồm những tín đồ Thanh giáo Anh đến Mỹ vào thập niên 1620, thành lập khu kiều dân ở bang Massachusetts - Mỹ.

Table of Contents

[Sơ đồ phòng làm việc](#)

[Sơ đồ các căn nhà](#)

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

[Chương 21](#)

[Chương 22](#)

[Chương 23](#)

[Chương 24](#)

[Chương 25](#)

[Chương 26](#)

[Chương 27](#)

[Chương 28](#)

[Chương 29](#)

[Chương 30](#)

[Chương 31](#)

[Chương 32](#)